4033

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 40/2011/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về một số lĩnh vực cụ thể trong vận chuyển hàng không, ký tại Bờ-rúc-xen ngày 04 tháng 10 năm 2010, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2011.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Bản sao lục Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Phòng Công báo, VPCP (để đăng Công báo);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Bỉ;
- Vụ Châu Âu, BNG;
- Lưu: LPQT (2).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

BỘ NGOẠI GIAO

Lê Thị Tuyết Mai



HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM VÀ
LIÊN MINH CHÂU ÂU
VỀ MỘT SỐ LĨNH VỰC CỤ THỂ TRONG VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

СПОРАЗУМЕНИЕ
МЕЖДУ ЕВРОПЕЙСКИЯ СЪЮЗ
И ПРАВИТЕЛСТВОТО НА СОЦИАЛИСТИЧЕСКА РЕПУБЛИКА ВИЕТНАМ
ОТНОСНО НЯКОИ АСПЕКТИ НА ВЪЗДУХОПЛАВАТЕЛНИТЕ УСЛУГИ

ACUERDO
ENTRE LA UNIÓN EUROPEA
Y EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIETNAM
SOBRE DETERMINADOS ASPECTOS DE LOS SERVICIOS AÉREOS

DOHODA
MEZI EVROPSKOU UNIÍ
A VLÁDOU VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY
O NĚKTERÝCH ASPEKTECH LETECKÝCH SLUŽEB

AFTALE
MELLEM DEN EUROPÆISKE UNION
OG DEN SOCIALISTISKE REPUBLIK VIETNAMS REGERING
OM VISSE ASPEKTER AF LUFTTRAFIK

ABKOMMEN
ZWISCHEN DER EUROPÄISCHEN UNION
UND DER REGIERUNG DER SOZIALISTISCHEN REPUBLIK VIETNAM
ÜBER BESTIMMTE ASPEKTE VON LUFTVERKEHRSDIENSTEN

EUROOPA LIIDU JA
VIETNAMI SOTSIALISTLIKU VABARIIGI VALITSUSE VAHELINE
TEATAVAID LENNUNDUSKÜSIMUSI KÄSITLEV

ΣΥΜΦΩΝΙΑ
ΜΕΤΑΞΥ ΤΗΣ ΕΥΡΩΠΑΪΚΗΣ ΈΝΩΣΗΣ
ΚΑΙ ΤΗΣ ΚΥΒΕΡΝΗΣΗΣ ΤΗΣ ΣΟΣΙΑΛΙΣΤΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ ΤΟΥ ΒΙΕΤΝΑΜ
ΣΧΕΤΙΚΑ ΜΕ ΟΡΙΣΜΕΝΕΣ ΠΤΥΧΕΣ ΤΩΝ ΑΕΡΟΠΟΡΙΚΩΝ ΥΠΗΡΕΣΙΩΝ

AGREEMENT
BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND THE EUROPEAN UNION
ON CERTAIN ASPECTS OF AIR SERVICES

ACCORD
ENTRE L'UNION EUROPÉENNE
ET LE GOUVERNEMENT DE LA RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIÊT NAM
SUR CERTAINS ASPECTS
DES SERVICES AÉRIENS

ACCORDO
TRA L'UNIONE EUROPEA
E IL GOVERNO DELLA REPUBBLICA SOCIALISTA DEL VIETNAM
SU ALCUNI ASPETTI RELATIVI AI SERVIZI AEREI

NOLĪGUMS
STARP EIROPAS SAVIENĪBU
UN VJETNAMAS SOCIĀLISTISKĀS REPUBLIKAS VALDĪBU
PAR DAŽIEM GAISA PĀRVADĀJUMU ASPEKTIEM

EUROPOS SĄJUNGOS
IR VIETNAMO SOCIALISTINĖS RESPUBLIKOS VYRIAUSYBĖS
SUSITARIMAS
DĖL ORO SUSISIEKIMO PASLAUGŲ TAM TIKRŲ ASPEKTŲ

MEGÁLLAPODÁS
AZ EURÓPAI UNIÓ
ÉS A VIETNAMI SZOCIALISTA KÖZTÁRSASÁG KORMÁNYA KÖZÖTT
A LÉGI SZOLGÁLTATÁSOK BIZONYOS KÉRDÉSEIRŐL

FTEHIM
BEJN L-UNJONI EWROPEA
U L-GVERN TAR-REPUBBLIKA SOĊJALISTA TAL-VJETNAM
DWAR ĊERTI ASPETTI TAS-SERVIZZI BL-AJRU

OVEREENKOMST
TUSSEN DE EUROPESE UNIE
EN DE REGERING VAN DE SOCIALISTISCHE REPUBLIEK VIETNAM
INZAKE BEPAALDE ASPECTEN VAN LUCHTDIENSTEN

UMOWA
MIĘDZY UNIĄ EUROPEJSKĄ
A RZĄDEM SOCJALISTYCZNEJ REPUBLIKI WIETNAMU
DOTYCZĄCA PEWNYCH ASPEKTÓW PRZEWOZÓW LOTNICZYCH

ACORDO
ENTRE A UNIÃO EUROPEIA
E O GOVERNO DA REPÚBLICA SOCIALISTA DO VIETNAME
SOBRE CERTOS ASPECTOS DOS SERVIÇOS AÉREOS

ACORD
INTRE UNIUNEA EUROPEANĂ
ŞI GUVERNUL REPUBLICII SOCIALISTE VIETNAM
PRIVIND ANUMITE ASPECTE ALE SERVICIILOR AERIENE

DOHODA
MEDZI EURÓPSKOU ÚNIOU
A VLÁDOU VIETNAMSKEJ SOCIALISTICKEJ REPUBLIKY
O URČITÝCH ASPEKTOCH LETECKÝCH DOPRAVNÝCH SLUŽIEB

SPORAZUM
MED EVROPSKO UNIJO
IN VLADO SOCIALISTIČNE REPUBLIKE VIETNAM
O NEKATERIH VIDIKIH ZRAČNIH PREVOZOV

EUROOPAN UNIONIN JA
VIETNAMIN SOSIALISTISEN TASAVALLAN
HALLITUKSEN VÄLINEN TIETTYJÄ
LENTOLIIKENTEEN NÄKÖKOHTIA KOSKEVA
SOPIMUS

AVTAL
MELLAN EUROPEISKA UNIONEN
OCH SOCIALISTISKA REPUBLIKEN VIETNAMS REGERING
OM VISSA LUFTFARTSASPEKTER

HIỆP ĐỊNH
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU VỀ MỘT SỐ LĨNH VỰC CỤ THỂ TRONG VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG

VN/EU/vn/1

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

là một bên và

LIÊN MINH CHÂU ÂU

là bên kia

(sau đây được gọi là "các Bên")

GHI NHẬN rằng các hiệp định hàng không song phương đã được ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và mười bảy Quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu có những điều khoản trái với luật pháp Liên minh Châu Âu,

GHI NHẬN rằng Liên minh Châu Âu có thẩm quyền tuyệt đối đối với một số lĩnh vực có thể được đưa vào hiệp định hàng không song phương giữa các Quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu và các nước thứ ba,

GHI NHẬN rằng theo luật pháp Liên minh Châu Âu, các doanh nghiệp vận chuyển hàng không của Liên minh Châu Âu được thành lập tại một Quốc gia thành viên có quyền khai thác các đường bay giữa các Quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu và các nước thứ ba trên cơ sở không phân biệt đối xử.

XÉT rằng các hiệp định hàng không giữa Liên minh Châu Âu và một số nước thứ ba quy định về khả năng đối với công dân của các quốc gia thứ ba có thể giành được quyền sở hữu trong các doanh nghiệp vận chuyển hàng không được cấp phép theo quy định của luật pháp Liên minh Châu Âu,

NHẬN THẤY rằng một số điều khoản cụ thể của các hiệp định hàng không song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu, là những điều khoản trái với luật pháp Liên minh Châu Âu, phải được sửa đổi phù hợp với luật pháp Liên minh châu Âu để thiết lập một cơ sở pháp lý hoàn chỉnh cho các dịch vụ hàng không giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu và để duy trì tính liên tục của các dịch vụ hàng không đó,

GHI NHẬN rằng theo luật pháp Liên minh Châu Âu, các doanh nghiệp vận chuyển hàng không, về nguyên tắc, không được ký kết các thỏa thuận có thể gây ảnh hưởng tới thương mại giữa các Quốc gia thành viên của Liên minh châu Âu và có mục đích hoặc tác động là ngăn cản, hạn chế hoặc bóp méo cạnh tranh,

NHẬN THẤY rằng các điều khoản trong các hiệp định hàng không song phương được ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu (i) yêu cầu hoặc ủng hộ việc thông qua các thỏa thuận giữa các bên thực hiện, các quyết định của các hiệp hội các bên thực hiện hoặc các thực tiễn có dự tính nhằm ngăn cản, bóp méo hay hạn chế sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng; hoặc (ii) tăng cường sự ảnh hưởng của bất kỳ thỏa thuận, quyết định hoặc các thực tiễn có dự tính nào như vậy; hoặc (iii) giao cho các doanh nghiệp vận chuyển hàng không hoặc các hãng khai thác kinh tế tư nhân trách nhiệm tiến hành các biện pháp ngăn cản, bóp méo hay hạn chế sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp vận chuyển hàng không trên các đường bay tương ứng, có thể làm mất hiệu lực các quy định về cạnh tranh áp dụng cho các bên thực hiện,

GHI NHẬN rằng mục đích của Liên minh Châu Âu, là một phần của các đàm phán này, không phải để tăng tổng lượng vận chuyển hàng không giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, để ảnh hưởng tới sự cân bằng giữa các doanh nghiệp vận chuyển hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các doanh nghiệp vận chuyển hàng không của Liên minh, hay để đàm phán sửa đổi các điều khoản của các hiệp định hàng không song phương hiện hành liên quan đến thương quyền.

ĐÃ THOẢ THUẬN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1

Những quy định chung

1. Với mục đích của Hiệp định này, "các Quốc gia Thành viên" có nghĩa là các Quốc gia Thành viên Liên minh Châu Âu và "Các Hiệp ước của Liên minh Châu Âu" có nghĩa là Hiệp ước thành lập Liên minh Châu Âu và Hiệp ước về Chức năng của Liên minh Châu Âu.

2. Các tham chiếu trong từng hiệp định nêu tại Phụ lục 1 tới công dân của Quốc gia Thành viên là một bên của hiệp định đó sẽ được hiểu là nói đến công dân của các Quốc gia Thành viên Liên minh Châu Âu.

3. Các tham chiếu trong từng hiệp định nêu tại Phụ lục 1 tới các doanh nghiệp vận chuyển hàng không hoặc các hãng hàng không của Quốc gia Thành viên là một bên của hiệp định đó sẽ được hiểu là nói đến các doanh nghiệp vận chuyển hàng không hoặc các hãng hàng không được chỉ định bởi Quốc gia Thành viên Liên minh Châu Âu đó.

ĐIỀU 2

Chỉ định của một Quốc gia Thành viên

1. Những quy định tại khoản 2 và 3 của Điều này sẽ thay thế các quy định tương ứng tại các điều được liệt kê trong Phụ lục 2 (a) và (b) liên quan tới việc chỉ định một doanh nghiệp vận chuyển hàng không bởi một Quốc gia Thành viên liên quan, các ủy quyền và giấy phép được Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cấp cho doanh nghiệp vận chuyển hàng không đó, và việc từ chối, thu hồi, đình chỉ hoặc giới hạn đối với các ủy quyền hoặc giấy phép cấp cho doanh nghiệp vận chuyển hàng không tương ứng.

2. Khi nhận được chỉ định của một Quốc gia Thành viên, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sẽ cấp các ủy quyền và giấy phép thích hợp ít chậm trễ nhất về thủ tục, với điều kiện:

i. doanh nghiệp vận chuyển hàng không được thành lập trong lãnh thổ của Quốc gia Thành viên chỉ định theo các Hiệp ước của Liên minh Châu Âu và có Giấy phép Khai thác có hiệu lực theo luật pháp Liên minh Châu Âu; và

ii. việc kiểm soát hữu hiệu doanh nghiệp vận chuyển hàng không được thực hiện và duy trì bởi Quốc gia Thành viên chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận người khai thác tầu bay (AOC) cho doanh nghiệp vận chuyển hàng không đó và nêu rõ nhà chức trách hàng không có liên quan trong văn bản chỉ định; và

iii. doanh nghiệp vận chuyển hàng không thuộc sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu phần lớn của, và được kiểm soát hữu hiệu bởi các Quốc gia Thành viên và/hoặc công dân của các Quốc gia Thành viên, và/hoặc bởi các quốc gia khác được liệt kê trong Phụ lục 3 và/hoặc công dân của các quốc gia khác đó.

3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể từ chối, thu hồi, đình chỉ hoặc giới hạn đối với việc cấp phép hoặc giấy phép cấp cho một doanh nghiệp vận chuyển hàng không được chỉ định bởi một Quốc gia Thành viên khi:

i. doanh nghiệp vận chuyển hàng không không được thành lập trong lãnh thổ của Quốc gia Thành viên chỉ định theo các Hiệp ước của Liên minh Châu Âu hoặc không có Giấy phép Khai thác có hiệu lực theo luật pháp Liên minh Châu Âu; hoặc

ii. việc kiểm soát hữu hiệu doanh nghiệp vận chuyển hàng không không được thực hiện hoặc duy trì bởi Quốc gia Thành viên chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận người khai thác tầu bay (AOC) cho doanh nghiệp vận chuyển hàng không đó hoặc không nêu rõ nhà chức trách hàng không có liên quan trong văn bản chỉ định; hoặc

iii. doanh nghiệp vận chuyển hàng không không thuộc sở hữu trực tiếp hoặc sở hữu phần lớn của, hoặc không được kiểm soát hữu hiệu bởi các Quốc gia Thành viên và/hoặc công dân của các Quốc gia Thành viên, và/hoặc bởi các quốc gia khác được liệt kê trong Phụ lục 3 và/hoặc công dân của các quốc gia khác đó.

Khi thực hiện các quyền của mình theo khoản này, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam không được phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp vận chuyển hàng không của Liên minh Châu Âu vì lý do quốc tịch.

ĐIỀU 3

An toàn

1. Các quy định trong khoản 2 của Điều này sẽ bổ sung các điều được liệt kê trong Phụ lục 2 (c).

2. Khi một Quốc gia Thành viên đã chỉ định một doanh nghiệp vận chuyển hàng không mà việc kiểm soát hãng hàng không này do một Quốc gia Thành viên khác thực hiện và duy trì, thì các quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo các quy định về an toàn của hiệp định giữa Quốc gia Thành viên chỉ định doanh nghiệp vận chuyển hàng không đó và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ được áp dụng ngang bằng đối với việc phê duyệt, thực hiện và duy trì các tiêu chuẩn an toàn của Quốc gia Thành viên kia và đối với việc cấp giấy phép khai thác của doanh nghiệp vận chuyển hàng không đó.

ĐIỀU 4

Sự phù hợp với các quy tắc về cạnh tranh

1. Các Hiệp định Hàng không song phương ký giữa các Quốc gia thành viên và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ không ảnh hưởng tới các quy tắc cạnh canh của các Bên.

2. Những quy định liệt kê tại Phụ lục 2(d) sẽ chấm dứt hiệu lực.

ĐIỀU 5

Các Phụ lục của Hiệp định

Các Phụ lục của Hiệp định này sẽ là một phần không tách rời của Hiệp định.

ĐIỀU 6

Thay đổi hoặc Bổ sung

Bất cứ lúc nào các Bên cũng có thể thay đổi hoặc bổ sung Hiệp định này trên cơ sở đồng thuận.

ĐIỀU 7

Hiệu lực và Áp dụng tạm thời

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực khi các Bên đã thông báo cho nhau bằng văn bản rằng các thủ tục nội bộ cần thiết của mình để hiệp định có hiệu lực đã hoàn tất.

2. Không phụ thuộc vào khoản 1, các Bên nhất trí tạm thời áp dụng Hiệp định này từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo sau ngày các Bên đã thông báo cho nhau việc hoàn thành các thủ tục cần thiết cho mục đích này.

3. Các Hiệp định và thoả thuận giữa các Quốc gia Thành viên và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào ngày ký Hiệp định này vẫn chưa có hiệu lực và chưa được áp dụng tạm thời được liệt kê tại Phụ lục 1 (b). Hiệp định này sẽ áp dụng cho tất cả các Hiệp định và thoả thuận như vậy khi chúng có hiệu lực hoặc áp dụng tạm thời.

ĐIỀU 8

Chấm dứt

1. Trong trường hợp một hiệp định được liệt kê trong Phụ lục 1 chấm dứt thì tất cả các quy định của Hiệp định này có liên quan đến hiệp định được liệt kê trong Phụ lục 1 có liên quan sẽ chấm dứt cùng thời điểm.

2. Trong trường hợp tất cả các hiệp định được liệt kê trong Phụ lục 1 chấm dứt thì Hiệp định này sẽ chấm dứt cùng thời điểm.

ĐỂ LÀM CHỨNG, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Lập thành hai bản, tại Bruxelles, ngày 4 tháng 10, 2010, bằng các ngôn ngữ Bungary, Séc, Đan Mạch, Hà Lan, Anh, Estonia, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Hungary, Italia, Latvia, Lithuania, Manta, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Rumani, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Việt Nam.

СПОРАЗУМЕНИЕ
МЕЖДУ ЕВРОПЕЙСКИЯ СЪЮЗ
И ПРАВИТЕЛСТВОТО НА СОЦИАЛИСТИЧЕСКА РЕПУБЛИКА ВИЕТНАМ
ОТНОСНО НЯКОИ АСПЕКТИ НА ВЪЗДУХОПЛАВАТЕЛНИТЕ УСЛУГИ

ЕВРОПЕЙСКИЯТ СЪЮЗ

от една страна, и

ПРАВИТЕЛСТВОТО НА СОЦИАЛИСТИЧЕСКА РЕПУБЛИКА ВИЕТНАМ

от друга страна

(наричани по-долу „Страните“)

КАТО ОТБЕЛЯЗВАТ, че са сключени двустранни споразумения за въздухоплавателни услуги между седемнадесет държави-членки на Европейския съюз и правителството на Социалистическа република Виетнам, съдържащи разпоредби, които са в противоречие с правото на Европейския съюз,

КАТО ОТБЕЛЯЗВАТ, че Европейския съюз има изключителната компетентност по отношение на няколко аспекта, които могат да бъдат включени в двустранните споразумения за въздухоплавателни услуги между държави-членки на Европейския съюз и трети държави,

КАТО ОТБЕЛЯЗВАТ, че съгласно правото на Европейския съюз въздушните превозвачи на Европейския съюз, установени в държава-членка, имат право на недискриминационен достъп до въздушни маршрути между държавите-членки на Европейския съюз и трети държави,

КАТО ВЗЕХА ПРЕДВИД споразуменията между Европейския съюз и някои трети държави, предвиждащи възможността гражданите на тези трети държави да придобиват собственост във въздушни превозвачи, лицензирани в съответствие с правото на Европейския съюз,

КАТО ПРИЗНАВАТ, че някои разпоредби на двустранните споразумения за въздухоплавателни услуги между държави-членки на Европейския съюз и правителството на Социалистическа република Виетнам, които са в противоречие с правото на Европейския съюз, трябва да бъдат приведени в съответствие с него, за да се установи надеждна правна основа за въздухоплавателните услуги между Европейския съюз и Социалистическа република Виетнам и да се запази непрекъснатостта на тези услуги,

КАТО ОТБЕЛЯЗВАТ, че съгласно правото на Европейския съюз въздушните превозвачи по принцип не могат да сключват споразумения, които могат да се отразят на търговията между държави-членки на Европейския съюз и чиято цел или резултат са предотвратяването, ограничаването или нарушаването на конкуренцията,

КАТО ПРИЗНАВАТ, че разпоредбите на двустранните споразумения за въздухоплавателни услуги, сключени между държави-членки на Европейския съюз и правителството на Социалистическа република Виетнам, които i) изискват или благоприятстват приемането на споразумения между предприятия, решения на сдружения на предприятия или съгласувани практики, които предотвратяват, нарушават или ограничават конкуренцията между въздушни превозвачи по съответните маршрути; или ii) заспиват последиците от което и да е такова споразумение, решение или съгласувана практика; или iii) прехвърлят на въздушните превозвачи или други частни икономически оператори отговорността за вземането на мерки, които предотвратяват, нарушават или ограничават конкуренцията между въздушните превозвачи по съответните маршрути, могат да направят неефективни правилата за конкуренцията, приложими за предприятията,

КАТО ОТБЕЛЯЗВАТ, че целта на Европейския съюз, като част от тези преговори, не е да увеличи общия обем на въздушния трафик между Европейския съюз и Социалистическа република Виетнам, нито да наруши баланса между въздушните превозвачи на Европейския съюз и тези на Социалистическа република Виетнам, или да договори изменения на разпоредбите на действащите двустранни споразумения за въздухоплавателни услуги относно търговските права,

СЕ СПОРАЗУМЯХА ЗА СЛЕДНОТО:

ЧЛЕН 1

Общи разпоредби

1. За целите на настоящото споразумение „държави-членки“ означава държави-членки на Европейския съюз, а "Договори за ЕС" означава Договорът за Европейския съюз и Договорът за функционирането на Европейския съюз.

2. Посочването във всяко от споразуменията, изброени в приложение I, на граждани на държавата-членка, която е страна по това споразумение, се счита, че се отнася за граждани на държавите-членки на Европейския съюз.

3. Посочването във всяко от споразуменията, изброени в приложение I, на въздушни превозвачи или авиокомпании на държавата-членка, която е страна по това споразумение, се счита, че се отнася за въздушни превозвачи или авиокомпании, определени от тази държава-членка.

ЧЛЕН 2

Определяне от държава-членка

1. Разпоредбите на параграфи 2 и 3 от настоящия член заменят съответните разпоредби в членовете, изброени в приложение 2, букви а) и б) съответно, във връзка с определянето на даден въздушен превозвач от съответната държава-членка, неговите лицензи и разрешения, дадени от правителството на Социалистическа република Виетнам, както и съответно отказа, отмяната, спирането или ограничаването на лицензите и разрешенията на въздушния превозвач.

2. При определяне на въздушен превозвач от държава-членка, правителството на Социалистическа република Виетнам дава съответните лицензи и разрешения с минимално процедурно забавяне, при условие, че:

i) въздушният превозвач е установен на територията на определящата държава-членка съгласно Договорите за ЕС и притежава валиден оперативен лиценз в съответствие с правото на Европейския съюз; и

ii) от държавата-членка, отговорна за издаването на свидетелство за авиационен оператор, се упражнява и поддържа ефективен регулаторен контрол върху въздушния превозвач и съответният авиационен орган е ясно идентифициран при определянето; и

iii) въздушният превозвач е притежаван пряко или чрез мажоритарно участие, и се контролира ефективно от държави-членки и/или граждани на държави-членки, и/или от други държави, изброени в приложение 3, и/или от граждани на такива други държави.

3. Правителството на Социалистическа република Виетнам може да откаже, отмени, спре действието или ограничи лицензите или разрешенията на даден въздушен превозвач, определен от държава-членка, когато:

i) въздушният превозвач не е установен на територията на определящата го държава-членка съгласно Договорите за ЕС или няма валиден оперативен лиценз в съответствие с правото на Европейския съюз; или

ii) не се упражнява или не се поддържа ефективен регулаторен контрол над въздушния превозвач от държавата-членка, отговорна за издаването на неговото свидетелство за авиационен оператор, или съответният авиационен орган не е ясно идентифициран при определянето; или

iii) въздушният превозвач не е притежаван пряко или чрез мажоритарно участие, и не се контролира ефективно от държави-членки и/или граждани на държави-членки, и/или от други държави, изброени в приложение 3, и/или от граждани на такива други държави.

При упражняването на правото си по този параграф, правителството на Социалистическа република Виетнам няма да прилага дискриминация между въздушните превозвачи на Европейския съюз на основание на тяхната националност.

ЧЛЕН 3

Безопасност

1. Разпоредбите на параграф 2 от настоящия член допълват членовете, изброени в приложение 2, буква в).

2. Когато държава-членка е определила въздушен превозвач, регулаторният контрол над който се упражнява и поддържа от друга държава-членка, правата на Социалистическа република Виетнам съгласно разпоредбите за безопасност на споразумението между държавата-членка, която е определила въздушния превозвач, и правителството на Социалистическа република Виетнам, се прилагат еднакво по отношение на приемането, упражняването или поддържането на стандарти за безопасност от тази друга държава-членка и по отношение на оперативния лиценз на този въздушен превозвач.

ЧЛЕН 4

Съответствие с правилата за защита на конкуренцията

1. Двустранните споразумения, сключени между държавите-членки и правителството на Социалистическа република Виетнам, не засягат правилата относно защитата на конкуренцията на страните.

2. Действието на разпоредбите, изброени в приложение 2, буква г), се прекратява.

ЧЛЕН 5

Приложения към споразумението

Приложенията към настоящото споразумение са неразделна част от него.

ЧЛЕН 6

Ревизия или изменение

Страните могат по всяко време да ревизират или изменят настоящото споразумение по взаимно съгласие.

ЧЛЕН 7

Влизане в сила и временно прилагане

1. Настоящото споразумение влиза в сила, когато Страните са се нотифицирали взаимно в писмена форма, че съответните им вътрешни процедури, необходими за неговото влизане в сила, са изпълнени.

2. Независимо от параграф 1, Страните са съгласни да прилагат временно настоящото споразумение от първия ден на месеца след датата, на която Страните са се нотифицирали взаимно за приключването на необходимите за целта процедури.

3. Споразуменията и другите договорености между държави-членки и правителството на Социалистическа република Виетнам, които към датата на подписване на настоящото споразумение все още не са влезли в сила и не се прилагат временно, са изброени в приложение 1, буква б). Настоящото споразумение се прилага към всички подобни споразумения и договорености от влизането им в сила или временното им прилагане.

ЧЛЕН 8

Прекратяване

1. В случай, че дадено споразумение, посочено в приложение I, бъде прекратено, всички разпоредби от настоящото споразумение, които се отнасят до съответното споразумение, посочено в приложение I, се прекратяват в същия момент.

2. В случай, че всички споразумения, посочени в приложение I, бъдат прекратени, настоящото споразумение се прекратява в същия момент.

В ПОТВЪРЖДЕНИЕ НА КОЕТО, долуподписаните надлежно упълномощени лица подписваха настоящото споразумение.

Съставено в Брюксел в два еднообразни екземпляра на 4 октомври 2010 г. година на английски, български, гръцки, датски, естонски, испански, италиански, латвийски, литовски, малтийски, немски, нидерландски, полски, португалски, румънски, словашки, словенски, унгарски, фински, френски, чешки, шведски и виетнамски език.

ACUERDO
ENTRE LA UNIÓN EUROPEA
Y EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIETNAM
SOBRE DETERMINADOS ASPECTOS DE LOS SERVICIOS AÉREOS

LA UNIÓN EUROPEA,

por una parte, y

EL GOBIERNO DE LA REPÚBLICA SOCIALISTA DE VIETNAM,

por otra parte,

(denominadas en lo sucesivo "las Partes"),

HABIENDO CONSTATADO que se han firmado acuerdos bilaterales sobre servicios aéreos entre diecisiete Estados miembros de la Unión Europea y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam que incluyen disposiciones contrarias a la legislación de la Unión,

TENIENDO EN CUENTA que la Unión Europea tiene competencia exclusiva en varios de los aspectos que pueden incluirse en los acuerdos bilaterales sobre servicios aéreos entre Estados miembros de la Unión y terceros países,

OBSERVANDO que, de acuerdo con la legislación de la Unión Europea, las compañías áreas de la Unión Europea establecidas en un Estado miembro tienen derecho a un acceso no discriminatorio a las rutas aéreas entre Estados miembros de la Unión Europea y terceros países,

VISTOS los acuerdos entre la Unión Europea y algunos terceros países que ofrecen a los nacionales de dichos países la posibilidad de convertirse en propietarios de compañías aéreas cuya licencia ha sido obtenida de acuerdo con la legislación de la Unión Europea,

RECONOCIENDO que algunas disposiciones de los acuerdos bilaterales sobre servicios aéreos entre Estados miembros de la Unión Europea y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam que son contrarias a la legislación de la Unión Europea deben ajustarse a ésta con objeto de sentar un fundamento jurídico sólido para los servicios aéreos entre la Unión Europea y la República Socialista de Vietnam y garantizar la continuidad de dichos servicios,

CONSIDERANDO que la normativa de la Unión Europea no permite, en principio, que las compañías aéreas celebren acuerdos que puedan afectar al comercio entre los Estados miembros de la Unión Europea y cuyo objeto o efecto sea impedir, restringir o distorsionar la competencia,

RECONOCIENDO que las normas de competencia aplicables a las empresas pueden perder su efectividad debido a algunas de las disposiciones de los acuerdos bilaterales de servicios aéreos entre los Estados miembros de la Unión Europea y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam, concretamente: i) las que requieren o favorecen la adopción de acuerdos de empresas, de decisiones de asociaciones de empresas o de prácticas concertadas que eviten, distorsionen o restrinjan la competencia entre las compañías aéreas en determinadas rutas; o ii) las que refuerzan los efectos de esos acuerdos, decisiones o prácticas; o iii) las que delegan en las compañías aéreas o en otros agentes económicos privados la adopción de medidas para evitar, distorsionar o restringir competencia de las compañías aéreas en esas rutas,

SEÑALANDO que, como parte en esas negociaciones, la Unión Europea no tiene el propósito de aumentar el volumen total del tráfico aéreo entre la Unión Europea y la República Socialista de Vietnam, influir en el equilibrio entre las compañías aéreas de la Unión Europea y las compañías aéreas de la República Socialista de Vietnam ni negociar modificaciones de las disposiciones de los acuerdos bilaterales vigentes sobre servicios aéreos relativas a los derechos de tráfico,

HAN ACORDADO LO SIGUIENTE:

ARTÍCULO 1

Disposiciones generales

1. A efectos del presente Acuerdo, se entenderá por "Estados miembros" los Estados miembros de la Unión Europea y por "Tratados UE" se entenderá el Tratado de la Unión Europea y el Tratado de Funcionamiento de la Unión Europea.

2. Se entenderá que las referencias de los acuerdos enumerados en el anexo 1 a los nacionales del Estado miembro que sea parte en ese acuerdo son referencias a los nacionales de los Estados miembros de la Unión Europea.

3. Se entenderá que las referencias de los acuerdos enumerados en el anexo 1 a las compañías aéreas del Estado miembro que sea parte en ese acuerdo son referencias a las compañías aéreas designadas por ese Estado miembro.

ARTÍCULO 2

Designación por un Estado miembro

1. Las disposiciones de los apartados 2 y 3 del presente artículo sustituirán a las disposiciones correspondientes de los artículos enumerados en el anexo 2, letras a) y b), respectivamente, en lo que se refiere a la designación de una compañía aérea por el Estado miembro en cuestión, las autorizaciones y permisos concedidos por el Gobierno de la República Socialista de Vietnam y la denegación, revocación, suspensión o limitación de las autorizaciones o permisos de la compañía rea, respectivamente.

2. Tras la recepción de una designación efectuada por un Estado miembro, el Gobierno de la República Socialista de Vietnam concederá las autorizaciones y permisos adecuados en un plazo de tramitación lo más breve posible, siempre que:

i) la compañía aérea esté establecida en el territorio del Estado miembro que haya efectuado la designación de acuerdo con lo dispuesto en los Tratados UE y sea titular de una licencia de explotación válida con arreglo a la legislación de la Unión Europea; y que

ii) el Estado miembro responsable de la expedición del certificado de operador aéreo ejerza y mantenga un control reglamentario efectivo de la compañía aérea y la autoridad aeronáutica pertinente esté claramente indicada en la designación; y que

iii) la compañía área sea propiedad, directamente o mediante participación mayoritaria, y se encuentre efectivamente bajo el control de Estados miembros, de nacionales de Estados miembros, de otros Estados enumerados en el anexo 3 o de nacionales de esos otros Estados.

3. El Gobierno de la República Socialista de Vietnam podrá denegar, revocar, suspender o limitar las autorizaciones o permisos de una compañía aérea designada por un Estado miembro si:

i) la compañía aérea no está establecida en el territorio del Estado miembro que efectúa la designación de acuerdo con lo dispuesto en los Tratados UE o no es titular de una licencia de explotación válida con arreglo a la legislación comunitaria; o

ii) el Estado miembro responsable de la expedición del certificado de operador aéreo no ejerce ni mantiene un control reglamentario efectivo de la compañía aérea, o la autoridad aeronáutica pertinente no está claramente indicada en la designación; o

iii) la compañía área no es propiedad, directamente o mediante participación mayoritaria, o no está controlada efectivamente, por Estados miembros, nacionales de Estados miembros, por los demás Estados enumerados en el anexo 3 o por nacionales de esos otros Estados.

Al ejercer el derecho otorgado por el presente apartado, el Gobierno de la República Socialista de Vietnam no discriminará entre compañías aéreas de la Unión por motivos de nacionalidad.

ARTÍCULO 3

Seguridad

1. Lo dispuesto en el apartado 2 del presente artículo completará los artículos enumerados en el anexo 2, letra c).

2. Si un Estado miembro ha designado una compañía aérea cuyo control reglamentario lo ejerce y mantiene otro Estado miembro, los derechos de la República Socialista de Vietnam de acuerdo con las disposiciones de seguridad del acuerdo entre el Estado miembro que ha designado la compañía aérea y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam se ejercerán por igual en la adopción, el ejercicio y el mantenimiento de las normas de seguridad por ese otro Estado miembro y en relación con la autorización de explotación de esa compañía aérea.

ARTÍCULO 4

Compatibilidad con las normas de competencia

1. Los acuerdos bilaterales sobre servicios aéreos celebrados entre los Estados miembros y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam se entenderán sin perjuicio de lo dispuesto en las normas en materia de competencia de las Partes.

2. Las disposiciones enumeradas en el anexo 2, letra d), dejarán de surtir efecto.

ARTÍCULO 5

Anexos del Acuerdo

Los anexos del presente Acuerdo forman parte integrante del mismo.

ARTÍCULO 6

Revisión o enmienda

Las Partes podrán, de común acuerdo, revisar o modificar el presente Acuerdo en cualquier momento.

ARTÍCULO 7

Entrada en vigor y aplicación provisional

1. El presente Acuerdo entrará en vigor en la fecha en que las Partes se notifiquen por escrito la finalización de los procedimientos internos respectivos necesarios a este efecto.

2. No obstante lo dispuesto en el apartado 1, las Partes contratantes acuerdan aplicar provisionalmente el presente Acuerdo a partir del primer día del mes siguiente a aquel en el curso del cual las Partes se hayan notificado la conclusión de los procedimientos necesarios a este efecto.

3. En el anexo 1, letra b), se enumeran los acuerdos y otras disposiciones entre los Estados miembros y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam que, en la fecha de la firma del presente Acuerdo, no hayan entrado todavía en vigor y no se estén aplicando provisionalmente. Este Acuerdo se aplicará a todos esos acuerdos y disposiciones cuando entren en vigor o empiecen a aplicarse provisionalmente.

ARTÍCULO 8

Terminación

1. En caso de que termine alguno de los Acuerdos enumerados en el anexo 1, terminarán al mismo tiempo todas las disposiciones del presente Acuerdo relacionadas con el Acuerdo enumerado en el anexo 1 de que se trate.

2. En caso de que terminen todos los Acuerdos enumerados en el anexo 1, el presente Acuerdo terminará simultáneamente.

EN FE DE LO CUAL, los abajo firmantes, debidamente autorizados a este fin, firman el presente Acuerdo.

Hecho en Bruselas en doble ejemplar, el 4 de octubre de 2010, en lenguas alemana, búlgara, checa, danesa, eslovaca, eslovena, española, estonia, finesa, francesa, griega, húngara, inglesa, italiana, letona, lituana, maltesa, neerlandesa, polaca, portuguesa, rumana, sueca y vietnamita.

DOHODA
MEZI EVROPSKOU UNIÍ
A VLÁDOU VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY
O NĚKTERÝCH ASPEKTECH LETECKÝCH SLUŽEB

EVROPSKÁ UNIE

na jedné straně a

VLÁDA VIETNAMSKÉ SOCIALISTICKÉ REPUBLIKY

na straně druhé,

(dále jen „strany"),

BEROUCE NA VĚDOMÍ, že mezi sedmnácti členskými státy Evropské unie a vládou Vietnamské socialistické republiky byly uzavřeny dvoustranné dohody o leteckých službách, které obsahují ustanovení neslučitelná s právem Evropské unie

BEROUCE NA VĚDOMÍ, že Evropská unie má výlučnou pravomoc ohledně řady aspektů, které mohou být obsaženy ve dvoustranných dohodách o leteckých službách uzavřených mezi členskými státy Evropské unie a třetími zeměmi,

BEROUCE NA VĚDOMÍ, že podle práva Evropské unie mají letečtí dopravci Evropské unie usazení v členském státě právo na nediskriminační přístup na letecké trasy mezi členskými státy Evropské unie a třetími zeměmi,

S OHLEDEM na dohody mezi Evropskou unií a některými třetími zeměmi, podle nichž mají státní příslušníci těchto třetích zemí možnost získat vlastnický podíl v leteckých dopravcích, kterým byla udělena licence v souladu s právem Evropské unie,

UZNÁVAJÍCE, že některá ustanovení dvoustranných dohod o leteckých službách mezi členskými státy Evropské unie a vládou Vietnamské socialistické republiky, která jsou v rozporu s právem Evropské unie, musí být uvedena do souladu s tímto právem, aby se vytvořil řádný právní základ pro letecké služby mezi Evropskou unií a Vietnamskou socialistickou republikou a aby se zachovala kontinuity těchto leteckých služeb,

BEROUCE NA VĚDOMÍ, že podle práva Evropské unie nesmějí letečtí dopravci v zásadě uzavírat dohody, které by mohly ovlivnit obchod mezi členskými státy Evropské unie a jejichž cílem nebo výsledkem je vyloučení, omezení nebo narušení hospodářské soutěže,

UZNÁVAJÍCE, že ustanovení ve dvoustranných dohodách o leteckých službách uzavřených mezi členskými státy Evropské unie a vládou Vietnamské socialistické republiky, která i) požadují nebo upřednostňují přijetí dohod mezi podniky, rozhodnutí sdružení podniků nebo jednání ve vzájemné shodě, které brání hospodářské soutěži mezi leteckými dopravci na příslušných trasách nebo ji narušují či omezují; nebo ii) zesilují účinek všech takových dohod, rozhodnutí či jednání ve vzájemné shodě; nebo iii) přenášejí na letecké dopravce nebo jiné soukromé hospodářské subjekty odpovědnost za přijetí opatření, která brání hospodářské soutěži mezi leteckými dopravci na příslušných trasách nebo ji narušují či omezují, mohou rušit účinnost pravidel o hospodářské soutěži platných pro podniky,

BEROUCE NA VĚDOMÍ, že záměrem Evropské unie v rámci těchto jednání není zvýšit celkový objem letecké dopravy mezi Evropskou unií a Vietnamskou socialistickou republikou, ovlivnit rovnováhu mezi leteckými dopravci Evropské unie a leteckými dopravci Vietnamské socialistické republiky ani vyjednávat o změnách ustanovení stávajících dvoustranných dohod o leteckých službách, které se týkají přepravních práv,

SE DOHODLY TAKTO:

ČLÁNEK 1

Obecná ustanovení

1. Pro účely této dohody se „členskými státy" rozumějí členské státy Evropské unie „smlouvami o EU" se rozumí Smlouva o Evropské unii a Smlouva o fungování Evropské unie.

2. Ve všech dohodách uvedených v příloze 1 se odkazy na státní příslušníky členského státu, který je stranou dané dohody, považují za odkazy na státní příslušníky členských států Evropské unie.

3. Odkazy ve všech dohodách uvedených v příloze 1 na letecké dopravce nebo letecké společnosti členského státu, který je stranou dané dohody, považují za odkazy na letecké dopravce nebo letecké společnosti určené daným členským státem.

ČLÁNEK 2

Určení členským státem

1. Ustanovení odstavců 2 a 3 tohoto článku mají přednost před odpovídajícími ustanoveními článků uvedených v příloze 2 písm. a) a b)) týkajícími se určování leteckých dopravců příslušným členským státem, jejich oprávnění a povolení udělených vládou Vietnamské socialistické republiky a zamítnutí, zrušení, dočasného odnětí nebo omezení oprávnění nebo povolení udělených leteckému dopravci.

2. Po obdržení určení provedeného členským státem udělí vláda Vietnamské socialistické republiky příslušná oprávnění a povolení s minimálním procedurálním zpožděním za předpokladu, že:

i) letecký dopravce je podle smluv o EU usazen na území členského státu, který provedl určení, a má platnou provozní licenci v souladu s právem Evropské unie a

ii) členský stát odpovědný za vydání osvědčení provozovatele letecké dopravy (AOC) leteckému dopravci nad ním vykonává a udržuje účinnou regulační kontrolu a v určení je zřetelně označen příslušný letecký úřad a

iii) letecký dopravce je vlastněn přímo nebo prostřednictvím většinového vlastnického podílu a skutečně kontrolován členskými státy nebo státními příslušníky členských států nebo jinými státy uvedenými v příloze 3 nebo státními příslušníky těchto jiných států.

3. Vláda Vietnamské socialistické republiky může zamítnout, zrušit, pozastavit nebo omezit oprávnění nebo povolení leteckého dopravce určeného členským státem, pokud:

i) letecký dopravce není podle smluv o EU usazen na území členského státu, který provedl určení, nebo nemá platnou provozní licenci v souladu s právem Evropské unie, nebo

ii) členský stát odpovědný za vydání osvědčení provozovatele letecké dopravy (AOC) leteckému dopravci nad ním nevykonává nebo neudržuje účinnou regulační kontrolu nebo není v určení zřetelně označen příslušný letecký úřad, nebo

iii) letecký dopravce není vlastněn přímo nebo prostřednictvím většinového vlastnického podílu nebo skutečně kontrolován členskými státy nebo státními příslušníky členských států nebo jinými státy uvedenými v příloze 3 nebo státními příslušníky těchto jiných států.

Při výkonu svého práva podle tohoto odstavce nesmí vláda Vietnamské socialistické republiky diskriminovat letecké dopravce Evropské unie z důvodu státní příslušnosti.

ČLÁNEK 3

Bezpečnost

1. Ustanoveními odstavce 2 tohoto článku se doplňují články uvedené v příloze 2 písm. c).

2. Pokud členský stát určil leteckého dopravce, nad nímž regulační kontrolu vykonává a udržuje jiný členský stát, potom práva Vietnamské socialistické republiky podle bezpečnostních ustanovení dohody mezi členským státem, který určil leteckého dopravce, a vládou Vietnamské socialistické republiky platí stejným způsobem, pokud jde o přijímání, vykonávání nebo udržování bezpečnostních standardů tímto jiným členským státem a pokud jde o provozní oprávnění tohoto leteckého dopravce.

ČLÁNEK 4

Slučitelnost s pravidly o hospodářské soutěži

1. Dvoustrannými dohodami o leteckých službách uzavřenými mezi členskými státy a vládou Vietnamské socialistické republiky nejsou dotčena pravidla stran týkající se hospodářské soutěže.

2. Ustanovení uvedená v příloze 2 písm. c) pozbývají se nepoužijí.

ČLÁNEK 5

Přílohy dohody

Přílohy této dohody jsou její nedílnou součástí.

ČLÁNEK 6

Revize nebo změna

Strany mohou tuto dohodu kdykoli po vzájemné dohodě revidovat nebo změnit.

ČLÁNEK 7

Vstup v platnost a prozatímní uplatňování

1. Tato dohoda vstupuje v platnost, jakmile si strany vzájemně písemně oznámí, že byly dokončeny jejich příslušné vnitřní postupy nezbytné pro vstup dohody v platnost.

2. Bez ohledu na odstavec 1 se strany dohodly, že budou tuto dohodu prozatímně uplatňovat od prvního dne měsíce následujícího po dni, kdy si strany vzájemně oznámí dokončení postupů nezbytných pro tento účel.

3. Dohody a jiná ujednání mezi členskými státy a vládou Vietnamské socialistické republiky, které k datu podpisu této dohody ještě nevstoupily v platnost a které nejsou prozatímně uplatňovány, jsou uvedeny v příloze I písm. b). Tato dohoda se vztahuje na všechny tyto dohody a ujednání od jejich vstupu v platnost nebo od okamžiku jejich prozatímního uplatňování.

ČLÁNEK 8

Ukončení platnosti

1. V případě, že dojde k ukončení platnosti některé z dohod uvedených v příloze 1, pozbývají současně platnosti všechna ustanovení této dohody, která se týkají příslušné dohody uvedené v příloze 1.

2. V případě, že dojde k ukončení platnosti všech dohod uvedených v příloze 1, pozbývá platnosti současně tato dohoda.

NA DŮKAZ ČEHOŽ připojili níže podepsaní řádně zplnomocnění zástupci k této dohodě své podpisy.

V Bruselu ve dvou vyhotoveních dne 4. října 2010 v jazyce anglickém, bulharském, českém, dánském, estonském, finském, francouzském, italském, litevském, lotyšském, maďarském, maltském, německém, nizozemském, polském, portugalském, rumunském, řeckém, slovenském, slovinském, španělském, švédském a vietnamském.

AFTALE

MELLEM DEN EUROPÆISKE UNION

OG DEN SOCIALISTISKE REPUBLIK VIETNAMS REGERING

OM VISSE ASPEKTER AF LUFTTRAFIK

DEN EUROPÆISKE UNION,

på den ene side, og

DEN SOCIALISTISKE REPUBLIK VIETNAMS REGERING,

på den anden side,

(i det følgende benævnt "parterne"),

SOM KONSTATERER, at der er indgået bilaterale lufttrafikaftaler mellem sytten af Den Europæiske Unions medlemsstater og Den Socialistiske Republik Vietnams regering med bestemmelser, der strider mod EU-retten,

SOM KONSTATERER, at Den Europæiske Union har enekompetence vedrørende en række aspekter, der kan være omfattet af bilaterale lufttrafikaftaler mellem medlemsstater i Den Europæiske Union og tredjelande,

SOM KONSTATERER, at luftfartsselskaber, der er etableret i en medlemsstat, i henhold til EU-lovgivningen har ret til uden forskelsbehandling at få adgang til luftruter mellem Den Europæiske Unions medlemsstater og tredjelande,

SOM HENVISER til de aftaler mellem Den Europæiske Union og visse tredjelande, der giver statsborgere i de pågældende tredjelande mulighed for at erhverve ejendomsrettigheder i luftfartsselskaber, som der er udstedt licens til i overensstemmelse med EU-retten,

SOM ERKENDER, at visse bestemmelser i de bilaterale lufttrafikaftaler mellem medlemsstater i Den Europæiske Union og Den Socialistiske Republik Vietnams regering, som strider mod EU-retten, skal bringes i overensstemmelse med denne med det formål at tilvejebringe et forsvarligt retsgrundlag for lufttrafikken mellem Den Europæiske Union og Den Socialistiske Republik Vietnam og sikre kontinuiteten i denne lufttrafik,

SOM KONSTATERER, at luftfartsselskaber i henhold til EU-retten i princippet ikke må indgå aftaler, der kan påvirke handelen mellem Den Europæiske Unions medlemsstater, og som tilstræber eller bevirker, at konkurrencen forhindres, begrænses eller forvrides,

SOM ERKENDER, at de bilaterale lufttrafikaftaler, der er indgået mellem EU-medlemsstater og Den Socialistiske Republik Vietnams regering ikke må i) kræve eller tilskynde til, at virksomheder eller sammenslutninger af virksomheder indgår aftaler, træffer beslutninger eller samordner deres praksis således, at konkurrencen mellem luftfartsselskaber på de pågældende ruter hindres, forvrides eller begrænses, eller ii) forstærke virkningerne af en eventuel aftale, beslutning eller samordnet praksis, eller iii) uddelegere ansvaret for tage skridt til at hindre, forvride eller begrænse konkurrencen mellem luftfartsselskaber på de pågældende ruter til luftfartsselskaberne eller andre private erhvervsdrivende,

SOM KONSTATERER, at Den Europæiske Union med disse forhandlinger ikke har til hensigt at øge det samlede omfang af lufttrafikken mellem Den Europæiske Union og Den Socialistiske Republik Vietnam, at påvirke balancen mellem luftfartsselskaber fra Den Europæiske Union og luftfartsselskaber fra Den Socialistiske Republik Vietnam eller at forhandle ændringer af de eksisterende bilaterale lufttrafikaftalers bestemmelser om trafikrettigheder,

ER BLEVET ENIGE OM FØLGENDE:

ARTIKEL 1

Almindelige bestemmelser

1. I denne aftale forstås ved "medlemsstater" Den Europæiske Unions medlemsstater og ved "EU-traktaterne": traktaten om Den Europæiske Union og traktaten om Den Europæiske Unions funktionsmåde.

2. Når der i de enkelte aftaler, der er anført i bilag I, henvises til statsborgere i den medlemsstat, der er part i den pågældende aftale, skal dette forstås som en henvisning til statsborgere i Den Europæiske Unions medlemsstater.

3. Når der i de enkelte aftaler, der er anført i bilag I, henvises til luftfartsselskaber fra den medlemsstat, der er part i den pågældende aftale, skal dette forstås som en henvisning til luftfartsselskaber, som udpeges af den pågældende medlemsstat.

ARTIKEL 2

Medlemsstaters udpegning af luftfartsselskaber

1. Bestemmelserne i stk. 2 og 3 går forud for de tilsvarende bestemmelser i de artikler, der er anført i bilag 2, litra a) og litra b), vedrørende henholdsvis den pågældende medlemsstats udpegning af et luftfartsselskab og Den Socialistiske Republik Vietnams regerings udstedelse af godkendelser og tilladelser til luftfartsselskabet og afslag på eller tilbagekaldelse, suspendering og begrænsning af godkendelser og tilladelser til luftfartsselskabet.

2. Når Den Socialistiske Republik Vietnams regering modtager en udpegning fra en medlemsstat, udsteder den de relevante godkendelser og tilladelser med mindst mulig proceduremæssig forsinkelse, forudsat:

i) at luftfartsselskabet er etableret på den udpegende medlemsstats område i overensstemmelse med EU-traktaterne og er i besiddelse af en EU-retligt gyldig licens, og

ii) at den medlemsstat, der står for udstedelsen af "Air Operator's Certificate", udøver og opretholder reel myndighedskontrol med luftfartsselskabet, og at den relevante luftfartsmyndighed er entydigt identificeret i udpegningen, og

iii) at luftfartsselskabet ejes, direkte eller i kraft af en ejermajoritet, og reelt kontrolleres af medlemsstater og/eller statsborgere i medlemsstater og/eller af andre stater som anført i bilag 3 og/eller statsborgere i disse stater.

3. Den Socialistiske Republik Vietnams regering kan afslå, tilbagekalde, suspendere eller begrænse godkendelserne eller tilladelserne til et luftfartsselskab, som en medlemsstat har udpeget:

i) hvis luftfartsselskabet ikke er etableret på den udpegende medlemsstats område i overensstemmelse med EU-traktaterne eller ikke er i besiddelse af en EU-retligt gyldig licens, eller

ii) hvis den medlemsstat, der står for udstedelsen af "Air Operator's Certificate", ikke udøver og opretholder reel myndighedskontrol med luftfartsselskabet, og den relevante luftfartsmyndighed ikke er entydigt identificeret i udpegningen, eller

iii) hvis luftfartsselskabet ikke ejes, direkte eller i kraft af en ejermajoritet, eller ikke reelt kontrolleres af medlemsstater og/eller statsborgere i medlemsstater og/eller af andre stater som anført i bilag 3 og/eller statsborgere i disse stater.

Den Socialistiske Republik Vietnams regering udøver sine rettigheder i henhold til dette stykke uden at diskriminere mellem luftfartsselskaber fra Unionen på grundlag af nationalitet.

ARTIKEL 3

Sikkerhed

1. Bestemmelserne i stk. 2 i denne artikel supplerer de artikler, der er anført i bilag 2, litra c).

2. Når en medlemsstat har udpeget et luftfartsselskab, som en anden medlemsstat udøver og opretholder myndighedskontrol med, gælder Den Socialistiske Republik Vietnams rettigheder efter sikkerhedsbestemmelserne i aftalen mellem den medlemsstat, der har udpeget luftfartsselskabet, og Den Socialistiske Republik Vietnams regering også for den pågældende anden medlemsstats vedtagelse, gennemførelse og opretholdelse af sikkerhedskrav og for det pågældende luftfartsselskabs driftstilladelse.

ARTIKEL 4

Forenelighed med konkurrencereglerne

1. Bilaterale lufttrafikaftaler mellem medlemsstater og Den Socialistiske Republik Vietnams regering berører ikke parternes konkurrenceregler.

2. Bestemmelserne i bilag 2, litra d), træder ud af kraft.

ARTIKEL 5

Bilag til aftalen

Bilagene til denne aftale udgør en integrerende del af aftalen.

ARTIKEL 6

Revision eller ændring

Parterne kan efter fælles overenskomst til enhver tid revidere eller ændre denne aftale.

ARTIKEL 7

Ikrafttræden og midlertidig anvendelse

1. Denne aftale træder i kraft, når parterne har givet hinanden skriftlig notifikation om afslutningen af de interne procedurer, som er nødvendige for, at den kan træde i kraft.

2. Uanset stk. 1 er parterne enige om at anvende aftalen midlertidigt fra den første dag i måneden efter den dato, hvor parterne har givet hinanden notifikation om afslutningen af de procedurer, der er nødvendige i så henseende.

3. Aftaler og andre arrangementer mellem medlemsstaterne og Den Socialistiske Republik Vietnams regering, som på datoen for denne aftales undertegnelse endnu ikke er trådt i kraft, og som ikke finder midlertidig anvendelse, er anført i bilag 1, litra b). Denne aftale finder anvendelse på alle sådanne aftaler og arrangementer fra deres ikrafttræden eller midlertidige anvendelse.

ARTIKEL 8

Ophør

1. Hvis en aftale, der er anført i bilag 1, ophører, ophører samtidig alle nærværende aftales bestemmelser vedrørende den pågældende aftale.

2. Hvis alle de aftaler, der er anført i bilag 1, ophører, ophører nærværende aftale samtidig.

TIL BEKRÆFTELSE HERAF har undertegnede befuldmægtigede underskrevet denne aftale.

Udfærdiget i Bruxelles, den 4. Oktober 2010 i to eksemplarer på, bulgarsk, dansk, engelsk, estisk, finsk, fransk, græsk, italiensk, lettisk, litauisk, maltesisk, nederlandsk, polsk, portugisisk, rumænsk, slovakisk, slovensk, spansk, svensk, tjekkisk, tysk, ungarsk og vietnamesisk.

ABKOMMEN
ZWISCHEN DER EUROPÄISCHEN UNION
UND DER REGIERUNG DER SOZIALISTISCHEN REPUBLIK VIETNAM
ÜBER BESTIMMTE ASPEKTE VON LUFTVERKEHRSDIENSTEN

DIE EUROPÄISCHE UNION

einerseits und

DIE REGIERUNG DER SOZIALISTISCHEN REPUBLIK VIETNAM

andererseits

(nachstehend als "die Vertragsparteien" bezeichnet) –

IN ANBETRACHT DESSEN, dass zwischen siebzehn Mitgliedstaaten der Europäischen Union und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam bilaterale Luftverkehrsabkommen geschlossen wurden, die gegen das Recht der Europäischen Union verstoßende Bestimmungen enthalten,

ANGESICHTS der ausschließlichen Zuständigkeit der Europäischen Union für bestimmte Aspekte, die Gegenstand bilateraler Luftverkehrsabkommen zwischen Mitgliedstaaten der Europäischen Union und Drittstaaten sein können,

IN ANBETRACHT DES UMSTANDS, dass die Luftfahrtunternehmen der Europäischen Union nach dem Recht der Europäischen Union Anspruch auf diskriminierungsfreien Zugang zu den Strecken zwischen den Mitgliedstaaten der Europäischen Union und Drittstaaten haben,

GESTÜTZT AUF die Abkommen zwischen der Europäischen Union und bestimmten Drittstaaten, nach denen Staatsangehörige dieser Drittstaaten Eigentum an den nach dem Recht der Europäischen Union zugelassenen Luftfahrtunternehmen erwerben können,

IN DER ERKENNTNIS, dass einige dem Recht der Europäischen Union widersprechende Bestimmungen der bilateralen Luftverkehrsabkommen zwischen Mitgliedstaaten der Europäischen Union und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam mit dem Recht der Europäischen Union voll in Einklang zu bringen sind, um eine solide Rechtsgrundlage für die Luftverkehrsdienste zwischen der Europäischen Union und der Sozialistischen Republik Vietnam zu schaffen und die Kontinuität dieser Luftverkehrsdienste zu erhalten,

IN ANBETRACHT DER TATSACHE, dass die Luftfahrtunternehmen nach dem Recht der Europäischen Union grundsätzlich keine Übereinkünfte treffen dürfen, die den Handel zwischen Mitgliedstaaten der Europäischen Union beeinträchtigen könnten und eine Verhinderung, Einschränkung oder Verfälschung des Wettbewerbs bezwecken oder bewirken,

IN ANERKENNUNG DESSEN, dass Bestimmungen in bilateralen Luftverkehrsabkommen zwischen Mitgliedstaaten der Europäischen Union und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, die i) den Wettbewerb zwischen Luftfahrtunternehmen auf den betreffenden Strecken verhindernde, verzerrende oder einschränkende Vereinbarungen zwischen Unternehmen, Beschlüsse von Unternehmensvereinigungen oder aufeinander abgestimmte Verhaltensweisen vorschreiben oder erleichtern, oder ii) die Auswirkungen solcher Vereinbarungen, Beschlüsse oder Verhaltensweisen verstärken, oder iii) Luftfahrtunternehmen oder anderen privaten Wirtschaftsteilnehmern die Zuständigkeit übertragen, den Wettbewerb zwischen Luftfahrtunternehmen auf den betreffenden Strecken verhindernde, verzerrende oder einschränkende Maßnahmen zu ergreifen, die praktische Wirksamkeit der für die Unternehmen geltenden Wettbewerbsregeln aufheben können,

UNTER HINWEIS DARAUF, dass die Europäische Union nicht beabsichtigt, im Rahmen dieser Verhandlungen das Gesamtvolumen des Luftverkehrs zwischen der Europäischen Union und der Sozialistischen Republik Vietnam zu vergrößern, das Gleichgewicht zwischen den Luftfahrtunternehmen der Europäischen Union und den Luftfahrtunternehmen der Sozialistischen Republik Vietnam zu beeinflussen oder verkehrsrechtliche Bestimmungen in den bestehenden bilateralen Luftverkehrsabkommen zu ändern –

SIND WIE FOLGT ÜBEREINGEKOMMEN:

ARTIKEL 1

Allgemeine Bestimmungen

(1) Für die Zwecke dieses Abkommens bezeichnet der Ausdruck "Mitgliedstaaten" die Mitgliedstaaten der Europäischen Union und bezeichnet der Ausdruck "EU-Verträge" den Vertrag über die Europäische Union und den Vertrag über die Arbeitsweise der Europäischen Union.

(2) In den in Anhang 1 genannten Abkommen gelten Bezugnahmen auf Staatsangehörige des Mitgliedstaats, der Vertragspartei des betreffenden Abkommens ist, als Bezugnahmen auf die Staatsangehörigen der Mitgliedstaaten der Europäischen Union.

(3) In den in Anhang 1 genannten Abkommen gelten Bezugnahmen auf Luftfahrtunternehmen des Mitgliedstaats, der Vertragspartei des betreffenden Abkommens ist, als Bezugnahmen auf die von dem betreffenden Mitgliedstaat benannten Luftfahrtunternehmen.

ARTIKEL 2

Benennung durch einen Mitgliedstaat

(1) Die Bestimmungen der Absätze 2 und 3 dieses Artikels ersetzen die entsprechenden Bestimmungen der in Anhang 2 Buchstaben a und b genannten Artikel in Bezug auf die Benennung von Luftfahrtunternehmen durch den jeweiligen Mitgliedstaat, die ihnen von der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam erteilten Genehmigungen und Erlaubnisse sowie die Verweigerung, den Widerruf, die Aussetzung oder Einschränkung dieser Genehmigungen und Erlaubnisse.

(2) Benennt ein Mitgliedstaat ein Luftfahrtunternehmen, so erteilt die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam unverzüglich die entsprechenden Genehmigungen und Erlaubnisse, sofern

i) das Luftfahrtunternehmen gemäß den EU-Verträgen im Hoheitsgebiet des Mitgliedstaats niedergelassen ist und über eine Betriebsgenehmigung nach dem Recht der Europäischen Union verfügt und

ii) der für die Ausstellung des Luftverkehrsbetreiberscheins zuständige Mitgliedstaat eine wirksame gesetzliche Kontrolle über das Unternehmen ausübt und diese aufrecht erhält und die zuständige Luftfahrtbehörde in der Benennung eindeutig angegeben ist und

iii) das Unternehmen sich unmittelbar oder über Mehrheitsbeteiligung im Eigentum von Mitgliedstaaten und/oder deren Staatsangehörigen oder von anderen in Anhang 3 aufgeführten Staaten und/oder deren Staatsangehörigen befindet und von diesen tatsächlich kontrolliert wird.

(3) Genehmigungen oder Erlaubnisse für ein von einem Mitgliedstaat benanntes Luftfahrtunternehmen können von der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam verweigert, ausgesetzt, aufgehoben oder eingeschränkt werden, wenn

i) das Luftfahrtunternehmen nicht gemäß den EU-Verträgen im Hoheitsgebiet des Mitgliedstaats niedergelassen ist oder über keine gültige Betriebsgenehmigung nach dem Recht der Europäischen Union verfügt, oder

ii) der für die Ausstellung des Luftverkehrsbetreiberscheins zuständige Mitgliedstaat keine wirksame gesetzliche Kontrolle über das Unternehmen ausübt und diese aufrecht erhält oder die zuständige Luftfahrtbehörde in der Benennung nicht eindeutig angegeben ist oder

iii) das Unternehmen sich nicht unmittelbar oder über Mehrheitsbeteiligung im Eigentum von Mitgliedstaaten und/oder deren Staatsangehörigen oder von anderen in Anhang 3 aufgeführten Staaten und/oder deren Staatsangehörigen befindet und von diesen tatsächlich kontrolliert wird.

Die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam übt die ihr aus diesem Absatz erwachsenden Verkehrsrechte aus, ohne zwischen Luftfahrtunternehmen der Europäischen Union aus Gründen der Staatszugehörigkeit zu diskriminieren.

ARTIKEL 3

Sicherheit

(1) Die Bestimmungen in Absatz 2 dieses Artikels ergänzen die in Anhang 2 Buchstabe c genannten Artikel.

(2) Benennt ein Mitgliedstaat ein Luftfahrtunternehmen, über das ein anderer Mitgliedstaat die gesetzliche Kontrolle ausübt und aufrecht erhält, so erstrecken sich die Rechte, die die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam aufgrund der Sicherheitsbestimmungen des zwischen ihr und dem Mitgliedstaat geschlossenen Abkommens genießt, auch auf die Sicherheitsvorschriften, die der andere Mitgliedstaat beschließt, ausübt und aufrecht erhält, sowie auf die Betriebsgenehmigung dieses Unternehmens.

ARTIKEL 4

Vereinbarkeit mit dem Wettbewerbsrecht

(1) Das Wettbewerbsrecht der Vertragsparteien bleibt von bilateralen Luftverkehrsabkommen zwischen den Mitgliedstaaten und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam unberührt.

(2) Die in Anhang 2 Buchstabe d genannten Bestimmungen verlieren ihr Gültigkeit.

ARTIKEL 5

Anhänge zum Abkommen

Die Anhänge dieses Abkommens sind Bestandteil des Abkommens.

ARTIKEL 6

Überprüfung oder Änderung

Die Vertragsparteien können dieses Abkommen jederzeit im gegenseitigen Einvernehmen überarbeiten oder ändern.

ARTIKEL 7

Inkrafttreten und vorläufige Anwendung

(1) Dieses Abkommen tritt in Kraft, wenn die Vertragsparteien einander schriftlich notifiziert haben, dass ihre jeweiligen für das Inkrafttreten erforderlichen innerstaatlichen Verfahren abgeschlossen sind.

(2) Unbeschadet des Absatzes 1 vereinbaren die Vertragsparteien, dieses Abkommen ab dem ersten Tag des Monats vorläufig anzuwenden, der auf den Tag folgt, an dem die Vertragsparteien einander den Abschluss der hierfür erforderlichen Verfahren notifiziert haben.

(3) Die zwischen den Mitgliedstaaten und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam bestehenden Abkommen, die am Tag der Unterzeichnung dieses Abkommens noch nicht in Kraft getreten sind und nicht vorläufig angewandt werden, sind in Anhang I Buchstabe b aufgeführt. Sie unterliegen dem vorliegenden Abkommen, sobald sie in Kraft getreten sind oder vorläufig angewandt werden.

ARTIKEL 8

Beendigung

(1) Bei Beendigung eines der in Anhang I aufgeführten Abkommen treten automatisch sämtliche sich auf jenes Abkommen beziehenden Bestimmungen des vorliegenden Abkommens außer Kraft.

(2) Bei Beendigung aller der in Anhang I aufgeführten Abkommen tritt auch das vorliegende Abkommen außer Kraft.

ZU URKUND DESSEN haben die unterzeichneten Bevollmächtigten ihre Unterschriften unter dieses Abkommen gesetzt.

Geschehen zu Brüssel am 4. Oktober 2010 in zwei Urschriften in bulgarischer, dänischer, deutscher, englischer, estnischer, finnischer, französischer, griechischer, italienischer, lettischer, litauischer, maltesischer, niederländischer, polnischer, portugiesischer, rumänischer, schwedischer, slowakischer, slowenischer, spanischer, tschechischer, ungarischer und vietnamesischer Sprache.

EUROOPA LIIDU JA
VIETNAMI SOTSIALISTLIKU VABARIIGI VALITSUSE VAHELINE
TEATAVAID LENNUNDUSKÜSIMUSI KÄSITLEV
LEPING

EUROOPA LIIT,

ühelt poolt, ja

VIETNAMI SOTSIALISTLIKU VABARIIGI VALITSUS,

teiselt poolt,

(edaspidi „lepinguosalised"),

MÄRKIDES, et Euroopa Liidu seitsmeteistkümne liikmesriigi ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vahel on sõlmitud kahepoolsed lennunduslepingud, mis sisaldavad liidu õigusega vastuolus olevaid sätteid,

MÄRKIDES, et Euroopa Liidul on ainupädevus mitmetes küsimustes, mis võivad sisalduda Euroopa Liidu liikmesriikide ja kolmandate riikide vahelistes kahepoolsetes lennunduslepingutes,

MÄRKIDES, et Euroopa Liidu õiguse alusel on liikmesriigis asuvatel Euroopa Liidu lennuettevõtjatel õigus mittediskrimineerivale juurdepääsule Euroopa Liidu liikmesriikide ja kolmandate riikide vahelistele lennuliinidele,

VÕTTES ARVESSE Euroopa Liidu ja teatavate kolmandate riikide vahelisi lepinguid, millega nähakse nende kolmandate riikide kodanikele ette võimalus omandada osalus lennuettevõtjates, kellele on antud tegevusluba vastavalt Euroopa Liidu õigusele,

TÕDEDES, et Euroopa Liidu liikmesriikide ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheliste kahepoolsete lennundusleppingute teatavad sätted, mis on vastuolus Euroopa Liidu õigusega, tuleb viia sellega vastavusse, et luua Euroopa Liidu ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi vahelistele lennuteenustele kindel õiguslik alus ning tagada nimetatud lennuteenuste säilimine,

TÄRKIDES, et Euroopa Liidu õiguse alusel ei tohi lennuettevõtjad sõlmida lepinguid, mis võivad mõjutada Euroopa Liidu liikmesriikide vahelist kaubandust ning mille eesmärgiks või tagajärjeks on konkurentsi tõkestamine, piiramine või moonutamine,

TÕDEDES, et Euroopa Liidu liikmesriikide ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vahel sõlmitud kahepoolsete lennundusleppingute sätted, millega: i) nõutakse või soodustatakse ettevõtjatevaheliste lepingute või ettevõtjate ühenduste otsuste vastuvõtmist või kooskõlastatud tegevust, millega takistatakse, moonutatakse või piiratakse lennuettevõtjate vahelist konkurentsi asjaomastel marsruutidel; või ii) tugevdatakse sellise lepingu, otsuse või kooskõlastatud tegevuse mõju; või iii) delegeeritakse lennuettevõtjatele või muudele eraettevõtjatele vastutus seoses selliste meetmete võtmisega, millega takistatakse, moonutatakse või piiratakse lennuettevõtjate vahelist konkurentsi asjaomastel marsruutidel, võivad muuta ettevõtjate suhtes kohaldatavad konkurentsieeskirjad ebatõhusaks,

MÄRKIDES, et Euroopa Liidu eesmärk nende läbirääkimiste pidamisel ei ole Euroopa Liidu ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi vahelise lennuliikluse kogumahu suurendamine, Euroopa Liidu lennuettevõtjate ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi lennuettevõtjate vahelise tasakaalu mõjutamine ega olemasolevate kahepoolsete lennunduslepingute liiklusõigusalastesse sätetesse muudatuste tegemine,

ON KOKKU LEPPINUD JÄRGMISES:

ARTIKKEL 1

Üldsätted

1. Käesoleva lepingu kohaldamisel tähendab mõiste „liikmesriigid" Euroopa Liidu liikmesriike ja „ELi aluslepingud" tähendab Euroopa Liidu lepingut ja Euroopa Liidu toimimise lepingut. .

2. Viiteid I lisas loetletud lepingute osaliseks oleva liikmesriigi kodanikele tõlgendatakse viidetena Euroopa Liidu liikmesriikide kodanikele.

3. Viiteid I lisas loetletud lepingute osaliseks oleva liikmesriigi lennuettevõtjatele või lennuliinidele tõlgendatakse viidetena selle liikmesriigi määratud lennuettevõtjatele või lennuliinidele.

ARTIKKEL 2

Liikmesriigipoolne määramine

1. Käesoleva artikli lõikega 2 asendatakse 2. lisa punktis a loetletud artiklite vastavad sätted seoses lennuettevõtja määramisega kõnealuse liikmesriigi poolt ning sellele Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse poolt tegevus- ja muude lubade andmisega ning lõikega 3 asendatakse 2. lisa punktis b loetletud artiklite vastavad sätted seoses lennuettevõtjatele tegevus- ja muude lubade andmisest keeldumise, nende tühistamise, peatamise või piiramisega.

2. Kui liikmesriik on lennuettevõtja määranud, annab Vietnami Sotsialistlik Vabariigi valitsus lennuettevõtjale minimaalse protseduurilise viivitusega asjakohased tegevus- ja muud load, eeldusel et:

i) lennuettevõtja on asutatud määrava liikmesriigi territooriumil vastavalt ELi aluslepingutele ning tal on kehtiv lennutegevusluba kooskõlas Euroopa Liidu õigusega; ja

ii) lennuettevõtja on lennuettevõtja sertifikaadi välja andnud liikmesriigi tõhusa ja jätkuva reguleeriva kontrolli all ning asjaomane lennundusamet on määramisel selgelt nimetatud ning

iii) lennuettevõtja on otse või enamusaktsiate kaudu liikmesriikide ja/või liikmesriikide kodanike ja/või 3. lisas loetletud muude riikide ja/või nende muude riikide kodanike omandis ning nende tõhusa kontrolli all;

3. Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsus võib liikmesriigi määratud lennuettevõtjale tegevus- või muude lubade andmisest keelduda, need tühistada, peatada või neid piirata, kui:

i) lennuettevõtja ei ole asutatud määrava liikmesriigi territooriumil vastavalt ELi aluslepingutele või kui sellel ei ole kehtivat lennutegevusluba kooskõlas Euroopa Liidu õigusega; või

ii) lennuettevõtja ei ole lennuettevõtja sertifikaadi välja andnud liikmesriigi tõhusa ja jätkuva reguleeriva kontrolli all või asjaomane lennundusamet ei ole määramisel selgelt nimetatud või

iii) lennuettevõtja ei ole otse või enamusaktsiate kaudu liikmesriikide ja/või liikmesriikide kodanike või teiste 3. lisas loetletud riikide ja/või teiste riikide kodanike omandis või nende tõhusa kontrolli all.

Käesolevast lõikest tulenevat õigust kasutades ei diskrimineeri Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsus Euroopa Liidu lennuettevõtjaid kodakondsuse põhjal.

ARTIKKEL 3

Ohutus

1. Käesoleva artikli lõige 2 täiendab 2. lisa punktis c loetletud artikleid.

2. Kui liikmesriik on määranud lennuettevõtja, mis on teise liikmesriigi reguleeriva kontrolli all, kohaldatakse Vietnami Sotsialistliku Vabariigi õigusi, mis tulenevad lennuettevõtja määranud liikmesriigi ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vahelise lepingu ohutusalastest sätetest, selle teise liikmesriigi ohutusnõuete vastuvõtmise, täitmise või säilitamise ning lennuettevõtjale tegevusloa andmise suhtes.

ARTIKKEL 4

Vastavus konkurentsieeskirjadele

1. Liikmesriikide ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vahel sõlmitud kahepoolsed lennunduslepingud ei piira lepinguosaliste konkurentsieeskirjade kohaldamist.

2. II lisa punktis d loetletud sätted kaotavad kehtivuse.

ARTIKKEL 5

Lepingu lisad

Käesoleva lepingu lisad moodustavad selle lahutamatu osa.

ARTIKKEL 6

Läbivaatamine või muutmine

Lepinguosalised võivad igal ajal vastastikusel kokkuleppel käesoleva lepingu läbi vaadata või seda muuta.

ARTIKKEL 7

Jõustumine ja ajutine kohaldamine

1. Käesolev leping jõustub kuupäeval, mil lepinguosalised on teineteisele kirjalikult teatanud, et nad on lõpetanud lepingu jõustumiseks vajalikud siseriiklikud menetlused.

2. Olenemata lõikest 1 nõustuvad lepinguosalised käesolevat lepingut ajutiselt kohaldama alates järgmise kuu esimesest päevast pärast seda, kui osalised on teatanud teineteisele lepingu jõustamiseks vajalike menetluste lõpetamisest.

3. I lisa punktis b on loetletud liikmesriikide ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vahelised lepingud ja muud kokkulepped, mis käesoleva lepingu allakirjutamise kuupäeval ei ole veel jõustunud ning mida ajutiselt ei kohaldata. Käesolevat lepingut kohaldatakse kõikide nende lepingute ja kokkulepete suhtes nende jõustumisest või ajutisest kohaldamisest alates.

ARTIKKEL 8

Lõpetamine

1. Kui I lisas loetletud leping lõpetatakse, lõpetatakse samal ajal ka kõik need käesoleva lepingu need sätted, mis on seotud asjaomase I lisas loetletud lepinguga.

2. Kui kõik I lisas loetletud lepingud lõpetatakse, lõpetatakse samal ajal ka käesolev leping.

SELLE KINNITUSEKS on täievolilised isikud lepingule alla kirjutanud.

Koostatud Brüsselis, 4. oktoober 2010 kahes eksemplaris bulgaaria, eesti, hispaania, hollandi, inglise, itaalia, kreeka, leedu, läti, malta, poola, portugali, prantsuse, rootsi, rumeenia, saksa, slovakkia, sloveenia, soome, taani, tšehhi ja ungari ning vietnami keeles.

ΣΥΜΦΩΝΙΑ

ΜΕΤΑΞΥ ΤΗΣ ΕΥΡΩΠΑΪΚΗΣ ΈΝΩΣΗΣ

ΚΑΙ ΤΗΣ ΚΥΒΕΡΝΗΣΗΣ ΤΗΣ ΣΟΣΙΑΛΙΣΤΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ ΤΟΥ ΒΙΕΤΝΑΜ

ΣΧΕΤΙΚΑ ΜΕ ΟΡΙΣΜΕΝΕΣ ΠΤΥΧΕΣ ΤΩΝ ΑΕΡΟΠΟΡΙΚΩΝ ΥΠΗΡΕΣΙΩΝ

Η ΕΥΡΩΠΑΪΚΗ ΈΝΩΣΗ,

αφενός, και

Η ΚΥΒΕΡΝΗΣΗ ΤΗΣ ΣΟΣΙΑΛΙΣΤΙΚΗΣ ΔΗΜΟΚΡΑΤΙΑΣ ΤΟΥ ΒΙΕΤΝΑΜ

αφετέρου,

(που στο εξής αποκαλούνται «τα μέρη»)

ΕΠΙΣΗΜΑΙΝΟΝΤΑΣ ότι οι διμερείς συμφωνίες αεροπορικών υπηρεσιών που έχουν συναφθεί μεταξύ δεκαεπτά κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ περιέχουν διατάξεις αντίθετες προς το δίκαιο της Ευρωπαϊκής Ένωσης,

ΕΠΙΣΗΜΑΙΝΟΝΤΑΣ ότι η Ευρωπαϊκή Ένωση έχει αποκλειστική αρμοδιότητα σε πλείονες πτυχές των διμερών συμφωνιών αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης και τρίτων χωρών,

ΕΠΙΣΗΜΑΙΝΟΝΤΑΣ ότι, βάσει του δικαίου της Ευρωπαϊκής Ένωσης, οι αερομεταφορείς της Ευρωπαϊκής Ένωσης που είναι εγκατεστημένοι σε κράτος μέλος έχουν ισότιμο δικαίωμα πρόσβασης στα αεροπορικά δρομολόγια μεταξύ κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης και τρίτων χωρών,

ΕΧΟΝΤΑΣ ΥΠΟΨΗ τις συμφωνίες μεταξύ της Ευρωπαϊκής Ένωσης και ορισμένων τρίτων χωρών, οι οποίες προβλέπουν τη δυνατότητα των υπηκόων των εν λόγω τρίτων χωρών να αποκτούν την κυριότητα αερομεταφορέων που έχουν λάβει άδεια εκμετάλλευσης σύμφωνα με το δίκαιο της Ευρωπαϊκής Ένωσης,

ΑΝΑΓΝΩΡΙΖΟΝΤΑΣ ότι ορισμένες διατάξεις των διμερών συμφωνιών αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, οι οποίες είναι αντίθετες προς το δίκαιο της Ευρωπαϊκής Ένωσης, πρέπει να συμφωνήσουν με αυτό, ούτως ώστε να διαμορφωθεί στέρεα νομική βάση για τις αεροπορικές υπηρεσίες μεταξύ της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ και να διαφυλαχθεί η συνέχεια των εν λόγω αεροπορικών υπηρεσιών,

ΕΠΙΣΗΜΑΙΝΟΝΤΑΣ ότι, κατά το δίκαιο της Ευρωπαϊκής Ένωσης, οι αερομεταφορείς δεν μπορούν, κατ αρχήν, να συνάπτουν συμφωνίες δυνάμενες να επηρεάσουν το εμπόριο ανάμεσα στα κράτη μέλη της Ευρωπαϊκής Ένωσης, οι οποίες έχουν ως αντικείμενο ή συνέπεια την πρόληψη, περιορισμό ή στρέβλωση του ανταγωνισμού,

ΑΝΑΓΝΩΡΙΖΟΝΤΑΣ ότι διατάξεις διμερών συμφωνιών αεροπορικών υπηρεσιών που έχουν συναφθεί ανάμεσα σε κράτη μέλη της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, οι οποίες (i) απαιτούν ή ευνοούν την υιοθέτηση συμφωνιών ανάμεσα σε επιχειρήσεις, αποφάσεων ενώσεων επιχειρήσεων ή εναρμονισμένων πρακτικών σχετικά με την πρόληψη, τον περιορισμό ή τη στρέβλωση του ανταγωνισμού ανάμεσα στους αερομεταφορείς στα σχετικά δρομολόγια, ή (ii) επιτείνουν τις επιπτώσεις μιας τέτοιας συμφωνίας, απόφασης ή εναρμονισμένης πρακτικής ή (iii) αναθέτουν στους αερομεταφορείς ή άλλους ιδιωτικούς οικονομικούς φορείς την ευθύνη λήψης μέτρων με στόχο την πρόληψη, περιορισμό ή στρέβλωση του ανταγωνισμού ανάμεσα στους αερομεταφορείς στα σχετικά δρομολόγια, μπορούν να καταστήσουν αναποτελεσματικούς τους περί ανταγωνισμού κανόνες που εφαρμόζονται έναντι των επιχειρήσεων,

ΕΠΙΣΗΜΑΙΝΟΝΤΑΣ ότι σκοπός της Ευρωπαϊκής Ένωσης, ως μέρους στις εν λόγω διαπραγματεύσεις, δεν είναι να αυξήσει το συνολικό όγκο της αεροπορικής κυκλοφορίας μεταξύ της Ευρωπαϊκής Ένωσης και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, να επηρεάσει το ισοζύγιο μεταξύ αερομεταφορέων της Ευρωπαϊκής Ένωσης και αερομεταφορέων της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, ούτε να διαπραγματευθεί τροποποιήσεις των διατάξεων των διμερών συμφωνιών αεροπορικών υπηρεσιών που υπάρχουν σχετικά με τα δικαιώματα κυκλοφορίας,

ΣΥΜΦΩΝΗΣΑΝ ΣΤΑ ΕΞΗΣ:

ΑΡΘΡΟ 1

Γενικές διατάξεις

1. Για τους σκοπούς της παρούσας συμφωνίας, ως «κράτη μέλη» νοούνται τα κράτη μέλη της Ευρωπαϊκής Ένωσης και ως «συνθήκες ΕΕ « νοούνται η συνθήκη για την Ευρωπαϊκή Ένωση και η συνθήκη για τη λειτουργία της Ευρωπαϊκής Ένωσης.

2. Σε κάθε συμφωνία που περιλαμβάνεται στο Παράρτημα 1, οι αναφορές σε υπηκόους του κράτους μέλους, το οποίο αποτελεί μέρος της συμφωνίας αυτής, νοούνται ως αναφορές σε υπηκόους των κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης.

3. Σε κάθε συμφωνία που περιλαμβάνεται στο Παράρτημα 1, οι αναφορές σε αερομεταφορείς ή αερογραμμές κράτους μέλους, το οποίο αποτελεί μέρος της συμφωνίας αυτής, νοούνται ως αναφορές σε αερομεταφορείς ή αερογραμμές που έχει καθορίσει το εν λόγω κράτος μέλος.

ΑΡΘΡΟ 2

Καθορισμός αερομεταφορέα από κράτος μέλος

1. Οι διατάξεις των παραγράφων 2 και 3 του παρόντος άρθρου αντικαθιστούν τις αντιστοιχούσες διατάξεις των άρθρων που παρατίθενται, αντιστοίχως, στα σημεία α) και β) του Παραρτήματος 2, αντιστοίχως, σε ό,τι αφορά τον καθορισμό αερομεταφορέα από το οικείο κράτος μέλος, τις άδειες εκμετάλλευσης και τις άδειες τεχνικής φύσεως που χορηγεί η κυβέρνηση της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, και σε ό,τι αφορά την απόρριψη, την ανάκληση, την αναστολή ή τον περιορισμό των αδειών εκμετάλλευσης ή των αδειών τεχνικής φύσεως του αερομεταφορέα, αντιστοίχως.

2. Η κυβέρνηση της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, μόλις λάβει καθορισμό αερομεταφορέα από κράτος μέλος, χορηγεί τις κατάλληλες άδειες εκμετάλλευσης και άδειες τεχνικής φύσεως, με την ελάχιστη διαδικαστική καθυστέρηση, με την προϋπόθεση ότι:

(i) ο αερομεταφορέας είναι εγκατεστημένος στο έδαφος του κράτους μέλους που τον έχει καθορίσει, με βάση τις συνθήκες ΕΕ, και έχει έγκυρη άδεια εκμετάλλευσης σύμφωνα με το δίκαιο της Ευρωπαϊκής Ένωσης· και

(ii) ο αερομεταφορέας υπόκειται σε ουσιαστικό ρυθμιστικό έλεγχο από το κράτος μέλος που είναι υπεύθυνο για την έκδοση του αντίστοιχου πιστοποιητικού αερομεταφορέα και η αντίστοιχη αεροπορική αρχή σημειώνεται με σαφήνεια στην πράξη καθορισμού· και

(iii) ο αερομεταφορέας τελεί υπό την κυριότητα, είτε άμεσα είτε με κατά πλειοψηφία συμμετοχή, και υπόκειται σε πραγματικό έλεγχο κρατών μελών ή/και υπηκόων κρατών μελών, ή/και άλλων κρατών αναφερόμενων στο Παράρτημα 3 ή/και υπηκόων των συγκεκριμένων άλλων κρατών.

3. Η κυβέρνηση της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ δύναται να απορρίψει, να ανακαλέσει, να αναστείλει ή να περιορίσει τις άδειες εκμετάλλευσης ή τις άδειες τεχνικής φύσεως ενός αερομεταφορέα που έχει καθορίσει κράτος μέλος, εφόσον:

(i) ο αερομεταφορέας δεν είναι εγκατεστημένος στο έδαφος του κράτους μέλους που τον έχει καθορίσει, με βάση τις συνθήκες ΕΕ, ή δεν διαθέτει έγκυρη άδεια εκμετάλλευσης σύμφωνα με το δίκαιο της Ευρωπαϊκής Ένωσης· ή

(ii) το κράτος μέλος που είναι υπεύθυνο για την έκδοση του αντίστοιχου πιστοποιητικού αερομεταφορέα δεν ασκεί ή δεν διατηρεί πραγματικό ρυθμιστικό έλεγχο του αερομεταφορέα, ή εφόσον στην πράξη καθορισμού του αερομεταφορέα δεν σημειώνεται με σαφήνεια η αρμόδια αεροναυτική αρχή· ή

(iii) ο αερομεταφορέας δεν τελεί υπό την κυριότητα, είτε άμεσα είτε με κατά πλειοψηφία συμμετοχή, ή υπό τον πραγματικό έλεγχο, κρατών μελών ή/και υπηκόων κρατών μελών, ή/και άλλων κρατών αναφερόμενων στο Παράρτημα 3 ή/και υπηκόων των συγκεκριμένων άλλων κρατών.

Κατά την άσκηση των δικαιωμάτων της βάσει της παρούσας παραγράφου, η κυβέρνηση της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ δεν εισάγει διακρίσεις μεταξύ αερομεταφορέων της Ευρωπαϊκής Ένωσης για λόγους εθνικότητας.

ΑΡΘΡΟ 3

Ασφάλεια πτήσεων

1. Οι διατάξεις της παραγράφου 2 του παρόντος άρθρου συμπληρώνουν τα άρθρα που περιλαμβάνονται στο Παράρτημα 2 στοιχείο γ).

2. Εφόσον ένα κράτος μέλος έχει καθορίσει αερομεταφορέα, στον οποίο ασκείται ρυθμιστικός έλεγχος από άλλο κράτος μέλος, τα δικαιώματα της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ με βάση τις διατάξεις ασφαλείας πτήσεων της συμφωνίας μεταξύ του κράτους μέλους που έχει καθορίσει τον αερομεταφορέα και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ εφαρμόζονται εξίσου σε ό,τι αφορά την έκδοση, την εφαρμογή ή τη διατήρηση των προτύπων ασφαλείας πτήσεων από το εν λόγω άλλο κράτος μέλος και σε ό,τι αφορά την άδεια εκμετάλλευσης του αερομεταφορέα.

ΑΡΘΡΟ 4

Συμβατότητα με τους κανόνες ανταγωνισμού

1. Διμερείς συμφωνίες αεροπορικών υπηρεσιών συναπτόμενες μεταξύ κρατών μελών και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ δεν θίγουν τους περί ανταγωνισμού κανόνες των μερών.

2. Οι απαριθμούμενες στο Παράρτημα 2 στοιχείο δ) διατάξεις παύουν να παράγουν αποτελέσματα.

ΑΡΘΡΟ 5

Παραρτήματα της συμφωνίας

Τα Παραρτήματα της παρούσας συμφωνίας αποτελούν αναπόσπαστο μέρος αυτής.

ΑΡΘΡΟ 6

Αναθεώρηση ή τροποποίηση

Τα μέρη δύνανται, ανά πάσα στιγμή, να αναθεωρήσουν ή να τροποποιήσουν την παρούσα συμφωνία, με κοινή συναίνεση.

ΑΡΘΡΟ 7

Έναρξη ισχύος και προσωρινή εφαρμογή

1. Η παρούσα συμφωνία τίθεται σε ισχύ από τη στιγμή που τα μέρη κοινοποιήσουν εκατέρωθεν γραπτώς ότι έχουν ολοκληρώσει τις αντίστοιχες εσωτερικές τους διαδικασίες που είναι αναγκαίες για την έναρξη ισχύος της συμφωνίας.

2. Παρά την παράγραφο 1, τα μέρη συμφωνούν να εφαρμόζουν προσωρινά την παρούσα συμφωνία από την πρώτη ημέρα του μήνα που έπεται της ημερομηνίας κατά την οποία τα μέρη θα έχουν κοινοποιήσει εκατέρωθεν την ολοκλήρωση των αναγκαίων για τον σκοπό αυτό διαδικασιών.

3. Οι συμφωνίες και άλλες ρυθμίσεις μεταξύ κρατών μελών και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, οι οποίες, κατά την ημερομηνία υπογραφής της παρούσας συμφωνίας, δεν έχουν ακόμη τεθεί σε ισχύ ούτε εφαρμόζονται προσωρινά, παρατίθενται στο Παράρτημα 1 σημείο β). Η παρούσα συμφωνία εφαρμόζεται σε όλες αυτές τις συμφωνίες και ρυθμίσεις από την έναρξη ισχύος ή προσωρινής εφαρμογής τους.

ΑΡΘΡΟ 8

Καταγγελία

1. Σε περίπτωση καταγγελίας συμφωνίας περιλαμβανόμενης στο Παράρτημα 1, όλες οι διατάξεις της παρούσας συμφωνίας που σχετίζονται με τη συμφωνία που περιλαμβάνεται στο Παράρτημα 1 καταγγέλλονται ταυτόχρονα.

2. Σε περίπτωση που όλες οι συμφωνίες που περιλαμβάνονται στο Παράρτημα 1 καταγγελθούν, η παρούσα συμφωνία καταγγέλλεται ταυτόχρονα.

ΣΕ ΠΙΣΤΩΣΗ ΤΩΝ ΑΝΩΤΕΡΩ, οι υπογεγραμμένοι πληρεξούσιοι, δεόντως εξουσιοδοτημένοι προς τούτο, υπέγραψαν την παρούσα συμφωνία.

Έγινε στις Βρυξέλλες, στις 4 Οκτωβρίου 2010, εις διπλούν, στην αγγλική, γαλλική, γερμανική, δανική, ελληνική, εσθονική, ισπανική, ιταλική, λεττονική, λιθουανική, μαλτέζικη, ολλανδική, ουγγρική, πολωνική, πορτογαλική, σλοβακική, σλοβενική, σουηδική, τσεχική, φινλανδική και βιετναμική γλώσσα.

AGREEMENT
BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND THE EUROPEAN UNION
ON CERTAIN ASPECTS OF AIR SERVICES

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM,

of the one part, and

THE EUROPEAN UNION,

of the other part,

(hereinafter referred to as "the Parties"),

NOTING that bilateral air service agreements have been concluded between seventeen Member States of the European Union and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam containing provisions contrary to the law of the European Union;

NOTING that the European Union has exclusive competence with respect to several aspects that may be included in bilateral air service agreements between Member States of the European Union and third countries;

NOTING that under the law of the European Union, European Union air carriers established in a Member State have the right to non-discriminatory access to air routes between the Member States of the European Union and third countries;

HAVING REGARD to the agreements between the European Union and certain third countries providing for the possibility for the nationals of such third countries to acquire ownership in air carriers licensed in accordance with the law of the European Union;

RECOGNISING that certain provisions of the bilateral air service agreements between Member States of the European Union and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, which are contrary to the law of the European Union, must be brought into conformity with it in order to establish a sound legal basis for air services between the European Union and the Socialist Republic of Viet Nam and to preserve the continuity of such air services;

NOTING that under the law of the European Union, air carriers may not, in principle, conclude agreements which may affect trade between Member States of the European Union and which have as their object or effect the prevention, restriction or distortion of competition;

RECOGNISING that provisions in bilateral air service agreements concluded between Member States of the European Union and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam which (i) require or favour the adoption of agreements between undertakings, decisions by associations of undertakings or concerted practices that prevent, distort or restrict competition between air carriers on the relevant routes; or (ii) reinforce the effects of any such agreement, decision or concerted practice; or (iii) delegate to air carriers or other private economic operators the responsibility for taking measures that prevent, distort or restrict competition between air carriers on the relevant routes may render ineffective the competition rules applicable to undertakings;

NOTING that it is not a purpose of the European Union, as part of these negotiations, to increase the total volume of air traffic between the European Union and the Socialist Republic of Viet Nam, to affect the balance between European Union air carriers and air carriers of the Socialist Republic of Viet Nam, or to negotiate amendments to the provisions of existing bilateral air service agreements concerning traffic rights,

HAVE AGREED AS FOLLOWS:

ARTICLE 1

General provisions

1. For the purposes of this Agreement, "Member States" shall mean Member States of the European Union and "EU Treaties" shall mean the Treaty on the European Union and the Treaty on the Functioning of the European Union.

2. References in each of the agreements listed in Annex 1 to nationals of the Member State that is a party to that agreement shall be understood as referring to nationals of the Member States of the European Union.

3. References in each of the agreements listed in Annex 1 to air carriers or airlines of the Member State that is a party to that agreement shall be understood as referring to air carriers or airlines designated by that Member State.

ARTICLE 2

Designation by a Member State

1. The provisions in paragraphs 2 and 3 of this Article shall supersede the corresponding provisions in the articles listed in Annex 2(a) and (b) respectively, in relation to the designation of an air carrier by the Member State concerned, its authorisations and permissions granted by the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, and the refusal, revocation, suspension or limitation of the authorisations or permissions of the air carrier, respectively.

2. On receipt of a designation by a Member State, the Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall grant the appropriate authorisations and permissions with minimum procedural delay, provided that:

(i) the air carrier is established in the territory of the designating Member State under the EU Treaties and has a valid Operating Licence in accordance with the law of the European Union; and

(ii) effective regulatory control of the air carrier is exercised and maintained by the Member State responsible for issuing its Air Operators Certificate and the relevant aeronautical authority is clearly identified in the designation; and

(iii) the air carrier is owned, directly or through majority ownership, and it is effectively controlled by Member States and/or nationals of Member States, and/or by other states listed in Annex 3 and/or nationals of such other states.

3. The Government of the Socialist Republic of Viet Nam may refuse, revoke, suspend or limit the authorisations or permissions of an air carrier designated by a Member State where:

(i) the air carrier is not established in the territory of the designating Member State under the EU Treaties or does not have a valid Operating Licence in accordance with the law of the European Union; or

(ii) effective regulatory control of the air carrier is not exercised or not maintained by the Member State responsible for issuing its Air Operators Certificate, or the relevant aeronautical authority is not clearly identified in the designation; or

(iii) the air carrier is not owned, directly or through majority ownership, or it is not effectively controlled by Member States and/or nationals of Member States, and/or by other states listed in Annex 3 and/or nationals of such other states.

In exercising its right under this paragraph, the Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall not discriminate between European Union air carriers on the grounds of nationality.

ARTICLE 3

Safety

1. The provisions in paragraph 2 of this Article shall complement the articles listed in Annex 2(c).

2. Where a Member State has designated an air carrier whose regulatory control is exercised and maintained by another Member State, the rights of the Socialist Republic of Viet Nam under the safety provisions of the agreement between the Member State that has designated the air carrier and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall apply equally in respect of the adoption, exercise or maintenance of safety standards by that other Member State and in respect of the operating authorisation of that air carrier.

ARTICLE 4

Compatibility with competition rules

1. Bilateral air service agreements concluded between Member States and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall be without prejudice to the competition rules of the Parties.

2. The provisions listed in Annex 2(d) shall cease to have effect.

ARTICLE 5

Annexes to the Agreement

The Annexes to this Agreement shall form an integral part thereof.

ARTICLE 6

Revision or amendment

The Parties may, at any time, revise or amend this Agreement by mutual consent.

ARTICLE 7

Entry into force and provisional application

1. This Agreement shall enter in force when the Parties have notified each other in writing that their respective internal procedures necessary for its entry into force have been completed.

2. Notwithstanding paragraph 1, the Parties agree to provisionally apply this Agreement from the first day of the month following the date on which the Parties have notified each other of the completion of the procedures necessary for this purpose.

3. Agreements and other arrangements between Member States and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam which, at the date of signature of this Agreement, have not yet entered into force and are not being applied provisionally are listed in Annex I(b). This Agreement shall apply to all such Agreements and arrangements upon their entry into force or provisional application.

ARTICLE 8

Termination

1. In the event that an agreement listed in Annex 1 is terminated, all provisions of this Agreement that relate to the agreement listed in Annex 1 concerned shall terminate at the same time.

2. In the event that all agreements listed in Annex 1 are terminated, this Agreement shall terminate at the same time.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorised, have signed this Agreement.

Done at Brussels in duplicate, on 4 October 2010 in the Vietnamese, Bulgarian, Czech, Danish, Dutch, English, Estonian, Finnish, French, German, Greek, Hungarian, Italian, Latvian, Lithuanian, Maltese, Polish, Portuguese, Romanian, Slovak, Slovene, Spanish and Swedish languages.

ACCORD
ENTRE L'UNION EUROPÉENNE
ET LE GOUVERNEMENT DE LA RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIÊT NAM
SUR CERTAINS ASPECTS
DES SERVICES AÉRIENS

L'UNION EUROPÉENNE,

d'une part, et

LE GOUVERNEMENT DE LA RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIÊT NAM,

d'autre part,

(ci-après dénommées "les parties"),

CONSTATANT que des accords bilatéraux relatifs aux services aériens contenant des dispositions contraires à la législation de l'Union européenne ont été conclus entre dix-sept États membres de l'Union européenne et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam;

CONSTATANT que l'Union européenne jouit d'une compétence exclusive pour ce qui concerne plusieurs aspects qui peuvent être couverts par des accords bilatéraux relatifs aux services aériens conclus entre les États membres de l'Union européenne et des pays tiers;

CONSTATANT qu'en vertu du droit de l'Union européenne, les transporteurs aériens de l'Union européenne établis dans un État membre ont un droit d'accès non discriminatoire aux liaisons entre les États membres de l'Union européenne et les pays tiers;

VU les accords entre l'Union européenne et certains pays tiers prévoyant, pour les ressortissants de ces pays tiers, la possibilité de devenir propriétaires de transporteurs aériens titulaires d'une licence octroyée conformément à la législation de l'Union européenne;

RECONNAISSANT que certaines dispositions des accords bilatéraux relatifs aux services aériens conclus entre les États membres de l'Union européenne et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam qui sont contraires au droit de l'Union européenne doivent lui être rendues conformes, de manière à établir une base juridique adéquate pour les services aériens entre l'Union européenne et la République socialiste du Viêt Nam, et à préserver la continuité de ces services;

CONSTATANT que le droit de l'Union européenne interdit en principe aux transporteurs aériens de conclure des accords aptes à affecter les échanges entre les États membres de l'Union européenne et ayant pour objet ou effet d'empêcher, de restreindre ou de fausser la concurrence;

RECONNAISSANT que les dispositions des accords bilatéraux relatifs aux services aériens conclus entre des États membres de l'Union européenne et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam qui i) requièrent ou favorisent l'adoption d'accords entre entreprises, de décisions d'associations d'entreprises ou de pratiques concertées qui empêchent, faussent ou restreignent la concurrence entre transporteurs aériens sur les liaisons concernées; ou ii) qui renforcent les effets de tout accord, décision ou pratique concertée de ce genre; ou iii) qui délèguent à des transporteurs aériens ou à d'autres agents économiques privés la responsabilité de prendre des mesures empêchant, faussant ou restreignant la concurrence entre transporteurs aériens sur les liaisons concernées, sont aptes à rendre inefficaces les règles de concurrence applicables aux entreprises;

CONSTATANT que l'Union européenne n'a pas pour objectif, dans le cadre de ces négociations, d'augmenter le volume total du trafic aérien entre l'Union européenne et la République socialiste du Viêt Nam, de compromettre l'équilibre entre les transporteurs aériens de l'Union européenne et les transporteurs aériens de la République socialiste du Viêt Nam ou de négocier des amendements aux dispositions des accords bilatéraux relatifs aux services aériens en ce qui concerne les droits de trafic,

SONT CONVENUES DES DISPOSITIONS SUIVANTES:

ARTICLE 1

Dispositions générales

1. Aux fins du présent accord, on entend par "États membres" les États membres de l'Union européenne et par "traités de l'UE", le traité sur l'Union européenne et le traité sur le fonctionnement de l'Union européenne.

2. Dans chacun des accords énumérés à l'annexe 1, les références faites aux ressortissants de l'État membre qui est partie à cet accord s'entendent comme des références aux ressortissants des États membres de l'Union européenne.

3. Dans chacun des accords énumérés à l'annexe 1, les références faites aux transporteurs ou aux compagnies aériennes de l'État membre qui est partie à cet accord s'entendent comme des références aux transporteurs ou aux compagnies aériennes désignés par cet État membre.

ARTICLE 2

Désignation par un État membre

1. Les dispositions des paragraphes 2 et 3 prévalent sur les dispositions correspondantes des articles énumérés à l'annexe 2, point a) et point b), respectivement, quant à la désignation d'un transporteur aérien par l'État membre concerné, aux autorisations et permis qui lui ont été accordés par le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam et au refus, à la révocation, à la suspension ou à la limitation des autorisations ou permis du transporteur aérien, respectivement.

2. Dès réception de la désignation par un État membre, le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam accorde les autorisations et permis appropriés avec un délai de procédure minimum, pour autant:

i) que le transporteur aérien soit établi, au sens des traités de l'UE, sur le territoire de l'État membre qui a fait la désignation et ait reçu une licence d'exploitation valable conformément au droit de l'Union européenne; et

ii) qu'un contrôle réglementaire effectif du transporteur aérien soit exercé et maintenu par l'État membre responsable de la délivrance de son certificat de transporteur aérien et que l'autorité aéronautique compétente soit clairement identifiée dans la désignation; et

iii) que le transporteur aérien soit détenu et effectivement contrôlé, directement ou par une participation majoritaire, par des États membres et/ou des ressortissants des États membres, ou par d'autres États énumérés à l'annexe 3 et/ou des ressortissants de ces autres États.

3. Le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam peut refuser, révoquer, suspendre ou limiter les autorisations ou permis d'un transporteur aérien désigné par un État membre:

i) lorsque le transporteur aérien n'est pas établi, au sens des traités de l'UE, sur le territoire de l'État membre l'ayant désigné, ou ne possède pas de licence d'exploitation valable conformément au droit de l'Union européenne; ou

ii) lorsque le contrôle réglementaire effectif du transporteur aérien n'est pas exercé ou maintenu par l'État membre responsable de la délivrance de son certificat de transporteur aérien, ou que l'autorité aéronautique compétente n'est pas clairement identifiée dans la désignation; ou

iii) lorsque le transporteur aérien n'est pas détenu, directement ou par à une participation majoritaire, ou effectivement contrôlé par des États membres et/ou des ressortissants des États membres, et/ou par d'autres États énumérés à l'annexe 3 et/ou des ressortissants de ces autres États.

Lorsque le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam fait valoir ses droits conformément au présent paragraphe, elle n'opère pas de discrimination fondée sur la nationalité entre les transporteurs aériens de l'Union européenne.

ARTICLE 3

Sécurité

1. Les dispositions du paragraphe 2 du présent article complètent les articles énumérés à l'annexe 2, point c).

2. Lorsqu'un État membre a désigné un transporteur aérien dont le contrôle réglementaire est exercé et maintenu par un autre État membre, les droits de la République socialiste du Viêt Nam dans le cadre des dispositions relatives à la sécurité contenues dans l'accord conclu entre l'État membre qui a désigné le transporteur aérien et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam s'appliquent de manière identique en ce qui concerne l'adoption, l'exercice ou le maintien de normes de sécurité par cet autre État membre et en ce qui concerne la licence d'exploitation délivrée à ce transporteur aérien.

ARTICLE 4

Compatibilité avec les règles de concurrence

1. Les accords bilatéraux en matière de services aériens conclus entre les États membres et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam ne portent pas atteinte aux règles de concurrences des parties.

2. Les dispositions énumérées à l'annexe 2, point d) cessent d'avoir des effets.

ARTICLE 5

Annexes de l'accord

Les annexes du présent accord font partie intégrante de celui-ci.

ARTICLE 6

Révision ou modification

Les parties peuvent, à tout moment, réviser ou modifier le présent accord par consentement mutuel.

ARTICLE 7

Entrée en vigueur et application provisoire

1. Le présent accord entre en vigueur à la date à laquelle les parties se sont mutuellement notifié par écrit l'accomplissement des procédures internes respectives nécessaires à cet effet.

2. Nonobstant le paragraphe 1, les parties contractantes conviennent d'appliquer provisoirement le présent accord à compter du premier jour du mois suivant la date à laquelle les parties se sont mutuellement notifié l'accomplissement des procédures nécessaires.

3. Les accords et autres arrangements entre les États membres et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam qui, à la date de la signature du présent accord, ne sont pas encore entrés en vigueur et ne font pas l'objet d'une application provisoire sont énumérés à l'annexe 1, point b). Le présent accord s'applique à tous ces accords et arrangements à la date de leur entrée en vigueur ou de leur application provisoire.

ARTICLE 8

Dénonciation

1. La dénonciation d'un des accords énumérés à l'annexe 1 entraîne la dénonciation simultanée de toutes les dispositions du présent accord relatives à l'accord en question.

2. La dénonciation de tous les accords énumérés à l'annexe 1 entraîne la dénonciation simultanée du présent accord.

EN FOI DE QUOI les soussignés, à ce dûment autorisés, ont signé le présent accord.

Fait en double exemplaire à Bruxelles, le 4 octobre 2010, en langues allemande, anglaise, bulgare, danoise, espagnole, estonienne, finnoise, française, grecque, hongroise, italienne, lettone, lituanienne, maltaise, néerlandaise, polonaise, portugaise, roumaine, slovaque, slovène, suédoise, tchèque et vietnamienne.

ACCORDO
TRA L'UNIONE EUROPEA
E IL GOVERNO DELLA REPUBBLICA SOCIALISTA DEL VIETNAM
SU ALCUNI ASPETTI RELATIVI AI SERVIZI AEREI

L'UNIONE EUROPEA,

da una parte, e

IL GOVERNO DELLA REPUBBLICA SOCIALISTA DEL VIETNAM

dall'altra,

(in appresso denominate "le Parti")

CONSTATANDO che diciassette Stati membri dell'Unione europea e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam hanno concluso accordi bilaterali in materia di servizi aerei che contengono disposizioni in contrasto col diritto dell'Unione europea;

CONSTATANDO che l'Unione europea dispone di una competenza esclusiva in relazione a diversi aspetti che possono essere disciplinati dagli accordi bilaterali sui servizi aerei conclusi dagli Stati membri dell'Unione europea con i paesi terzi;

CONSTATANDO che, in virtù della legislazione dell'Unione europea, i vettori dell'Unione stabiliti in uno Stato membro hanno diritto a un accesso senza discriminazioni alle rotte aeree fra gli Stati membri dell'Unione europea e i paesi terzi;

VISTI gli accordi fra l'Unione europea ed alcuni paesi terzi che prevedono, per i cittadini di tali paesi, la possibilità di acquisire la proprietà di vettori aerei titolari di una licenza rilasciata in conformità con la legislazione dell'Unione europea;

RICONOSCENDO che alcune disposizioni degli accordi bilaterali sui servizi aerei conclusi tra gli Stati membri dell'Unione europea e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam che sono in contrasto con la legislazione dell'Unione europea devono essere rese integralmente conformi a quest'ultima, in modo da istituire un fondamento giuridico valido per la prestazione dei servizi aerei tra l'Unione europea e la Repubblica socialista del Vietnam e per garantire la continuità di tali servizi aerei;

CONSTATANDO che i vettori che operano in conformità del diritto dell'Unione europea non possono, in linea di principio, concludere accordi che possano pregiudicare il commercio fra Stati membri dell'Unione europea e che abbiano per oggetto o per effetto di impedire, restringere o falsare il gioco della concorrenza;

RICONOSCENDO che le disposizioni degli accordi bilaterali sui servizi aerei conclusi fra gli Stati membri dell'Unione europea e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam che
i) comportano o favoriscono l'adozione di accordi tra imprese, decisioni di associazioni di imprese o pratiche concordate che impediscono, restringono o falsano il gioco della concorrenza fra vettori aerei sulle relative rotte; o ii) rafforzano gli effetti di tali accordi, decisioni o pratiche concordate; o iii) delegano ai vettori aerei o ad altri operatori economici privati la responsabilità di adottare misure che impediscono, falsano o restringono la concorrenza fra vettori aerei sulle relative rotte, possono rendere inefficaci le norme sulla concorrenza applicabili alle imprese;

CONSTATANDO che l'Unione europea non ha l'intenzione, nell'ambito di questi negoziati, di accrescere il volume totale del traffico aereo fra l'Unione europea e la Repubblica socialista del Vietnam, di compromettere l'equilibrio fra i vettori dell'Unione europea e i vettori della Repubblica socialista del Vietnam, né di negoziare emendamenti alle disposizioni dei vigenti accordi bilaterali sui servizi aerei in relazione ai diritti di traffico,

HANNO CONVENUTO QUANTO SEGUE:

ARTICOLO 1

Disposizioni generali

1. Ai fini del presente accordo, per "Stati membri" si intendono gli Stati membri dell'Unione europea e per "trattati UE" si intendono il trattato sull'Unione europea e il trattato sul funzionamento dell'Unione europea.

2. In ciascuno degli accordi elencati nell'allegato 1, i riferimenti ai cittadini dello Stato membro che è parte di tale accordo si intendono fatti ai cittadini degli Stati membri dell'Unione europea.

3. In ciascuno degli accordi elencati nell'allegato 1, i riferimenti ai vettori o alle compagnie aeree dello Stato membro che è parte di tale accordo si intendono fatti ai vettori o alle compagnie aeree designate da tale Stato.

ARTICOLO 2

Designazione da parte di uno Stato membro

1. Le disposizioni di cui ai paragrafi 2 e 3 del presente articolo sostituiscono le corrispondenti disposizioni degli articoli di cui all'allegato 2, lettera a) e lettera b), in relazione alla designazione dei vettori aerei da parte dello Stato membro interessato, alle autorizzazioni e permessi ad essi rilasciati dal Governo della Repubblica socialista del Vietnam, nonché al rifiuto, alla revoca, alla sospensione o alla limitazione di tali autorizzazioni o permessi.

2. Una volta ricevuta la designazione da parte di uno Stato membro, il Governo della Repubblica socialista del Vietnam rilascia gli opportuni permessi e autorizzazioni con tempi procedurali minimi, a condizione che:

i) il vettore sia stabilito nel territorio dello Stato membro che ha proceduto alla designazione a norma dei trattati UE e che sia in possesso di una licenza di esercizio valida ai sensi del trattato sull'Unione europea; e

ii) lo Stato membro competente per il rilascio del certificato di operatore aereo (COA) eserciti e mantenga l'effettivo controllo regolamentare sul vettore aereo e che l'autorità aeronautica competente sia chiaramente indicata nella designazione; nonché

iii) il vettore aereo appartenga direttamente o tramite partecipazione maggioritaria a Stati membri e/o a cittadini di Stati membri e/o ad altri Stati indicati nell'allegato 3 e/o a cittadini di questi altri Stati, e sia da questi effettivamente controllato.

3. Il Governo della Repubblica socialista del Vietnam può rifiutare, revocare, sospendere o limitare le autorizzazioni o i permessi di un vettore aereo designato da uno Stato membro qualora:

i) il vettore non sia stabilito nel territorio dello Stato membro che ha proceduto alla designazione a norma dei trattati UE ovvero non possieda una licenza di esercizio valida ai sensi del trattato sull'Unione europea; o

ii) lo Stato membro competente per il rilascio del certificato di operatore aereo (COA) non eserciti o non mantenga l'effettivo controllo regolamentare sul vettore aereo o l'autorità aeronautica competente non sia chiaramente indicata nella designazione; o

iii) il vettore aereo non appartenga direttamente o tramite partecipazione maggioritaria a Stati membri e/o a cittadini di Stati membri e/o ad altri Stati indicati nell'allegato 3 e/o a cittadini di questi altri Stati, o non sia da questi effettivamente controllato.

Il Governo della Repubblica socialista del Vietnam esercita i diritti di cui al presente paragrafo senza discriminare i vettori aerei dell'Unione europea in base alla loro nazionalità.

ARTICOLO 3

Sicurezza

1. Le disposizioni di cui al paragrafo 2 del presente articolo integrano le corrispondenti disposizioni degli articoli di cui all'allegato 2, lettera c).

2. Se uno Stato membro ha designato un vettore aereo il cui controllo regolamentare è esercitato e mantenuto da un altro Stato membro, i diritti della Repubblica socialista del Vietnam in relazione alle disposizioni sulla sicurezza contenute nell'accordo fra lo Stato membro che ha designato il vettore e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam si applicano parimenti all'adozione, all'esercizio o al mantenimento di norme di sicurezza da parte dell'altro Stato membro e per quanto riguarda l'autorizzazione all'esercizio rilasciata a tale vettore aereo.

ARTICOLO 4

Compatibilità con le norme sulla concorrenza

1. Gli accordi bilaterali sui servizi aerei conclusi fra gli Stati membri e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam non pregiudicano le norme delle parti in materia di concorrenza.

2. Le disposizioni di cui all'allegato 2, lettera d), cessano di avere effetto.

ARTICOLO 5

Allegati all'accordo

Gli allegati del presente accordo costituiscono parte integrante dello stesso.

ARTICOLO 6

Revisione o modifica

Le Parti possono rivedere o modificare il presente accordo in qualsiasi momento mediante reciproco consenso.

ARTICOLO 7

Entrata in vigore e applicazione transitoria

1. Il presente accordo entra in vigore alla data in cui le Parti si sono reciprocamente notificate per iscritto l'avvenuto espletamento delle rispettive procedure interne necessarie per la sua entrata in vigore.

2. In deroga al paragrafo 1, le Parti convengono di applicare in via transitoria il presente accordo dal primo giorno del mese successivo alla data alla quale le Parti si sono notificate l'avvenuto espletamento delle procedure necessarie a questo fine.

3. Gli accordi e le altre intese concluse tra Stati membri e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam che, alla data della firma del presente accordo, non siano ancora entrati in vigore e non siano applicati in via transitoria sono indicati all'allegato 1, lettera b). Il presente accordo si applica a tutti questi accordi ed intese alla data della loro entrata in vigore o della loro applicazione transitoria.

ARTICOLO 8

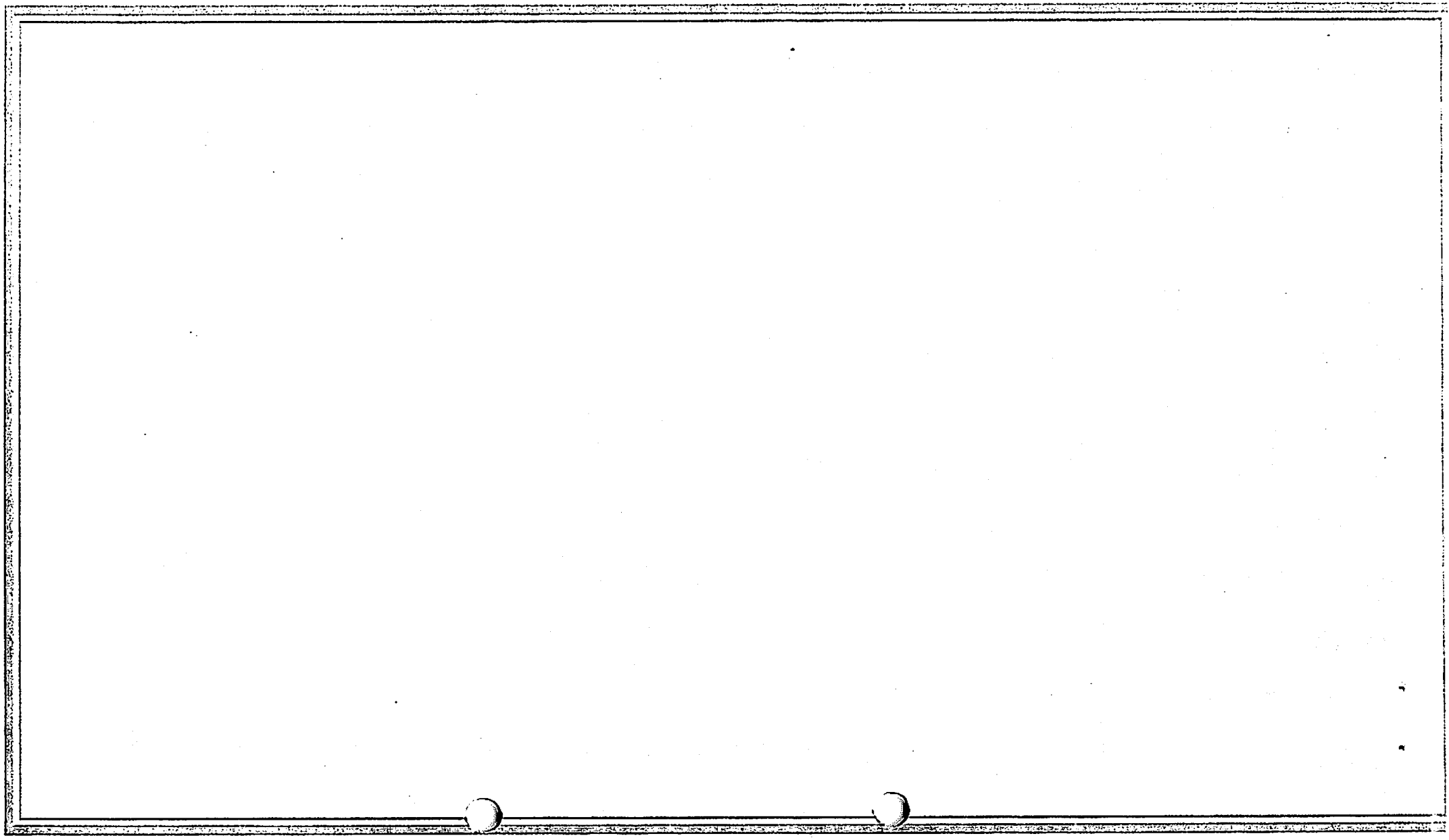
Cessazione

1. La cessazione di uno degli accordi di cui all'allegato 1 comporta automaticamente l'inefficacia di tutte le disposizioni del presente accordo relative all'accordo in questione.

2. La cessazione di tutti gli accordi di cui all'allegato 1 comporta automaticamente l'inefficacia delle disposizioni del presente accordo.

IN FEDE DI CHE i sottoscritti, debitamente autorizzati, hanno firmato il presente accordo.

Fatto a Bruxelles in duplice esemplare, addì 4 ottobre 2010 nelle lingue bulgara, ceca, danese, estone, finnica, francese, greca, inglese, italiana, lettone, lituana, maltese, olandese, polacca, portoghese, romena, slovacca, slovena, spagnola, svedese, tedesca, ungherese e vietnamita.



NOLĪGUMS
STARP EIROPAS SAVIENĪBU
UN VJETNAMAS SOCIĀLISTISKĀS REPUBLIKAS VALDĪBU
PAR DAŽIEM GAISA PĀRVADĀJUMU ASPEKTIEM

EU/VN/lv 1

EIROPAS SAVIENĪBA,

no vienas puses, un

VJETNAMAS SOCIĀLISTISKĀS REPUBLIKAS VALDĪBA,

no otras puses,

(turpmāk "Puses"),

IEVĒROJOT, ka starp septiņpadsmit Eiropas Savienības dalībvalstīm un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību ir noslēgti divpusēji gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumi, kuros iekļauti noteikumi, kas ir pretrunā Eiropas Savienības tiesību aktiem.

IEVĒROJOT, ka Eiropas Savienībai ir ekskluzīva kompetence vairākos aspektos, uz ko var attiekties divpusēji gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumi, kuri noslēgti starp Eiropas Savienības dalībvalstīm un trešām valstīm.

IEVĒROJOT, ka saskaņā ar Eiropas Savienības tiesību aktiem Eiropas Savienības gaisa pārvadātājiem, kas reģistrēti kādā dalībvalstī, ir tiesības nediskriminējoši piekļūt lidojuma maršrutiem starp Eiropas Savienības dalībvalstīm un trešām valstīm.

ŅEMOT VĒRĀ nolīgumus starp Eiropas Savienību un dažām trešām valstīm, kuros šo trešo valstu valstspiederīgajiem paredzēta iespēja kļūt par tādu gaisa pārvadātāju īpašniekiem, kam piešķirta licence saskaņā ar Eiropas Savienības tiesību aktiem.

ATZĪSTOT, ka daži noteikumi, kas iekļauti starp Eiropas Savienības dalībvalstīm un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību noslēgtajos divpusējos gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumos un kas ir pretrunā Eiropas Savienības tiesību aktiem, jāsaskaņo ar šiem tiesību aktiem, tādējādi izveidojot labu juridisko pamatu gaisa pārvadājumiem starp Eiropas Savienību un Vjetnamas Sociālistisko Republiku un saglabājot šādu gaisa pārvadājumu nepārtrauktību.

IEVĒROJOT, ka saskaņā ar Eiropas Savienības tiesību aktiem gaisa pārvadātāji principā nedrīkst slēgt nolīgumus, kuri var ietekmēt tirdzniecību starp Eiropas Savienības dalībvalstīm un kuru mērķis vai iedarbība ir nepieļaut, ierobežot vai traucēt konkurenci.

ATZĪSTOT, ka noteikumi, kas iekļauti divpusējos gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumos starp Eiropas Savienības dalībvalstīm un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību un kas i) paredz pieņemt vai atbalsta nolīgumus starp uzņēmumiem, arī – uzņēmumu apvienību lēmumus vai saskaņotas darbības, ar kurām nepieļauj, izkropļo vai ierobežo konkurenci starp gaisa pārvadātājiem attiecīgajos maršrutos, vai ii) pastiprina šādu nolīgumu, lēmumu vai saskaņotu darbību ietekmi, vai iii) deleģē gaisa pārvadātājiem vai citiem privātiem uzņēmējiem atbildību par tādu pasākumu veikšanu, lai nepieļautu, kropļotu vai ierobežotu konkurenci starp gaisa pārvadātājiem attiecīgajos maršrutos, var padarīt neefektīvus uzņēmumiem piemērojamos konkurences noteikumus.

IEVĒROJOT, ka Eiropas Savienības mērķis šajās sarunās nav palielināt kopējo gaisa pārvadājumu apjomu starp Eiropas Savienību un Vjetnamas Sociālistisko Republiku, ietekmēt līdzsvaru starp Eiropas Savienības gaisa pārvadātājiem un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas gaisa pārvadātājiem vai apspriest grozījumus spēkā esošo divpusējo gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumu noteikumos, kas attiecas uz satiksmes tiesībām,

IR VIENOJUŠĀS PAR TURPMĀKO.

1. PANTS

Vispārīgi noteikumi

1. Šajā nolīgumā "dalībvalstis" ir Eiropas Savienības dalībvalstis un "ES Līgumi" ir Līgums par Eiropas Savienību un Līgums par Eiropas Savienības darbību.

2. Atsauces visos nolīgumos, kas uzskaitīti 1. pielikumā, attiecībā uz tādas dalībvalsts valstspiederīgajiem, kas ir šā nolīguma Puse, saprot kā atsauces attiecībā uz Eiropas Savienības dalībvalstu valstspiederīgajiem.

3. Atsauces visos nolīgumos, kas uzskaitīti 1. pielikumā, attiecībā uz tādas dalībvalsts gaisa pārvadātājiem vai aviokompānijām, kas ir šā nolīguma Puse, saprot kā atsauces attiecībā uz šīs dalībvalsts izraudzītajiem gaisa pārvadātājiem vai aviokompānijām.

2. PANTS

Pārvadātāja izraudzīšana dalībvalstī

1. Ar šā panta 2. un 3. punkta noteikumiem aizstāj attiecīgi 2. pielikuma a) un b) daļā uzskaitītos atbilstīgos noteikumus par gaisa pārvadātāja izraudzīšanu attiecīgajā dalībvalstī, tam piešķirtajām Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdības pilnvarām un atļaujām, kā arī attiecīgi par gaisa pārvadātāja pilnvaru vai atļauju atteikumu, atsaukšanu, apturēšanu vai ierobežošanu.

2. Saņemot informāciju par dalībvalsts veiktu pārvadātāja izraudzīšanu, Vjetnamas Sociālistiskā Republikas valdība ar minimālu procesuālu kavēšanos piešķir atbilstīgas pilnvaras un atļaujas ar noteikumu, ka

i) gaisa pārvadātājs saskaņā ES Līgumiem veic uzņēmējdarbību tās dalībvalsts teritorijā, kura to izraudzījusi, un tam ir derīga darbības licence atbilstīgi Eiropas Savienības tiesību aktiem; un

ii) gaisa pārvadātāja efektīvu reglamentējošo kontroli veic un uztur tā dalībvalsts, kas atbild par gaisa kuģa ekspluatanta apliecības izsniegšanu, un izraudzīšanas dokumentā ir skaidri norādīta attiecīgā aeronavigācijas atbildīgā iestāde; un

iii) gaisa pārvadātājs tieši vai ar akciju kontrolpaketi pieder un to faktiski kontrolē dalībvalstis un/vai to valstspiederīgie, un/vai citas 3. pielikumā uzskaitītās valstis, un/vai to valstspiederīgie.

3. Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdība var atteikties izsniegt, var atsaukt, apturēt vai ierobežot dalībvalsts izraudzīta gaisa pārvadātāja pilnvaras vai atļaujas, ja

i) gaisa pārvadātājs saskaņā ar ES Līgumiem neveic uzņēmējdarbību tās dalībvalsts teritorijā, kura to izraudzījusi, vai tam nav derīgas darbības licences atbilstīgi Eiropas Savienības tiesību aktiem; vai

ii) gaisa pārvadātāja efektīvu reglamentējošu kontroli neveic vai neuztur dalībvalsts, kas atbild par gaisa kuģa ekspluatanta apliecības izsniegšanu, vai izraudzīšanas dokumentā nav skaidri norādīta attiecīgā aeronavigācijas atbildīgā iestāde; vai

iii) gaisa pārvadātājs tieši vai ar akciju kontrolpaketi nepieder un to faktiski nekontrolē dalībvalstis un/vai to valstspiederīgie, un/vai citas 3. pielikumā uzskaitītās valstis, un/vai to valstspiederīgie.

Izmantojot savas tiesības saskaņā ar šo punktu, Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdība nediskriminē Eiropas Savienības gaisa pārvadātājus to valstiskās piederības dēļ.

3. PANTS

Drošums

1. Ar šā panta 2. punkta noteikumiem papildina 2. pielikuma c) daļā minētos pantus.

2. Ja dalībvalsts ir izraudzījusi gaisa pārvadātāju, kura reglamentējošo kontroli veic un uztur cita dalībvalsts, tad Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdība tiesības saskaņā ar drošības noteikumiem nolīgumā starp dalībvalsti, kas izraudzījusi gaisa pārvadātāju, un Vjetnamas Sociālistisko Republiku vienlīdz attiecas gan uz šīs citas dalībvalsts veikto drošības standartu pieņemšanu, izpildi un uzturēšanu, gan arī uz gaisa pārvadātāja darbības atļauju.

4. PANTS

Atbilstība konkurences noteikumiem

1. Divpusējie gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumi, kas noslēgti starp dalībvalstīm un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, neskar Pušu konkurences noteikumus.

2. Nolīguma 2. pielikuma d) daļā uzskaitītie noteikumi vairs nav spēkā.

5. PANTS

Nolīguma pielikumi

Šā nolīguma pielikumi ir tā sastāvdaļa.

6. PANTS

Pārskatīšana vai grozīšana

Puses jebkurā laikā var pārskatīt vai grozīt šo nolīgumu ar savstarpēju piekrišanu.

7. PANTS

Stāšanās spēkā un provizoriska piemērošana

1. Šis nolīgums stājas spēkā, kad Puses viena otrai ir rakstiski paziņojušas, ka ir pabeigtas attiecīgās iekšējās procedūras, kas nepieciešamas, lai nolīgums stātos spēkā.

2. Neatkarīgi no 1. punkta Puses piekrīt piemērot šo nolīgumu provizoriski no pirmā mēneša pirmās dienas pēc dienas, kad Puses paziņo viena otrai par šim nolūkam vajadzīgo procedūru pabeigšanu.

3. Nolīgumi un citi noteikumi starp dalībvalstīm un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas šā nolīguma parakstīšanas dienā vēl nav stājušies spēkā un netiek piemēroti provizoriski, ir uzskaitīti I. pielikuma b) daļā. Šo nolīgumu piemēro visiem šādiem nolīgumiem un noteikumiem, tiklīdz tie stājas spēkā vai tos piemēro provizoriski.

8. PANTS

Darbības izbeigšana

1. Gadījumā, ja tiek izbeigts kāds no 1. pielikumā uzskaitītajiem nolīgumiem, vienlaikus spēku zaudē visi šā nolīguma noteikumi, kas saistīti ar attiecīgo 1. pielikumā minēto nolīgumu.

2. Gadījumā, ja tiek izbeigti visi 1. pielikumā uzskaitītie nolīgumi, vienlaikus spēku zaudē arī šis nolīgums.

TO APLIECINOT, attiecīgi pilnvarotas personas ir parakstījušas šo nolīgumu.

Sagatavots Briselē, divos eksemplāros, 2010. gada 4. oktobrī angļu, bulgāru, čehu, dāņu, franču, grieķu, holandiešu, igauņu, itāļu, latviešu, lietuviešu, maltiešu, poļu, portugāļu, rumāņu, slovāku, slovēņu, somu, spāņu, ungāru, vācu, zviedru un vjetnamiešu valodā.

EUROPOS SĄJUNGOS

IR VIETNAMO SOCIALISTINĖS RESPUBLIKOS VYRIAUSYBĖS

SUSITARIMAS

DĖL ORO SUSISIEKIMO PASLAUGŲ TAM TIKRŲ ASPEKTŲ

EUROPOS SĄJUNGA

ir

VIETNAMO SOCIALISTINĖS RESPUBLIKOS VYRIAUSYBĖ

(toliau – Šalys),

PAŽYMĖDAMOS, kad dvišaliuose oro susisiekimo paslaugų susitarimuose, sudarytuose tarp septyniolikos Europos Sąjungos valstybių narių ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės, yra nuostatų, prieštaraujančių Europos Sąjungos teisei,

PAŽYMĖDAMOS, kad Europos Sąjunga turi išskirtinę kompetenciją kelių aspektų, kurie gali būti įtraukti į dvišalius Europos Sąjungos valstybių narių ir trečiųjų šalių oro susisiekimo paslaugų susitarimus, atžvilgiu,

PAŽYMĖDAMOS, kad pagal Europos Sąjungos teisę valstybėje narėje įsisteigę Europos Sąjungos oro vežėjai turi teisę be diskriminacijos patekti į oro susisiekimo maršrutus tarp Europos Sąjungos valstybių narių ir trečiųjų šalių,

ATSIŽVELGDAMOS į susitarimus tarp Europos Sąjungos ir tam tikrų trečiųjų šalių, numatančius galimybę tokių trečiųjų šalių piliečiams įsigyti oro vežėjų, turinčių pagal Europos Sąjungos teisę išduotas licencijas oro susisiekimui vykdyti, bendrovių nuosavybės dalį,

PRIPAŽINDAMOS, kad Europos Sąjungos valstybių narių ir Vietnamo Socialistinės Respublikos dvišalių oro susisiekimo paslaugų susitarimų tam tikros nuostatos, prieštaraujančios Europos Sąjungos teisei, turi būti suderintos su Europos Sąjungos teise, kad būtų sukurtas tvirtas teisinis oro susisiekimo paslaugų tarp Europos Sąjungos ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės pagrindas, ir užtikrintas tokių oro susisiekimo paslaugų tęstinumas,

PAŽYMĖDAMOS, kad oro vežėjams pagal Europos Sąjungos teisę iš esmės neleidžiama sudaryti susitarimų, kurie galėtų turėti įtakos Europos Sąjungos valstybių narių tarpusavio prekybai ir kuriuos sudarant būtų siekiama užkirsti kelią konkurencijai, ją apriboti ar iškraipyti arba kurie užkirstų kelią konkurencijai, ją apribotų ar iškraipytų,

PRIPAŽINDAMOS, kad Europos Sąjungos valstybių narių su Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybe sudarytų dvišalių susitarimų dėl oro susisiekimo paslaugų nuostatos, pagal kurias i) atitinkamuose oro maršrutuose reikalaujama ar skatinama sudaryti bendrovių susitarimus, priimti įmonių asociacijų sprendimus arba imtis suderintų veiksmų, užkertančių kelią oro vežėjų konkurencijai atitinkamuose oro maršrutuose, ją iškraipančių arba ribojančių; arba ii) kuriomis būtų stiprinamas tokių susitarimų, sprendimų ar suderintų veiksmų poveikis; ar iii) pagal kurias oro vežėjams arba kitiems privatiems ekonominių operacijų vykdytojams atitinkamuose maršrutuose būtų pavedama imtis priemonių, užkertančių kelią oro vežėjų konkurencijai, ją iškraipančių ar ribojančių, galėtų padaryti neefektyviomis bendrovėms taikomas konkurencijos taisykles,

PAŽYMĖDAMOS, kad Europos Sąjunga, dalyvaudama šiose derybose, nesiekia padidinti skrydžių tarp Europos Sąjungos ir Vietnamo Socialistinės Respublikos skaičiaus, daryti poveikį pusiausvyrai tarp Europos Sąjungos oro vežėjų ir Vietnamo Socialistinės Respublikos oro vežėjų, arba derėtis dėl esamų susitarimų oro susisiekimo paslaugų nuostatų, susijusių su skrydžių laisvėmis,

SUSITARĖ:

I STRAIPSNIS

Bendrosios nuostatos

1. Šiame susitarime „valstybės narės "– Europos Sąjungos valstybės narės, o „ES sutartys" – Europos Sąjungos sutartis ir Sutartis dėl Europos Sąjungos veikimo.

2. Kiekviename iš 1 priede išvardytų susitarimų daroma nuoroda į valstybės narės, kuri yra to susitarimo susitariančioji šalis, piliečius, yra suprantama kaip nuoroda į Europos Sąjungos valstybių narių piliečius.

3. Kiekviename iš 1 priede išvardytų susitarimų daroma nuoroda į valstybės narės, kuri yra to susitarimo susitariančioji šalis, oro vežėjus ar oro linijų bendroves, yra suprantama kaip nuoroda į tos valstybės narės paskirtus oro vežėjus ar oro linijų bendroves.

2 STRAIPSNIS

Valstybės narės paskyrimas

1. Šio straipsnio 2 ir 3 dalių nuostatos pakeičia atitinkamas 2 priedo a ir b punktuose išvardytų straipsnių nuostatas dėl atitinkamos valstybės narės oro vežėjo paskyrimo, Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybė jam suteiktų leidimų ar įgaliojimų bei atitinkamai dėl atsisakymo išduoti oro vežėjui leidimus ir įgaliojimus, jų atšaukimo, laikino galiojimo sustabdymo ar apribojimo.

2. Gavusi valstybės narės paskyrimą, Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybė kuo greičiau suteikia atitinkamus įgaliojimus ir leidimus, jeigu:

i) oro vežėjas yra įsisteigęs paskiriančiosios valstybės narės teritorijoje pagal ES sutartis ir turi galiojančią licenciją oro susisiekimui vykdyti pagal Europos Sąjungos teisę;

ii) už oro vežėjo pažymėjimo išdavimą atsakinga valstybė narė užtikrina ir vykdo veiksmingą oro vežėjo veiklos kontrolę, ir paskyrime yra aiškiai nurodyta atitinkama aviacijos institucija; ir

iii) oro vežėją tiesiogiai arba jo kontrolinį akcijų paketą valdo ir jį faktiškai kontroliuoja valstybės narės ir (arba) valstybių narių piliečiai, ir (arba) 3 priede išvardytos kitos valstybės ir (arba) šių valstybių piliečiai.

3. Vietnamo Socialistinė Respublika gali atsisakyti išduoti įgaliojimus ar leidimus valstybės narės paskirtam oro vežėjui, juos atšaukti, laikinai sustabdyti ar apriboti jų galiojimą, jeigu:

i) oro vežėjas nėra įsisteigęs paskiriančiosios valstybės narės teritorijoje pagal ES sutartis arba neturi galiojančios licencijos oro susisiekimui vykdyti pagal Europos Sąjungos teisę;

ii) už oro vežėjo pažymėjimo išdavimą atsakingoji valstybė narė neužtikrina ar nevykdo veiksmingos oro vežėjo veiklos kontrolės, ir paskyrime nėra aiškiai nurodyta atitinkama aviacijos institucija; arba

iii) oro vežėjas nėra tiesiogiai arba per jo kontrolinį akcijų paketą valdomas ir faktiškai kontroliuojamas valstybių narių ir (arba) valstybių narių piliečių, ir (arba) 3 priede išvardytų kitų valstybių ir (arba) šių valstybių piliečių.

Naudodamasi šioje dalyje jai nustatyta teise, Vietnamo Socialistinė Respublika nediskriminuoja Europos Sąjungos oro vežėjų dėl jų nacionalinės priklausomybės.

3 STRAIPSNIS

Sauga

1. Šio straipsnio 2 dalies nuostatomis papildomi 2 priedo c punkte išvardyti straipsniai.

2. Jeigu valstybė narė paskyrė oro vežėją, kurio veiklos nuolatinę kontrolę vykdo kita valstybė narė, Vietnamo Socialistinės Respublikos teisės pagal saugą reglamentuojančias oro vežėją paskyrusios valstybės narės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės susitarimo nuostatas taikomos, kai ta kita valstybė narė priima, įgyvendina ar užtikrina saugos standartus ir išduoda tam oro vežėjui įgaliojimą.

4 STRAIPSNIS

Konkurencijos taisyklių laikymasis

1. Valstybių narių ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės dvišaliai susitarimai dėl oro susisiekimo paslaugų turi nepažeisti šalių konkurencijos taisyklių.

2. 2 priedo d dalyje išvardytos nuostatos neturi galios.

5 STRAIPSNIS

Susitarimo priedai

Šio susitarimo priedai yra neatskiriama jo dalis.

6 STRAIPSNIS

Persvarstymas arba dalinis pakeitimas

Šalys bet kuriuo metu abipusiu susitarimu gali iš naujo apsvarstyti ir iš dalies pakeisti šį susitarimą.

7 STRAIPSNIS

Įsigaliojimas ir laikinas taikymas

1. Šis susitarimas įsigalioja, kai Šalys raštu praneša viena kitai apie šiam susitarimui įsigalioti būtinų jų vidaus procedūrų užbaigimą.

2. Nepaisant 1 dalies, Šalys susitaria šį susitarimą laikinai taikyti nuo kito mėnesio pirmos dienos po to, kai Šalys praneša viena kitai apie šiam tikslui būtinų procedūrų užbaigimą.

3. Susitarimai ir kitokios sutartys tarp valstybių narių ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės, kurios šio susitarimo pasirašymo dieną dar neįsigaliojo ir nėra taikomos laikinai, yra išvardytos 1 priedo b punkte. Šis susitarimas taikomas visiems tokiems susitarimams ir kitoms sutartims, kurie įsigalios ar bus pradėti laikinai taikyti.

8 STRAIPSNIS

Nutraukimas

1. Jeigu 1 priede nurodytas susitarimas nutraukiamas, visos šio susitarimo nuostatos, susijusios su 1 priede nurodytu susitarimu, netenka galios tuo pat metu.

2. Jeigu nutraukiami visi 1 priede išvardyti susitarimai, šis susitarimas taip pat netenka galios.

TAI PATVIRTINDAMI, toliau nurodyti tinkamai įgalioti asmenys pasirašė šį susitarimą.

Priimta Briuselyje, 2010 m. spalio 4 d. dviem egzemplioriais anglų, bulgarų, čekų, danų, estų, graikų, ispanų, italų, latvių, lenkų, lietuvių, maltiečių, olandų, portugalų, prancūzų, rumunų, slovakų, slovėnų, suomių, švedų, vengrų, vokiečių ir vietnamiečių kalbomis.

MEGÁLLAPODÁS
AZ EURÓPAI UNIÓ
ÉS A VIETNAMI SZOCIALISTA KÖZTÁRSASÁG KORMÁNYA KÖZÖTT
A LÉGI SZOLGÁLTATÁSOK BIZONYOS KÉRDÉSEIRŐL

AZ EURÓPAI UNIÓ

egyrészről, valamint

A VIETNAMI SZOCIALISTA KÖZTÁRSASÁG KORMÁNYA

másrészről

(a továbbiakban: „a Szerződő Felek")

MEGÁLLAPÍTVA, hogy az Európai Unió tizenhét tagállama és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között olyan kétoldalú, légi szolgáltatásokról szóló megállapodások jöttek létre, amelyek az Európai Unió jogával ellentétes rendelkezéseket tartalmaznak,

MEGÁLLAPÍTVA, hogy az Európai Unió kizárólagos hatáskörrel rendelkezik számos olyan kérdést illetően, amelyre az Európai Unió tagállamai és harmadik országok között létrejött kétoldalú, légi szolgáltatásokról szóló megállapodások kiterjedhetnek,

MEGÁLLAPÍTVA, hogy az Európai Unió joga szerint a valamely tagállamban székhellyel rendelkező uniós légi fuvarozóknak joguk van hátrányos megkülönböztetés nélkül hozzáférni az Európai Unió tagállamai és harmadik országok közötti légi útvonalakhoz,

TEKINTETTEL az Európai Unió és egyes harmadik országok között létrejött megállapodásokra, amelyek az Európai Unió jogával összhangban az ilyen harmadik országok állampolgárai számára lehetővé teszik, hogy az Európai Unió tagállamai által engedélyezett légi fuvarozó vállalkozásokban tulajdonjogot szerezzenek,

FELISMERVE, hogy az Európai Unió tagállamai és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között létrejött légi szolgáltatásokról szóló kétoldalú megállapodások rendelkezéseinek összhangja rendezett jogi hátteret teremt az Európai Unió és a Vietnami Szocialista Köztársaság közötti légi szolgáltatásoknak és hozzájárul az ilyen légi szolgáltatások folytonosságának fenntartásához,

MEGÁLLAPÍTVA, hogy az Európai Unió joga szerint a légi fuvarozók elvben nem köthetnek olyan megállapodást, amely érintheti az Európai Unió tagállamai közötti kereskedelmet, és amelynek a célja vagy hatása a verseny megakadályozása, korlátozása vagy torzítása,

FELISMERVE, hogy az Európai Unió tagállamai és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya közötti légi szolgáltatásokról szóló kétoldalú megállapodások rendelkezéseinek következtében, amelyek (i) megkövetelik vagy megkönnyítik vállalkozások között olyan megállapodásoknak, vállalkozások társulásai olyan határozatainak vagy olyan összehangolt magatartásnak az elfogadását, amelyek az adott útvonalon akadályozzák, torzítják vagy korlátozzák a légi fuvarozók közötti versenyt; vagy (ii) fokozzák bármely ilyen megállapodás, határozat vagy összehangolt magatartás hatásait; vagy (iii) a légi fuvarozókra vagy más magánjogi gazdasági szereplőkre hárítják olyan intézkedések meghozatalának felelősségét, amelyek akadályozzák, torzítják vagy korlátozzák a légi fuvarozók közötti versenyt az adott útvonalon, a vállalkozásokra alkalmazandó versenyszabályok hatékonyságukat veszthetik,

TUDOMÁSUL VÉVE, hogy az Európai Uniónak e tárgyalások keretében nem célja az Európai Unió és a Vietnami Szocialista Köztársaság közötti légi forgalom növelése, az uniós légi fuvarozók és a Vietnami Szocialista Köztársaság légi fuvarozói közti egyensúly befolyásolása, vagy a fennálló, légi szolgáltatásokról szóló kétoldalú megállapodások rendelkezéseinek a forgalmi jogok tekintetében történő módosítása,

A KÖVETKEZŐKBEN ÁLLAPODTAK MEG:

I. CIKK

Általános rendelkezések

1. E megállapodás alkalmazásában a „tagállamok" az Európai Unió tagállamai, és az „EU-szerződések" az Európai Unióról szóló szerződés és az Európai Unió működéséről szóló szerződés.

2. Az 1. mellékletben felsorolt valamennyi megállapodásban az adott megállapodásban szerződő félként szereplő tagállam állampolgáraira való hivatkozásokat az Európai Unió tagállamainak állampolgáraira való hivatkozásként kell értelmezni.

3. Az 1. mellékletben felsorolt valamennyi megállapodásban az adott megállapodásban szerződő félként szereplő tagállam légi fuvarozóira vagy légitársaságaira való hivatkozásokat az adott tagállam által kijelölt légi fuvarozókra vagy légitársaságokra való hivatkozásként kell értelmezni.

2. CIKK

Tagállam általi kijelölés

1. A 2. melléklet a), illetve b) részében felsorolt cikkek vonatkozó rendelkezései helyébe az e cikk (2) és (3) bekezdésének rendelkezései lépnek az érintett tagállam légi fuvarozójának kijelölése, a légi fuvarozó részére a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya által megadott engedélyek és jogosítványok, valamint a légi fuvarozó ilyen engedélyeinek vagy jogosítványainak megtagadása, visszavonása, felfüggesztése vagy korlátozása tekintetében.

2. A tagállam általi kijelölés kézhezvételét követően a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya a legrövidebb eljárási időn belül megadja a megfelelő engedélyeket és jogosítványokat, feltéve hogy:

i. a légi fuvarozó az EU-szerződések értelmében a kijelölő tagállamban székhellyel rendelkezik, és az Európai Unió jogszabályainak megfelelő érvényes működési engedéllyel rendelkezik; és

ii. az üzemben tartási engedély kiadásáért felelős tagállam az előírások szerint hatékonyan és folyamatosan ellenőrzi a légi fuvarozót, valamint a kijelölésben egyértelműen meghatározza az illetékes légiforgalmi hatóságot; és

iii. a légi fuvarozó vállalkozás tulajdonjoga és tényleges ellenőrzése közvetlenül vagy többségi tulajdon révén a tagállamok és/vagy a tagállamok állampolgárai, vagy a 3. mellékletben felsorolt egyéb államok és/vagy azok állampolgárai kezében van.

3. A Vietnami Szocialista Köztársaság kormányának jogában áll a tagállam által kijelölt légi fuvarozó engedélyeit vagy jogosítványait megtagadni, visszavonni, felfüggeszteni vagy korlátozni, amennyiben:

i. a légi fuvarozó az EU-szerződések értelmében a kijelölő tagállamban nem rendelkezik székhellyel, vagy nem rendelkezik az Európai Unió jogszabályainak megfelelő érvényes működési engedéllyel; vagy

ii. az üzemben tartási engedély kiadásáért felelős tagállam nem ellenőrzi az előírások szerint hatékonyan vagy folyamatosan a légi fuvarozót, vagy az illetékes légiforgalmi hatóság a kijelölésben nincs egyértelműen meghatározva; vagy

iii. a légi fuvarozó vállalkozás tulajdonjoga és tényleges ellenőrzése közvetlenül vagy többségi tulajdon révén nem a tagállamok és/vagy a tagállamok állampolgárai, vagy a 3. mellékletben felsorolt egyéb államok és/vagy azok állampolgárai kezében van.

Az e bekezdés szerinti jogának gyakorlása során a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya nem alkalmazhat az állampolgárságon alapuló megkülönböztetést az uniós légi fuvarozók között.

3. CIKK

Biztonság

1. A 2. melléklet c) pontjában felsorolt cikkek rendelkezései kiegészülnek az e cikk (2) bekezdésének rendelkezéseivel.

2. Ha egy tagállam olyan légi fuvarozót jelöl ki, amelynek előírás szerinti folyamatos ellenőrzését egy másik tagállam végzi, a légi fuvarozót kijelölő első tagállam és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között létrejött megállapodásban foglalt biztonsági rendelkezések szerint a Vietnami Szocialista Köztársaságot megillető jogok ugyanúgy érvényesülnek a biztonsági előírásoknak az adott második tagállam általi elfogadása, végrehajtása és betartása során, valamint az adott légi fuvarozó működési engedélye tekintetében.

4. CIKK

Megfelelés a versenyszabályoknak

1. A tagállamok és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya közötti, légi szolgáltatásokról szóló kétoldalú megállapodások nem érintik a felek versenyszabályait.

2. A 2. melléklet d) pontjában felsorolt rendelkezések hatályukat vesztik.

5. CIKK

A megállapodás mellékletei

E megállapodás mellékletei a megállapodás szerves részét képezik.

6. CIKK

Felülvizsgálat vagy módosítás

A szerződő felek kölcsönös megegyezés alapján bármikor felülvizsgálhatják vagy módosíthatják ezt a megállapodást.

7. CIKK

Hatálybalépés és ideiglenes alkalmazás

1. E megállapodás azon a napon lép hatályba, amikor a szerződő felek írásban értesítették egymást arról, hogy a megállapodás hatálybalépéséhez szükséges belső eljárásoknak eleget tettek.

2. Az (1) bekezdés ellenére a felek megegyeznek abban, hogy e megállapodást ideiglenesen alkalmazzák az azt a napot követő első hónap első napjától, amikor a felek értesítik egymást, hogy az ehhez szükséges eljárások lezárultak.

3. A tagállamok és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között létrejött azon megállapodásokat és egyéb szerződéseket, amelyek e megállapodás aláírásának napján még nem léptek hatályba és amelyeket nem alkalmaznak ideiglenesen, az 1. melléklet b) pontja sorolja fel. Ezt a megállapodást alkalmazni kell minden ilyen megállapodásra és szerződésre azok hatálybalépésének vagy ideiglenes alkalmazásának napjától.

8. CIKK

A megállapodás felmondása

1. Ha az 1. mellékletben felsorolt valamely megállapodás hatályát veszti, e megállapodás minden olyan rendelkezése, amely az 1. mellékletben szereplő adott megállapodásra vonatkozik, szintén hatályát veszti.

2. Abban az esetben, ha az 1. mellékletben felsorolt összes megállapodás hatályát veszti, ez a megállapodás is hatályát veszti.

FENTIEK HITELÉÜL, az alulírott, erre kellően feljogosított meghatalmazottak aláírták ezt a megállapodást.

Kelt Brüsszelben, 2010. október 4. napján, két-két eredeti példányban angol, bolgár, cseh, dán, észt, finn, francia, görög, holland, lengyel, lett, litván, magyar, máltai, német, olasz, portugál, román, spanyol, svéd, szlovák, szlovén, valamint vietnami nyelven.

FTEHIM

BEJN L-UNJONI EWROPEA

U L-GVERN TAR-REPUBBLIKA SOĊJALISTA TAL-VJETNAM

DWAR ĊERTI ASPETTI TAS-SERVIZZI BL-AJRU

EU/VN/mt 1

L-UNJONI EWROPEA

minn naħa waħda, u

IL-GVERN TAR-REPUBBLIKA SOĊJALISTA TAL-VJETNAM

min-naħa l-oħra

(minn hawn 'il quddiem imsejħa 'l-Partijiet'),

FILWAQT LI JINNUTAW li ġew konklużi ftehimiet bilaterali dwar servizzi bl-ajru bejn sbatax-il Stat Membru tal-Unjoni Ewropea u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam li fihom dispożizzjonijiet li jmorru kontra l-liġi tal-Unjoni Ewropea;

FILWAQT LI JINNUTAW li l-Unjoni Ewropea għandha l-kompetenza esklussiva fir-rigward ta' bosta aspetti li jistgħu jiġu inklużi ftehimiet bilaterali dwar servizzi bl-ajru bejn l-Istati Membri tal-Unjoni Ewropea u pajjiżi terzi;

FILWAQT LI JINNUTAW li skont il-liġi tal-Unjoni Ewropea t-trasportaturi bl-ajru tal-Unjoni Ewropea stabbiliti f'xi wieħed mill-Istati Membri għandhom id-dritt għal aċċess mhux diskriminatorju għar-rotot tal-ajru bejn l-Istati Membri tal-Unjoni Ewropea u pajjiżi terzi;

WARA LI KKUNSIDRAW il-ftehimiet bejn l-Unjoni Ewropea u ċerti pajjiżi terzi li jipprovdu l-possibbiltà għaċ-ċittadini ta' dawn il-pajjiżi terzi li jiksbu sehem f'kumpaniji tal-ajru liċenzjati b'mod konformi mal-liġi tal-Unjoni Ewropea;

FILWAQT LI JIRRIKONOXXU li ċerti dispożizzjonijiet ta' ftehimiet bilaterali dwar servizzi bl-ajru bejn Stati Membri tal-Unjoni Ewropea u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam, li huma kontra l-liġi tal-Unjoni Ewropea, għandhom jinġiebu b'mod konformi sħiħ magħha sabiex tiġi stabbilita bażi legali tajba għas-servizzi bl-ajru bejn l-Unjoni Ewropea u r-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam u biex tiġi ppreservata t-tkomplija ta' servizzi bl-ajru bħal dawn;

FILWAQT LI JINNUTAW li taħt il-liġi tal-Unjoni Ewropea l-kumpanniji tal-ajru fil-prinċipju ma jistgħux jikkonkludu ftehimiet li jistgħu jaffettwaw il-kummerċ bejn l-Istati Membri tal-Unjoni Ewropea u li għandhom bħala għan jew effett tagħhom il-prevenzjoni, ir-restrizzjoni jew id-distorsjoni tal-kompetizzjoni;

FILWAQT LI JIRRIKONOXXU li d-dispożizzjonijiet fi ftehimiet bilaterali dwar servizzi bl-ajru konklużi bejn l-Istati Membri tal-Unjoni Ewropea u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam li (i) jirrikjedu jew jiffavorixxu l-adozzjoni ta' akkordji bejn impriżi, deċiżjonijiet minn assoċjazzjonijiet ta' impriżi jew prattiċi miftiehma li jipprevjenu, joħolqu distorsjoni jew jirrestringu l-kompetizzjoni bejn il-kumpanniji tal-ajru dwar rotot rilevanti, jew (ii) isaħħu l-effetti ta' kwalunkwe tali akkordju, deċiżjoni jew prattika miftiehma, jew (iii) jiddelegaw ir-responsabbiltà lill-kumpaniji tal-ajru jew operaturi ekonomiċi privati oħra biex jittieħdu miżuri li jipprevjenu, joħolqu distorsjoni, jew jirrestringu l-kompetizzjoni bejn il-kumpanniji tal-ajru fir-rotot rilevanti jistgħu jagħmlu ineffettivi r-regoli tal-kompetizzjoni applikabbli għall-impriżi;

FILWAQT LI JINNUTAW li mhuwiex għan tal-Unjoni Ewropea, bħala parti minn dawn in-negozjati, li jiżdied il-volum totali ta' traffiku tal-ajru bejn l-Unjoni Ewropea u r-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam, li jiġi affettwat il-bilanċ bejn kumpanniji tal-ajru tal-Unjoni Ewropea u kumpanniji tal-ajru tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam, jew li jiġu nnegozjati emendi għad-dispożizzjonijiet li diġà jeżistu ta' ftehimiet bilaterali dwar servizzi bl-ajru li jikkonċernaw drittijiet tat-traffiku,

FTIEHMU KIF ĠEJ:

ARTIKOLU 1

Dispożizzjonijiet ġenerali

1. Għall-finijiet ta' dan il-Ftehim, "Stati Membri" għandha tfisser l-Istati Membri tal-Unjoni Ewropea u "Trattati tal-UE" għandha tfisser it-Trattat dwar l-Unjoni Ewropea u t-Trattat dwar il-Funzjonament tal-Unjoni Ewropea.

2. Ir-referenzi f'kull ftehim elenkat fl-Anness I liċ-ċittadini tal-Istat Membru li huwa Parti għal dak il-ftehim għandhom jinftiehmu bħala li jirriferu għaċ-ċittadini tal-Istati Membri tal-Unjoni Ewropea.

3. Ir-referenzi f'kull ftehim elenkat fl-Anness I għat-trasportaturi bl-ajru jew linji tal-ajru tal-Istat Membru li huwa Parti għal dak il-ftehim għandhom jinftiehmu bħala li jirriferu għat-trasportaturi bl-ajru jew linji tal-ajru ddenominati minn dak l-Istat Membru.

ARTIKOLU 2

Denominazzjoni minn Stat Membru

1. Id-dispożizzjonijiet fil-paragrafi 2 u 3 ta' dan l-Artikolu għandhom jipprevalixxu fuq id-dispożizzjonijiet korrispondenti għalihom fl-artikoli elenkati fl-Anness 2(a) u (b) rispettivament, fir-rigward tad-denominazzjoni ta' trasportatur bl-ajru mill-Istat Membru kkonċernat, tal-awtorizzazzjonijiet u permessi tiegħu mogħtija mill-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam, u tar-rifjut, revoka, sospensjoni jew limitazzjoni tal-awtorizzazzjonijiet jew permessi tat-trasportatur bl-ajru, rispettivament.

2. Malli jirċievi denominazzjoni minn Stat Membru, il-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam għandu jagħti l-awtorizzazzjonijiet u l-permessi meħtieġa bl-anqas dewmien proċedurali, bil-kondizzjoni li:

(i) it-trasportatur bl-ajru jkun stabbilit fit-territorju tal-Istat Membru denominanti skont it-Trattati tal-UE u jkollu Liċenza Operattiva valida skont il-liġi tal-Unjoni Ewropea; u

(ii) isir u jinżamm kontroll regolatorju effettiv tat-trasportatur bl-ajru mill-Istat Membru responsabbli mill-ħruġ taċ-Ċertifikat tal-Operaturi tal-Ajru tiegħu u l-awtorità aeronawtika rilevanti tkun identifikata b'mod ċar fid-denominazzjoni; u

(iii) it-trasportatur bl-ajru jkun il-proprjetà, direttament jew permezz tal-akbar sehem azzjonarju, u jkun ikkontrollat effettivament mill-Istati Membri u/jew miċ-ċittadini tal-Istati Membri, u/jew mill-Istati l-oħra elenkati fl-Anness 3 u/jew miċ-ċittadini ta' dawn l-Istati l-oħra.

3. Il-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam jista' jirrifjuta, jirrevoka, jissospendi jew jillimita l-awtorizzazzjonijiet jew il-permessi ta' kumpannija tal-ajru minn Stat Membru fejn:

(i) it-trasportatur bl-ajru ma jkunx stabbilit fit-territorju tal-Istat Membru denominanti skont it-Trattati tal-UE jew ma jkollux Liċenza Operattiva valida skont il-liġi tal-Unjoni Ewropea; jew

(ii) ma jkunx eżerċitat jew miżmum kontroll regolatorju effettiv tat-trasportatur bl-ajru mill-Istat Membru responsabbli għall-ħruġ taċ-Ċertifikat Operattiv tal-Ajru tiegħu, jew l-awtorità aeronawtika rilevanti ma tkunx identifikata biċ-ċar fid-denominazzjoni; jew

(iii) it-trasportatur bl-ajru ma jkunx il-proprjetà, direttament jew permezz tal-akbar sehem azzjonarju, jew ma jkunx ikkontrollat effettivament mill-Istati Membri u/jew miċ-ċittadini tal-Istati Membri, u/jew mill-Istati l-ohra elenkati fl-Anness 3 u/jew miċ-ċittadini ta' Stati ohra bħal dawn.

Fl-eżerċizzju tad-dritt tiegħu taħt dan il-paragrafu, il-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam m'għandhux jiddiskrimina bejn it-trasportaturi bl-ajru tal-Unjoni Ewropea fuq il-bażi tan-nazzjonalità.

ARTIKOLU 3

Sikurezza

1. Id-dispożizzjonijiet fil-paragrafu 2 ta' dan l-Artikolu għandhom jikkomplementaw l-artikoli elenkati fl-Anness 2(c).

2. Fejn Stat Membru ikun iddenomina trasportatur bl-ajru li l-kontroll regolatorju tiegħu huwa eżerċitat u miżmum minn Stat Membru ieħor, id-drittijiet tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam taħt id-dispożizzjonijiet ta' sikurezza tal-ftehim bejn l-Istat Membru li ddenomina t-trasportatur bl-ajru u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam għandhom japplikaw ugwalment fir-rigward tal-adozzjoni, l-eżerċizzju jew il-manteniment ta' standards tas-sikurezza minn dak l-Istat Membru l-ieħor u fir-rigward tal-awtorizzazzjoni għall-operazzjoni ta' dak it-trasportatur bl-ajru.

ARTIKOLU 4

Kompatibbiltà mar-regoli tal-kompetizzjoni

1. Il-ftehimiet bilaterali konklużi bejn l-Istati Membri u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam għandhom ikunu mingħajr preġudizzju għar-regoli tal-kompetizzjoni tal-Partijiet.

2. Id-dispożizzjonijiet elenkati fl-Anness 2(d) b'dan ma jibqgħux ikollhom effett.

ARTIKOLU 5

Annessi mal-Ftehim

L-Annessi ma' dan il-Ftehim għandhom jifformaw parti integrali minnu.

ARTIKOLU 6

Reviżjoni jew emendament

Il-Partijiet jistgħu, f'kull waqt, jirrivedu jew jemendaw dan il-Ftehim b'kunsens reċiproku.

ARTIKOLU 7

Dħul fis-seħħ u applikazzjoni provviżorja

1. Dan il-Ftehim għandu jidħol fis-seħħ meta l-Partijiet ikunu nnotifikaw lil xulxin bil-miktub li tlestew il-proċeduri interni rispettivi meħtieġa għad-dħul fis-seħħ tiegħu.

2. Minkejja l-paragrafu 1, il-Partijiet jaqblu biex japplikaw b'mod provviżorju dan il-Ftehim mill-ewwel jum tax-xahar wara d-data li fiha l-Partijiet ikunu nnotifikaw lil xulxin bit-tlestija tal-proċeduri meħtieġa għal dan il-għan.

3. Il-ftehimiet u arranġamenti oħra bejn l-Istati Membri u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam li, fid-data tal-iffirmar ta' dan il-Ftehim, għadhom ma daħlux fis-seħħ u li mhumiex qed jiġu applikati provviżorjament huma elenkati fl-Anness 1(b). Dan il-Ftehim għandu japplika għal kull Ftehim u arranġament ta' dan it-tip mad-dħul fis-seħħ jew applikazzjoni provviżorja tiegħu.

ARTIKOLU 8

Terminazzjoni

1. Fil-każ li ftehim elenkat fl-Anness 1 jiġi tterminat, id-dispożizzjonijiet kollha ta' dan il-Ftehim relatati mal-ftehim konċernat elenkat fl-Anness 1 għandhom jiġu tterminati fl-istess waqt.

2. Fil-każ li l-ftehimiet kollha elenkati fl-Anness 1 jiġu tterminati, dan il-Ftehim għandu jittermina fl-istess waqt.

B'XHIEDA TA' DAN, il-firmatarji, debitament awtorizzati, iffirmaw dan il-Ftehim.

Magħmul fi Brussell duplikatament, fl-4 ta' Ottubru 2010 fil-lingwa Bulgara, Ċeka, Daniża, Estonjana, Finlandiża, Franċiża, Ġermaniża, Griega, Ingliża, Latvjana, Litwana, Maltija, Olandiża, Pollakka, Portugiża, Rumena, Slovakka, Slovena, Spanjola, Svediża, Taljana, Ungeriża u Ġdik Vjetnamita.

OVEREENKOMST
TUSSEN DE EUROPESE UNIE
EN DE REGERING VAN DE SOCIALISTISCHE REPUBLIEK VIETNAM
INZAKE BEPAALDE ASPECTEN VAN LUCHTDIENSTEN

DE EUROPESE UNIE,

enerzijds, en

DE REGERING VAN DE SOCIALISTISCHE REPUBLIEK VIETNAM,

anderzijds,

(hierna "de partijen" genoemd),

VASTSTELLEND dat zeventien lidstaten van de Europese Unie met de regering van de Socialistische Republiek Vietnam bilaterale luchtdienstovereenkomsten hebben gesloten die bepalingen bevatten welke in strijd zijn met het recht van de Europese Unie;

VASTSTELLEND dat de Europese Unie exclusief bevoegd is voor diverse aspecten die kunnen worden opgenomen in bilaterale luchtdienstovereenkomsten tussen de lidstaten van de Europese Unie en derde landen;

VASTSTELLEND dat in een lidstaat gevestigde EU-luchtvervoerders overeenkomstig het recht van de Europese Unie recht hebben op niet-discriminerende toegang tot luchtroutes tussen de lidstaten van de Europese Unie en derde landen;

GELET OP de overeenkomsten tussen de Europese Unie en bepaalde derde landen waarin onderdanen van deze derde landen de mogelijkheid wordt geboden eigendom te verwerven in luchtvervoerders die een vergunning hebben gekregen overeenkomstig het recht van de Europese Unie;

ERKENNEND dat sommige bepalingen van de tussen lidstaten van de Europese Unie en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam gesloten bilaterale overeenkomsten voor luchtdiensten die in strijd zijn met de wetgeving van de Europese Unie met deze wetgeving in overeenstemming moeten worden gebracht om een geldige rechtsgrond voor luchtdiensten tussen de Europese Unie en de Socialistische Republiek Vietnam tot stand te brengen en om de continuïteit van dergelijke luchtdiensten te garanderen;

VASTSTELLEND dat luchtvervoerders krachtens het recht van de Europese Unie in principe geen overeenkomsten mogen sluiten die de handel tussen lidstaten van de Europese Unie kunnen verstoren en die tot doel of als gevolg hebben dat de mededinging wordt verhinderd, beperkt of verstoord;

ERKENNENDE dat bepalingen in de tussen lidstaten van de Europese Unie en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam gesloten bilaterale overeenkomsten voor luchtdiensten die i) luchtvervoerders verplichten of aanzetten tot overeenkomsten tussen ondernemingen, besluiten van ondernemersverenigingen en onderling afgestemde feitelijke gedragingen die ertoe strekken of ten gevolge hebben dat de mededinging op de relevante routes wordt verhinderd, verstoord of beperkt; of ii) de gevolgen van dergelijke overeenkomsten, besluiten of onderling afgestemde feitelijke gedragingen versterken; of iii) waarbij de verantwoordelijkheid voor het nemen van maatregelen die de mededinging tussen luchtvervoerders op de relevante routes verhinderen, verstoren of beperken, wordt toevertrouwd aan luchtvervoerders of andere particuliere economische operatoren, het effect van de op de ondernemingen toepasselijke mededingingsregels ongedaan kunnen maken;

VASTSTELLEND dat de Europese Unie er in het kader van deze onderhandelingen niet naar streeft het totale volume aan luchtverkeer tussen de Europese Unie en de Socialistische Republiek Vietnam te doen toenemen, noch om het evenwicht tussen EU-luchtvervoerders en luchtvervoerders uit de Socialistische Republiek Vietnam te wijzigen, noch om te onderhandelen over wijzigingen van de bepalingen van bestaande bilaterale overeenkomsten inzake verkeersrechten,

ZIJN HET VOLGENDE OVEREENGEKOMEN:

ARTIKEL 1

Algemene bepalingen

1. In deze overeenkomst wordt onder "lidstaten" lidstaten van de Europese Unie verstaan en onder "EU-Verdragen" worden het Verdrag betreffende de Europese Unie en het Verdrag betreffende de werking van de Europese Unie verstaan.

2. Wanneer in de in bijlage 1 vermelde overeenkomsten wordt verwezen naar onderdanen van de lidstaat die partij is bij de overeenkomst, wordt dit begrepen als een verwijzing naar onderdanen van de lidstaten van de Europese Unie.

3. Wanneer in de in bijlage 1 vermelde overeenkomsten wordt verwezen naar luchtvervoerders of luchtvaartmaatschappijen van de lidstaat die partij is bij de overeenkomst, wordt dit begrepen als een verwijzing naar de door die lidstaat aangewezen luchtvervoerders of luchtvaartmaatschappijen.

ARTIKEL 2

Aanwijzing door een lidstaat

1. De bepalingen van de leden 2 en 3 van dit artikel hebben voorrang op de overeenkomstige bepalingen van de in bijlage 2, onder a) en b), genoemde artikelen wat betreft de aanwijzing van een luchtvervoerder door de desbetreffende lidstaat, de vergunningen en machtigingen die door de regering van de Socialistische Republiek Vietnam aan deze luchtvervoerder zijn toegekend en de weigering, intrekking, opschorting of beperking van de vergunningen en machtigingen van de luchtvervoerder.

2. Wanneer de regering van de Socialistische Republiek Vietnam een aanwijzing door een lidstaat ontvangt, verleent zij zo spoedig mogelijk de passende vergunningen en machtigingen mits:

i) de luchtvervoerder, overeenkomstig de EU-Verdragen, op het grondgebied van de aanwijzende lidstaat is gevestigd en beschikt over een geldige exploitatievergunning overeenkomstig het recht van de Europese Unie; en

ii) de lidstaat die verantwoordelijk is voor de afgifte van het Air Operators Certificate op doeltreffende wijze controleert of de luchtvervoerder de regelgeving naleeft en de bevoegde luchtvaartautoriteit duidelijk in de aanwijzing is vermeld; en

iii) de luchtvervoerder rechtstreeks of door een meerderheidsbelang eigendom is van lidstaten en/of onderdanen van lidstaten, en/of van andere in bijlage 3 vermelde landen en/of onderdanen van die landen, en deze landen en/of onderdanen daadwerkelijk zeggenschap uitoefenen over de luchtvervoerder.

3. De regering van de Socialistische Republiek Vietnam mag de vergunningen of machtigingen van een door een lidstaat aangewezen luchtvervoerder weigeren, intrekken, opschorten of beperken mits:

i) de luchtvervoerder, overeenkomstig de EU-Verdragen, niet op het grondgebied van de aanwijzende lidstaat is gevestigd en niet beschikt over een geldige exploitatievergunning overeenkomstig het recht van de Europese Unie; of

ii) de lidstaat die verantwoordelijk is voor de afgifte van het Air Operators Certificate niet op doeltreffende wijze controleert of de luchtvervoerder de regelgeving naleeft, of de relevante luchtvaartautoriteit niet duidelijk in de aanwijzing is vermeld; of

iii) de luchtvervoerder niet rechtstreeks of door een meerderheidsbelang eigendom is of onder het daadwerkelijke zeggenschap staat van lidstaten en/of onderdanen van lidstaten, en/of van andere in bijlage 3 vermelde landen en/of onderdanen van die landen.

Bij de uitoefening van de rechten die haar krachtens dit lid zijn verleend, mag de regering van de Socialistische Republiek Vietnam geen onderscheid maken tussen EU-luchtvervoerders op grond van nationaliteit.

ARTIKEL 3

Veiligheid

1. De bepalingen van lid 2 van dit artikel vormen een aanvulling op de in bijlage 2, onder c), vermelde artikelen.

2. Wanneer een lidstaat een luchtvervoerder heeft aangewezen die door een andere lidstaat wordt gecontroleerd op naleving van de regelgeving, zijn de rechten van de Socialistische Republiek Vietnam uit hoofde van de veiligheidsvoorschriften van de overeenkomst tussen de lidstaat die de luchtvervoerder heeft aangewezen en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam zowel van toepassing op de goedkeuring, naleving of handhaving van veiligheidsnormen door die andere lidstaat als op de exploitatievergunning van die luchtvervoerder.

ARTIKEL 4

Verenigbaarheid met de mededingingsregels

1. Bilaterale overeenkomsten inzake luchtdiensten tussen de lidstaten en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam laten de mededingingsregels van de partijen onverlet.

2. De in bijlage 2, punt d), vermelde bepalingen verliezen hun werking.

ARTIKEL 5

Bijlagen bij de overeenkomst

De bijlagen bij deze overeenkomst maken integrerend deel uit van de overeenkomst.

ARTIKEL 6

Herziening of wijziging

De partijen mogen deze overeenkomst op elk ogenblik met wederzijdse instemming wijzigen.

ARTIKEL 7

Inwerkingtreding en voorlopige toepassing

1. Deze overeenkomst treedt in werking wanneer de partijen elkaar schriftelijk hebben medegedeeld dat zij hun interne procedures voor de inwerkingtreding van de overeenkomst hebben voltooid.

2. Onverminderd het bepaalde in lid 1 stemmen de partijen ermee in deze overeenkomst voorlopig toe te passen vanaf de eerste dag van de maand volgende op de datum waarop de partijen elkaar in kennis hebben gesteld van de voltooiing van de daartoe vereiste procedures.

3. De overeenkomsten en andere regelingen tussen lidstaten en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam die, op de datum van de ondertekening van deze overeenkomst, nog niet in werking zijn getreden en niet voorlopig worden toegepast, zijn vermeld in bijlage 1, onder b). Zodra deze overeenkomsten en regelingen in werking treden of voorlopig worden toegepast, vallen ze onder de onderhavige overeenkomst.

ARTIKEL 8

Beëindiging

1. Wanneer een in bijlage 1 vermelde overeenkomst wordt beëindigd, worden ook alle bepalingen van de onderhavige overeenkomst die betrekking hebben op de desbetreffende in bijlage 1 vermelde overeenkomst tegelijkertijd beëindigd.

2. Wanneer alle in bijlage 1 vermelde overeenkomsten worden beëindigd, wordt de onderhavige overeenkomst tegelijkertijd beëindigd.

TEN BLIJKE WAARVAN de ondergetekenden, daartoe naar behoren gemachtigd, deze overeenkomst hebben ondertekend.

Gedaan te Brussel in tweevoud, 4 oktober 2010 in de Bulgaarse, Deense, Duitse, Engelse, Estse, Finse, Franse, Griekse, Hongaarse, Italiaanse, Letse, Litouwse, Maltese, Nederlandse, Poolse, Portugese, Roemeense, Slowaakse, Sloveense, Spaanse, Tsjechische, Zweedse en Vietnamese taal.

UNIA EUROPEJSKA

z jednej strony, oraz

RZĄD SOCJALISTYCZNEJ REPUBLIKI WIETNAMU,

z drugiej strony

(zwane dalej „stronami")

STWIERDZAJĄC, że dwustronne umowy o komunikacji lotniczej zawarte między siedemnastoma państwami członkowskimi Unii Europejskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu zawierają postanowienia sprzeczne z prawem Unii Europejskiej,

STWIERDZAJĄC, że Unia Europejska ma wyłączną kompetencję w zakresie szeregu aspektów, które mogą zostać włączane do dwustronnych umów o komunikacji lotniczej między państwami członkowskimi Unii Europejskiej a państwami trzecimi,

STWIERDZAJĄC, że na mocy prawa Unii Europejskiej przewoźnicy lotniczy Unii Europejskiej ustanowieni w państwie członkowskim mają prawo do pozbawionego dyskryminacji dostępu do tras lotniczych między państwami członkowskimi Unii Europejskiej a państwami trzecimi,

UWZGLĘDNIAJĄC umowy między Unią Europejską a pewnymi państwami trzecimi, przewidujące dla obywateli tych państw trzecich możliwość nabywania prawa własności przewoźników lotniczych koncesjonowanych zgodnie z prawem Unii Europejskiej,

UZNAJĄC, że niektóre postanowienia dwustronnych umów o komunikacji lotniczej między państwami członkowskimi Unii Europejskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, które są sprzeczne z prawem Unii Europejskiej, muszą zostać doprowadzone do zgodności z tym prawem w celu ustanowienia solidnej podstawy prawnej dla wykonywania przewozów lotniczych między Unią Europejską a Socjalistyczną Republiką Wietnamu, a także w celu zachowania ciągłości takich przewozów,

STWIERDZAJĄC, że na mocy prawa Unii Europejskiej przewoźnicy lotniczy nie mogą co do zasady zawierać porozumień, które mogłyby wpływać na handel między państwami członkowskimi Unii Europejskiej i których celem lub skutkiem jest zapobieżenie, ograniczenie lub zakłócenie konkurencji,

UZNAJĄC, że postanowienia dwustronnych umów o komunikacji lotniczej zawartych między państwami członkowskimi Unii Europejskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, które (i) wymagają lub sprzyjają przyjmowaniu porozumień między przedsiębiorstwami, decyzji związków przedsiębiorstw lub uzgodnionych praktyk, które zapobiegają, zakłócają lub ograniczają konkurencję między przewoźnikami lotniczymi na danych trasach; lub (ii) wzmacniają skutki wszelkich takich porozumień, decyzji lub uzgodnionych praktyk; lub (iii) przenoszą na przewoźników lotniczych lub inne prywatne podmioty gospodarcze odpowiedzialność za podjęcie środków, które zapobiegają, zakłócają lub ograniczają konkurencję między przewoźnikami lotniczymi na danych trasach, mogą uniemożliwić skuteczne działanie reguł konkurencji mających zastosowanie do przedsiębiorstw,

3. Rząd Socjalistycznej Republiki Wietnamu może odmówić, cofnąć, zawiesić lub ograniczyć upoważnienia lub zezwolenia wydane przewoźnikowi lotniczemu wyznaczonemu przez państwo członkowskie, jeżeli:

(i) przewoźnik lotniczy nie jest ustanowiony, zgodnie z Traktatami UE, na terytorium wyznaczającego państwa członkowskiego lub nie posiada ważnej koncesji wydanej zgodnie z prawem Unii Europejskiej; lub

(ii) państwo członkowskie odpowiedzialne za wydanie certyfikatu przewoźnika lotniczego nie sprawuje ani nie utrzymuje skutecznej kontroli regulacyjnej nad przewoźnikiem lotniczym, lub w wyznaczeniu nie jest wyraźnie określona właściwa władza lotnicza; lub

(iii) przewoźnik lotniczy nie jest własnością, bezpośrednio lub poprzez pakiet większościowy, ani nie znajduje się pod skuteczną kontrolą państw członkowskich lub obywateli państw członkowskich, lub innych państw wymienionych w załączniku 3 lub obywateli tych innych państw.

Wykonując swoje prawa na mocy niniejszego ustępu, rząd Socjalistycznej Republiki Wietnamu nie stosuje dyskryminacji między przewoźnikami lotniczymi Unii Europejskiej ze względu na ich przynależność państwową.

ARTYKUŁ 3

Bezpieczeństwo

1. Postanowienia ust. 2 niniejszego artykułu uzupełniają artykuły wymienione w załączniku 2 lit. c).

2. Jeżeli państwo członkowskie wyznaczyło przewoźnika lotniczego, nad którym kontrolę regulacyjną sprawuje i utrzymuje inne państwo członkowskie, prawa Socjalistycznej Republiki Wietnamu zgodnie z postanowieniami dotyczącymi bezpieczeństwa zawartymi w umowie między państwem członkowskim, które wyznaczyło danego przewoźnika lotniczego, a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu mają w równym stopniu zastosowanie w stosunku do przyjmowania, wykonywania lub utrzymywania norm bezpieczeństwa przez wspomniane inne państwo członkowskie oraz w stosunku do zezwolenia eksploatacyjnego tego przewoźnika lotniczego.

ARTYKUŁ 4

Zgodność z regułami konkurencji

1. Dwustronne umowy o komunikacji lotniczej zawarte między państwami członkowskimi a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu pozostają bez uszczerbku dla reguł konkurencji każdej ze stron.

2. Postanowienia wymienione w załączniku 2 lit. d) tracą moc.

ARTYKUŁ 5

Załączniki do umowy

Załączniki do niniejszej umowy stanowią jej integralną część.

ARTYKUŁ 6

Zmiany lub poprawki

Strony mogą w każdej chwili zmienić lub poprawić niniejszą umowę w drodze wzajemnego porozumienia.

ARTYKUŁ 7

Wejście w życie i tymczasowe stosowanie

1. Niniejsza umowa wchodzi w życie po dokonaniu przez strony wzajemnej pisemnej notyfikacji zakończenia ich wewnętrznych procedur niezbędnych do wejścia w życie umowy.

2. Nie naruszając postanowień ust. 1, strony zgadzają się na tymczasowe stosowanie niniejszej umowy od pierwszego dnia miesiąca następującego po dniu, w którym strony dokonały wzajemnej notyfikacji zakończenia niezbędnych w tym celu procedur.

3. Umowy oraz inne porozumienia między państwami członkowskimi a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, które w dniu podpisania niniejszej umowy nie weszły jeszcze w życie i nie są tymczasowo stosowane, są wymienione w załączniku 1 lit. b). Niniejszą umowę stosuje się do wszystkich takich umów i porozumień z dniem ich wejścia w życie lub z dniem rozpoczęcia ich tymczasowego stosowania.

ARTYKUŁ 8

Wygaśnięcie

1. W przypadku wygaśnięcia umowy wymienionej w załączniku 1, jednocześnie wygasają wszystkie postanowienia niniejszej umowy odnoszące się do danej umowy wymienionej w załączniku 1.

2. W przypadku wygaśnięcia wszystkich umów wymienionych w załączniku 1, jednocześnie wygasa niniejsza umowa.

W DOWÓD CZEGO, niżej podpisani odpowiednio upoważnieni podpisali niniejszą umowę.

Sporządzono w Brukseli w dwóch jednobrzmiących egzemplarzach, dnia 4 października 2010 r. w językach: angielskim, bułgarskim, czeskim, duńskim, estońskim, fińskim, francuskim, greckim, hiszpańskim, litewskim, łotewskim, maltańskim, niderlandzkim, niemieckim, polskim, portugalskim, rumuńskim, słowackim, słoweńskim, szwedzkim, węgierskim, włoskim i wietnamskim.

ACORDO

ENTRE A UNIÃO EUROPEIA

E O GOVERNO DA REPÚBLICA SOCIALISTA DO VIETNAME

SOBRE CERTOS ASPECTOS DOS SERVIÇOS AÉREOS

A UNIÃO EUROPEIA,

por um lado, e

O GOVERNO DA REPÚBLICA SOCIALISTA DO VIETNAME,

por outro,

(a seguir designados "Partes"),

VERIFICANDO que foram celebrados acordos bilaterais de serviços aéreos entre dezassete Estados-Membros da União Europeia e o Governo da República Socialista do Vietname contendo disposições contrárias ao direito da União Europeia,

VERIFICANDO que a União Europeia tem competência exclusiva no que respeita a vários aspectos que podem estar incluídos em acordos bilaterais de serviços aéreos entre Estados-Membros da União Europeia e países terceiros,

VERIFICANDO que, nos termos do direito da União Europeia, as transportadoras aéreas da União Europeia estabelecidas num Estado-Membro têm o direito de aceder em condições não discriminatórias às ligações aéreas entre Estados-Membros da União Europeia e países terceiros,

TENDO EM CONTA os acordos entre a União Europeia e certos países terceiros que prevêem a possibilidade de os nacionais desses países adquirirem participações em transportadoras aéreas licenciadas nos termos do direito da União Europeia,

RECONHECENDO que certas disposições dos acordos bilaterais de serviços aéreos entre os Estados-Membros da União Europeia e o Governo da República Socialista do Vietname, que são contrárias ao direito da União Europeia, devem ser tornadas conformes com ele, de modo a estabelecer uma base jurídica sólida para os serviços aéreos entre a União Europeia e a República Socialista do Vietname e preservar a continuidade de tais serviços,

VERIFICANDO que, nos termos do direito da União Europeia, as transportadoras aéreas não podem, em princípio, celebrar acordos que sejam susceptíveis de afectar o comércio entre Estados-Membros da União Europeia e que tenham por objecto ou efeito impedir, restringir ou falsear a concorrência,

RECONHECENDO que as disposições dos acordos bilaterais de serviços aéreos celebrados entre Estados-Membros da União Europeia e o Governo da República Socialista do Vietname que: i) exigem ou favorecem a adopção de acordos entre empresas, decisões de associações de empresas ou práticas concertadas que impedem, falseiam ou restringem a concorrência entre as transportadoras aéreas nas ligações relevantes ou ii) reforçam os efeitos de qualquer desses acordos, decisões ou práticas concertadas ou iii) delegam nas transportadoras aéreas ou noutros operadores económicos privados a responsabilidade pela tomada de medidas que impedem, falseiam ou restringem a concorrência entre transportadoras aéreas nas ligações relevantes podem tornar ineficazes regras da concorrência aplicáveis às empresas,

VERIFICANDO que não é objectivo da União Europeia, enquanto Parte nestas negociações, aumentar o volume total de tráfego aéreo entre a União Europeia e a República Socialista do Vietname, afectar o equilíbrio entre as transportadoras aéreas da União Europeia e as transportadoras aéreas da República Socialista do Vietname ou negociar alterações às disposições dos actuais acordos bilaterais de serviços aéreos relativas aos direitos de tráfego,

ACORDARAM NO SEGUINTE:

ARTIGO 1.º

Disposições gerais

1. Para efeitos do presente Acordo, entende-se por "Estados-Membros" os Estados-Membros da União Europeia e por "Tratados UE" o Tratado da União Europeia e o Tratado sobre o Funcionamento da União Europeia.

2. As referências, em cada um dos Acordos enumerados no Anexo 1, aos nacionais do Estado-Membro que é Parte nesse Acordo entendem-se como referências aos nacionais dos Estados-Membros da União Europeia.

3. As referências, em cada um dos acordos enumerados no Anexo 1, às transportadoras aéreas ou companhias aéreas do Estado-Membro que é Parte nesse acordo entendem-se como referências às transportadoras aéreas ou companhias aéreas designadas por esse Estado-Membro.

ARTIGO 2.º

Designação por um Estado-Membro

1. As disposições dos n.ºs 2 e 3 do presente artigo substituem as disposições correspondentes dos artigos enumerados, respectivamente, nas alíneas a) e b) do Anexo 2, no que respeita à designação de uma transportadora aérea pelo Estado-Membro em causa, às suas licenças ou autorizações concedidas pelo Governo da República Socialista do Vietname, e à recusa, revogação, suspensão ou limitação das licenças ou autorizações da transportadora aérea, respectivamente.

2. Após recepção de uma designação por um Estado-Membro, o Governo da República Socialista do Vietname concede as licenças ou autorizações adequadas num prazo administrativo mínimo, desde que:

i) a transportadora aérea esteja estabelecida no território do Estado-Membro que procedeu à designação, em conformidade com os Tratados UE, e disponha de uma licença de exploração válida nos termos do direito da União Europeia; e

ii) o controlo regulamentar efectivo da transportadora aérea seja exercido e mantido pelo Estado-Membro responsável pela emissão do seu certificado de operador aéreo e a autoridade aeronáutica competente esteja claramente identificada na designação; e

iii) a transportadora aérea seja propriedade, de forma directa ou através de participação maioritária, de Estados-Membros e/ou de nacionais dos Estados-Membros e/ou de outros Estados enumerados no Anexo 3 e/ou de nacionais desses outros Estados, e efectivamente controlada por eles.

3. O Governo da República Socialista do Vietname pode recusar, revogar, suspender ou limitar as licenças ou autorizações de uma transportadora aérea designada por um Estado-Membro, nos casos em que:

i) a transportadora aérea não esteja estabelecida no território do Estado-Membro que procedeu à designação, em conformidade com os Tratados UE, ou não disponha de uma licença de exploração válida nos termos do direito da UE; ou

ii) o controlo regulamentar efectivo da transportadora aérea não seja exercido ou não seja mantido pelo Estado-Membro responsável pela emissão do seu certificado de operador aéreo ou a autoridade aeronáutica competente não esteja claramente identificada na designação; ou

iii) a transportadora aérea não seja propriedade directa, ou através de participação maioritária, de Estados-Membros e/ou de nacionais dos Estados-Membros e/ou de outros Estados enumerados no Anexo 3 e/ou de nacionais desses Estados, nem efectivamente controlada por eles.

Ao exercer o seu direito ao abrigo do disposto no presente número, o Governo da República Socialista do Vietname não faz discriminações entre as transportadoras aéreas da União Europeia com base na nacionalidade.

ARTIGO 3.º

Segurança

1. O disposto no n.º 2 do presente artigo complementa os artigos enumerados na alínea c) do Anexo 2.

2. Caso um Estado-Membro tenha designado uma transportadora aérea cujo controlo regulamentar seja exercido e mantido por outro Estado-Membro, os direitos da República Socialista do Vietname nos termos das disposições de segurança do acordo entre o Estado-Membro que designou a transportadora aérea e o Governo da República Socialista do Vietname aplicam-se igualmente no que respeita à adopção, ao exercício ou à manutenção de normas de segurança por esse outro Estado-Membro e no que respeita à licença de exploração dessa transportadora aérea.

ARTIGO 4.º

Compatibilidade com as regras da concorrência

1. Os acordos bilaterais de serviços aéreos celebrados entre Estados-Membros e o Governo da República Socialista do Vietname aplicam-se sem prejuízo das regras de concorrência das Partes.

2. As disposições enumeradas na alínea d) do Anexo 2 deixam de produzir efeitos.

ARTIGO 5.º

Anexos do Acordo

Os anexos do presente Acordo fazem deste parte integrante.

ARTIGO 6.º

Revisão ou alteração

As Partes podem, em qualquer momento e de comum acordo, rever ou alterar o presente Acordo.

ARTIGO 7.º

Entrada em vigor e aplicação provisória

1. O presente Acordo entra em vigor na data em que as Partes se tiverem notificado reciprocamente por escrito da conclusão das respectivas formalidades internas necessárias para a sua entrada em vigor.

2. Não obstante o disposto no n.º 1, as Partes acordam em aplicar provisoriamente o presente Acordo a partir do primeiro dia do mês subsequente à data em que se tiverem notificado reciprocamente da conclusão das formalidades necessárias para o efeito.

3. Os acordos e outros convénios acordados entre os Estados-Membros e o Governo da República Socialista do Vietname que, à data de assinatura do presente Acordo, não tiverem ainda entrado em vigor e não estejam a ser aplicados provisoriamente são enumerados na alínea b) do Anexo 1. O presente Acordo aplica-se a todos os referidos acordos e convénios a partir da data de entrada em vigor ou de aplicação provisória dos mesmos.

ARTIGO 8.º

Cessação de vigência

1. Caso cesse a vigência de um dos acordos enumerados no Anexo 1, cessa simultaneamente a vigência de todas as disposições do presente Acordo relacionadas com o acordo em causa.

2. Caso cesse a vigência de todos os acordos enumerados no Anexo 1, cessa simultaneamente a vigência do presente Acordo.

EM FÉ DO QUE, os abaixo assinados, devidamente autorizados para o efeito, apuseram as suas assinaturas no presente Acordo.

Feito em Bruxelas, em 4 de Outubro de 2010, em duplo exemplar, nas línguas alemã, búlgara, checa, dinamarquesa, eslovaca, eslovena, espanhola, estónia, finlandesa, francesa, grega, húngara, inglesa, italiana, letã, lituana, maltesa, neerlandesa, polaca, portuguesa, romena, sueca e vietnamita.

ACORD
INTRE UNIUNEA EUROPEANA
SI GUVERNUL REPUBLICII SOCIALISTE VIETNAM
PRIVIND ANUMITE ASPECTE ALE SERVICIILOR AERIENE

UNIUNEA EUROPEANĂ,

pe de o parte, şi

GUVERNUL REPUBLICII SOCIALISTE VIETNAM,

pe de altă parte

(denumite în continuare „părţile")

CONSTATÂND că între şaptesprezece state membre ale Uniunii Europene şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam au fost încheiate acorduri bilaterale privind serviciile aeriene care conţin dispoziţii contrare legislaţiei Uniunii Europene,

CONSTATÂND competenţa exclusivă a Uniunii Europene în ceea ce priveşte mai multe aspecte care pot fi incluse în acorduri bilaterale privind serviciile aeriene dintre statele membre ale Uniunii Europene şi ţări terţe,

CONSTATÂND că, în temeiul dreptului Uniunii Europene, transportatorii aerieni din Uniunea Europeană stabiliţi într-un stat membru au dreptul la acces nediscriminatoriu la rutele aeriene dintre statele membre ale Uniunii Europene şi ţări terţe,

AVÂND ÎN VEDERE acordurile dintre Uniunea Europeană și anumite țări terțe care prevăd pentru resortisanții acestor țări terțe posibilitatea de a deveni proprietari de transportatori aerieni licențiați în conformitate cu legislația Uniunii Europene,

RECUNOSCÂND că anumite dispoziții din acordurile bilaterale privind serviciile aeriene dintre statele membre ale Uniunii Europene și Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, care contravin legislației Uniunii Europene, trebuie să fie aduse în conformitate cu acesta din urmă, astfel încât să se stabilească un temei juridic solid pentru serviciile aeriene dintre Uniunea Europeană și Republica Socialistă Vietnam și să se asigure continuitatea respectivelor servicii aeriene,

CONSTATÂND că, în temeiul legislației Uniunii Europene, transportatorii aerieni nu pot, în principiu, încheia acorduri care ar putea afecta schimburile comerciale dintre statele membre ale Uniunii Europene și care au ca obiect sau efect împiedicarea, restricționarea sau denaturarea concurenței,

RECUNOSCÂND că anumite dispoziții din acordurile bilaterale privind serviciile aeriene dintre statele membre ale Uniunii Europene și Guvernul Republicii Socialiste Vietnam care (i) impun sau favorizează adoptarea unor acorduri între întreprinderi, a unor decizii luate de către asociații de întreprinderi sau a unor practici concertate care împiedică, denaturează sau restricționează concurența; sau (ii) consolidează efectele unui astfel de acord, unei astfel de decizii sau unei astfel de practici concertate; sau (iii) deleagă transportatorilor aerieni sau altor operatori economici privați responsabilitatea pentru luarea unor măsuri care împiedică, denaturează sau restricționează concurența între transportatorii aerieni pe rutele respective, pot face ca regulile de concurență care se aplică întreprinderilor să devină ineficace,

CONSTATÂND că, în cadrul acestor negocieri, Uniunea Europeană nu are drept obiectiv creşterea volumului total al traficului aerian dintre Uniunea Europeană şi Republica Socialistă Vietnam, compromiterea echilibrului dintre transportatorii aerieni din Uniunea Europeană şi transportatorii aerieni din Republica Socialistă Vietnam şi nici negocierea unor modificări ale dispoziţiilor acordurilor bilaterale privind serviciile aeriene existente în ceea ce priveşte drepturile de trafic,

CONVIN DUPĂ CUM URMEAZĂ:

ARTICOLUL 1

Dispoziţii generale

(1) În sensul prezentului acord, „state membre" înseamnă statele membre ale Uniunii Europene iar „tratate UE" înseamnă Tratatul privind Uniunea Europeană şi Tratatul privind funcţionarea Uniunii Europene.

(2) În cadrul fiecăruia dintre acordurile enumerate în anexa 1, trimiterile la resortisanţii statului membru care se constituie parte la acordul respectiv se interpretează ca trimiteri la resortisanţii statelor membre ale Uniunii Europene.

(3) În cadrul fiecăruia dintre acordurile enumerate în anexa 1, trimiterile la transportatorii aerieni sau la companiile aeriene ale statului membru care se constituie parte la acordul respectiv se interpretează ca trimiteri la transportatorii aerieni sau la companiile aeriene desemnate de respectivul stat membru.

ARTICOLUL 2

Desemnarea de către un stat membru

(1) Dispozițiile alineatelor (2) și (3) din prezentul articol au întâietate față de dispozițiile corespunzătoare ale articolelor enumerate în anexa 2 literele (a) și, respectiv, (b), în ceea ce privește desemnarea unui transportator aerian de către statul membru în cauză, autorizațiile și permisele acordate acestuia de către Guvernul Republicii Socialiste Vietnam și respectiv refuzul, revocarea, suspendarea sau limitarea autorizațiilor sau a permiselor transportatorului aerian.

(2) La primirea unei desemnări din partea unui stat membru, Guvernul Republicii Socialiste Vietnam acordă autorizațiile și permisele corespunzătoare într-un termen minim de procedură, cu condiția ca:

(i) transportatorul aerian să fie stabilit pe teritoriul statului membru care a efectuat desemnarea, în temeiul tratatelor UE și să dețină o autorizație de funcționare valabilă, în conformitate cu legislația Uniunii Europene; și

(ii) statul membru care a eliberat certificatul de transportator aerian să efectueze și să asigure un control reglementar efectiv al transportatorului aerian, iar autoritatea aeronautică competentă să fie identificată în mod clar în desemnare; și

(iii) transportatorul aerian să fie deținut, în mod direct sau prin intermediul unui acționariat majoritar, și să fie controlat efectiv de state membre și/sau de resortisanți ai statelor membre și/sau de alte state enumerate în anexa 3 și/sau de resortisanți ai acestor alte state.

(3) Guvernul Republicii Socialiste Vietnam poate refuza, revoca, suspenda sau limita autorizațiile sau permisele unui transportator aerian desemnat de un stat membru, în cazul în care:

(i) transportatorul aerian nu este stabilit pe teritoriul statului membru care a efectuat desemnarea în temeiul tratatelor UE sau nu deține o autorizație de funcționare valabilă în conformitate cu legislația Uniunii Europene; sau

(ii) statul membru care a eliberat certificatul de transportator aerian nu efectuează și nu asigură un control reglementar efectiv al transportatorului aerian, iar autoritatea aeronautică competentă nu este identificată în mod clar în desemnare; sau

(iii) transportatorul aerian nu este deținut, în mod direct sau prin intermediul unui acționariat majoritar, și nu este controlat efectiv de state membre și/sau de resortisanți ai statelor membre și/sau de alte state enumerate în anexa 3 și/sau de resortisanți ai acestor alte state.

În exercitarea drepturilor sale în temeiul prezentului alineat, Guvernul Republicii Socialiste Vietnam nu face discriminări pe bază de naționalitate între transportatorii aerieni din Uniunea Europeană.

ARTICOLUL 3

Siguranță

(1) Dispozițiile alineatului (2) din prezentul articol completează articolele enumerate în anexa 2 litera (c).

(2) În cazul în care un stat membru a desemnat un transportator aerian al cărui control reglementar este efectuat şi asigurat de către un alt stat membru, drepturile Republicii Socialiste Vietnam în cadrul dispoziţiilor privind siguranţa cuprinse în acordul încheiat între statul membru care a desemnat transportatorul aerian şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam se aplică în mod identic în ceea ce priveşte adoptarea, exercitarea sau menţinerea standardelor de siguranţă de către acest alt stat membru, precum şi în ceea ce priveşte autorizaţia de funcţionare a respectivului transportator aerian.

ARTICOLUL 4

Compatibilitatea cu regulile în materie de concurenţă

(1) Acordurile bilaterale privind serviciile aeriene încheiate între statele membre şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam nu aduc atingere regulilor părţilor în materie de concurenţă

(2) Dispoziţiile enumerate în anexa 2 litera (d) încetează să mai producă efecte.

ARTICOLUL 5

Anexele la acord

Anexele la prezentul acord constituie parte integrantă din acesta.

ARTICOLUL 6

Revizuirea sau modificarea

Părțile pot revizui sau modifica prezentul acord, în orice moment, prin consimțământ reciproc.

ARTICOLUL 7

Intrarea în vigoare și aplicarea provizorie

(1) Prezentul acord intră în vigoare la data la care părțile și-au comunicat reciproc, în scris, îndeplinirea procedurilor interne ale acestora necesare intrării în vigoare a acordului.

(2) Fără a aduce atingere alineatului (1), părțile convin să aplice prezentul acord cu titlu provizoriu începând cu prima zi a lunii următoare datei la care părțile și-au comunicat reciproc îndeplinirea procedurilor necesare în acest scop.

(3) Acordurile și celelalte înțelegeri dintre statele membre și Guvernul Republicii Socialiste Vietnam care, la data semnării prezentului acord, nu au intrat încă în vigoare și nu fac obiectul unei aplicări provizorii sunt enumerate în anexa 1 litera (b). Prezentul acord se aplică tuturor acestor acorduri și înțelegeri la momentul intrării în vigoare sau al aplicării provizorii a acestora.

ARTICOLUL 8

Denunțarea

(1) În cazul denunțării unuia dintre acordurile enumerate în anexa 1, toate dispozițiile prezentului acord privind acordul în cauză enumerat în anexa 1 încetează să mai producă efecte la aceeași dată.

(2) În cazul denunțării tuturor acordurilor enumerate în anexa 1, prezentul acord încetează să mai producă efecte la aceeași dată.

DREPT CARE subsemnații, pe deplin autorizați, semnează prezentul acord.

Întocmit la Bruxelles în dublu exemplar, la 4 octombrie 2010, în limbile bulgară, cehă, daneză, engleză, estonă, finlandeză, franceză, germană, greacă, italiană, letonă, lituaniană, olandeză, maghiară, malteză, polonă, portugheză, română, slovacă, slovenă, spaniolă, suedeză și vietnameză.

DOHODA
MEDZI EURÓPSKOU ÚNIOU
A VLÁDOU VIETNAMSKEJ SOCIALISTICKEJ REPUBLIKY
O URČITÝCH ASPEKTOCH LETECKÝCH DOPRAVNÝCH SLUŽIEB

EURÓPSKA ÚNIA

na jednej strane a

VLÁDA VIETNAMSKEJ SOCIALISTICKEJ REPUBLIKY

na strane druhej,

(ďalej len „strany"),

BERÚC NA VEDOMIE, že medzi sedemnástimi členskými štátmi Európskej únie a vládou Vietnamskej socialistickej republiky boli uzavreté dvojstranné dohody o leteckých dopravných službách, ktorých súčasťou sú ustanovenia v rozpore s právnymi predpismi Európskej únie.

BERÚC NA VEDOMIE, že Európska únia má výhradnú právomoc v súvislosti s niektorými aspektmi, ktoré môžu byť zahrnuté v dvojstranných dohodách o leteckých dopravných službách medzi členskými štátmi Európskej únie a tretími krajinami,

BERÚC NA VEDOMIE, že podľa právnych predpisov Európskej únie letecki dopravcovia Únie usadení v členskom štáte majú právo na nediskriminačný prístup k leteckým trasám medzi členskými štátmi Európskej únie a tretími krajinami,

SO ZRETEĽOM na dohody medzi Európskou úniou a určitými tretími krajinami, ktoré umožňujú príslušníkom týchto tretích krajín získať vlastnícky podiel v spoločnostiach leteckých dopravcov, ktorí majú licenciu v súlade s právnymi predpismi Európskej únie,

UZNÁVAJÚC, že určité ustanovenia dvojstranných dohôd o leteckých dopravných službách medzi členskými štátmi Európskej únie a vládou Vietnamskej socialistickej republiky, ktoré sú v rozpore s právnymi predpismi Európskej únie, sa s nimi musia úplne zosúladiť s cieľom vytvoriť pevný právny základ pre letecké dopravné služby medzi Európskou úniou a Vietnamskou socialistickou republikou a zachovať kontinuitu týchto leteckých dopravných služieb,

BERÚC NA VEDOMIE, že podľa právnych predpisov Európskej únie leteckí dopravcovia nesmú v zásade uzatvárať dohody, ktoré môžu ovplyvniť obchod medzi členskými štátmi Európskej únie, a ktoré majú za cieľ alebo následok zabrániť, obmedzovať, alebo narušať hospodársku súťaž,

UZNÁVAJÚC, že ustanovenia dvojstranných dohôd o leteckých dopravných službách uzatvorených medzi členskými štátmi Európskej únie a vládou Vietnamskej socialistickej republiky, ktoré (i) požadujú, alebo uprednostňujú prijatie dohôd medzi podnikmi, rozhodnutí združení podnikov alebo zosúladených postupov, ktorými sa zabraňuje, obmedzuje alebo narúša hospodárska súťaž medzi leteckými dopravcami na príslušných trasách; alebo (ii) posilňujú účinky akejkoľvek takejto dohody, rozhodnutia alebo zosúladeného postupu; alebo (iii) prenášajú na leteckých dopravcov alebo iné súkromné hospodárske subjekty zodpovednosť za prijatie opatrení, ktoré zabraňujú, obmedzujú alebo narúšajú hospodársku súťaž medzi leteckými dopravcami na príslušných trasách, a ktoré môžu rušiť účinnosť pravidiel hospodárskej súťaže platných pre podniky,

BERÚC NA VEDOMIE, že Európska únia nezamýšľa v rámci týchto rokovaní zvýšiť celkový objem leteckej dopravy medzi Európskou úniou a Vietnamskou socialistickou republikou, ovplyvniť rovnováhu medzi leteckými dopravcami Únie a leteckými dopravcami Vietnamskej socialistickej republiky, ani prerokovať zmeny a doplnenia ustanovení súčasných dvojstranných dohôd o leteckých dopravných službách, ktoré sa týkajú dopravných práv,

DOHODLI SA TAKTO:

ČLÁNOK 1

Všeobecné ustanovenia

1. Na účely tejto dohody „členské štáty" znamenajú členské štáty Európskej únie a „zmluvy EÚ" znamenajú Zmluvu o Európskej únii a Zmluvu o fungovaní Európskej únie.

2. Odkazy v každej z dohôd uvedených v prílohe I na občanov členského štátu, ktorý je stranou takejto dohody, sa považujú za odkazy na občanov členských štátov Európskej únie.

3. Keď je v dohodách uvedených v prílohe I uvedený odkaz na leteckých dopravcov alebo letecké dopravné spoločnosti členského štátu, ktorý je stranou takejto dohody, chápe sa ako odkaz na leteckých dopravcov alebo letecké dopravné spoločnosti určené týmto členským štátom.

ČLÁNOK 2

Určenie členským štátom

1. Ustanoveniami v odsekoch 2 a 3 tohto článku sa nahrádzajú zodpovedajúce ustanovenia v článkoch uvedených v prílohe 2 písm. a) a b), pokiaľ ide o určenie leteckého dopravcu príslušným členským štátom, jeho oprávnenia a povolenia udelené vládou Vietnamskej socialistickej republiky a odmietnutie, zrušenie, dočasné pozastavenie alebo obmedzenie oprávnení alebo povolení leteckého dopravcu.

2. Keď členský štát určí leteckého dopravcu, vláda Vietnamskej socialistickej republiky udelí príslušné oprávnenia a povolenia s minimálnym procedurálnym oneskorením, pokiaľ:

i. letecký dopravca je usadený podľa zmlúv EÚ na území určujúceho členského štátu a má platnú prevádzkovú licenciu v súlade s právnymi predpismi Európskej únie; a

ii. členský štát zodpovedný za vydávanie osvedčenia pre leteckých prevádzkovateľov vykonáva a udržiava účinnú regulačnú kontrolu leteckého dopravcu a v určení je jasne uvedený príslušný vládny orgán civilného letectva; a pokiaľ

iii. leteckého dopravcu priamo alebo prostredníctvom väčšinového vlastníckeho podielu vlastnia a efektívne riadia členské štáty a/alebo štátni príslušníci členských štátov a/alebo iné štáty uvedené v prílohe 3 a/alebo štátni príslušníci týchto iných štátov.

3. Vláda Vietnamskej socialistickej republiky môže zamietnuť, zrušiť, dočasne pozastaviť, alebo obmedziť oprávnenia alebo povolenia leteckého dopravcu určeného členským štátom v prípade, že:

i. letecký dopravca nie je usadený podľa zmlúv EÚ na území členského štátu alebo nemá platnú prevádzkovú licenciu v súlade s právnymi predpismi Európskej únie; alebo

ii. členský štát zodpovedný za vydávanie osvedčenia pre leteckých prevádzkovateľov nevykonáva alebo neudržiava účinnú regulačnú kontrolu leteckého dopravcu a v určení nie je jasne uvedený príslušný orgán civilného letectva; alebo

iii. leteckého dopravcu priamo alebo väčšinovo nevlastnia a účinne neriadia členské štáty a(alebo) štátni príslušníci členských štátov, a(alebo) iné štáty uvedené v prílohe 3, a(alebo) štátni príslušníci týchto iných štátov.

Pri vykonávaní svojho práva podľa tohto odseku vláda Vietnamskej socialistickej republiky nesmie robiť rozdiely medzi leteckými dopravcami Európskej únie na základe štátnej príslušnosti.

ČLÁNOK 3

Bezpečnosť

1. Ustanovenia odseku 2 tohto článku dopĺňajú články uvedené v prílohe 2 písm. c).

2. V prípade, že členský štát určil leteckého dopravcu, ktorého regulačnú kontrolu vykonáva a udržiava iný členský štát, uplatňujú sa práva Vietnamskej socialistickej republiky vyplývajúce z bezpečnostných ustanovení dohody medzi členským štátom, ktorý určil leteckého dopravcu, a vládou Vietnamskej socialistickej republiky rovnako aj na bezpečnostné normy, ktoré takýto iný členský štát prijal, vykonával alebo udržiaval, ako aj na prevádzkové oprávnenie dotknutého leteckého dopravcu.

ČLÁNOK 4

Zlučiteľnosť s pravidlami hospodárskej súťaže

1. Dvojstranné dohody o leteckých dopravných službách uzavreté medzi členskými štátmi a vládou Vietnamskej socialistickej republiky sa nedotýkajú pravidiel hospodárskej súťaže strán.

2. Ustanovenia uvedené v prílohe 2 písm. d) strácajú účinnosť.

ČLÁNOK 5

Prílohy k dohode

Prílohy k tejto dohode tvoria jej neoddeliteľnú súčasť.

ČLÁNOK 6

Prepracovanie alebo zmena a doplnenie

Strany môžu na základe vzájomnej dohody kedykoľvek prepracovať alebo zmeniť a doplniť túto dohodu.

ČLÁNOK 7

Nadobudnutie platnosti a predbežné vykonávanie

1. Táto dohoda vstúpi do platnosti vtedy, keď si strany navzájom písomne oznámia, že dokončili príslušné vnútorné postupy potrebné na jej uvedenie do platnosti.

2. Bez ohľadu na ustanovenia odseku 1 sa strany dohodli na predbežnom vykonávaní tejto dohody od prvého dňa mesiaca nasledujúceho po dni, keď si strany navzájom oznámia ukončenie postupov potrebných na tento účel.

3. Dohody a iné dojednania medzi členskými štátmi a vládou Vietnamskej socialistickej republiky, ktoré v deň podpisu tejto dohody ešte nenadobudli platnosť a predbežne sa nevykonávajú, sú uvedené v prílohe 1 písm. b). Táto dohoda sa uplatňuje na všetky takéto dohody a dojednania potom, ako nadobudnú platnosť alebo sa začnú predbežne vykonávať.

ČLÁNOK 8

Ukončenie platnosti dohody

1. V prípade skončenia platnosti niektorej dohody uvedenej v prílohe I sa zároveň skončí platnosť všetkých ustanovení tejto dohody, ktoré sa vzťahujú na danú dohodu uvedenú v prílohe 1.

2. V prípade skončenia platnosti všetkých dohôd uvedených v prílohe 1 sa zároveň skončí platnosť tejto dohody.

NA DÔKAZ TOHO podpísali riadne splnomocnení zástupcovia túto dohodu.

V Bruseli, v dvoch vyhotoveniach, 4. októbra 2010 v anglickom, bulharskom, českom, dánskom, holandskom, estónskom, fínskom, francúzskom, gréckom, litovskom, lotyšskom, maďarskom, maltskom, nemeckom, poľskom, portugalskom, rumunskom, talianskom, slovenskom, slovinskom, španielskom, švédskom a vietnamskom jazyku.

SPORAZUM
MED EVROPSKO UNIJO
IN VLADO SOCIALISTIČNE REPUBLIKE VIETNAM
O NEKATERIH VIDIKIH ZRAČNIH PREVOZOV

EVROPSKA UNIJA

na eni strani, in

VLADA SOCIALISTIČNE REPUBLIKE VIETNAM

na drugi strani

(v nadaljnjem besedilu: pogodbenici)

STA SE –

OB UGOTOVITVI, da dvostranski sporazumi o zračnem prevozu, sklenjeni med sedemnajstimi državami članicami Evropske unije in vlado Socialistične republike Vietnam, vsebujejo določbe, ki so v nasprotju s pravom Evropske unije;

OB UGOTOVITVI, da ima Evropska unija izključno pristojnost v zvezi z več vidiki, ki so lahko vključeni v dvostranske sporazume o zračnem prevozu med državami članicami Evropske unije in tretjimi državami;

OB UGOTOVITVI, da imajo v skladu s pravom Evropske unije letalski prevozniki Evropske unije s sedežem v državi članici pravico do nediskriminatornega dostopa do zračnih poti med državami članicami Evropske unije in tretjimi državami;

OB UPOŠTEVANJU sporazumov med Evropsko unijo in nekaterimi tretjimi državami, ki državljanom teh tretjih držav omogočajo, da pridobijo lastništvo v letalskih prevoznikih, ki so licencirani v skladu s pravom Evropske unije;

OB PRIZNAVANJU, da se morajo nekatere določbe dvostranskih sporazumov o zračnem prevozu med državami članicami Evropske unije in vlado Socialistične republike Vietnam, ki so v nasprotju s pravom Evropske unije, zaradi vzpostavitve trdne pravne podlage za zračne prevoze med Evropsko unijo in Socialistično republiko Vietnam ter ohranitve stalnosti teh zračnih prevozov uskladiti s tem pravom;

OB UGOTOVITVI, da v skladu s pravom Evropske unije letalski prevozniki načeloma ne smejo sklepati sporazumov, ki bi lahko vplivali na trgovino med državami članicami Evropske unije in katerih cilj ali posledica bi bilo preprečevanje, omejevanje ali izkrivljanje konkurence;

OB PRIZNAVANJU, da določbe v dvostranskih sporazumih o zračnem prevozu, sklenjenih med državami članicami Evropske unije in vlado Socialistične republike Vietnam, ki (i) zahtevajo ali spodbujajo sprejetje sporazumov med podjetji, sklepe podjetniških združenj ali usklajena ravnanja, ki preprečujejo, izkrivljajo ali omejujejo konkurenco med letalskimi prevozniki na ustreznih zračnih poteh; ali (ii) krepijo učinke takih sporazumov, sklepov ali usklajenih ravnanj; ali (iii) prenašajo na letalske prevoznike ali druge zasebne gospodarske operaterje odgovornost za sprejemanje ukrepov, ki preprečujejo, izkrivljajo ali omejujejo konkurenco med letalskimi prevozniki na ustreznih zračnih poteh, lahko onemogočijo učinkovito izvajanje pravil o konkurenci, ki se uporabljajo za podjetja;

OB UGOTOVITVI, da Evropska unija v okviru teh pogajanj nima namena povečati skupnega obsega zračnega prometa med Evropsko unijo in Socialistično republiko Vietnam, vplivati na ravnovesje med letalskimi prevozniki Evropske unije in letalskimi prevozniki Socialistične republike Vietnam ali se pogajati o spremembah obstoječih dvostranskih sporazumov o zračnih prevozih v zvezi s prometnimi pravicami –

DOGOVORILI O NASLEDNJEM:

ČLEN 1

Splošne določbe

1. Za namene tega sporazuma "države članice" pomenijo države članice Evropske unije in "Pogodbi EU" pomeni Pogodbo o Evropski uniji in Pogodbo o delovanju Evropske unije.

2. Sklicevanja v posameznih sporazumih iz Priloge 1 na državljane države članice, ki je pogodbenica navedenega sporazuma, se razumejo kot sklicevanja na državljane držav članic Evropske unije.

3. Sklicevanja v posameznih sporazumih iz Priloge 1 na letalske prevoznike ali letalske družbe države članice, ki je pogodbenica navedenega sporazuma, se razumejo kot sklicevanja na letalske prevoznike ali letalske družbe, ki jih določi navedena država članica.

ČLEN 2

Določitev s strani države članice

1. Določbe iz odstavkov 2 in 3 tega člena nadomestijo ustrezne določbe v členih, ki so navedeni v Prilogi 2(a) in (b), o določitvi letalskega prevoznika s strani zadevne države članice, njegovih pooblastil in dovoljenj, ki jih prizna vlada Socialistične republike Vietnam, ter zavrnitvi, preklicu, začasnem odvzemu ali omejitvi pooblastil ali dovoljenj letalskega prevoznika.

2. Ob prejemu določitve s strani države članice, vlada Socialistične republike Vietnam prizna ustrezna pooblastila in dovoljenja z najmanjšo postopkovno zamudo, pod pogojem, da:

(i) ima letalski prevoznik sedež na ozemlju države članice, ki ga je določila, v skladu s Pogodbama EU in ima veljavno operativno licenco v skladu s pravom Evropske unije; in

(ii) država članica, ki je pristojna za izdajo spričevala letalskega prevoznika, izvaja in vzdržuje učinkovit predpisani nadzor letalskega prevoznika, in je ustrezni letalski organ v določitvi jasno opredeljen; in

(iii) je letalski prevoznik neposredno v lasti ali je njegov večinski lastnik država članica in/ali državljani države članice in/ali drugih držav iz Priloge 3 in/ali državljani teh drugih držav, in da imajo te države in/ali ti državljani učinkovit nadzor.

3. Vlada Socialistične republika Vietnam lahko zavrne, prekliče, začasno odvzame ali omeji pooblastila ali dovoljenja letalskega prevoznika, ki ga je določila država članica, če:

(i) letalski prevoznik v skladu s Pogodbama EU nima sedeža na ozemlju države članice, ki ga je določila, ali nima veljavne operativne licence v skladu s pravom Evropske unije; ali

(ii) država članica, ki je pristojna za izdajo spričevala letalskega prevoznika, ne izvaja ali ne vzdržuje učinkovitega predpisanega nadzora letalskega prevoznika ali ustrezni letalski organ v določitvi ni jasno opredeljen; ali

(iii) letalski prevoznik ni neposredno v lasti ali njegov večinski lastnik ni država članica in/ali državljani države članice in/ali drugih držav, ki so navedene v Prilogi 3, in/ali državljani teh drugih tretjih držav, in da te države in/ali državljani nimajo učinkovitega nadzore.

Vlada Socialistične republika Vietnam pri izvajanju svoje pravice iz tega odstavka ne diskriminira med letalskimi prevozniki Evropske unije na podlagi državne pripadnosti.

ČLEN 3

Varnost

1. Določbe iz odstavka 2 tega člena dopolnjujejo člene iz Priloge 2(c).

2. Kadar država članica določi letalskega prevoznika, katerega predpisani nadzor izvaja in vzdržuje država članica, se pravice Socialistične republike Vietnam v skladu z varnostnimi predpisi iz sporazuma med državo članico, ki je določila letalskega prevoznika, in vlado Socialistične republike Vietnam uporabljajo na enak način za to drugo državo članico pri sprejemanju, izvajanju ali vzdrževanju varnostnih standardov in za dovoljenja za opravljanje prometa navedenega letalskega prevoznika.

ČLEN 4

Skladnost s pravili o konkurenci

1. Dvostranski sporazumi o zračnem prevozu, sklenjeni med državami članicami in vlado Socialistične republike Vietnam ne posegajo v pravila o konkurenci pogodbenic.

2. Določbe, navedene v Prilogi 2(d) prenehajo veljati.

ČLEN 5

Priloge k Sporazumu

Priloge k temu sporazumu so njegov sestavni del.

ČLEN 6

Revizija ali sprememba

Pogodbenici lahko ta sporazum kadar koli sporazumno revidirata ali spremenita.

ČLEN 7

Začetek veljavnosti in začasna uporaba

1. Ta sporazum začne veljati, ko se pogodbenici medsebojno pisno uradno obvestita, da sta zaključili notranje postopke, potrebne za začetek veljavnosti Sporazuma.

2. Ne glede na odstavek 1 se pogodbenici strinjata, da se ta sporazum začasno uporablja od prvega dne meseca, ki sledi dnevu, ko se pogodbenici medsebojno uradno obvestita o zaključku postopkov, potrebnih v ta namen.

3. Sporazumi in drugi dogovori med državami članicami in vlado Socialistične republike Vietnam, ki na datum podpisa tega sporazuma še niso začeli veljati in niso v začasni uporabi, so navedeni v Prilogi 1(b). Ta sporazum se uporablja za vse takšne sporazume in dogovore ob začetku njihove veljavnosti ali začasne uporabe.

ČLEN 8

Prenehanje veljavnosti

1. V primeru prenehanja veljavnosti enega od sporazumov iz Priloge 1 istočasno prenehajo veljati tudi vse določbe tega sporazuma, ki so povezane z zadevnim sporazumom iz Priloge 1.

2. V primeru prenehanja veljavnosti vseh sporazumov iz Priloge 1 istočasno preneha veljati tudi ta sporazum.

V POTRDITEV NAVEDENEGA so spodaj podpisani pooblaščenci, ki so bili v ta namen ustrezno pooblaščeni, podpisali ta sporazum.

Sestavljeno v dveh izvodih v Bruslju, dne 4. oktobra 2010, v angleškem, bolgarskem, češkem, danskem, estonskem, finskem, francoskem, grškem, italijanskem, latvijskem, litovskem, madžarskem, malteškem, nemškem, nizozemskem, poljskem, portugalskem, romunskem, slovaškem, slovenskem, španskem, švedskem in vietnamskem jeziku.

EUROOPAN UNIONIN JA VIETNAMIN SOSIALISTISEN TASAVALLAN HALLITUKSEN VÄLINEN TIETTYJÄ LENTOLIIKENTEEN NÄKÖKOHTIA KOSKEVA SOPIMUS

EUROOPAN UNIONI

sekä

VIETNAMIN SOSIALISTISEN TASAVALLAN HALLITUS,

jäljempänä 'osapuolet',

TOTEAVAT, että seitsemäntoista Euroopan unionin jäsenvaltion ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välillä on tehty kahdenvälisiä lentoliikennesopimuksia, joihin sisältyy Euroopan unionin oikeuden vastaisia määräyksiä,

TOTEAVAT, että Euroopan unionilla on yksinomainen toimivalta monissa näkökohdissa, jotka voivat sisältyä Euroopan unionin jäsenvaltioiden ja kolmansien maiden kahdenvälisiin lentoliikennesopimuksiin,

TOTEAVAT, että johonkin jäsenvaltioon sijoittautuneilla unionin lentoliikenteen harjoittajilla on Euroopan unionin oikeuden nojalla oikeus syrjimättömään pääsyyn Euroopan unionin jäsenvaltioiden ja kolmansien maiden välisille lentoreiteille,

OTTAVAT HUOMIOON, että Euroopan unionin ja tiettyjen kolmansien maiden välillä on tehty sopimuksia, joiden mukaan näiden kolmansien maiden kansalaiset voivat olla omistajina lentoyhtiöissä, joilla on Euroopan unionin lainsäädännön mukainen toimilupa,

TUNNUSTAVAT, että ne Euroopan unionin jäsenvaltioiden ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen kahdenvälisten lentoliikennesopimusten määräykset, jotka ovat Euroopan unionin oikeuden vastaisia, on saatettava kyseisen oikeuden mukaisiksi, jotta Euroopan unionin ja Vietnamin sosialistisen tasavallan väliselle lentoliikenteelle voidaan luoda vankka oikeusperusta ja liikenteen jatkuvuus voidaan taata,

TOTEAVAT, että Euroopan unionin lainsäädännön mukaisesti lentoliikenteen harjoittajat eivät periaatteessa saa tehdä sopimuksia, jotka voivat vaikuttaa Euroopan unionin jäsenvaltioiden väliseen kauppaan ja joiden tavoitteena tai seurauksena on kilpailun estäminen, rajoittaminen tai vääristäminen,

TUNNUSTAVAT, että Euroopan unionin jäsenvaltioiden ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välillä tehtyjen kahdenvälisten lentoliikennesopimusten määräykset, joissa i) vaaditaan tai suositaan sellaisten yritysten välisten sopimusten tekemistä, sellaisia yritysten yhteenliittymien päätöksiä tai sellaisia yhdenmukaistettuja toimintatapoja, jotka estävät, vääristävät tai rajoittavat lentoliikenteen harjoittajien välistä kilpailua asianomaisilla reiteillä; tai ii) vahvistetaan tällaisten sopimusten, päätösten tai yhdenmukaistettujen toimintatapojen vaikutuksia; tai iii) annetaan lentoliikenteen harjoittajille tai muille yksityisille talouden toimijoille valta toteuttaa toimenpiteitä, joilla estetään, vääristetään tai rajoitetaan lentoliikenteen harjoittajien välistä kilpailua asianomaisilla reiteillä, saattavat tehdä yrityksiin sovellettavista kilpailusäännöistä tehottomia,

TOTEAVAT, että näiden neuvottelujen yhteydessä Euroopan unionin tarkoituksena ei ole lisätä Euroopan unionin ja Vietnamin sosialistisen tasavallan välisen lentoliikenteen kokonaismäärää, vaikuttaa Euroopan unionin lentoliikenteen harjoittajien ja Vietnamin sosialistisen tasavallan lentoliikenteen harjoittajien väliseen tasapainoon eikä neuvotella muutoksia voimassa olevien kahdenvälisten lentoliikennesopimusten liikenneoikeuksia koskeviin määräyksiin,

OVAT SOPINEET SEURAAVAA:

I ARTIKLA

Yleiset määräykset

1. Tässä sopimuksessa 'jäsenvaltioilla' tarkoitetaan Euroopan unionin jäsenvaltioita ja 'EU:n perussopimuksilla' tarkoitetaan Euroopan unionista tehtyä sopimusta ja Euroopan unionin toiminnasta tehtyä sopimusta.

2. Kun jossain liitteessä 1 mainitussa sopimuksessa viitataan kyseisen sopimuksen osapuolena olevan jäsenvaltion kansalaisiin, tämän on katsottava viittaavan Euroopan unionin jäsenvaltioiden kansalaisiin.

3. Kun jossain liitteessä 1 mainitussa sopimuksessa viitataan kyseisen sopimuksen osapuolena olevan jäsenvaltion lentoliikenteen harjoittajiin tai lentoyhtiöihin, tämän on katsottava viittaavan kyseisen jäsenvaltion nimeämiin lentoliikenteen harjoittajiin tai lentoyhtiöihin.

2 ARTIKLA

Jäsenvaltion tekemä nimeäminen

1. Tämän artiklan 2 kohdan määräykset syrjäyttävät liitteessä 2 olevassa a kohdassa lueteltujen artiklojen vastaavat määräykset, jotka koskevat kyseisen jäsenvaltion tekemää lentoliikenteen harjoittajan nimeämistä ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen lentoliikenteen harjoittajalle myöntämiä liikennöintilupia ja muita lupia, ja tämän artiklan 3 kohdan määräykset syrjäyttävät liitteessä 2 olevassa b kohdassa lueteltujen artiklojen vastaavat määräykset, jotka koskevat lentoliikenteen harjoittajan liikennöintilupien tai muiden lupien epäämistä, peruuttamista, tilapäistä peruuttamista tai rajoittamista.

2. Saatuaan ilmoituksen jäsenvaltion tekemästä nimeämisestä Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen on myönnettävä asianmukaiset liikennöintiluvat ja muut luvat mahdollisimman pienellä menettelyihin liittyvällä viiveellä edellyttäen, että

i) lentoliikenteen harjoittaja on sijoittautunut nimeävän jäsenvaltion alueelle EU:n perussopimusten mukaisesti ja sillä on Euroopan unionin lainsäädännön mukainen voimassa oleva liikennelupa; ja

ii) lentoliikenteen harjoittaja on lentotoimintaluvan myöntämisestä vastaavan jäsenvaltion jatkuvan ja tehokkaan viranomaisvalvonnan alainen ja asianomainen ilmailuviranomainen on mainittu selvästi nimeämisessä; ja

iii) lentoliikenteen harjoittaja on jäsenvaltioiden ja/tai jäsenvaltioiden kansalaisten ja/tai muiden liitteessä 3 lueteltujen valtioiden ja/tai niiden kansalaisten omistuksessa ja tosiasiallisessa määräysvallassa joko suoraan tai osake-enemmistön kautta.

3. Vietnamin sosialistisen tasavallan hallitus voi evätä tai peruuttaa kokonaan tai tilapäisesti jäsenvaltion nimeämän lentoliikenteen harjoittajan liikennöintiluvat tai muut luvat tai rajoittaa niiden käyttöä, jos

i) lentoliikenteen harjoittaja ei ole sijoittautunut nimeävän jäsenvaltion alueelle EU:n perussopimusten mukaisesti tai sillä ei ole Euroopan unionin lainsäädännön mukaista voimassa olevaa liikennelupaa; tai

ii) lentoliikenteen harjoittaja ei ole lentotoimintaluvan myöntämisestä vastaavan jäsenvaltion jatkuvan ja tehokkaan viranomaisvalvonnan alainen tai asianomaista ilmailuviranomaista ei ole mainittu selvästi nimeämisessä; tai

iii) lentoliikenteen harjoittaja ei ole jäsenvaltioiden ja/tai jäsenvaltioiden kansalaisten ja/tai muiden liitteessä 3 lueteltujen valtioiden ja/tai niiden kansalaisten omistuksessa tai tosiasiallisessa määräysvallassa joko suoraan tai osake-enemmistön kautta.

Vietnamin sosialistisen tasavallan hallitus ei saa tämän kohdan mukaisia oikeuksia käyttäessään harjoittaa kansallisuuteen perustuvaa syrjintää Euroopan unionin lentoliikenteen harjoittajien välillä.

3 ARTIKLA

Turvallisuus

1. Tämän artiklan 2 kohdan määräyksillä täydennetään liitteessä 2 olevassa c kohdassa lueteltuja artikloja.

2. Jos jäsenvaltio on nimennyt lentoliikenteen harjoittajan, jonka viranomaisvalvonnasta vastaa jokin toinen jäsenvaltio, lentoliikenteen harjoittajan nimenneen jäsenvaltion ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välisen sopimuksen turvallisuusmääräysten nojalla Vietnamin sosialistiselle tasavallalle kuuluvia oikeuksia sovelletaan myös kyseisen toisen jäsenvaltion turvallisuusvaatimusten hyväksymiseen, noudattamiseen tai ylläpitämiseen sekä kyseisen lentoliikenteen harjoittajan liikennöintilupaan.

4 ARTIKLA

Yhteensopivuus kilpailusääntöjen kanssa

1. Jäsenvaltioiden ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välillä solmitut kahdenväliset lentoliikennesopimukset eivät rajoita osapuolten kilpailusääntöjen soveltamista.

2. Liitteen 2 d kohdassa luetellut määräykset lakkaavat olemasta voimassa.

5 ARTIKLA

Sopimuksen liitteet

Tämän sopimuksen liitteet ovat sen erottamaton osa.

6 ARTIKLA

Tarkistaminen tai muuttaminen

Osapuolet voivat milloin tahansa yhteisellä hyväksynnällä tarkistaa tai muuttaa tätä sopimusta.

7 ARTIKLA

Voimaantulo ja väliaikainen soveltaminen

1. Tämä sopimus tulee voimaan päivänä, jona osapuolet ovat ilmoittaneet kirjallisesti toisilleen, että sopimuksen voimaan saattamisen edellyttämät sisäiset menettelyt on saatettu päätökseen.

2. Sen estämättä, mitä 1 kohdassa määrätään, osapuolet sopivat soveltavansa sopimusta väliaikaisesti sitä päivää seuraavan kuukauden ensimmäisestä päivästä, jona osapuolet ovat ilmoittaneet toisilleen tätä varten tarvittavien menettelyjen saattamisesta päätökseen.

3. Jäsenvaltioiden ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen väliset sopimukset ja muut järjestelyt, jotka eivät vielä ole tulleet voimaan tämän sopimuksen allekirjoituspäivänä ja joita ei sovelleta väliaikaisesti, luetellaan liitteessä 1 olevassa b kohdassa. Tätä sopimusta sovelletaan kaikkiin tällaisiin sopimuksiin ja järjestelyihin, kun ne tulevat voimaan tai kun niitä sovelletaan väliaikaisesti.

8 ARTIKLA

Voimassaolon päättyminen

1. Jos jokin liitteessä 1 mainittu sopimus irtisanotaan, kaikkien tämän sopimuksen määräysten, jotka liittyvät kyseiseen liitteessä 1 mainittuun sopimukseen, voimassaolo päättyy samaan aikaan.

2. Jos kaikki liitteessä 1 mainitut sopimukset irtisanotaan, tämän sopimuksen voimassaolo päättyy samaan aikaan.

TÄMÄN VAKUUDEKSI alla mainitut asianmukaisesti valtuutetut edustajat ovat allekirjoittaneet tämän sopimuksen.

Tämä sopimus on tehty Brysselissä, 4. lokakuuta 2010 kahtena kappaleena bulgarian, englannin, espanjan, hollannin, italian, kreikan, latvian, liettuan, maltan, portugalin, puolan, ranskan, romanian, ruotsin, saksan, slovakin, sloveenin, suomen, tanskan, tšekin, unkarin, viron ja vietnamin kielellä.

AVTAL

MELLAN EUROPEISKA UNIONEN

OCH SOCIALISTISKA REPUBLIKEN VIETNAMS REGERING

OM VISSA LUFTFARTSASPEKTER

3. Socialistiska republiken Vietnams regering får vägra, återkalla, tillfälligt upphäva eller begränsa godkännanden och tillstånd för ett lufttrafikföretag som har utsetts av en medlemsstat om

i) lufttrafikföretaget inte är etablerat i den medlemsstat, enligt EU-fördragen, där det har utsetts, eller inte har en giltig operativ licens i enlighet med Europeiska unionens lagstiftning, eller

ii) den medlemsstat som utfärdar AOC (Air Operator Certificate) inte utövar tillsyn över lufttrafikföretaget eller om dess luftfartsmyndighet inte är tydligt angiven i den handling där lufttrafikföretaget utses, eller

iii) om lufttrafikföretaget inte ägs, direkt eller genom majoritetsägande, eller inte i praktiken kontrolleras av någon medlemsstat och/eller medborgare i någon medlemsstat och/eller av någon annan stat enligt förteckningen i bilaga 3 och/eller av medborgare i någon sådan annan stat.

När Socialistiska republiken Vietnams regering fattar beslut enligt denna punkt ska Socialistiska republiken Vietnam inte diskriminera mellan EU-lufttrafikföretag på grundval av nationalitet.

ARTIKEL 3

Flygsäkerhet

1. Bestämmelserna i punkt 2 i denna artikel ska komplettera de artiklar som förtecknas i bilaga 2 c.

2. Om en medlemsstat har utsett ett lufttrafikföretag, för vilket tillsynen utövas av en annan medlemsstat, ska Socialistiska republiken Vietnams rättigheter enligt säkerhetsbestämmelserna i avtalet mellan den medlemsstat som har utsett lufttrafikföretaget och Socialistiska republiken Vietnams regering tillämpas på samma sätt när det gäller den andra medlemsstatens antagande och tillämpning av säkerhetsnormerna samt i fråga om tillståndet för nämnda lufttrafikföretags trafik.

ARTIKEL 4

Förenlighet med konkurrensreglerna

1. Bilaterala luftfartsavtal mellan medlemsstater och Socialistiska republiken Vietnams regering ska inte påverka tillämpningen av parternas konkurrensregler.

2. De bestämmelser som förtecknas i bilaga 2 d ska upphöra att gälla.

ARTIKEL 5

Bilagor till detta avtal

Bilagorna till detta avtal utgör en integrerad del av detta.

ARTIKEL 6

Översyn och ändring

Parterna får när som helst genom ömsesidigt medgivande se över eller ändra detta avtal.

ARTIKEL 7

Ikraftträdande och provisorisk tillämpning

1. Detta avtal ska träda i kraft när parterna skriftligen har underrättat varandra om att de respektive interna förfaranden som är nödvändiga för avtalets ikraftträdandet avslutats.

2. Utan hinder av vad som sägs i punkt 1 är parterna överens om att detta avtal ska tillämpas provisoriskt från och med den första dagen i den månad som följer på den dag då parterna underrättade varandra om att de förfaranden som är nödvändiga för detta ändamål avslutats.

3. Avtal och andra överenskommelser mellan medlemsstaterna och Socialistiska republiken Vietnams regering som ännu inte har trätt i kraft när det här avtalet undertecknas, och som inte tillämpas provisoriskt, förtecknas i bilaga 1 b. Det här avtalet ska tillämpas på alla sådana avtal och överenskommelser när de har trätt i kraft eller tillämpas provisoriskt.

ARTIKEL 8

Upphörande

1. Om ett avtal som förtecknas i bilaga 1 upphör att gälla, ska alla bestämmelser i det här avtalet som avser det avtal som förtecknas i bilaga 1 upphöra att gälla vid samma tidpunkt.

2. Om alla de avtal som förtecknas i bilaga 1 upphör att gälla ska det här avtalet upphöra att gälla vid samma tidpunkt.

TILL BEKRÄFTELSE HÄRAV har undertecknade, därtill vederbörligen befullmäktigade, undertecknat detta avtal.

Upprättat i Bryssel i två exemplar den 4 oktober 2010 på bulgariska, danska, engelska, estniska, finska, franska, grekiska, italienska, lettiska, litauiska, maltesiska, nederländska, polska, portugisiska, rumänska, slovakiska, slovenska, spanska, svenska, tjeckiska, tyska, ungerska och vietnamesiska språken.

Thay mặt Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam
За правителството на Социалистическа република Виетнам
Por el Gobierno de la República Socialista de Vietnam
Za vládu Vietnamské socialistické republiky
For regeringen for Den Socialistiske Republik Vietnam
Für die Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam
Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse nimel
Για την κυβέρνηση της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ
For the Government of the Socialist Republic of Vietnam
Pour le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam
Per il governo della Repubblica socialista del Vietnam
Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdības vārdā –
Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės vardu
A Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya részéről
Ghall-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam
Voor de Regering van de Socialistische Republiek Vietnam
W imieniu Rządu Socjalistycznej Republiki Wietnamu
Pelo Governo da República Socialista do Vietname
Pentru Guvernul Republicii Socialiste Vietnam
Za vládu Vietnamskej socialistickej republiky
Za Vlado Socialistične republike Vietnam
Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen puolesta
För Socialistiska republiken Vietnams regering

NGUYEN XUAN PHUC
Minister, Chairman of
the Government of Viet

Thay mặt Liên minh Châu Âu
За Европейския съюз
Por la Unión Europea
Za Evropskou unii
For Den Europæiske Union
Für die Europäische Union
Euroopa Liidu nimel
Για την Ευρωπαϊκή Ένωση
For the European Union
Pour l'Union européenne
Per l'Unione europea
Eiropas Savienības vārdā –
Europos Sąjungos vardu
Az Európai Unió részéről
Ghall-Unjoni Ewropea
Voor de Europese Unie
W imieniu Unii Europejskiej
Pela União Europeia
Pentru Uniunea Europeană
Za Európsku úniu
Za Evropsko unijo
Euroopan unionin puolesta
För Europeiska unionen

SIIM KALLAS
Vice - president of EC

Etienne Schouppe
Secretary of State for Mobility
(Belgian presidency)

PHỤ LỤC 1

Danh sách các hiệp định được tham chiếu tại Điều 1 của Hiệp định này

(a) Các hiệp định hàng không giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Quốc gia Thành viên Liên minh Châu Âu đã được ký kết, ký tên và/hoặc đang được áp dụng tạm thời, tính đến ngày ký kết Hiệp định này:

- Hiệp định Vận chuyển hàng không giữa Chính phủ Liên bang Áo và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 27-3-1995, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Áo" tại Phụ lục 2;

- Lần sửa đổi cuối cùng tại Biên bản ghi nhớ ký tại Hà Nội ngày 05-4-2006;

- Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Bỉ và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Vận tải hàng không được ký tại Brussels ngày 21-10-1992, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Bỉ" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Bungary và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không giữa và ngoài lãnh thổ hai nước ký tại Sofia ngày 01-10-1979, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam – Bungary" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Séc và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không được ký tại Prague ngày 23-5-1997, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Séc" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định vận chuyển hàng không giữa Chính phủ Vương quốc Đan Mạch và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 25-9-1997, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Đan Mạch" tại Phụ lục 2;

  - Đính kèm theo Biên bản Ghi nhớ giữa các Vương quốc Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển với Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 25-9-1997;

- Hiệp định vận chuyển hàng không giữa Chính phủ nước Cộng hòa Phần Lan và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 26-10-2000, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Phần Lan" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định vận chuyển hàng không giữa Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Paris ngày 14-4-1977, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Pháp" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định Vận tải hàng không giữa Chính phủ nước Cộng hòa Liên bang Đức và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Bonn ngày 26-8-1994, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Đức" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Hungary và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không được ký tại Hà Nội ngày 4-2-1998, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Hungary" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ Đại Công quốc Luxembourg và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không được ký tại Luxembourg ngày 26-10-1994, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Luxembourg" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Hà Lan và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không giữa và ngoài lãnh thổ hai bên được ký tại Hà Nội ngày 1-10-1993, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam – Hà Lan" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Ba Lan và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không được ký tại Warsaw ngày 11-9-1976, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Ba Lan" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định vận tải hàng không giữa Chính phủ nước Cộng hòa Bồ Đào Nha và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Lisbon ngày 3-2-1998, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Bồ Đào Nha" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Rumani và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải hàng không dân dụng ký tại Hà Nội ngày 26-6-1979, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Rumani" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định vận chuyển hàng không giữa Chính phủ Vương quốc Thụy Điển và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 25-9-1997, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Thụy Điển" tại Phụ lục 2;

  - Đính kèm theo Biên bản Ghi nhớ giữa các Vương quốc Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển với Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 25-9-1997;

- Hiệp định vận tải hàng không giữa Chính phủ nước Cộng hòa Slovakia và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký tại Hà Nội ngày 6-11-1997, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Slovakia" tại Phụ lục 2;

- Hiệp định giữa Chính phủ Vương quốc Anh và Bắc Ailen và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận chuyển hàng không được ký tại London ngày 19-8-1994, sau đây được gọi là "Hiệp định Việt Nam - Vương quốc Anh" tại Phụ lục 2;

  - Lần bổ sung cuối cùng qua việc trao đổi Công hàm tại Hà Nội vào ngày 8 và 26-9-2000.

(b) Các hiệp định và thỏa thuận khác về vận chuyển hàng không được ký tắt hay được ký chính thức giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các Quốc gia Thành viên của Liên minh Châu Âu mà chưa có hiệu lực và không được áp dụng tạm thời, tính đến thời điểm ký kết Hiệp định này.

PHỤ LỤC 2

Danh sách các điều khoản trong các hiệp định liệt kê tại Phụ lục 1
và được tham chiếu tại Điều 2 đến Điều 4 của Hiệp định này

(a) Chỉ định của một Quốc gia Thành viên:

- Điều 3, khoản 5 của Hiệp định Việt Nam - Áo;
- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Bungary;
- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Đan Mạch;
- Điều 4, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Séc;
- Điều 4, khoản 5 của Hiệp định Việt Nam - Phần Lan;
- Điều 7, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Pháp;
- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Đức;
- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Hungary;
- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Luxembourg;
- Điều 4, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Hà Lan;

- Điều 3, khoản 2 của Hiệp định Việt Nam – Ba Lan;

- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Bồ Đào Nha;

- Điều 3 của Hiệp định Việt Nam - Rumani;

- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Thụy Điển;

- Điều 3, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Slovakia;

- Điều 4, khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Vương Quốc Anh;

(b) Từ chối, thu hồi, đình chỉ hoặc hạn chế đối với việc cấp phép hoặc giấy phép:

- Điều 4, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Áo;

- Điều 5, khoản 1 (d) của Hiệp định Việt Nam - Bỉ;

- Điều 4 (a) của Hiệp định Việt Nam - Bungary;

- Điều 5, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Séc;

- Điều 4, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Đan Mạch;

- Điều 5, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Phần Lan;

- Điều 9, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Pháp;

- Điều 4, khoản 1 của Hiệp định Việt Nam - Đức;

- Điều 4, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Hungary;

- Điều 4, khoản 1 (c) của Hiệp định Việt Nam - Luxembourg;

- Điều 5, khoản 1 (c) của Hiệp định Việt Nam - Hà Lan;

- Điều 4, Khoản 1 của Hiệp định Việt Nam – Ba Lan;

- Điều 4, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Bồ Đào Nha;

- Điều 4 của Hiệp định Việt Nam - Rumani;

- Điều 4, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Thụy Điển;

- Điều 4, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Slovakia;

- Điều 5, khoản 1 (a) của Hiệp định Việt Nam - Vương quốc Anh;

(c) An toàn:

- Điều 6 bis của Hiệp định Việt Nam - Áo;

- Điều 7 của Hiệp định Việt Nam - Bỉ;

- Điều 11 của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Séc;

- Điều 18 của Hiệp định Việt Nam - Phần Lan;

- Điều 4 của Hiệp định Việt Nam - Pháp;

- Điều 9 của Hiệp định Việt Nam - Hungary;

- Điều 6 của Hiệp định Việt Nam - Luxembourg;

- Điều 14 của Hiệp định Việt Nam - Hà Lan;

- Điều 9 của Hiệp định Việt Nam – Rumani;

- Điều 7 của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Slovakia;

- Điều 9a của Hiệp định Việt Nam - Vương Quốc Anh;

(d) Sự phù hợp với các quy tắc về cạnh tranh:

- Điều 13, Khoản 1 và 7 của Hiệp định Việt Nam - Bỉ;

- Điều 9, Khoản 3 đến Khoản 8 của Hiệp định Việt Nam - Bungary;

- Điều 7, Khoản 2 của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Séc;

- Điều 11, Khoản 2 của Hiệp định Việt Nam - Đan Mạch;

- Điều 12, Khoản 2 đến Khoản 7 của Hiệp định Việt Nam - Pháp;

- Điều 6, Khoản 1 và Khoản 4 đến Khoản 6 của Hiệp định Việt Nam - Hungary;

- Điều 11, Khoản 2 đến Khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Luxembourg;

- Điều 6, Khoản 2 đến Khoản 6 của Hiệp định Việt Nam - Hà Lan;

- Điều 20, Khoản 2 đến Khoản 4 của Hiệp định Việt Nam - Ba Lan;

- Điều 16, Khoản 2 đến Khoản 6 của Hiệp định Việt Nam - Bồ Đào Nha;

- Điều 14, Khoản 1 đến Khoản 6 của Hiệp định Việt Nam – Rumani;

- Điều 12, Khoản 3, 5 và 6 của Hiệp định Việt Nam - Cộng hòa Slovakia;

- Điều 11, Khoản 2 của Hiệp định Việt Nam – Thụy Điển;

- Điều 7, Khoản 3 và 4 của Hiệp định Việt Nam - Vương quốc Anh.

PHỤ LỤC 3

Danh sách các quốc gia khác được tham chiếu tới tại Điều 2 của Hiệp định này

(a) Cộng hòa Ai-xơ-len (theo Hiệp định về Khu vực kinh tế Châu Âu);

(b) Công quốc Liechtenstein (theo Hiệp định về Khu vực kinh tế Châu Âu);

(c) Vương quốc Na Uy (theo Hiệp định về Khu vực kinh tế Châu Âu);

(d) Liên bang Thụy Sĩ (theo Hiệp định giữa Liên minh Châu Âu và Liên bang Thụy Sĩ về Vận tải hàng không).

ПРИЛОЖЕНИЕ 1

Списък на споразуменията, посочени в член 1 от настоящото споразумение

а) Споразумения за въздухоплавателни услуги между правителството на Социалистическа република Виетнам и държави-членки на Европейския съюз, които към датата на подписване на настоящото споразумение са били сключени, подписани и/или се прилагат временно:

- Споразумение за въздухоплавателни услуги между Австрийското федерално правителство и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Ханой на 27 март 1995 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Австрия“;

  - Последно изменено с Протокол за разбирателство, съставен в Ханой на 5 април 2006 г.;

- Споразумение между правителството на Кралство Белгия и правителството на Социалистическа република Виетнам относно въздушния транспорт, съставено в Брюксел на 21 октомври 1992 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Белгия“;

- Спогодба между правителството на Народна република България и правителството на Социалистическа република Виетнам за въздушни линии между и отвъд техните съответни територии, подписана в София на 1.10.1979 г., наричана в приложение 2 „Спогодба Виетнам-България”;

- Споразумение между правителството на Чешката република и правителството на Социалистическа република Виетнам за въздухоплавателни услуги, съставено в Прага на 23 май 1997 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Чешка република“;

- Споразумение за въздухоплавателни услуги между правителството на Кралство Дания и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Ханой на 25 септември 1997 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Дания“;

  - Да се чете заедно с Меморандума за разбирателство между Кралство Дания, Кралство Норвегия и Кралство Швеция и Социалистическа република Виетнам, съставен в Ханой на 25 септември 1997 г.;

- Споразумение за въздухоплавателни услуги между правителството на Република Финландия и правителството на Социалистическа република Виетнам, подписано в Ханой на 26 октомври 2000 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Финландия“;

- Споразумение за въздухоплавателни услуги между правителството на Френската република и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Париж на 14 октомври 1977 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Франция“;

- Споразумение за въздушен транспорт между правителството на Федерална република Германия и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Бон на 26 август 1994 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Германия“;

- Споразумение между правителството на Република Унгария и правителството на Социалистическа република Виетнам относно въздухоплавателни услуги, съставено в Ханой на 4 февруари 1998 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Унгария“;

– Споразумение между правителството на Великото херцогство Люксембург и правителството на Социалистическа република Виетнам за въздухоплавателни услуги, съставено в Люксембург на 26 октомври 1994 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Люксембург“;

– Споразумение между Кралство Нидерландия и Социалистическа република Виетнам за въздухоплавателни услуги между и извън съответните им граници, съставено в Ханой на 1 октомври 1993 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Нидерландия“;

– Споразумение за въздушен транспорт между правителството на Полската народна република и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено във Варшава на 11 септември 1976 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Полша“;

– Споразумение за въздушен транспорт между правителството на Португалската република и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Лисабон на 3 февруари 1998 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Португалия“;

– Споразумение между правителството на Социалистическа република Румъния и правителството на Социалистическа република Виетнам относно гражданския въздушен транспорт, съставено в Ханой на 26 юни 1979 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Румъния“;

– Споразумение за въздухоплавателни услуги между правителството на Кралство Швеция и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Ханой на 25 септември 1997 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Швеция“;

– Да се чете заедно с Меморандума за разбирателство между Кралство Дания, Кралство Норвегия и Кралство Швеция и Социалистическа република Виетнам, съставен в Ханой на 25 септември 1997 г.;

– Споразумение за въздушен транспорт между правителството на Словашката република и правителството на Социалистическа република Виетнам, съставено в Ханой на 6 ноември 1997 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Словашка република“;

– Споразумение между правителството на Обединеното кралство Великобритания и Северна Ирландия и правителството на Социалистическа република Виетнам за въздухоплавателни услуги, съставено в Лондон на 19 август 1994 г., наричано в приложение 2 „Споразумение Виетнам – Обединено кралство“;

- Последно изменено с размяна на ноти, извършена в Ханой на 8 и 26 септември 2000 г.;

б) Споразуменията за въздухоплавателни услуги и други договорености, парафирани или подписани между правителството на Социалистическа република Виетнам и държави-членки на Европейския съюз, които към датата на подписване на настоящото споразумение все още не са влезли в сила и не се прилагат временно

ПРИЛОЖЕНИЕ 2

Списък на членовете в споразуменията, изброени в приложение 1,
и посочени в членове 2 - 4 от настоящото споразумение

а) Определяне от държава-членка:

– Член 3, параграф 5 от Споразумението Виетнам – Австрия;

– Член 3, параграф 4 от Спогодбата Виетнам - България;

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Дания;

– Член 4, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Чешка република;

– Член 4, параграф 5 от Споразумението Виетнам – Финландия;

– Член 7, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Франция;

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Германия

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Унгария;

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Люксембург;

– Член 4, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Нидерландия;

– Член 3, параграф 2 от Споразумението Виетнам – Полша;

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Португалия;

– Член 3 от Споразумението Виетнам – Румъния;

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Швеция

– Член 3, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Словашка република;

– Член 4, параграф 4 от Споразумението Виетнам – Обединено кралство;

б) Отказ, отмяна, спиране или ограничаване на лицензите или разрешенията:

– Член 4, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Австрия;

– Член 5, параграф 1, буква г) от Споразумението Виетнам – Белгия;

– Член 4, буква а) от Спогодбата Виетнам - България

– Член 5, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Чешка република;

– Член 4, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Дания;

– Член 5, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Финландия;

– Член 9, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Франция;

– Член 4, параграф 1 от Споразумението Виетнам – Германия;

– Член 4, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Унгария;

– Член 4, параграф 1, буква в) от Споразумението Виетнам – Люксембург;

– Член 5, параграф 1, буква в) от Споразумението Виетнам – Нидерландия;

– Член 4, параграф 1 от Споразумението Виетнам-Полша;

– Член 4, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Португалия;

– Член 4 от Споразумението Виетнам – Румъния;

– Член 4, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Швеция

– Член 4, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Словашка република;

– Член 5, параграф 1, буква а) от Споразумението Виетнам – Обединено кралство;

в) Безопасност:

– Член 6а от Споразумението Виетнам – Австрия;

– Член 7 от Споразумението Виетнам – Белгия;

- Член 11 от Споразумението Виетнам – Чешка република;
- Член 18 от Споразумението Виетнам – Финландия;
- Член 4 от Споразумението Виетнам – Франция;
- Член 9 от Споразумението Виетнам – Унгария;
- Член 6 от Споразумението Виетнам – Люксембург;
- Член 14 от Споразумението Виетнам – Нидерландия;
- Член 9 от Споразумението Виетнам – Румъния;
- Член 7 от Споразумението Виетнам – Словашка република;
- Член 9а от Споразумението Виетнам – Обединено кралство;

г) Съответствие с правилата за защита на конкуренцията

- Член 13, параграфи 1 и 7 от Споразумението Виетнам - Белгия;
- Член 9, параграфи 3-8 от Спогодбата Виетнам - България;

– Член 7, параграф 2 от Споразумението Виетнам - Чешка република;

– Член 11, параграф 2 от Споразумението Виетнам - Дания;

– Член12, параграфи 2-7 от Споразумението Виетнам - Франция;

– Член 6, параграфи 1 и 4-6 от Споразумението Виетнам - Унгария;

– Член 11, параграфи 2-4 от Споразумението Виетнам - Люксембург;

– Член 6, параграфи 2-6 от Споразумението Виетнам - Нидерландия;

– Член 20, параграфи 2 и 4 от Споразумението Виетнам - Полша;

– Член 16, параграфи 2-6 от Споразумението Виетнам - Португалия;

– Член 14, параграфи 1-6 от Споразумението Виетнам - Румъния;

– Член 12, параграфи 3, 5 и 6 от Споразумението Виетнам - Словашка република;

– Член 11, параграф 2 от Споразумението Виетнам - Швеция;

– Член 7, параграфи 3 и 4 от Споразумението Виетнам - Обединено кралство.

ПРИЛОЖЕНИЕ 3

Списък на другите държави, посочени в член 2 от настоящото споразумение

а) Република Исландия (съгласно Споразумението за Европейското икономическо пространство);

б) Княжество Лихтенщайн (съгласно Споразумението за Европейското икономическо пространство);

в) Кралство Норвегия (съгласно Споразумението за Европейското икономическо пространство);

г) Конфедерация Швейцария (съгласно Споразумението между Европейската общност и Конфедерация Швейцария за въздушен транспорт)

ANEXO 1

Lista de los acuerdos a los que se refiere el artículo 1 del presente Acuerdo

a) Acuerdos sobre servicios aéreos entre el Gobierno de la República Socialista de Vietnam y Estados miembros de la Unión Europea que, en la fecha de la firma del presente Acuerdo, se hayan celebrado, firmado y/o se estén aplicando de forma provisional:

- Acuerdo entre el Gobierno Federal de Austria y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Hanoi el 27 de marzo de 1995, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Austria" en el anexo 2;

  - Modificado en último lugar por las actas de acuerdo firmadas en Hanoi el 5 de abril de 2006;

- Acuerdo entre el Gobierno del Reino de Bélgica y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre transporte aéreo, hecho en Bruselas el 21 de octubre de 1992, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Bélgica" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República de Bulgaria y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos entre sus territorios respectivos y fuera de ellos, hecho en Sofía el 1 de octubre de 1979, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Bulgaria" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Checa y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Praga el 23 de mayo de 1997, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – República Checa" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno del Reino de Dinamarca y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Hanoi el 25 de septiembre de 1997, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Dinamarca" en el anexo 2;

  - Léase conjuntamente con el memorándum de acuerdo entre los Reinos de Dinamarca, Noruega y Suecia y la República Socialista de Vietnam, hecho en Hanoi el 25 de septiembre de 1997;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República de Finlandia y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, firmado en Hanoi el 26 de octubre de 2000, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Finlandia" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Francesa y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en París el 14 de abril de 1977, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Francia" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Federal de Alemania y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Bonn el 26 de agosto de 1994, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Alemania" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República de Hungría y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Hanoi el 4 de febrero de 1998, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Hungría" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno del Gran Ducado de Luxemburgo y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Luxemburgo el 26 de octubre de 1994, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Luxemburgo" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Reino de los Países Bajos y la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos entre sus territorios respectivos y fuera de ellos, hecho en Hanoi el 1 de octubre dè 1993, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Países Bajos" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Popular de Polonia y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre transporte aéreo civil, hecho en Varsovia el 11 de septiembre de 1976, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Polonia" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Portuguesa y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre transporte aéreo, hecho en Lisboa el 3 de febrero de 1998, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Portugal" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Socialista de Rumanía y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam relativo a los transportes aéreos civiles, hecho en Hanoi el 26 de junio de 1979, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Rumanía" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno del Reino de Suecia y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Hanoi el 25 de septiembre de 1997, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Suecia" en el anexo 2;

  - Léase conjuntamente con el memorándum de acuerdo entre los Reinos de Dinamarca, Noruega y Suecia y la República Socialista de Vietnam, hecho en Hanoi el 25 de septiembre de 1997;

- Acuerdo entre el Gobierno de la República Eslovaca y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre transporte aéreo, hecho en Hanoi el 6 de noviembre de 1997, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – República Eslovaca" en el anexo 2;

- Acuerdo entre el Gobierno del Reino Unido de Gran Bretaña e Irlanda del Norte y el Gobierno de la República Socialista de Vietnam sobre servicios aéreos, hecho en Londres el 19 de agosto de 1994, denominado en lo sucesivo "Acuerdo Vietnam – Reino Unido" en el anexo 2;

  - Modificado en último lugar por el Canje de Notas hecho en Hanoi el 8 y 26 de septiembre de 2000;

b) Acuerdos sobre servicios aéreos y otras disposiciones rubricados o firmados entre el Gobierno de la República Socialista de Vietnam y Estados miembros de la Unión Europea que, en la fecha de la firma del presente Acuerdo, no hayan entrado todavía en vigor y no se estén aplicando de forma provisional.

ANEXO 2

Lista de artículos de los Acuerdos enumerados en el anexo I
y contemplados en los artículos 2 a 4 del presente Acuerdo

a) Designación por un Estado miembro:

- Artículo 3, apartado 5, del Acuerdo Vietnam – Austria;
- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Bulgaria;
- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Dinamarca;
- Artículo 4, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – República Checa;
- Artículo 4, apartado 5, del Acuerdo Vietnam – Finlandia;
- Artículo 7, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Francia;
- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Alemania;
- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Hungría;
- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Luxemburgo;
- Artículo 4, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Países Bajos;

- Artículo 3, apartado 2, del Acuerdo Vietnam – Polonia;

- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Portugal;

- Artículo 3 del Acuerdo Vietnam – Rumanía;

- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Suecia;

- Artículo 3, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – República Eslovaca;

- Artículo 4, apartado 4, del Acuerdo Vietnam – Reino Unido;

b) Denegación, revocación, suspensión o limitación de autorizaciones o permisos:

- Artículo 4, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Austria;

- Artículo 5, apartado 1, letra d), del Acuerdo Vietnam – Bélgica;

- Artículo 4, letra a), del Acuerdo Vietnam – Bulgaria;

- Artículo 5, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – República Checa;

- Artículo 4, apartado 1, letra a,) del Acuerdo Vietnam – Dinamarca;

- Artículo 5, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Finlandia;

- Artículo 9, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Francia;

- Artículo 4, apartado 1, del Acuerdo Vietnam – Alemania;

- Artículo 4, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Hungría;

- Artículo 4, apartado 1, letra c), del Acuerdo Vietnam – Luxemburgo;

- Artículo 5, apartado 1, letra c), del Acuerdo Vietnam – Países Bajos;

- Artículo 4, apartado 1, del Acuerdo Vietnam – Polonia;

- Artículo 4, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Portugal;

- Artículo 4 del Acuerdo Vietnam – Rumanía;

- Artículo 4, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Suecia;

- Artículo 4, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – República Eslovaca;

- Artículo 5, apartado 1, letra a), del Acuerdo Vietnam – Reino Unido;

c) Seguridad:

- Artículo 6 *bis* del Acuerdo Vietnam – Austria;

- Artículo 7 del Acuerdo Vietnam – Bélgica;

- Artículo 11 del Acuerdo Vietnam – República Checa;

- Artículo 18 del Acuerdo Vietnam – Finlandia;

- Artículo 4 del Acuerdo Vietnam – Francia;

- Artículo 9 del Acuerdo Vietnam – Hungría;

- Artículo 6 del Acuerdo Vietnam – Luxemburgo;

- Artículo 14 del Acuerdo Vietnam – Países Bajos;

- Artículo 9 del Acuerdo Vietnam – Rumania;

- Artículo 7 del Acuerdo Vietnam – República Eslovaca;

- Artículo 9 *bis* del Acuerdo Vietnam – Reino Unido;

d) Compatibilidad con las normas en materia de competencia:

- Artículo 13, apartados 1 y 7, del Acuerdo Vietnam – Bélgica;

- Artículo 9, apartados 3 a 8, del Acuerdo Vietnam – Bulgaria;

- Artículo 7, apartado 2, del Acuerdo Vietnam – República Checa;
- Artículo 11, apartado 2, del Acuerdo Vietnam – Dinamarca;
- Artículo 12, apartados 2 a 7, del Acuerdo Vietnam – Francia;
- Artículo 6, apartado 1 y apartados 4 a 6, del Acuerdo Vietnam – Hungría;
- Artículo 11, apartados 2 a 4, del Acuerdo Vietnam – Luxemburgo;
- Artículo 6, apartados 2 a 6, del Acuerdo Vietnam – Países Bajos;
- Artículo 20, apartados 2 y 4, del Acuerdo Vietnam – Polonia;
- Artículo 16, apartados 2 a 6, del Acuerdo Vietnam – Portugal;
- Artículo 14, apartados 1 a 6, del Acuerdo Vietnam – Rumanía;
- Artículo 12, apartados 3, 5 y 6, del Acuerdo Vietnam – República Eslovaca;
- Artículo 11, apartado 2, del Acuerdo Vietnam – Suecia;
- Artículo 7, apartados 3 y 4, del Acuerdo Vietnam – Reino Unido.

ANEXO 3

Lista de los demás Estados a los que se refiere el artículo 2 del presente Acuerdo

a) República de Islandia (con arreglo al Acuerdo del Espacio Económico Europeo);

b) Principado de Liechtenstein (con arreglo al Acuerdo del Espacio Económico Europeo);

c) Reino de Noruega (con arreglo al Acuerdo sobre el Espacio Económico Europeo);

d) Confederación Suiza (con arreglo al Acuerdo entre la Comunidad Europea y la Confederación Suiza sobre transporte aéreo).

PŘÍLOHA 1

Seznam dohod, na které se odkazuje v článku 1 této dohody

a) Dohody o leteckých službách uzavřené mezi vládou Vietnamské socialistické republiky a členskými státy Evropské unie, které byly k datu podpisu této dohody uzavřeny, podepsány nebo jsou prozatímně uplatňovány

- Dohoda mezi rakouskou spolkovou vládou a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Hanoji dne 27. března 1995 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Rakousko"),

  - naposledy pozměněná schváleným zápisem sjednaným v Hanoji dne 5. dubna 2006;

- Dohoda mezi vládou Belgického království a vládou Vietnamské socialistické republiky o letecké dopravě, uzavřená v Bruselu dne 21. října 1992 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Belgie");

- Dohoda mezi vládou Bulharské lidové republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách mezi územími těchto států i mimo tato území, uzavřená v Sofii dne 1. října 1979 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam - Bulharsko");

- Dohoda mezi vládou České republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Praze dne 23. května 1997 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Česká republika");

– Dohoda mezi vládou Dánského království a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Hanoji dne 25. září 1997 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Dánsko“);

– ve spojení s memorandem o porozumění uzavřeným mezi Dánským královstvím, Norským královstvím a Švédským královstvím a Vietnamskou socialistickou republikou v Hanoji dne 25. září 1997;

– Dohoda mezi vládou Finské republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Hanoji dne 26. října 2000 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Finsko“);

– Dohoda mezi vládou Francouzské republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Paříži dne 14. dubna 1977 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Francie“);

– Dohoda mezi vládou Spolkové republiky Německo a vládou Vietnamské socialistické republiky o letecké dopravě, uzavřená v Bonnu dne 26. srpna 1994 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Německo“);

– Dohoda mezi vládou Maďarské republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Hanoji dne 4. února 1998 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Maďarsko“);

- Dohoda mezi vládou Lucemburského velkovévodství a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Lucemburku dne 26. října 1994 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Lucembursko“);

- Dohoda mezi Nizozemským královstvím a Vietnamskou socialistickou republikou o leteckých službách mezi územími těchto států i mimo tato území, uzavřená v Hanoji dne 1. října 1993 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Nizozemsko“);

- Dohoda mezi vládou Polské lidové republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená ve Varšavě dne 11. září 1976 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Polsko“);

- Dohoda mezi vládou Portugalské republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o letecké dopravě, uzavřená v Lisabonu dne 3. února 1998 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Portugalsko“);

- Dohoda mezi vládou Rumunské socialistické republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o civilní letecké dopravě, podepsaná v Hanoji dne 26. června 1979 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Rumunsko“);

- Dohoda mezi vládou Švédského království a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Hanoji dne 25. září 1997 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Švédsko“);

  - ve spojení s memorandem o porozumění uzavřeným mezi Dánským královstvím, Norským královstvím a Švédským královstvím a Vietnamskou socialistickou republikou v Hanoji dne 25. září 1997;

- Dohoda mezi vládou Slovenské republiky a vládou Vietnamské socialistické republiky o letecké dopravě, uzavřená v Hanoji dne 6. listopadu 1997 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Slovensko“);

- Dohoda mezi vládou Spojeného království Velké Británie a Severního Irska a vládou Vietnamské socialistické republiky o leteckých službách, uzavřená v Londýně dne 19. srpna 1994 (v příloze 2 jen „dohoda Vietnam – Spojené království“);

  - naposledy pozměněná výměnou nót v Hanoji ve dnech 8. a 26. září 2000;

b) Dohody o leteckých službách a jiná ujednání parafované nebo podepsané mezi a vládou Vietnamské socialistické republiky a členskými státy Evropské unie, které k datu podpisu této dohody ještě nevstoupily v platnost ani nejsou prozatímně uplatňovány

---

PŘÍLOHA 2

Seznam článků dohod uvedených v příloze 1,
na které se odkazuje v článcích 2 až 4 této dohody

a) Určení členským státem:

- Čl. 3 odst. 5 dohody Vietnam – Rakousko;
- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Dánsko;
- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Bulharsko;
- Čl. 4 odst. 4 dohody Vietnam – Česká republika;
- Čl. 4 odst. 5 dohody Vietnam – Finsko;
- Čl. 7 odst. 4 dohody Vietnam – Francie;
- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Německo;
- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Maďarsko;
- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Lucembursko;
- Čl. 4 odst. 4 dohody Vietnam – Nizozemsko;

- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Polsko;

- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Portugalsko;

- Článek 3 dohody Vietnam – Rumunsko;

- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Švédsko;

- Čl. 3 odst. 4 dohody Vietnam – Slovenská republika;

- Čl. 4 odst. 4 dohody Vietnam – Spojené království;

b) Odmítnutí, zrušení, pozastavení nebo omezení oprávnění nebo povolení:

- Čl. 4 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Rakousko;

- Čl. 5 odst. 1 písm. d) dohody Vietnam – Belgie;

- Čl. 4 písm. a) dohody Vietnam – Bulharsko;

- Čl. 5 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Česká republika;

- Čl. 4 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Dánsko;

- Čl. 5 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Finsko;

- Čl. 9 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Francie;

- Čl. 4 odst. 1 dohody Vietnam – Německo;

- Čl. 4 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Maďarsko;

- Čl. 4 odst. 1 písm. c) dohody Vietnam – Lucembursko;

- Čl. 5 odst. 1 písm. c) dohody Vietnam – Nizozemsko;

- Čl. 4 odst. 1 dohody Vietnam – Polsko;

- Čl. 4 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Portugalsko;

- Článek 4 dohody Vietnam – Rumunsko;

- Čl. 4 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Švédsko;

- Čl. 4 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Slovenská republika;

- Čl. 5 odst. 1 písm. a) dohody Vietnam – Spojené království;

c) Bezpečnost:

- Článek 6a dohody Vietnam – Rakousko;

- Článek 7 dohody Vietnam – Belgie;

– Článek 11 dohody Vietnam – Česká republika;

– Článek 18 dohody Vietnam – Finsko;

– Článek 4 dohody Vietnam – Francie;

– Článek 9 dohody Vietnam – Maďarsko;

– Článek 6 dohody Vietnam – Lucembursko;

– Článek 14 dohody Vietnam – Nizozemsko;

– Článek 7 dohody Vietnam – Slovenská republika;

– Článek 9a dohody Vietnam – Spojené království;

d) Slučitelnost s pravidly hospodářské soutěže:

– Čl. 13 odst. 1 a 7 dohody Vietnam – Belgie;

– Čl. 9 odst. 3 až 8 dohody Vietnam – Bulharsko;

- Čl. 7 odst. 2 dohody Vietnam – Česká republika;
- Čl. 11 odst. 2 dohody Vietnam – Dánsko;
- Čl. 12 odst. 2 až 7 dohody Vietnam – Francie;
- Čl. 6 odst. 1 a 4 až 6 dohody Vietnam – Maďarsko;
- Čl. 11 odst. 2 až 4 dohody Vietnam – Lucembursko;
- Čl. 6 odst. 2 až 6 dohody Vietnam – Nizozemsko;
- Čl. 20 odst. 2 a 4 dohody Vietnam – Polsko;
- Čl. 16 odst. 2 až 6 dohody Vietnam – Portugalsko;
- Čl. 14 odst. 1 až 6 dohody Vietnam – Rumunsko;
- Čl. 12 odst. 3, 5 a 6 dohody Vietnam – Slovenská republika;
- Čl. 11 odst. 2 dohody Vietnam – Švédsko;
- Čl. 7 odst. 3 a 4 dohody Vietnam – Spojené království.

PŘÍLOHA 3

Seznam jiných států, na které se odkazuje v článku 2 této dohody

a) Islandská republika (v rámci Dohody o Evropském hospodářském prostoru);

b) Lichtenštejnské knížectví (v rámci Dohody o Evropském hospodářském prostoru);

c) Norské království (v rámci Dohody o Evropském hospodářském prostoru);

d) Švýcarská konfederace (v rámci dohody mezi Evropským společenstvím a Švýcarskou konfederací o letecké dopravě)

==========

BILAG 1

Liste over aftaler, som der henvises til i denne aftales artikel 1

a) Lufttrafikaftaler mellem Den Socialistiske Republik Vietnams regering og medlemsstater i Den Europæiske Union, som på tidspunktet for denne aftales undertegnelse er indgået, undertegnet og/eller anvendes midlertidigt

- Lufttrafikaftale mellem Republikken Østrigs forbundsregering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Hanoi den 27. marts 1995, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Østrig" i bilag 2

  - Senest ændret ved mødeprotokol udfærdiget i Hanoi den 5. april 2006.

- Aftale mellem Kongeriget Belgiens regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik indgået i Bruxelles den 21. oktober 1992, i det benævnt "aftalen Vietnam-Belgien" i bilag 2

- Aftale mellem Folkerepublikken Bulgariens regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik mellem og ud over deres respektive territorier, udfærdiget i Sofia den 1. oktober 1979, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Bulgarien" i bilag 2

- Aftale mellem Den Tjekkiske Republiks regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik indgået i Prag den 23. maj 1997, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Den Tjekkiske Republik" i bilag 2

- Lufttrafikaftale mellem Kongeriget Danmarks regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Hanoi den 25. september 1997, i det benævnt "aftalen Vietnam-Danmark" i bilag 2

  - Læses sammen med aftalememorandum mellem Kongeriget Danmark, Kongeriget Norge og Kongeriget Sverige og Den Socialistiske Republik Vietnam indgået i Hanoi den 25. september 1997

- Lufttrafikaftale mellem Republikken Finlands regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering undertegnet i Hanoi den 26. oktober 2000, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Finland" i bilag 2

- Lufttrafikaftale mellem Den Franske Republiks regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Paris den 14. april 1977, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Frankrig" i bilag 2

- Luftfartsaftale mellem Forbundsrepublikken Tysklands regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Bonn den 26. august 1994, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Tyskland" i bilag 2

- Aftale mellem Republikken Ungarns regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik indgået i Hanoi den 4. februar 1998, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Ungarn" i bilag 2

- Aftale mellem Storhertugdømmet Luxembourgs regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik indgået i Luxembourg den 26. oktober 1994, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Luxembourg" i bilag 2

- Aftale mellem Kongeriget Nederlandene og Den Socialistiske Republik Vietnam om lufttrafik mellem og ud over de to landes territorier indgået i Hanoi den 1. oktober 1993, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Nederlandene" i bilag 2

- Aftale mellem Folkerepublikken Polens regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik indgået i Warszawa den 11. september 1976, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Polen" i bilag 2

- Luftfartsaftale mellem Den Portugisiske Republiks regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Lissabon den 3. februar 1998, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Portugal" i bilag 2

- Aftale mellem Den Socialistiske Republik Rumæniens regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om civil luftfart indgået i Hanoi den 26. juni 1979, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Rumænien" i bilag 2

- Lufttrafikaftale mellem Kongeriget Sveriges regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Hanoi den 25. september 1997, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Sverige" i bilag 2

  - Læses sammen med aftalememorandum mellem Kongeriget Danmark, Kongeriget Norge og Kongeriget Sverige og Den Socialistiske Republik Vietnam indgået i Hanoi den 25. september 1997

- Luftfartsaftale mellem Den Slovakiske Republiks regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering indgået i Hanoi den 6. november 1997, i det følgende i bilag 2 benævnt "aftalen Vietnam-Den Slovakiske Republik"

- Aftale mellem Det Forenede Kongerige Storbritannien og Nordirlands regering og Den Socialistiske Republik Vietnams regering om lufttrafik indgået i London den 19. august 1994, i det følgende benævnt "aftalen Vietnam-Det Forenede Kongerige" i bilag 2

  - Senest ændret ved noteveksling i Hanoi den 8. og 26. september 2000.

b) Lufttrafikaftaler og andre arrangementer mellem Den Socialistiske Republik Vietnams regering og medlemsstater i Den Europæiske Union, der er paraferet eller undertegnet, men som på tidspunktet for denne aftales undertegnelse endnu ikke er trådt i kraft og ikke anvendes midlertidigt.

BILAG 2

Liste over artikler i de i bilag 1 anførte aftaler,
som der henvises til i denne aftales artikel 2 til 4

a) Medlemsstaters udpegning

- Artikel 3, stk. 5, i aftalen Vietnam-Østrig
- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Bulgarien
- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Danmark
- Artikel 4, stk. 4, i aftalen Vietnam-Den Tjekkiske Republik
- Artikel 4, stk. 5, i aftalen Vietnam-Finland
- Artikel 7, stk. 4, i aftalen Vietnam-Frankrig
- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Tyskland
- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Ungarn
- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Luxembourg
- Artikel 4, stk. 4, i aftalen Vietnam-Nederlandene

- Artikel 3, stk. 2, i aftalen Vietnam-Polen

- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Portugal

- Artikel 3 i aftalen Vietnam-Rumænien

- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Sverige

- Artikel 3, stk. 4, i aftalen Vietnam-Den Slovakiske Republik

- Artikel 4, stk. 4, i aftalen Vietnam-Det Forenede Kongerige.

b) Afslag på eller tilbagekaldelse, suspension eller begrænsning af godkendelser og tilladelser:

- Artikel 4, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Østrig

- Artikel 5, stk. 1, litra d), i aftalen Vietnam-Belgien

- Artikel 4, litra a), i aftalen Vietnam-Bulgarien

- Artikel 5, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Den Tjekkiske Republik

- Artikel 4, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Danmark

- Artikel 5, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Finland

- Artikel 9, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Frankrig

- Artikel 4, stk. 1, i aftalen Vietnam-Tyskland
- Artikel 4, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Ungarn
- Artikel 4, stk. 1, litra c), i aftalen Vietnam-Luxembourg
- Artikel 5, stk. 1, litra c), i aftalen Vietnam-Nederlandene
- Artikel 4, stk. 1, litra c), i aftalen Vietnam-Polen
- Artikel 4, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Portugal
- Artikel 4 i aftalen Vietnam-Rumænien
- Artikel 4, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Sverige
- Artikel 4, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Den Slovakiske Republik
- Artikel 5, stk. 1, litra a), i aftalen Vietnam-Det Forenede Kongerige.

c) Sikkerhed:

- Artikel 6a i aftalen Vietnam-Østrig
- Artikel 7 i aftalen Vietnam-Belgien

- Artikel 11 i aftalen Vietnam-Den Tjekkiske Republik
- Artikel 18 i aftalen Vietnam-Finland
- Artikel 4 i aftalen Vietnam-Frankrig
- Artikel 9 i aftalen Vietnam-Ungarn
- Artikel 6 i aftalen Vietnam-Luxembourg
- Artikel 14 i aftalen Vietnam-Nederlandene
- Artikel 9 i aftalen Vietnam-Rumænien
- Artikel 7 i aftalen Vietnam-Den Slovakiske Republik
- Artikel 9a i aftalen Vietnam-Det Forenede Kongerige.

d) Foreneliged med konkurrencereglerne:

- Artikel 13, stk. 1 og 7, i aftalen Vietnam-Belgien
- Artikel 9, stk. 3-8, i aftalen Vietnam-Bulgarien

- Artikel 7, stk. 2, i aftalen Vietnam-Den Tjekkiske Republik
- Artikel 11, stk. 2, i aftalen Vietnam-Danmark
- Artikel 12, stk. 2-7, i aftalen Vietnam-Frankrig
- Artikel 6, stk. 1 og stk. 4-6, i aftalen Vietnam-Ungarn
- Artikel 11, stk. 2-4, i aftalen Vietnam-Luxembourg
- Artikel 6, stk. 2-6, i aftalen Vietnam-Nederlandene
- Artikel 20, stk. 2 og stk. 4, i aftalen Vietnam-Polen
- Artikel 16, stk. 2-6, i aftalen Vietnam-Portugal
- Artikel 14, stk. 1-6, i aftalen Vietnam-Rumænien
- Artikel 12, stk. 3 og stk. 5-6, i aftalen Vietnam-Den Slovakiske Republik
- Artikel 11, stk. 2, i aftalen Vietnam-Sverige
- Artikel 7, stk. 3-4, i aftalen Vietnam-Det Forenede Kongerige.

BILAG 3

Liste over andre stater, som der henvises til i denne aftales artikel 2

a) Republikken Island (i medfør af aftalen om Det Europæiske Økonomiske Samarbejdsområde)

b) Fyrstendømmet Liechtenstein (i medfør af aftalen om Det Europæiske Økonomiske Samarbejdsområde)

c) Kongeriget Norge (i medfør af aftalen om Det Europæiske Økonomiske Samarbejdsområde)

d) Det Schweiziske Forbund (i medfør af aftalen mellem Det Europæiske Fællesskab og Det Schweiziske Forbund om luftfart).

ANHANG 1

Liste der Abkommen, auf die in Artikel 1 Bezug genommen wird

a) Zum Zeitpunkt der Unterzeichnung dieses Abkommens bestehende, unterzeichnete und/oder vorläufig angewandte Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam und Mitgliedstaaten der Europäischen Union

- Luftverkehrsabkommen zwischen der österreichischen Bundesregierung und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 27. März 1995, nachstehend in Anhang 2 bezeichnet als "Abkommen Vietnam – Österreich";

  - Zuletzt geändert durch die Gemeinsame Niederschrift, unterzeichnet am 5. April 2006 in Hanoi.

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung des Königreichs Belgien und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Brüssel am 21. Oktober 1992, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Belgien" bezeichnet;

- Abkommen zwischen der Regierung der Volksrepublik Bulgarien und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam über Luftverkehrsdienste zwischen ihren Hoheitsgebieten und darüber hinaus, unterzeichnet in Sofia am 1. Oktober 1979, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Bulgarien" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Tschechischen Republik und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Prag am 23. Mai 1997, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Tschechische Republik" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung des Königreichs Dänemark und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 25. September 1997, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Dänemark" bezeichnet;

  - In Verbindung mit der Absichtserklärung zwischen den Königreichen Dänemark, Norwegen und Schweden und der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 25. September 1997;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Republik Finnland und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 26. Oktober 2000, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Finnland" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Republik Frankreich und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Paris am 14. April 1977, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Frankreich" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Bundesrepublik Deutschland und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Bonn am 26. August 1994, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Deutschland" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Republik Ungarn und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 4. Februar 1998, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Ungarn" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung des Großherzogtums Luxemburg und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Luxemburg am 26. Oktober 1994, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Luxemburg" bezeichnet;

- Abkommen zwischen dem Königreich der Niederlande und der Sozialistischen Republik Vietnam über Luftverkehrsdienste zwischen ihren jeweiligen Hoheitsgebieten und darüber hinaus, unterzeichnet in Hanoi am 1. Oktober 1993, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Niederlande" bezeichnet;

- Zivilluftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Volksrepublik Polen und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Warschau am 11. September 1976, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Polen" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Portugiesischen Republik und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Lissabon am 3. Februar 1998, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Portugal" bezeichnet;

- Abkommen zwischen der Regierung der Sozialistischen Republik Rumänien und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam über den zivilen Luftverkehr, unterzeichnet in Hanoi am 26. Juni 1979, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Rumänien" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung des Königreichs Schweden und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 25. September 1997, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Schweden" bezeichnet;

  - in Verbindung mit der Absichtserklärung zwischen den Königreichen Dänemark, Norwegen und Schweden und der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 25. September 1997;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung der Slowakischen Republik und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in Hanoi am 6. November 1997, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Slowakische Republik" bezeichnet;

- Luftverkehrsabkommen zwischen der Regierung des Vereinigten Königreichs Großbritannien und Nordirland und der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam, unterzeichnet in London am 19. August 1994, im Folgenden in Anhang 2 als "Abkommen Vietnam – Vereinigtes Königreich" bezeichnet;

  - zuletzt geändert durch Notenaustausch in Hanoi vom 8. und 26. September 2000.

b) Paraphierte oder unterzeichnete und am Tag der Unterzeichnung dieses Abkommens noch nicht in Kraft getretene und nicht vorläufig angewendete Luftverkehrsabkommen und sonstige Vereinbarungen zwischen der Regierung der Sozialistischen Republik Vietnam und Mitgliedstaaten der Europäischen Union.

ANHANG 2

Liste der Artikel in den in Anhang 1 genannten Abkommen,
auf die in den Artikeln 2 bis 4 Bezug genommen wird

a) Benennung durch einen Mitgliedstaat:

- Artikel 3 Absatz 5 des Abkommens Vietnam – Österreich
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Bulgarien
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Dänemark
- Artikel 4 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Tschechische Republik
- Artikel 4 Absatz 5 des Abkommens Vietnam – Finnland
- Artikel 7 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Frankreich
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Deutschland
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Ungarn
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Luxemburg
- Artikel 4 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Niederlande

- Artikel 3 Absatz 2 des Abkommens Vietnam – Polen
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Portugal
- Artikel 3 des Abkommens Vietnam – Rumänien
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Schweden
- Artikel 3 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Slowakische Republik
- Artikel 4 Absatz 4 des Abkommens Vietnam – Vereinigtes Königreich

b) Verweigerung, Widerruf, Aussetzung oder Einschränkung von Genehmigungen und Erlaubnissen:

- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Österreich
- Artikel 5 Absatz 1 Buchstabe d des Abkommens Vietnam – Belgien
- Artikel 4 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Bulgarien
- Artikel 5 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Tschechische Republik
- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Dänemark
- Artikel 5 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Finnland
- Artikel 9 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Frankreich

- Artikel 4 Absatz 1 des Abkommens Vietnam – Deutschland
- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Ungarn
- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe c des Abkommens Vietnam – Luxemburg
- Artikel 5 Absatz 1 Buchstabe c des Abkommens Vietnam – Niederlande
- Artikel 4 Absatz 1 des Abkommens Vietnam – Polen
- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Portugal
- Artikel 4 des Abkommens Vietnam – Rumänien
- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Schweden
- Artikel 4 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Slowakische Republik
- Artikel 5 Absatz 1 Buchstabe a des Abkommens Vietnam – Vereinigtes Königreich.

c) Sicherheit:

- Artikel 6a des Abkommens Vietnam – Österreich
- Artikel 7 des Abkommens Vietnam – Belgien

- Artikel 11 des Abkommens Vietnam – Tschechische Republik

- Artikel 18 des Abkommens Vietnam – Finnland

- Artikel 4 des Abkommens Vietnam – Frankreich

- Artikel 9 des Abkommens Vietnam – Ungarn

- Artikel 6 des Abkommens Vietnam – Luxemburg

- Artikel 14 des Abkommens Vietnam – Niederlande

- Artikel 9 des Abkommens Vietnam – Rumänien

- Artikel 7 des Abkommens Vietnam – Slowakische Republik

- Artikel 9 a des Abkommens Vietnam – Vereinigtes Königreich.

d) Vereinbarkeit mit den Wettbewerbsregeln

- Artikel 13 Absätze 1 und 7 des Abkommens Vietnam – Belgien

- Artikel 9 Absätze 3 bis 8 des Abkommens Vietnam – Bulgarien

- Artikel 7 Absatz 2 des Abkommens Vietnam – Tschechische Republik
- Artikel 11 Absatz 2 des Abkommens Vietnam – Dänemark
- Artikel 12 Absätze 2 bis 7 des Abkommens Vietnam – Frankreich
- Artikel 6 Absätze 1 und 4 bis 6 des Abkommens Vietnam – Ungarn
- Artikel 11 Absätze 2 bis 4 des Abkommens Vietnam – Luxemburg
- Artikel 6 Absätze 2 bis 6 des Abkommens Vietnam – Niederlande
- Artikel 20 Absätze 2 bis 4 des Abkommens Vietnam – Polen
- Artikel 16 Absätze 2 bis 6 des Abkommens Vietnam – Portugal
- Artikel 14 Absätze 1 bis 6 des Abkommens Vietnam – Rumänien
- Artikel 12 Absätze 3, 5 und 6 des Abkommens Vietnam – Slowakische Republik
- Artikel 11 Absatz 2 des Abkommens Vietnam – Schweden
- Artikel 7 Absätze 3 und 4 des Abkommens Vietnam – Vereinigtes Königreich.

ANHANG 3

Liste der anderen Staaten nach Artikel 2 dieses Abkommens

a) Republik Island (gemäß dem Abkommen über den Europäischen Wirtschaftsraum);

b) Fürstentum Liechtenstein (gemäß dem Abkommen über den Europäischen Wirtschaftsraum);

c) Königreich Norwegen (gemäß dem Abkommen über den Europäischen Wirtschaftsraum);

d) Schweizerische Eidgenossenschaft (gemäß dem Abkommen zwischen der Europäischen Gemeinschaft und der Schweizerischen Eidgenossenschaft über den Luftverkehr).

1 LISA

Käesoleva lepingu artiklis 1 osutatud lepingute nimekiri

a) Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse ja Euroopa Liidu liikmesriikide vahelised lennundusiepingud, mis on käesoleva lepingu allakirjutamise kuupäevaks sõlmitud, millele on alla kirjutatud ja/või mida kohaldatakse ajutiselt:

- Austria föderaalvalitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Hanois 27. märtsil 1995 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Austria leping");

  - Viimati muudetud vastastikuse mõistmise memorandumiga, alla kirjutatud Hanois 5. aprillil 2006;

- Belgia Kuningriigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennutranspordi leping, alla kirjutatud Brüsselis 21. oktoobril 1992 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Belgia leping");

- Bulgaaria Rahvavabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline leping, mis käsitleb lennuliiklust nende riikide territooriumidel ja väljaspool, alla kirjutatud Sofias 1. oktoobril 1979 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Bulgaaria leping");

- Tšehhi Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Prahas 23. mail 1997 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Tšehhi Vabariigi leping");

- Taani Kuningriigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Hanois 25. septembril 1997 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Taani leping");

- Loetakse koos 25. septembril 1997 Hanois koostatud vastastikuse mõistmise memorandumiga Taani Kuningriigi, Norra Kuningriigi, Rootsi Kuningriigi ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi vahel;

- Soome Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Hanois 26. oktoobril 2000 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Soome leping");

- Prantsuse Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Pariisis 14. aprillil 1977 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Prantsusmaa leping");

- Saksamaa Liitvabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennutranspordi leping, alla kirjutatud Bonnis 26. augustil 1994 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Saksamaa leping");

- Ungari Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Hanois 4. veebruaril 1998 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Ungari leping");

- Luksemburgi Suurhertsogiriigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Luxembourgis 26. oktoobril 1994 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Luksemburgi leping");

- Madalmaade Kuningriigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, mis käsitleb lennuliiklust nende riikide territooriumidel ja väljaspool, alla kirjutatud Hanois 1. oktoobril 1993 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Madalmaade leping");

- Poola Rahvavabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennutranspordi leping, alla kirjutatud Varssavis 11. septembril 1976 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Poola leping");

- Portugali Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennutranspordi leping, alla kirjutatud Lissabonis 3. veebruaril 1998 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Portugali leping");

- Rumeenia Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline tsiviillennutranspordi leping, alla kirjutatud Hanois 26. juunil 1979 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Rumeenia leping");

- Rootsi Kuningriigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Hanois 25. septembril 1997 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Rootsi leping");

  - loetakse koos 25. septembril 1997 Hanois koostatud vastastikuse mõistmise memorandumiga Taani Kuningriigi, Norra Kuningriigi, Rootsi Kuningriigi ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi vahel;

- Slovaki Vabariigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennutranspordi leping, alla kirjutatud Hanois 6. novembril 1997 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Slovaki Vabariigi leping");

- Suurbritannia ja Põhja-Iiri Ühendkuningriigi valitsuse ja Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsuse vaheline lennundusleping, alla kirjutatud Londonis 19. augustil 1994 (edaspidi 2. lisas „Vietnami-Ühendkuningriigi leping");

  - viimati muudetud nootide vahetamisega Hanois 8. ja 26. septembril 2000.

b) Lennunduslepingud ja muud kokkulepped, mille on parafeerinud ja millele on alla kirjutanud Vietnami Sotsialistliku Vabariigi valitsus ja Euroopa Liidu liikmesriigid ning mis käesoleva lepingu allakirjutamise kuupäevaks ei ole veel jõustunud ja mida ei kohaldata ajutiselt

---

2 LISA

1. lisas loetletud lepingute artiklid,
millele osutatakse käesoleva lepingu artiklites 2–4

a) Liikmesriigipoolne määramine:

- Vietnami-Austria lepingu artikli 3 lõige 5;
- Vietnami-Bulgaaria lepingu artikli 3 lõige 4;
- Vietnami-Taani lepingu artikli 3 lõige 4;
- Vietnami-Tšehhi Vabariigi lepingu artikli 4 lõige 4;
- Vietnami-Soome lepingu artikli 4 lõige 5;
- Vietnami-Prantsusmaa lepingu artikli 7 lõige 4;
- Vietnami-Saksamaa lepingu artikli 3 lõige 4;
- Vietnami-Ungari lepingu artikli 3 lõige 4;
- Vietnami-Luksemburgi lepingu artikli 3 lõige 4;
- Vietnami-Madalmaade lepingu artikli 4 lõige 4;

– Vietnami-Poola lepingu artikli 3 lõige 2;

– Vietnami-Portugali lepingu artikli 3 lõige 4;

– Vietnami-Rumeenia lepingu artikkel 3;

– Vietnami-Rootsi lepingu artikli 3 lõige 4;

– Vietnami-Slovaki Vabariigi lepingu artikli 3 lõige 4;

– Vietnami-Ühendkuningriigi lepingu artikli 4 lõige 4;

b) Tegevus- ja muude lubade andmisest keeldumine, nende tühistamine, peatamine või piiramine:

– Vietnami-Austria lepingu artikli 4 lõike 1 punkt a;

– Vietnami-Belgia lepingu artikli 5 lõike 1 punkt d;

– Vietnami-Bulgaaria lepingu artikli 4 lõige a;

– Vietnami-Tšehhi Vabariigi lepingu artikli 5 lõike 1 punkt a;

– Vietnami-Taani lepingu artikli 4 lõike 1 punkt a;

– Vietnami-Soome lepingu artikli 5 lõike 1 punkt a;

– Vietnami-Prantsusmaa lepingu artikli 9 lõike 1 punkt a;

- Vietnami-Saksamaa lepingu artikli 4 lõige 1;
- Vietnami-Ungari lepingu artikli 4 lõike 1 punkt a;
- Vietnami-Luksemburgi lepingu artikli 4 lõike 1 punkt c;
- Vietnami-Madalmaade lepingu artikli 5 lõike 1 punkt c;
- Vietnami-Poola lepingu artikli 4 lõige 1;
- Vietnami-Portugali lepingu artikli 4 lõike 1 punkt a;
- Vietnami-Rumeenia lepingu artikkel 4;
- Vietnami-Rootsi lepingu artikli 4 lõike 1 punkt a;
- Vietnami-Slovaki Vabariigi lepingu artikli 4 lõike 1 punkt a;
- Vietnami-Ühendkuningriigi lepingu artikli 5 lõike 1 punkt a;

c) Ohutus:

- Vietnami-Austria lepingu artikkel 6a;
- Vietnami-Belgia lepingu artikkel 7;

- Vietnami-Tšehhi Vabariigi lepingu artikkel 11;
- Vietnami-Soome lepingu artikkel 18;
- Vietnami-Prantsusmaa lepingu artikkel 4;
- Vietnami-Ungari lepingu artikkel 9;
- Vietnami-Luksemburgi lepingu artikkel 6;
- Vietnami-Madalmaade lepingu artikkel 14;
- Vietnami-Rumeenia lepingu artikkel 9;
- Vietnami-Slovaki Vabariigi lepingu artikkel 7;
- Vietnami-Ühendkuningriigi lepingu artikkel 9a;

d) Vastavus konkurentsieeskirjadele:

- Vietnami-Belgia lepingu artikli 13 lõiked 1 ja 7;
- Vietnami-Bulgaaria lepingu artikli 9 lõiked 3-8;

- Vietnami-Tšehhi Vabariigi lepingu artikli 7 lõige 2;
- Vietnami-Taani lepingu artikli 11 lõige 2;
- Vietnami-Prantsusmaa lepingu artikli 12 lõiked 2-7;
- Vietnami-Ungari lepingu artikli 6 lõiked 1 ja 4-6;
- Vietnami-Luksemburgi lepingu artikli 11 lõiked 2-4;
- Vietnami-Madalmaade lepingu artikli 6 lõiked 2-6;
- Vietnami-Poola lepingu artikli 20 lõiked 2 ja 4;
- Vietnami-Portugali lepingu artikli 16 lõiked 2-6;
- Vietnami-Rumeenia lepingu artikli 14 lõiked 1-6;
- Vietnami-Slovaki Vabariigi lepingu artikli 12 lõiked 3 ja 5-6;
- Vietnami-Rootsi lepingu artikli 11 lõige 2;
- Vietnami-Ühendkuningriigi lepingu artikli 7 lõiked 3-4.

---

3 LISA

Käesoleva lepingu artiklis 2 osutatud muude riikide loetelu

a) Islandi Vabariik (Euroopa Majanduspiirkonna lepingu alusel);

b) Liechtensteini Vürstiriik (Euroopa Majanduspiirkonna lepingu alusel);

c) Norra Kuningriik (Euroopa Majanduspiirkonna lepingu alusel);

d) Šveitsi Konföderatsioon (Euroopa Liidu ja Šveitsi Konföderatsiooni vahelise lennutranspordilepingu alusel).

ΠΑΡΑΡΤΗΜΑ 1

Κατάλογος των συμφωνιών οι οποίες αναφέρονται στο άρθρο 1 της παρούσας συμφωνίας

(α) Συμφωνίες αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ και των κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης, οι οποίες κατά την ημερομηνία υπογραφής της παρούσας συμφωνίας έχουν συναφθεί, υπογραφεί ή/και εφαρμόζονται προσωρινά:

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της Ομοσπονδιακής Κυβέρνησης της Αυστρίας και της Κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 27 Μαρτίου 1995, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ – Αυστρίας».

  - Τροποποιήθηκε τελευταία με μνημόνιο συμφωνίας, που έγινε στο Ανόι στις 5 Απριλίου 2006.

- Συμφωνία αεροπορικών μεταφορών μεταξύ της κυβέρνησης του Βασιλείου του Βελγίου και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στις Βρυξέλλες στις 21 Οκτωβρίου 1992, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Βελγίου».

- Συμφωνία μεταξύ της κυβέρνησης της Λαϊκής Δημοκρατίας της Βουλγαρίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ για τις αεροπορικές υπηρεσίες μεταξύ και πέραν των αντιστοίχων επικρατειών τους, που έγινε στη Σόφια στις 1 Οκτωβρίου 1979,εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Βουλγαρίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Τσεχικής Δημοκρατίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στην Πράγα στις 23 Μαΐου 1997, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Τσεχικής Δημοκρατίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης του Βασιλείου της Δανίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 25 Σεπτεμβρίου 1997, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Δανίας».

  - Ισχύει σε συνδυασμό με το μνημόνιο συμφωνίας μεταξύ των Βασιλείων της Δανίας, της Νορβηγίας και της Σουηδίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 25 Σεπτεμβρίου 1997.

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Δημοκρατίας της Φινλανδίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που υπεγράφη στο Ανόι στις 20 Οκτωβρίου 2000, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Φινλανδίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Δημοκρατίας της Γαλλίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Παρίσι στις 14 Απριλίου 1997, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Γαλλίας».

- Συμφωνία αεροπορικών μεταφορών μεταξύ της κυβέρνησης της Ομοσπονδιακής Δημοκρατίας της Γερμανίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στη Βόννη στις 26 Αυγούστου 1994, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Γερμανίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Δημοκρατίας της Ουγγαρίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 4 Φεβρουαρίου 1998, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Ουγγαρίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης του Μεγάλου Δουκάτου του Λουξεμβούργου και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Λουξεμβούργο στις 26 Οκτωβρίου 1994, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Λουξεμβούργου».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ του Βασιλείου των Κάτω Χωρών και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ μεταξύ και πέραν των αντίστοιχων εδαφών τους, που έγινε στο Ανόι την 1η Οκτωβρίου 1993, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Κάτω Χωρών».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Λαϊκής Δημοκρατίας της Πολωνίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στη Βαρσοβία στις 11 Σεπτεμβρίου 1976, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ – Πολωνίας».

- Συμφωνία αεροπορικών μεταφορών μεταξύ της κυβέρνησης της Πορτογαλικής Δημοκρατίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στη Λισσαβόνα στις 3 Φεβρουαρίου 1998, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Πορτογαλίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας της Ρουμανίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 26 Ιουνίου 1979, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ – Ρουμανίας».

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης του Βασιλείου της Σουηδίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 25 Σεπτεμβρίου 1997, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Σουηδίας».

  - Ισχύει σε συνδυασμό με το μνημόνιο συμφωνίας μεταξύ των Βασιλείων της Δανίας, της Νορβηγίας και της Σουηδίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, το οποίο έγινε στο Ανόι στις 25 Σεπτεμβρίου 1997.

- Συμφωνία αεροπορικών μεταφορών μεταξύ της κυβέρνησης της Σλοβακικής Δημοκρατίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Ανόι στις 6 Νοεμβρίου 1997, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ -Σλοβακικής Δημοκρατίας «.

- Συμφωνία αεροπορικών υπηρεσιών μεταξύ της κυβέρνησης του Ηνωμένου Βασιλείου της Μεγάλης Βρετανίας και Βορείου Ιρλανδίας και της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ, που έγινε στο Λονδίνο στις 19 Αυγούστου 1994, εφεξής αποκαλούμενη στο παράρτημα 2 «συμφωνία Βιετνάμ - Ηνωμένου Βασιλείου».

  - Τροποποιήθηκε τελευταία με την ανταλλαγή διακοινώσεων, που έγινε στο Ανόι στις 8 Ιουνίου και στις 26 Σεπτεμβρίου 2000.

β) Συμφωνίες αεροπορικών υπηρεσιών και άλλες ρυθμίσεις, οι οποίες έχουν μονογραφηθεί ή υπογραφεί μεταξύ της κυβέρνησης της Σοσιαλιστικής Δημοκρατίας του Βιετνάμ και κρατών μελών της Ευρωπαϊκής Ένωσης και κατά την ημερομηνία υπογραφής της παρούσας συμφωνίας δεν έχουν ακόμη τεθεί σε ισχύ και δεν εφαρμόζονται προσωρινά.

ΠΑΡΑΡΤΗΜΑ 2

Κατάλογος των άρθρων των συμφωνιών που παρατίθενται στο παράρτημα 1 και αναφέρονται στα άρθρα 2 έως 4 της παρούσας συμφωνίας

(α) Καθορισμός από κράτος μέλος:

- άρθρο 3 παράγραφος 5 της συμφωνίας Βιετνάμ - Αυστρίας·
- άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ -Βουλγαρίας·
- άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Δανίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ – Τσεχικής Δημοκρατίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 5 της συμφωνίας Βιετνάμ - Φινλανδίας·
- άρθρο 7 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Γαλλίας·
- άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Γερμανίας·
- άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ουγγαρίας·
- άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Λουξεμβούργου·
- άρθρο 4 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ – Κάτω Χωρών·

– άρθρο 3 παράγραφος 2 της συμφωνίας Βιετνάμ –Πολωνίας

– άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Πορτογαλίας·

– άρθρο 3 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ρουμανίας·

– άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Σουηδίας·

– άρθρο 3 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ – Σλοβακικής Δημοκρατίας·

– άρθρο 4 παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ – Ηνωμένου Βασιλείου.

(β) Απόρριψη, ανάκληση, αναστολή ή περιορισμός των αδειών εκμετάλλευσης ή των τεχνικών αδειών:

– άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Αυστρίας·

– άρθρο 5 παράγραφος 1 στοιχείο δ) της συμφωνίας Βιετνάμ - Βελγίου·

– άρθρο 4(α) παράγραφος 4 της συμφωνίας Βιετνάμ -Βουλγαρίας·

– άρθρο 5 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ – Τσεχικής Δημοκρατίας·

– άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Δανίας·

– άρθρο 5 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Φινλανδίας·

– άρθρο 9 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Γαλλίας·

- άρθρο 4 παράγραφος 1 της συμφωνίας Βιετνάμ - Γερμανίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Ουγγαρίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο γ) της συμφωνίας Βιετνάμ - Λουξεμβούργου·
- άρθρο 5 παράγραφος 1 στοιχείο γ) της συμφωνίας Βιετνάμ – Κάτω Χωρών·
- άρθρο 4 παράγραφος 1 της συμφωνίας Βιετνάμ-Πολωνίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Πορτογαλίας·
- άρθρο 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ρουμανίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ - Σουηδίας·
- άρθρο 4 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ – Σλοβακικής Δημοκρατίας·
- άρθρο 5 παράγραφος 1 στοιχείο α) της συμφωνίας Βιετνάμ – Ηνωμένου Βασιλείου.

(γ) Ασφάλεια πτήσεων:

- άρθρο 6α της συμφωνίας Βιετνάμ - Αυστρίας·
- άρθρο 7 της συμφωνίας Βιετνάμ - Βελγίου·

- άρθρο 11 της συμφωνίας Βιετνάμ - Τσεχικής Δημοκρατίας·
- άρθρο 18 της συμφωνίας Βιετνάμ - Φινλανδίας·
- άρθρο 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Γαλλίας·
- άρθρο περί ασφαλείας που προβλέπεται στο προσάρτημα 4 των συμφωνηθέντων πρακτικών που έγιναν στο Ανόι στις 7 Μαρτίου 2002, τροποποιώντας τη Συμφωνία Βιετνάμ - Γερμανίας·
- άρθρο 9 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ουγγαρίας·
- άρθρο 6 της συμφωνίας Βιετνάμ - Λουξεμβούργου·
- άρθρο 14 της συμφωνίας Βιετνάμ – Κάτω Χωρών·
- άρθρο 14 της συμφωνίας Βιετνάμ – Ρουμανίας·
- άρθρο 7 της συμφωνίας Βιετνάμ - Σλοβακικής Δημοκρατίας·
- άρθρο 9α της συμφωνίας Βιετνάμ – Ηνωμένου Βασιλείου·

(δ) Συμφωνία με τους κανόνες ανταγωνισμού:

- άρθρο 13, παρ.1 και 7 της συμφωνίας Βιετνάμ - Βελγίου·
- άρθρο 9, παρ.3-8 της συμφωνίας Βιετνάμ -Βουλγαρίας·

- άρθρο 7, παρ.2 της συμφωνίας Βιετνάμ - Τσεχικής Δημοκρατίας·
- άρθρο 11 παρ 2 της συμφωνίας Βιετνάμ - Δανίας·
- άρθρο 12 παρ 2-7 της συμφωνίας Βιετνάμ - Γαλλίας·
- άρθρο 6 παρ 1 και 4-6 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ουγγαρίας·
- άρθρο 11 παρ 2-4 συμφωνίας Βιετνάμ - Λουξεμβούργου·
- άρθρο 6 παρ 2-6 της συμφωνίας Βιετνάμ - Κάτω Χωρών·
- άρθρο 20 παρ 2 και 4της συμφωνίας Βιετνάμ - Πολωνίας·
- άρθρο 16 παρ 2-6 της συμφωνίας Βιετνάμ - Πορτογαλίας·
- άρθρο 14 παρ 1-6 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ρουμανίας·
- άρθρο 12 παρ 3 και 5-6 της συμφωνίας Βιετνάμ - Σλοβακικής Δημοκρατίας·
- άρθρο 11 παρ 2 της συμφωνίας Βιετνάμ - Σουηδίας·
- άρθρο 7, παρ. 3και 4 της συμφωνίας Βιετνάμ - Ηνωμένου Βασιλείου.

ΠΑΡΑΡΤΗΜΑ 3

Κατάλογος άλλων κρατών αναφερόμενων στο άρθρο 2 της παρούσας συμφωνίας

(α) Δημοκρατία της Ισλανδίας (βάσει της συμφωνίας για τον Ευρωπαϊκό Οικονομικό Χώρο)·

(β) Πριγκιπάτο του Λιχτενστάιν (βάσει της συμφωνίας για τον Ευρωπαϊκό Οικονομικό Χώρο)·

(γ) Βασίλειο της Νορβηγίας (βάσει της συμφωνίας για τον Ευρωπαϊκό Οικονομικό Χώρο)·

(δ) Ελβετική Συνομοσπονδία (βάσει της συμφωνίας αεροπορικών μεταφορών μεταξύ της Ευρωπαϊκής Κοινότητας και της Ελβετικής Συνομοσπονδίας).

ANNEX 1

List of agreements referred to in Article 1 of this Agreement

(a) Air service agreements between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and Member States of the European Union which, at the date of signature of this Agreement, have been concluded, signed and/or are being applied provisionally:

- Air Services Agreement between the Austrian Federal Government and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Hanoi on 27 March 1995, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Austria Agreement" in Annex 2:

  - Last modified by Minutes of Understanding done at Hanoi on 5 April 2006;

- Agreement between the Government of the Kingdom of Belgium and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam on Air Transport, done at Brussels on 21 October 1992, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Belgium Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the People's Republic of Bulgaria and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam on air services between and beyond their respective territories, done at Sofia on 1 October 1979, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Bulgaria Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the Czech Republic and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam concerning Air Services, done at Prague on 23 May 1997, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Czech Republic Agreement" in Annex 2;

- Air Services Agreement between the Government of the Kingdom of Denmark and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Ha Noi on 25 September 1997, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Denmark Agreement" in Annex 2:

  - To be read together with Memorandum of Understanding between the Kingdoms of Denmark, Norway and Sweden and the Socialist Republic of Viet Nam, done at Ha Noi on 25 September 1997;

- Air Services Agreement between the Government of the Republic of Finland an the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, signed at Ha Noi on 26 October 2000, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Finland Agreement" in Annex 2;

- Air Services Agreement between the Government of the Republic of France and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Paris on 14 April 1977, hereinafter referred to as the "Viet Nam – France Agreement" in Annex 2;

- Air Transport Agreement between the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Bonn on 26 August 1994, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Germany Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the Republic of Hungary and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam on Air Services, done at Ha Noi on 4 February 1998, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Hungary Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the Grand Duchy of Luxembourg and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam on Air Services, done at Luxembourg on 26 October 1994, hereinafter referred to as the "Viet Nam-Luxembourg Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Kingdom of the Netherlands and the Socialist Republic of Viet Nam for Air Services between and beyond their respective territories, done at Ha Noi on 1 October 1993, hereinafter referred to as the "Viet Nam-Netherlands Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the People's Republic of Poland and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam on Air Services, done at Warsaw on 11 September 1976, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Poland Agreement" in Annex 2;

- Air Transport Agreement between the Government of the Portuguese Republic and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Lisbon on 3 February 1998, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Portugal Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the Socialist Republic of Romania and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam relating to civil air transport, done at Hanoi on 26 June 1979, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Romania Agreement" in Annex 2;

- Air Services Agreement between the Government of the Kingdom of Sweden and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Hanoi on 25 September 1997, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Sweden Agreement" in Annex 2:

  - To be read together with Memorandum of Understanding between the Kingdoms of Denmark, Norway and Sweden and the Socialist Republic of Viet Nam, done at Hanoi on 25 September 1997;

- Air Transport Agreement between the Government of the Slovak Republic and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam, done at Hanoi on 6 November 1997, hereinafter referred to as the "Viet Nam – Slovak Republic Agreement" in Annex 2;

- Agreement between the Government of the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam concerning Air Services, done at London on 19 August 1994, hereinafter referred to as the "Viet Nam – United Kingdom Agreement" in Annex 2:

  - Last amended by Exchange of Notes done at Hanoi on 8 and 26 September 2000;

(b) Air service agreements and other arrangements initialled or signed between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and Member States of the European Union which, at the date of signature of this Agreement, have not yet entered into force and are not being applied provisionally.

ANNEX 2

List of articles in the agreements listed in Annex 1
and referred to in Articles 2 to 4 of this Agreement

(a) Designation by a Member State:

- Article 3, Paragraph 5 of the Viet Nam – Austria Agreement;
- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Bulgaria Agreement;
- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Denmark Agreement;
- Article 4, Paragraph 4 of the Viet Nam – Czech Republic Agreement;
- Article 4, Paragraph 5 of the Viet Nam – Finland Agreement;
- Article 7, Paragraph 4 of the Viet Nam – France Agreement;
- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Germany Agreement;
- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Hungary Agreement;
- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Luxembourg Agreement;
- Article 4, Paragraph 4 of the Viet Nam – Netherlands Agreement;

- Article 3, Paragraph 2 of the Viet Nam – Poland Agreement;

- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Portugal Agreement;

- Article 3 of the Viet Nam – Romania Agreement;

- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Sweden Agreement;

- Article 3, Paragraph 4 of the Viet Nam – Slovak Republic Agreement;

- Article 4, Paragraph 4 of the Viet Nam – United Kingdom Agreement;

(b) Refusal, revocation, suspension or limitation of authorisations or permissions:

- Article 4, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Austria Agreement;

- Article 5, Paragraph 1(d) of the Viet Nam – Belgium Agreement;

- Article 4(a) of the Viet Nam – Bulgaria Agreement;

- Article 5, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Czech Republic Agreement;

- Article 4, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Denmark Agreement;

- Article 5, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Finland Agreement;

- Article 9, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – France Agreement;

- Article 4, Paragraph 1 of the Viet Nam – Germany Agreement;
- Article 4, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Hungary Agreement;
- Article 4, Paragraph 1(c) of the Viet Nam – Luxembourg Agreement;
- Article 5, Paragraph 1(c) of the Viet Nam – Netherlands Agreement;
- Article 4, Paragraph 1 of the Viet Nam – Poland Agreement;
- Article 4, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Portugal Agreement;
- Article 4 of the Viet Nam – Romania Agreement;
- Article 4, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Sweden Agreement;
- Article 4, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – Slovak Republic Agreement;
- Article 5, Paragraph 1(a) of the Viet Nam – United Kingdom Agreement;

(c) Safety:

- Article 6 bis of the Viet Nam – Austria Agreement;
- Article 7 of the Viet Nam – Belgium Agreement;

- Article 11 of the Viet Nam – Czech Republic Agreement;
- Article 18 of the Viet Nam – Finland Agreement;
- Article 4 of the Viet Nam – France Agreement;
- Article 9 of the Viet Nam – Hungary Agreement;
- Article 6 of the Viet Nam – Luxembourg Agreement;
- Article 14 of the Viet Nam – Netherlands Agreement;
- Article 9 of the Viet Nam – Romania Agreement;
- Article 7 of the Viet Nam – Slovak Republic Agreement;
- Article 9a of the Viet Nam – United Kingdom Agreement;

(d) Compatibility with competition rules:

- Article 13, Paragraphs 1 and 7 of the Viet Nam – Belgium Agreement;
- Article 9, Paragraphs 3 to 8 of the Viet Nam – Bulgaria Agreement;

- Article 7, Paragraph 2 of the Viet Nam – Czech Republic Agreement;
- Article 11, Paragraph 2 of the Viet Nam – Denmark Agreement;
- Article 12, Paragraphs 2 to 7 of the Viet Nam – France Agreement;
- Article 6, Paragraphs 1 and 4 to 6 of the Viet Nam – Hungary Agreement;
- Article 11, Paragraphs 2 to 4 of the Viet Nam – Luxembourg Agreement;
- Article 6, Paragraphs 2 to 6 of the Viet Nam – The Netherlands Agreement;
- Article 20, Paragraphs 2 and 4 of the Viet Nam – Poland Agreement;
- Article 16, Paragraphs 2 to 6 of the Viet Nam – Portugal Agreement;
- Article 14, Paragraphs 1 to 6 of the Viet Nam – Romania Agreement;
- Article 12, Paragraphs 3, 5 and 6 of the Viet Nam – Slovak Republic Agreement;
- Article 11, Paragraph 2 of the Viet Nam – Sweden Agreement;
- Article 7, Paragraphs 3 and 4 of the Viet Nam – United Kingdom Agreement.

ANNEX 3

List of other states referred to in Article 2 of this Agreement

(a) The Republic of Iceland (under the Agreement on the European Economic Area);

(b) The Principality of Liechtenstein (under the Agreement on the European Economic Area);

(c) The Kingdom of Norway (under the Agreement on the European Economic Area);

(d) The Swiss Confederation (under the Agreement between the European Community and the Swiss Confederation on Air Transport).

ANNEXE 1

Liste des accords visés à l'article 1[er] du présent accord

a) Accords bilatéraux relatifs aux services aériens conclus entre le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam et les États membres de l'Union européenne, qui, à la date de signature du présent accord, ont été conclus, signés, et/ou sont appliqués provisoirement

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement fédéral de la république d'Autriche et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Hanoi le 27 mars 1995, ci-après dénommé "accord Viêt Nam - Autriche" à l'annexe 2,

  - modifié en dernier lieu par le procès-verbal d'accord établi à Hanoi le 5 avril 2006;

- Accord sur les transports aériens entre le gouvernement du Royaume de Belgique et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Bruxelles le 21 octobre 1992, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Belgique" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement de la République populaire de Bulgarie et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam, entre leurs territoires respectifs et au-delà, conclu à Sofia le 1er octobre 1979, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Bulgarie" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement de la République tchèque et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Prague le 23 mai 1997, ci-après dénommé "accord Viêt Nam - République tchèque" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement du Royaume de Danemark et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Hanoi le 25 septembre 1997, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Danemark" à l'annexe 2,

  - à lire conjointement avec le protocole d'accord entre les Royaumes de Danemark, de Norvège et de Suède, d'une part, et la République socialiste du Viêt Nam, d'autre part, établi à Hanoi le 25 septembre 1997;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement de la République de Finlande et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Hanoi le 26 octobre 2000, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Finlande" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement de la République française et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Paris le 14 avril 1977, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – France" à l'annexe 2;

- Accord sur les transports aériens entre le gouvernement de la République fédérale d'Allemagne et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Bonn le 26 août 1994, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Allemagne" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement de la République de Hongrie et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Hanoi le 4 février 1998, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Hongrie" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement du Grand-Duché de Luxembourg et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Luxembourg le 26 octobre 1994, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Luxembourg" à l'annexe 2;

- Accord entre le royaume des Pays-Bas et la République socialiste du Viêt Nam sur les services aériens entre leurs territoires respectifs et au-delà, conclu à Hanoi, le 1er octobre 1993, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Pays-bas" à l'annexe 2;

- Accord sur les transports aériens civils entre le gouvernement de la République Populaire de Pologne et le gouvernement de la République Socialiste du Viêt Nam, conclu à Varsovie le 11 septembre 1976, ci-après dénommé "accord Viêt Nam - Pologne" à l'annexe 2;

- Accord sur les transports aériens entre le gouvernement de la République portugaise et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Lisbonne le 3 février 1998, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Portugal" à l'annexe 2;

- Accord entre le gouvernement de la République Socialiste de Roumanie et le gouvernement de la République Socialiste du Viêt Nam relatif aux transports aériens civil, fait à Hanoi le 26 Juin 1979, ci-après dénommé "accord Viêt Nam—Roumanie" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement du Royaume de Suède et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Hanoi le 25 septembre 1997, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – Suède" à l'annexe 2,

  - à lire conjointement avec le protocole d'accord entre les Royaumes de Danemark, de Norvège et de Suède, d'une part, et la République socialiste du Viêt Nam, d'autre part, établi à Hanoi le 25 septembre 1997;

- Accord sur les transports aériens entre le gouvernement de la République slovaque et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Hanoi le 6 novembre 1997, ci-après dénommé "accord Viêt Nam – République slovaque" à l'annexe 2;

- Accord sur les services aériens entre le gouvernement du Royaume-Uni de Grande-Bretagne et d'Irlande du Nord et le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam conclu à Londres le 19 août 1994, ci-après dénommé "accord Viêt Nam - Royaume-Uni" à l'annexe 2;

  - Modifié en dernier lieu par les échanges de notes des 8 et 26 septembre 2000 à Hanoi;

b) Accords relatifs aux services aériens et autres arrangements paraphés ou signés entre le gouvernement de la République socialiste du Viêt Nam et des États membres de l'Union européenne qui, à la date de signature du présent accord, ne sont pas encore entrés en vigueur et ne sont pas appliqués provisoirement

---

ANNEXE 2

Liste des articles des accords énumérés à l'annexe 1
et visés aux articles 2 à 4 du présent accord

a) Désignation par un État membre:

- Article 3, paragraphe 5, de l'accord Viêt Nam —Autriche;
- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Bulgarie;
- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Danemark;
- Article 4, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —République tchèque;
- Article 4, paragraphe 5, de l'accord Viêt Nam —Finlande;
- Article 7, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —France;
- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Allemagne;
- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Hongrie;
- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Luxembourg;
- Article 4, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Pays-Bas;

- Article 3, paragraphe 2, de l'accord Viêt Nam —Pologne;

- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Portugal;

- Article 3 de l'accord Viêt Nam - Roumanie;

- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Suède;

- Article 3, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —République slovaque;

- Article 4, paragraphe 4, de l'accord Viêt Nam —Royaume-Uni;

b) Refus, révocation, suspension ou limitation d'autorisations ou de permis:

- Article 4, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Autriche;

- Article 5, paragraphe 1, point d) de l'accord Viêt Nam —Belgique;

- Article 4, point a) de l'accord Viêt Nam —Bulgarie;

- Article 5, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —République tchèque;

- Article 4, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Danemark;

- Article 5, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Finlande;

- Article 9, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —France;

- Article 4, paragraphe 1, de l'accord Viêt Nam —Allemagne;

- Article 4, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Hongrie;

- Article 4, paragraphe 1, point c) de l'accord Viêt Nam —Luxembourg;

- Article 5, paragraphe 1, point c) de l'accord Viêt Nam —Pays-Bas;

- Article 4, paragraphe 1 de l'accord Viêt Nam — Pologne;

- Article 4, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Portugal;

- Article 4 de l'accord Viêt Nam - Roumanie;

- Article 4, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Suède;

- Article 4, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —République slovaque;

- Article 5, paragraphe 1, point a) de l'accord Viêt Nam —Royaume-Uni;

c) Sécurité:

- Article 6 bis de l'accord Viêt Nam - Autriche;

- Article 7 de l'accord Viêt Nam - Belgique;

- Article 11 de l'accord Viêt Nam – République tchèque;

- Article 18 de l'accord Viêt Nam - Finlande;

- Article 4 de l'accord Viêt Nam - France;

- Article 9 de l'accord Viêt Nam - Hongrie;

- Article 6 de l'accord Viêt Nam - Luxembourg;

- Article 14 de l'accord Viêt Nam – Pays-Bas;

- Article 9 de l'accord Viêt Nam – Roumanie;

- Article 7 de l'accord Viêt Nam – République slovaque;

- Article 9 bis de l'accord Viêt Nam – Royaume-Uni;

d) Comptabilité avec les règles de concurrence:

- Article 13, paragraphes 1 et 7 de l'accord Viêt Nam - Belgique;

- Article 9, paragraphes 3 à 8 de l'accord Viêt Nam - Bulgarie;

- Article 7, paragraphe 2 de l'accord Viêt Nam – République tchèque;
- Article 11, paragraphe 2 de l'accord Viêt Nam - Danemark;
- Article 12, paragraphes 2 à 7 de l'accord Viêt Nam - France;
- Article 6, paragraphes 1 et 4 à 6 de l'accord Viêt Nam - Hongrie;
- Article 11, paragraphes 2 à 4 de l'accord Viêt Nam - Luxembourg;
- Article 6, paragraphes 2 à 6 de l'accord Viêt Nam – Pays-Bas;
- Article 20, paragraphes 2 et 4 de l'accord Viêt Nam - Pologne;
- Article 16, paragraphes 2 à 6 de l'accord Viêt Nam - Portugal;
- Article 14, paragraphes 1 à 6 de l'accord Viêt Nam - Roumanie;
- Article 12, paragraphes 3, 5 et 6 de l'accord Viêt Nam – République slovaque;
- Article 11, paragraphe 2 de l'accord Viêt Nam - Suède;
- Article 7, paragraphes 3 et 4 de l'accord Viêt Nam - Royaume-Uni.

ANNEXE 3

Liste des autres États visés à l'article 2 du présent accord

a) La République d'Islande (dans le cadre de l'accord sur l'Espace économique européen).

b) La Principauté du Liechtenstein (dans le cadre de l'accord sur l'Espace économique européen).

c) Le Royaume de Norvège (dans le cadre de l'accord sur l'Espace économique européen).

d) La Confédération suisse (dans le cadre de l'accord entre la Communauté européenne et la Confédération suisse sur le transport aérien).

ALLEGATO 1

Elenco degli accordi di cui all'articolo 1 del presente accordo

a) Accordi in materia di servizi aerei fra il Governo della Repubblica socialista del Vietnam e Stati membri dell'Unione europea conclusi, firmati e/o applicati in via transitoria alla data della firma del presente accordo:

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo federale austriaco e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 27 marzo 1995, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Austria" nell'allegato 2;

  — modificato da ultimo dal Verbale concordato concluso a Hanoi il 5 aprile 2006;

— Accordo sul trasporto aereo fra il Governo del Regno del Belgio e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Bruxelles il 21 ottobre 1992, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Belgio" nell'allegato 2;

— Accordo fra il Governo della Repubblica popolare di Bulgaria e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam sui servizi aerei fra i loro rispettivi territori e al di là di essi, concluso a Sofia il 1° ottobre 1979, nel seguito denominato "accordo Vietnam – Bulgaria" nell'allegato 2;

— Accordo fra il Governo della Repubblica ceca e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam in materia di servizi aerei concluso a Praga il 23 maggio 1997, nel seguito denominato "accordo Vietnam – Repubblica ceca" nell'allegato 2;

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo del Regno di Danimarca e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 25 settembre 1997, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Danimarca" nell'allegato 2;

  — da leggere in combinazione con il Protocollo di Intesa fra i Regni di Danimarca, Norvegia e Svezia e la Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 25 settembre 1997;

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo della Repubblica finlandese e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 26 ottobre 2000, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Finlandia" nell'allegato 2;

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo della Repubblica francese e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Parigi il 14 aprile 1977, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Francia" nell'allegato 2;

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo della Repubblica federale tedesca e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Bonn il 26 agosto 1994, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Germania" nell'allegato 2;

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo della Repubblica ungherese e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 4 febbraio 1998, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Ungheria" nell'allegato 2;

— Accordo sui servizi aerei fra il Granducato di Lussemburgo e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Lussemburgo il 26 ottobre 1994, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Lussemburgo" nell'allegato 2;

— Accordo fra il Governo del Regno dei Paesi Bassi e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam in materia di servizi aerei fra i rispettivi territori e oltre, concluso a Hanoi il 1° ottobre 1993, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Paesi Bassi" nell'allegato 2;

— Accordo sul trasporto aereo fra il Governo della Repubblica popolare di Polonia e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Varsavia l'11 settembre 1976, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Polonia" nell'allegato 2;

— Accordo sul trasporto aereo fra il Governo della Repubblica portoghese e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Lisbona il 3 febbraio 1998, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Portogallo" nell'allegato 2;

— Accordo relativo al trasporto aereo civile fra il Governo della Repubblica socialista di Romania e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam, concluso a Hanoi il 26 giugno 1979, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Romania" nell'allegato 2;

— Accordo sui servizi aerei fra il Governo del Regno di Svezia e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 25 settembre 1997, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Svezia" nell'allegato 2;

  — da leggere in combinazione con il Protocollo di Intesa fra i Regni di Danimarca, Norvegia e Svezia e la Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 25 settembre 1997;

— Accordo sul trasporto aereo fra il Governo della Repubblica slovacca e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam concluso a Hanoi il 6 novembre 1997, nel seguito denominato "accordo Vietnam – Repubblica Slovacca" nell'allegato 2;

— Accordo fra il Governo del Regno Unito di Gran Bretagna e Irlanda del Nord e il Governo della Repubblica socialista del Vietnam, concluso a Londra il 19 agosto 1994, nel seguito denominato "accordo Vietnam - Regno Unito" nell'allegato 2;

  — modificato da ultimo dallo Scambio di note fatto a Hanoi l'8 e il 26 settembre 2000;

b) Accordi ed altre intese relativi a servizi aerei siglati o firmati fra il Governo della Repubblica socialista del Vietnam e Stati membri dell'Unione europea non ancora entrati in vigore e non ancora oggetto di applicazione transitoria alla data della firma del presente accordo.

ALLEGATO 2

Elenco degli articoli facenti parte degli accordi dell'allegato 1
e di cui agli articoli da 2 a 4 del presente accordo

a) Designazione da parte di uno Stato membro:

- Articolo 3, paragrafo 5, dell'accordo Vietnam – Austria;
- Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Bulgaria;
- Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Danimarca;
- Articolo 4, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Repubblica ceca;
- Articolo 4, paragrafo 5, dell'accordo Vietnam – Finlandia;
- Articolo 7, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Francia;
- Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Germania;
- Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Ungheria;
- Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Lussemburgo;
- Articolo 4, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Paesi Bassi;

— Articolo 3, paragrafo 2, dell'accordo Vietnam – Polonia;

— Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Portogallo;

— Articolo 3 dell'accordo Vietnam – Romania;

— Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Svezia;

— Articolo 3, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Repubblica slovacca;

— Articolo 4, paragrafo 4, dell'accordo Vietnam – Regno Unito;

b) Rifiuto, revoca, sospensione o limitazione delle autorizzazioni o permessi:

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Austria;

— Articolo 5, paragrafo 1, lettera d), dell'accordo Vietnam – Belgio;

— Articolo 4, lettera a), dell'accordo Vietnam – Bulgaria;

— Articolo 5, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Repubblica ceca;

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Danimarca;

— Articolo 5, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Finlandia;

— Articolo 9, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Francia;

— Articolo 4, paragrafo 1, dell'accordo Vietnam – Germania;

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Ungheria;

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera c), dell'accordo Vietnam – Lussemburgo;

— Articolo 5, paragrafo 1, lettera c), dell'accordo Vietnam – Paesi Bassi;

— Articolo 4, paragrafo 1, dell'accordo Vietnam – Polonia;

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Portogallo;

— Articolo 4 dell'accordo Vietnam – Romania;

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Svezia;

— Articolo 4, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Repubblica slovacca;

— Articolo 5, paragrafo 1, lettera a), dell'accordo Vietnam – Regno Unito;

c) Sicurezza:

— Articolo 6 bis dell'accordo Vietnam – Austria;

— Articolo 7 dell'accordo Vietnam – Belgio;

— Articolo 11 dell'accordo Vietnam – Repubblica ceca;

— Articolo 18 dell'accordo Vietnam – Finlandia;

— Articolo 4 dell'accordo Vietnam – Francia;

— Articolo 9 dell'accordo Vietnam – Ungheria;

— Articolo 6 dell'accordo Vietnam – Lussemburgo;

— Articolo 14 dell'accordo Vietnam – Paesi Bassi;

— Articolo 9 dell'accordo Vietnam – Romania;

— Articolo 7 dell'accordo Vietnam – Repubblica slovacca;

— Articolo 9 bis dell'accordo Vietnam – Regno Unito;

d) Compatibilità con le norme sulla concorrenza:

— Articolo 13, paragrafi 1 e 7, dell'accordo Vietnam – Belgio;

— Articolo 9, paragrafi 3 e 8, dell'accordo Vietnam –Bulgaria;

— Articolo 7, paragrafo 2, dell'accordo Vietnam – Repubblica ceca;

— Articolo 11, paragrafo 2, dell'accordo Vietnam – Danimarca;

— Articolo 12, paragrafi 2 e 7, dell'accordo Vietnam – Francia;

— Articolo 6, paragrafi 1 e da 4 a 6, dell'accordo Vietnam – Ungheria;

— Articolo 11, paragrafi da 2 a 4, dell'accordo Vietnam – Lussemburgo;

— Articolo 6, paragrafi da 2 a 6, dell'accordo Vietnam – Paesi Bassi;

— Articolo 20, paragrafi 2 e 4, dell'accordo Vietnam – Polonia;

— Articolo 16, paragrafi da 2 a 6, dell'accordo Vietnam – Portogallo;

— Articolo 14, paragrafi da 1 a 6, dell'accordo Vietnam – Romania;

— Articolo 12, paragrafi 3, 5 e 6, dell'accordo Vietnam – Repubblica slovacca;

— Articolo 11, paragrafo 2, dell'accordo Vietnam – Svezia;

— Articolo 7, paragrafi 3 e 4, dell'accordo Vietnam – Regno Unito.

ALLEGATO 3

Elenco degli altri Stati di cui all'articolo 2 del presente accordo

a) Repubblica d'Islanda (ai sensi dell'accordo sullo Spazio economico europeo);

b) Principato del Liechtenstein (ai sensi dell'accordo sullo Spazio economico europeo);

c) Regno di Norvegia (ai sensi dell'accordo sullo Spazio economico europeo);

d) Confederazione svizzera (ai sensi dell'accordo sul trasporto aereo fra la Comunità europea e la Confederazione svizzera).

1. PIELIKUMS

Šā nolīguma 1. pantā minēto nolīgumu saraksts

a) Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumi starp Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību un Eiropas Savienības dalībvalstīm, kuri šā nolīguma parakstīšanas brīdī ir bijuši noslēgti, parakstīti un/vai tikuši piemēroti provizoriski

- Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgums starp Austrijas federālo valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Hanojā 1995. gada 27. martā, turpmāk 2. pielikuma tekstā – "Vjetnamas un Austrijas nolīgums";

  - Jaunākie grozījumi izdarīti ar Saprašanās protokolu, kas noslēgts Hanojā 2006. gada 5. aprīlī;

- Nolīgums starp Beļģijas Karalistes valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību par gaisa transportu, kas noslēgts Briselē 1992. gada 21. oktobrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Beļģijas nolīgums";

- Nolīgums starp Bulgārijas Tautas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību par gaisa pārvadājumiem, kas noslēgts Sofijā 1979. gada 1. oktobrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Bulgārijas nolīgums";

- Nolīgums starp Čehijas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību par gaisa pārvadājumiem, kas noslēgts Prāgā 1997. gada 23. maijā, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Čehijas nolīgums";

- Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgums starp Dānijas Karalistes valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Hanojā 1997. gada 25. septembrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Dānijas nolīgums";

  - lasāms kopā ar saprašanās memorandu starp Dānijas Karalisti, Norvēģijas Karalisti un Zviedrijas Karalisti un Vjetnamas Sociālistisko Republiku, kas parakstīts Hanojā 1997. gada 25. septembrī;

- Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgums starp Somijas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas parakstīts Hanojā 2000. gada 26. oktobrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Somijas nolīgums";

- Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgums starp Francijas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Parīzē 1977. gada 14. aprīlī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Francijas nolīgums";

- Gaisa transporta nolīgums starp Vācijas Federatīvās Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Bonnā 1994. gada 26. augustā, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Vācijas nolīgums";

- Nolīgums starp Ungārijas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību par gaisa pārvadājumiem, kas noslēgts Hanojā 1998. gada 4. februārī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Ungārijas nolīgums";

- Nolīgums starp Luksemburgas Lielhercogistes valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību par gaisa pārvadājumiem, kas noslēgts Luksemburgā 1994. gada 26. oktobrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Luksemburgas nolīgums";

- Nolīgums starp Nīderlandes Karalisti un Vjetnamas Sociālistisko Republiku par gaisa pārvadājumiem starp to teritorijām un ārpus tām, kas noslēgts Hanojā 1993. gada 1. oktobrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Nīderlandes nolīgums";

- Civilā gaisa transporta nolīgums starp Polijas Tautas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Varšavā 1976. gada 11. septembrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Polijas nolīgums";

- Gaisa transporta nolīgums starp Portugāles Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Lisabonā 1998. gada 3. februārī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Portugāles nolīgums";

- Civilās gaisa satiksmes nolīgums starp Rumānijas Sociālistiskās Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Hanojā 1979. gada 26. jūnijā, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Rumānijas nolīgums";

– Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgums starp Zviedrijas Karalistes valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Hanojā 1997. gada 25. septembrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Zviedrijas nolīgums";

– Iasāms kopā ar saprašanās memorandu starp Dānijas Karalisti, Norvēģijas Karalisti un Zviedrijas Karalisti un Vjetnamas Sociālistisko Republiku, kas parakstīts Hanojā 1997. gada 25. septembrī;

– Gaisa transporta nolīgums starp Slovākijas Republikas valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību, kas noslēgts Hanojā 1997. gada 6. novembrī, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Slovākijas nolīgums";

– Nolīgums starp Lielbritānijas un Ziemeļīrijas Apvienotās Karalistes valdību un Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību par gaisa pārvadājumiem, kas noslēgts Londonā 1994. gada 19. augustā, turpmāk 2. pielikuma tekstā "Vjetnamas un Apvienotās Karalistes nolīgums".

– Jaunākie grozījumi izdarīti ar notu apmaiņu, kas veikta Hanojā 2000. gada 8. un 26. septembrī.

b) Gaisa pārvadājumu pakalpojumu nolīgumi un citas vienošanās, kas parafētas vai parakstītas starp Vjetnamas Sociālistiskās Republikas valdību un Eiropas Savienības dalībvalstīm un kas šā nolīguma parakstīšanas dienā vēl nav stājušās spēkā un netiek piemērotas provizoriski.

---

2. PIELIKUMS

Šā nolīguma 1. pielikumā uzskaitīto
un 2. līdz 4. pantā minēto nolīgumu pantu saraksts

a) pārvadātāja izraudzīšana dalībvalstī

- Vjetnamas un Austrijas nolīguma 3. panta 5. punkts;
- Vjetnamas un Bulgārijas nolīguma 3. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Dānijas nolīguma 3. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Čehijas nolīguma 4. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Somijas nolīguma 4. panta 5. punkts;
- Vjetnamas un Francijas nolīguma 7. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Vācijas nolīguma 3. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Ungārijas nolīguma 3. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Luksemburgas nolīguma 3. panta 4. punkts;
- Vjetnamas un Nīderlandes nolīguma 4. panta 4. punkts;

– Vjetnamas un Polijas nolīguma 3. panta 2. punkts;

– Vjetnamas un Portugāles nolīguma 3. panta 4. punkts;

– Vjetnamas un Rumānijas nolīguma 3. pants;

– Vjetnamas un Zviedrijas nolīguma 3. panta 4. punkts;

– Vjetnamas un Slovākijas nolīguma 3. panta 4. punkts;

– Vjetnamas un Apvienotās Karalistes nolīguma 4. panta 4. punkts.

b) pilnvaru vai atļauju atteikums, atsaukšana, apturēšana vai ierobežošana

– Vjetnamas un Austrijas nolīguma 4. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Beļģijas nolīguma 5. panta 1. punkta d) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Bulgārijas nolīguma 4. panta a) punkts;

– Vjetnamas un Čehijas nolīguma 5. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Dānijas nolīguma 4. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Somijas nolīguma 5. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Francijas nolīguma 9. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Vācijas nolīguma 4. panta 1. punkts;

– Vjetnamas un Ungārijas nolīguma 4. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Luksemburgas nolīguma 4. panta 1. punkta c) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Nīderlandes nolīguma 5. panta 1. punkta c) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Polijas nolīguma 4. panta 1. punkts;

– Vjetnamas un Portugāles nolīguma 4. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Rumānijas nolīguma 4. pants;

– Vjetnamas un Zviedrijas nolīguma 4. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Slovākijas nolīguma 4. panta 1. punkta a) apakšpunkts;

– Vjetnamas un Apvienotās Karalistes nolīguma 5. panta 1. punkta a) apakšpunkts.

c) drošums

– Vjetnamas un Austrijas nolīguma 6.a pants;

– Vjetnamas un Beļģijas nolīguma 7. pants;

- Vjetnamas un Čehijas nolīguma 11. pants;
- Vjetnamas un Somijas nolīguma 18. pants;
- Vjetnamas un Francijas nolīguma 4. pants;
- Vjetnamas un Ungārijas nolīguma 9. pants;
- Vjetnamas un Luksemburgas nolīguma 6. pants;
- Vjetnamas un Nīderlandes nolīguma 14. pants;
- Vjetnamas un Rumānijas nolīguma 9. pants;
- Vjetnamas un Slovākijas nolīguma 7. pants;
- Vjetnamas un Apvienotās Karalistes nolīguma 9.a pants.

d) Atbilstība konkurences noteikumiem

- Vjetnamas un Beļģijas nolīguma 13. panta 1. un 7. punkts;
- Vjetnamas un Bulgārijas nolīguma 9. panta 3. līdz 8. punkts;

- Vjetnamas un Čehijas Republikas 7. panta 2. punkts;
- Vjetnamas un Dānijas nolīguma 11. panta 2. punkts;
- Vjetnamas un Francijas nolīguma 12. panta 2. līdz 7. punkts;
- Vjetnamas un Ungārijas nolīguma 6. panta 1. un 4. līdz 6. punkts;
- Vjetnamas un Luksemburgas nolīguma 11. panta 2. līdz 4. punkts;
- Vjetnamas un Nīderlandes nolīguma 6. panta 2. līdz 6. punkts;
- Vjetnamas un Polijas nolīguma 20. panta 2. un 4. punkts;
- Vjetnamas un Portugāles nolīguma 16. panta 2. līdz 6. punkts;
- Vjetnamas un Rumānijas nolīguma 14. panta 1. līdz 6. punkts;
- Vjetnamas un Slovākijas Republikas 12. panta 3., 5. un 6. punkts;
- Vjetnamas un Zviedrijas nolīguma 11. panta 2. punkts;
- Vjetnamas un Apvienotās Karalistes nolīguma 7. panta 3. un 4. punkts.

---

3. PIELIKUMS

Šā nolīguma 2. pantā minēto citu valstu saraksts

a) Islandes Republika (saskaņā ar Eiropas Ekonomikas zonas līgumu);

b) Lihtenšteinas Firstiste (saskaņā ar Eiropas Ekonomikas zonas līgumu);

c) Norvēģijas Karaliste (saskaņā ar Eiropas Ekonomikas zonas līgumu);

d) Šveices Konfederācija (saskaņā ar Eiropas Kopienas un Šveices Konfederācijas nolīgumu par gaisa transportu).

---

1 PRIEDAS

Šio susitarimo 1 straipsnyje minimų susitarimų sąrašas

a) Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės ir Europos Sąjungos valstybių narių susitarimai dėl oro susisiekimo paslaugų, kurie šio susitarimo pasirašymo dieną yra sudaryti, pasirašyti ir (arba) taikomi laikinai:

- Austrijos Federacinės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1995 m. kovo 27 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Austrijos susitarimas);

  - Su paskutiniais pakeitimais, padarytais 2006 m. balandžio 5 d. Hanojuje pasirašytu Memorandumo protokolu;

- Belgijos Karalystės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės susitarimas dėl oro transporto, pasirašytas 1992 m. spalio 21 d. Briuselyje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Belgijos susitarimas);

- Bulgarijos Liaudies Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų tarp jų atitinkamų teritorijų ir už jų atitinkamų teritorijų susitarimas, pasirašytas 1979 m. spalio 1 d. Sofijoje (toliau – 2 priede – Vietnamo ir Bulgarijos susitarimas);

- Čekijos Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1997 m. gegužės 23 d. Prahoje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Čekijos Respublikos susitarimas);

- Danijos Karalystės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1997 m. rugsėjo 25 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Danijos susitarimas);

  - Skaitomas kartu su 1997 m. rugsėjo 25 d. Hanojuje sudarytu Danijos, Norvegijos, Švedijos Karalysčių ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Susitarimo Memorandumu;

- Suomijos Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 2000 m. spalio 26 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Suomijos susitarimas);

- Prancūzijos Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1977 m. balandžio 14 d. Paryžiuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Prancūzijos susitarimas);

- Vokietijos Federacinės Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės susitarimas dėl oro transporto, pasirašytas 1994 m. rugpjūčio 26 d. Bonoje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Vokietijos susitarimas);

- Vengrijos Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1998 m. vasario 4 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Vengrijos susitarimas);

- Liuksemburgo Didžiosios Hercogystės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1994 m. spalio 26 d. Liuksemburge (toliau 2 priede – Vietnamo ir Liuksemburgo susitarimas);

- Nyderlandų Karalystės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės susitarimas dėl oro susisiekimo paslaugų jų teritorijose ir už jų ribų, pasirašytas 1993 m. spalio 1 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Nyderlandų susitarimas);

- Lenkijos Liaudies Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1976 m. rugsėjo 11 d. Varšuvoje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Lenkijos susitarimas);

- Portugalijos Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo susitarimas, pasirašytas 1998 m. vasario 3 d. Lisabonoje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Portugalijos susitarimas);

- Rumunijos Socialistinės Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės civilinio oro susisiekimo susitarimas, pasirašytas 1979 m. birželio 26 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Rumunijos susitarimas);

– Švedijos Karalystės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1997 m. rugsėjo 25 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Švedijos susitarimas).

– Skaitomas kartu su 1997 m. rugsėjo 25 d. Hanojuje sudarytu Danijos, Norvegijos, Švedijos Karalysčių ir Vietnamo Socialistinės Respublikos Susitarimo Memorandumu;

– Slovakijos Respublikos vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo susitarimas, pasirašytas 1997 m. lapkričio 6 d. Hanojuje (toliau 2 priede – Vietnamo ir Slovakijos Respublikos susitarimas);

– Jungtinės Didžiosios Britanijos ir Šiaurės Airijos Karalystės vyriausybės ir Vietnamo Socialistinės Respublikos vyriausybės oro susisiekimo paslaugų susitarimas, pasirašytas 1994 m. rugpjūčio 19 d. Londone (toliau 2 priede – Vietnamo ir Jungtinės Karalystės susitarimas);

– Paskutiniai papildymai padaryti 2000 m. rugsėjo 8 ir 26 d. Hanojuje Pasikeitimu notomis;

b) Parafuoti ar pasirašyti Vietnamo Socialistinės Respublikos Vyriausybės ir Europos Sąjungos valstybių narių susitarimai ir kitos sutartys dėl oro susisiekimo paslaugų, kurie šio susitarimo pasirašymo dieną dar neįsigaliojo ir nėra laikinai taikomi.

---

2 PRIEDAS

Šio susitarimo 1 priede išvardytų
ir 2–4 straipsniuose minimų susitarimų straipsniai

a) Valstybės narės paskyrimas:

- Vietnamo ir Austrijos susitarimo 3 straipsnio 5 dalis;
- Vietnamo ir Bulgarijos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Danijos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Čekijos Respublikos susitarimo 4 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Suomijos susitarimo 4 straipsnio 5 dalis;
- Vietnamo ir Prancūzijos susitarimo 7 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Vokietijos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Vengrijos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Liuksemburgo susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Nyderlandų susitarimo 4 straipsnio 4 dalis;

- Vietnamo ir Lenkijos susitarimo 3 straipsnio 2 dalis;
- Vietnamo ir Portugalijos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Rumunijos susitarimo 3 straipsnis;
- Vietnamo ir Švedijos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Slovakijos Respublikos susitarimo 3 straipsnio 4 dalis;
- Vietnamo ir Jungtinės Karalystės susitarimo 4 straipsnio 4 dalis;

b) Atsisakymas suteikti įgaliojimus ar leidimus, jų atšaukimas, laikinas galiojimo sustabdymas arba apribojimas:

- Vietnamo ir Austrijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Belgijos susitarimo 5 straipsnio 1 dalies d punktas;
- Vietnamo ir Bulgarijos susitarimo 4 straipsnio a punktas;
- Vietnamo ir Čekijos Respublikos susitarimo 5 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Danijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Suomijos susitarimo 5 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Prancūzijos susitarimo 9 straipsnio 1 dalies a punktas;

- Vietnamo ir Vokietijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalis;
- Vietnamo ir Vengrijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Liuksemburgo susitarimo 4 straipsnio 1 dalies c punktas;
- Vietnamo ir Nyderlandų susitarimo 5 straipsnio 1 dalies c punktas;
- Vietnamo ir Lenkijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalis;
- Vietnamo ir Portugalijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Rumunijos susitarimo 4 straipsnis;
- Vietnamo ir Švedijos susitarimo 4 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Slovakijos Respublikos susitarimo 4 straipsnio 1 dalies a punktas;
- Vietnamo ir Jungtinės Karalystės susitarimo 5 straipsnio 1 dalies a punktas;

c) Sauga:

- Vietnamo ir Austrijos susitarimo 6a straipsnis;
- Vietnamo ir Belgijos susitarimo 7 straipsnis;

– Vietnamo ir Čekijos Respublikos susitarimo 11 straipsnis;

– Vietnamo ir Suomijos susitarimo 18 straipsnis;

– Vietnamo ir Prancūzijos susitarimo 4 straipsnis;

– Vietnamo ir Vengrijos susitarimo 9 straipsnis;

– Vietnamo ir Liuksemburgo susitarimo 6 straipsnis;

– Vietnamo ir Nyderlandų susitarimo 14 straipsnis;

– Vietnamo ir Rumunijos susitarimo 9 straipsnis;

– Vietnamo ir Slovakijos Respublikos susitarimo 7 straipsnis;

– Vietnamo ir Jungtinės Karalystės susitarimo 9a straipsnis;

d) Konkurencijos taisyklių laikymasis:

– Vietnamo ir Belgijos susitarimo 13 straipsnio 1 ir 7 dalys;

– Vietnamo ir Bulgarijos susitarimo 9 straipsnio 3–8 dalys;

- Vietnamo ir Čekijos Respublikos susitarimo 7 straipsnio 2 dalis;
- Vietnamo ir Danijos susitarimo 11 straipsnio 2 dalis;
- Vietnamo ir Prancūzijos susitarimo 12 straipsnio 2–7 dalys;
- Vietnamo ir Vengrijos susitarimo 6 straipsnio 1 dalis ir 4–6 dalys;
- Vietnamo ir Liuksemburgo susitarimo 11 straipsnio 2–4 dalys;
- Vietnamo ir Nyderlandų susitarimo 6 straipsnio 2–6 dalys;
- Vietnamo ir Lenkijos susitarimo 20 straipsnio 2 ir 4 dalys;
- Vietnamo ir Portugalijos susitarimo 16 straipsnio 2–6 dalys;
- Vietnamo ir Rumunijos susitarimo 14 straipsnio 1–6 dalys;
- Vietnamo ir Slovakijos susitarimo 12 straipsnio 3 dalis ir 5–6 dalys;
- Vietnamo ir Švedijos susitarimo 11 straipsnio 2 dalis;
- Vietnamo ir Jungtinės Karalystės susitarimo 7 straipsnio 3–4 dalys.

---

3 PRIEDAS

Kitų šio susitarimo 2 straipsnyje minimų valstybių sąrašas

a) Islandijos Respublika (pagal Europos ekonominės erdvės susitarimą);

b) Lichtenšteino Kunigaikštystė (pagal Europos ekonominės erdvės susitarimą);

c) Norvegijos Karalystė (pagal Europos ekonominės erdvės susitarimą);

d) Šveicarijos Konfederacija (pagal Europos bendrijos ir Šveicarijos Konfederacijos oro susisiekimo susitarimą).

1. MELLÉKLET

A megállapodás 1. cikkében említett megállapodások jegyzéke

a) a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya és az Európai Unió tagállamai között létrejött légi szolgáltatásokról szóló kétoldalú megállapodások, amelyeket e megállapodás aláírásának napján már megkötöttek, aláírtak és/vagy ideiglenesen alkalmaznak

- az Osztrák Köztársaság szövetségi kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1995. március 27-én Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Ausztria megállapodás";

  - legutóbb a 2006. április 5-én Hanoiban létrejött, kölcsönösen elfogadott egyetértési jegyzőkönyvvel módosítva;

- a Belga Királyság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1992. október 21-én Brüsszelben létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Belgium megállapodás";

- a Bolgár Népköztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1979. október 1-jén Szófiában létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Bulgária megállapodás";

- a Cseh Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1997. május 23-án Prágában létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Cseh Köztársaság megállapodás";

- a Dán Királyság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1997. szeptember 25-én Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Dánia megállapodás";

  - a Dán Királyság, Norvégia és Svédország és a Vietnami Szocialista Köztársaság között 1997. szeptember 25-én Hanoiban létrejött egyetértési nyilatkozattal együtt értelmezve.

- a Finn Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 2000. október 26-án Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Finnország megállapodás";

- a Francia Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1977. április 14-én Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Franciaország megállapodás";

- a Német Szövetségi Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1994. augusztus 26-án Bonnban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Németország megállapodás";

- a Magyar Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1998. február 4-én Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Magyarország megállapodás";

- a Luxemburgi Nagyhercegség kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1994. október 26-án Luxembourgban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Luxemburg megállapodás";

- a Holland Királyság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1993. október 1-én Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Hollandia megállapodás";

- a Lengyel Népköztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1976. szeptember 11-én Varsóban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Lengyelország megállapodás";

- a Portugál Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1998. február 3-án Lisszabonban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Portugália megállapodás",

- a Román Szocialista Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1979. június 26-án Hanoiban létrejött, a polgári légi közlekedésről szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Románia megállapodás";

– a Svéd Királyság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1997. szeptember 25-én Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Svédország megállapodás";

– a Dán Királyság, Norvégia és Svédország és a Vietnami Szocialista Köztársaság között 1997. szeptember 25-én Hanoiban létrejött egyetértési nyilatkozattal együtt értelmezve;

– a Szlovák Köztársaság kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1997. november 6-án Hanoiban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Szlovák Köztársaság megállapodás";

– a Nagy-Britannia és Észak-Írország Egyesült Királyságának kormánya és a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya között 1994. augusztus 19-én Londonban létrejött, légi szolgáltatásokról szóló megállapodás, a továbbiakban a 2. mellékletben: „a Vietnam–Egyesült Királyság megállapodás";

– Legutóbb a 2000. szeptember 8-án és 26-án Hanoiban létrejött jegyzékváltással módosítva;

b) Légi szolgáltatásokról szóló megállapodások és egyéb szerződések, amelyeket a Vietnami Szocialista Köztársaság kormánya és az Európai Unió tagállamai parafáltak vagy aláírtak, és amelyek e megállapodás aláírásának napján még nem léptek hatályba és nem alkalmaznak ideiglenesen.

---

2. MELLÉKLET

Az 1. mellékletben felsorolt megállapodásokban szereplő
és az e megállapodás 2–4. cikkében említett cikkek jegyzéke

a) A tagállam általi kijelölés:

- a Vietnam–Ausztria megállapodás 3. cikkének (5) bekezdése;
- a Vietnam–Bulgária megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése;
- a Vietnam–Dánia megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése;
- a Vietnam–Cseh Köztársaság megállapodás 4. cikkének (4) bekezdése,
- a Vietnam–Finnország megállapodás 4. cikkének (5) bekezdése,
- a Vietnam–Franciaország megállapodás 7. cikkének (4) bekezdése,
- a Vietnam–Németország megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése,
- a Vietnam–Magyarország megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése;
- a Vietnam–Luxemburg megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése;
- a Vietnam–Hollandia megállapodás 4. cikkének (4) bekezdése,

- a Vietnam–Lengyelország megállapodás 3. cikkének (2) bekezdése;
- a Vietnam–Portugália megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése,
- a Vietnam–Románia megállapodás 3. cikke,
- a Vietnam–Svédország megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése;
- a Vietnam–Szlovák Köztársaság megállapodás 3. cikkének (4) bekezdése;
- a Vietnam–Egyesült Királyság megállapodás 4. cikkének (4) bekezdése;

b) Az engedélyek vagy jogosítványok megtagadása, visszavonása, felfüggesztése vagy korlátozása:

- a Vietnam–Ausztria megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének a) pontja;
- a Vietnam–Belgium megállapodás 5. cikke (1) bekezdésének d) pontja,
- a Vietnam–Bulgária megállapodás 4. cikkének a) pontja;
- a Vietnam–Cseh Köztársaság megállapodás 5. cikke (1) bekezdésének a) pontja,
- a Vietnam–Dánia megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének a) pontja,
- a Vietnam–Finnország megállapodás 5. cikke (1) bekezdésének a) pontja,
- a Vietnam–Franciaország megállapodás 9. cikke (1) bekezdésének a) pontja,

– a Vietnam–Németország megállapodás 4. cikkének (1) bekezdése,

– a Vietnam–Magyarország megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének a) pontja,

– a Vietnam–Luxemburg megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének c) pontja,

– a Vietnam–Hollandia megállapodás 5. cikke (1) bekezdésének c) pontja,

– a Vietnam– Lengyelország megállapodás 4. cikkének (1) bekezdése;

– a Vietnam–Portugália megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének a) pontja,

– a Vietnam–Románia megállapodás 4. cikke,

– a Vietnam–Svédország megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének a) pontja,

– a Vietnam–Szlovák Köztársaság megállapodás 4. cikke (1) bekezdésének a) pontja,

– a Vietnam–Egyesült Királyság megállapodás 5. cikke (1) bekezdésének a) pontja,

c) Biztonság:

– a Vietnam–Ausztria megállapodás 6bis. cikke;

– a Vietnam–Belgium megállapodás 7. cikke,

- a Vietnam–Cseh Köztársaság megállapodás 11. cikke,
- a Vietnam–Finnország megállapodás 18. cikke,
- a Vietnam–Franciaország megállapodás 4. cikke,
- a Vietnam–Magyarország megállapodás 9. cikke,
- a Vietnam–Luxemburg megállapodás 6. cikke,
- a Vietnam–Hollandia megállapodás 14. cikke,
- a Vietnam–Románia megállapodás 9. cikke,
- a Vietnam–Szlovák Köztársaság megállapodás 7. cikke,
- a Vietnam–Egyesült királyság megállapodás 9a. cikkének a) pontja;

d) Megfelelés a versenyszabályoknak:

- a Vietnam–Belgium megállapodás 13. cikkének (1) és (7) bekezdése,
- a Vietnam–Bulgária megállapodás 9. cikkének (3) - (8) bekezdése,

- a Vietnam–Cseh Köztársaság megállapodás 7. cikkének (2) bekezdése,
- a Vietnam–Dánia megállapodás 11. cikkének (2) bekezdése,
- a Vietnam–Franciaország megállapodás 12. cikkének (2) - (7) bekezdése,
- a Vietnam–Magyarország megállapodás 6. cikkének (1) és (4) - (6) bekezdése,
- a Vietnam–Luxemburg megállapodás 11. cikkének (2) - (4) bekezdése,
- a Vietnam–Hollandia megállapodás 6. cikkének (2) - (6) bekezdése,
- a Vietnam–Lengyelország megállapodás 20. cikkének (2) - (4) bekezdése,
- a Vietnam–Portugália megállapodás 16. cikkének (2) - (6) bekezdése,
- a Vietnam–Románia megállapodás 14. cikkének (1) - (6) bekezdése,
- a Vietnam–Szlovák Köztársaság megállapodás 12. cikkének (3), (5) és (6) bekezdése,
- a Vietnam–Svédország megállapodás 11. cikkének (2) bekezdése;
- a Vietnam–Egyesült Királyság megállapodás 7. cikkének (3) és (4) bekezdése.

---

3. MELLÉKLET

A megállapodás 2. cikkében említett egyéb államok jegyzéke

a) Az Izlandi Köztársaság (az Európai Gazdasági Térségről szóló megállapodás értelmében);

b) A Liechtensteini Hercegség (az Európai Gazdasági Térségről szóló megállapodás értelmében);

c) A Norvég Királyság (az Európai Gazdasági Térségről szóló megállapodás értelmében);

d) A Svájci Államszövetség (az Európai Unió és a Svájci Államszövetség közötti légiközlekedési megállapodás értelmében).

ANNESS 1

Lista ta' ftehimiet imsemmija fl-Artikolu 1 ta' dan il-Ftehim

(a) Il-Ftehimiet dwar servizzi bl-ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam u Stati Membri tal-Unjoni Ewropea li, fid-data tal-iffirmar ta' dan il-Ftehim, kienu ġew konklużi, iffirmati u/jew qed jiġu applikati provviżorjament:

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern Federali Awstrijak u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Hanoi fis-27 ta' Marzu 1995, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Awstrija" fl-Anness 2;

- Modifikat l-aħħar bil-Minuti ta' Qbil magħmula f'Hanoi fil-5 ta' April 2006;

- Ftehim dwar it-Trasport bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Renju tal-Belġju u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul fi Brussell fil-21 ta' Ottubru 1992, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Belġju" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar Servizzi bl-Ajru, bejn il-Gvern tar-Repubblika tal-Poplu tal-Bulgarija u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam, bejn u lil hinn mit-territorji rispettivi tagħhom, magħmul f'Sofia fl-1 ta' Ottubru 1979, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Bulgarija" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika Ċeka u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul fi Praga fit-23 ta' Mejju 1997, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Repubblika Ċeka" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Renju tad-Danimarka u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Hanoi fil-25 ta' Settembru 1997, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Danimarka" fl-Anness 2;

  - Għandu jinqara flimkien mal-Memorandum ta' Ftehim bejn ir-Renji tad-Danimarka, in-Norveġja u l-Isvezja u r-Repubblika Soċjalista tal-Vjetman, magħmul f'Hanoi fil-25 ta' Settembru 1997;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Renju tal-Finlandja u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam iffirmat f'Hanoi fis-26 ta' Ottubru 2000, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Finlandja" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika ta' Franza u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Pariġi fl-14 ta' April 1977, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Franza" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar it-Trasport bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika Federali tal-Ġermanja u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Bonn fis-26 ta' Awwissu 1994, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Ġermanja" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika tal-Ungerija u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Hanoi fl-4 ta' Frar 1998, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Ungerija" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tal-Gran Dukat tal-Lussemburgu u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul fil-Lussemburgu fis-26 ta' Ottubru 1994, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Lussemburgu" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn ir-Renju tal-Olanda u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam bejn u lil hinn mit-territorji rispettivi tagħhom, magħmul f'Hanoi fl-1 ta' Ottubru 1993, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Olanda" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar it-Trasport Ċivili bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika tal-Poplu tal-Polonja u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Varsavja fil-11 ta' Settembru 1976, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Polonja" fl-Anness 2;

- Ftehim dwar it-Trasport bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika Portugiża u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Lisbona fit-3 ta' Frar 1998, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Portugall" fl-Anness 2;

- Ftehim relattiv għat-Trasport Ċivili bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tar-Rumanija u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Hanoi fis-26 ta' Ġunju 1979, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Rumanija" fl-Anness 2;

– Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Renju tal-Isvezja u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Hanoi fil-25 ta' Settembru 1997, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Svezja" fl-Anness 2;

– Ghandu jinqara flimkien mal-Memorandum ta' Ftehim bejn ir-Renji tad-Danimarka, in-Norveġja u l-Isvezja u r-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam, magħmul f'Hanoi fil-25 ta' Settembru 1997;

– Ftehim dwar it-Trasport bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Repubblika Slovakka u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Hanoi fis-6 ta' Novembru 1997, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "il-Ftehim Vjetnam – Repubblika Slovakka" fl-Anness 2;

– Ftehim dwar is-Servizzi bl-Ajru bejn il-Gvern tar-Renju Unit tal-Gran Brittanja u l-Irlanda ta' Fuq u l-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam magħmul f'Londra fid-19 ta' Awwissu 1994, minn hawn 'il quddiem imsejjaħ "Il-Ftehim Vjetnam - Renju Unit" fl-Anness 2;

– Emendat l-aħħar bi Skambju ta' Noti magħmul f'Hanoi fit-8 u fis-26 ta' Settembru 2000;

(b) Ftehimiet dwar is-servizzi bl-ajru u arranġamenti oħra inizjalati jew iffirmati bejn il-Gvern tar-Repubblika Soċjalista tal-Vjetnam u Stati Membri tal-Unjoni Ewropea li, fid-data tal-firma ta' dan il-Ftehim, kienu għadhom ma dahlux fis-seħħ u mhumiex qed jiġu applikati provviżorjament.

ANNESS 2

Lista ta' Artikoli fil-ftehimiet elenkati fl-Anness 1
u msemmija fl-Artikoli 2 sa 4 ta' dan il-Ftehim

(a) Desinjazzjoni minn Stat Membru:

- l-Artikolu 3, il-paragrafu 5, tal-Ftehim Vjetnam - Awstrija;
- l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam – Bulgarija;
- l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Danimarka;
- l-Artikolu 4, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Ċeka;
- l-Artikolu 4, il-paragrafu 5, tal-Ftehim Vjetnam - Finlandja;
- l-Artikolu 7, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Franza;
- l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Ġermanja;
- l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Ungerija;
- l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Lussemburgu;
- l-Artikolu 4, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Olanda;

– l-Artikolu 3, il-paragrafu 2, tal-Ftehim Vjetnam – Polonja;

– l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Portugall;

– l-Artikolu 3, tal-Ftehim Vjetnam - Rumanija;

– l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam - Svezja;

– l-Artikolu 3, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Slovakka;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 4, tal-Ftehim Vjetnam – Renju Unit.

(b) Rifjut, revoka, sospensjoni jew limitazzjoni ta' awtorizzazzjonijiet jew permessi:

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam - Awstrija;

– l-Artikolu 5, il-paragrafu 1 (d), tal-Ftehim Vjetnam - Belġju;

– l-Artikolu 4 (a) tal-Ftehim Vjetnam – Bulgarija;

– l-Artikolu 5, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Ċeka;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam - Danimarka;

– l-Artikolu 5, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam - Finlandja;

– l-Artikolu 9, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam - Franza;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1, tal-Ftehim Vjetnam - Ġermanja;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam - Ungerija;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (c), tal-Ftehim Vjetnam - Lussemburgu;

– l-Artikolu 5, il-paragrafu 1 (c), tal-Ftehim Vjetnam - Olanda;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1, tal-Ftehim Vjetnam – Polonja;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam – Portugall;

– l-Artikolu 4, tal-Ftehim Vjetnam – Rumanija;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam - Svezja;

– l-Artikolu 4, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Slovakka;

– l-Artikolu 5, il-paragrafu 1 (a), tal-Ftehim Vjetnam – Renju Unit.

(ċ) Sikurezza:

– l-Artikolu 6a tal-Ftehim Vjetnam - Awstrija;

– l-Artikolu 7 tal-Ftehim Vjetnam – Belġju;

- l-Artikolu 11 tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Ċeka;

- l-Artikolu 18 tal-Ftehim Vjetnam – Finlandja;

- l-Artikolu 4 tal-Ftehim Vjetnam – Franza;

- l-Artikolu 9 tal-Ftehim Vjetnam – Ungerija;

- l-Artikolu 6 tal-Ftehim Vjetnam – Lussemburgu;

- l-Artikolu 14 tal-Ftehim Vjetnam – Olanda;

- l-Artikolu 9 tal-Ftehim Vjetnam – Rumanija;

- l-Artikolu 7 tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Slovakka;

- l-Artikolu 9a tal-Ftehim Vjetnam – Renju Unit.

(d) Kompatibbiltà mar-regoli tal-kompetizzjoni:

- l-Artikolu 13, il-paragrafi 1 u 7, tal-Ftehim Vjetnam – Belġju;

- l-Artikolu 9, il-paragrafi 3 sa 8, tal-Ftehim Vjetnam – Bulgarija;

- l-Artikolu 7, il-paragrafu 2, tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Ċeka;
- l-Artikolu 11, il-paragrafu 2, tal-Ftehim Vjetnam – Danimarka;
- l-Artikolu 12, il-paragrafi 2 sa 7, tal-Ftehim Vjetnam – Franza;
- l-Artikolu 6, il-paragrafi 1 u 4 sa 6, tal-Ftehim Vjetnam – Ungerija;
- l-Artikolu 11, il-paragrafi 2 sa 4, tal-Ftehim Vjetnam – Lussemburgu;
- l-Artikolu 6, il-paragrafi 2 sa 6, tal-Ftehim Vjetnam – Olanda;
- l-Artikolu 20, il-paragrafi 2 u 4, tal-Ftehim Vjetnam – Polonja;
- l-Artikolu 16, il-paragrafi 2 sa 6, tal-Ftehim Vjetnam – Portugall;
- l-Artikolu 14, il-paragrafi 1 sa 6, tal-Ftehim Vjetnam – Rumanija;
- l-Artikolu 12, il-paragrafi 3 u 5 sa 6, tal-Ftehim Vjetnam – Repubblika Slovakka;
- l-Artikolu 11, il-paragrafu 2, tal-Ftehim Vjetnam – Svezja;
- l-Artikolu 7, il-paragrafi 3 u 4, tal-Ftehim Vjetnam – Renju Unit.

ANNESS 3

Lista ta' Stati oħra msemmija fl-Artikolu 2 ta' dan il-Ftehim

(a) Ir-Repubblika tal-Islanda (skont il-Ftehim dwar iż-Żona Ekonomika Ewropea);

(b) Il-Prinċipat ta' Liechtenstein (skont il-Ftehim taż-Żona Ekonomika Ewropea);

(c) Ir-Renju tan-Norveġja (skont il-Ftehim taż-Żona Ekonomika Ewropea);

(d) Il-Konfederazzjoni Svizzera (skont il-Ftehim dwar it-Trasport bl-Ajru bejn il-Komunità Ewropea u l-Konfederazzjoni Svizzera).

BIJLAGE 1

Lijst van de overeenkomsten waarnaar wordt verwezen
in artikel 1 van deze overeenkomst

a) Overeenkomsten voor luchtdiensten tussen de regering van de Socialistische Republiek Vietnam en lidstaten van de Europese Unie die, op de datum van ondertekening van onderhavige overeenkomst, zijn gesloten, ondertekend en/of voorlopig worden toegepast

- Overeenkomst tussen de Oostenrijkse bondsregering en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Hanoi op 27 maart 1995, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Oostenrijk" genoemd in bijlage 2;

  - Laatstelijk gewijzigd bij de notulen van overeenstemming die op 5 april 2006 te Hanoi zijn opgesteld;

- Luchtvervoersovereenkomst tussen de regering van het Koninkrijk België en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Brussel op 21 oktober 1992, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en België" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van de Volksrepubliek Bulgarije en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten tussen en buiten hun respectieve grondgebied, gedaan te Sofia op 1 oktober 1979, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Bulgarije" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van de Tsjechische Republiek en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Praag op 23 mei 1997, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Tsjechië" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van het Koninkrijk Denemarken en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Hanoi op 25 september 1997, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Denemarken" genoemd in bijlage 2;

    - Te lezen in samenhang met het memorandum van overeenstemming tussen de Koninkrijken Denemarken, Noorwegen en Zweden en de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Hanoi op 25 september 1997;

- Overeenkomst tussen de regering van de Republiek Finland en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, ondertekend te Hanoi op 26 oktober 2000, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Finland" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van de Republiek Frankrijk en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Parijs op 14 april 1977, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Frankrijk" genoemd in bijlage 2;

- Luchtvervoersovereenkomst tussen de regering van de Bondsrepubliek Duitsland en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Bonn op 26 augustus 1994, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Duitsland" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van de Republiek Hongarije en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Hanoi op 4 februari 1998, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Hongarije" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van het Groothertogdom Luxemburg en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Luxemburg op 26 oktober 1994, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Luxemburg" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen het Koninkrijk der Nederlanden en de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten tussen en via hun onderscheiden grondgebieden, gedaan te Hanoi op 1 oktober 1993, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Nederland" genoemd in bijlage 2;

- Luchtvervoersovereenkomst tussen de regering van de Volksrepubliek Polen en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Warschau op 11 september 1976, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Polen" genoemd in bijlage 2;

- Luchtvervoersovereenkomst tussen de regering van de Portugese Republiek en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Lissabon op 3 februari 1998, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Portugal" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van de Socialistische Republiek Roemenië en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot civiel luchtvervoer, gedaan te Hanoi op 26 juni 1979, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Roemenië" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van het Koninkrijk Zweden en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Hanoi op 25 september 1997, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Zweden" genoemd in bijlage 2;

    - Te lezen in samenhang met het Memorandum van overeenstemming tussen de Koninkrijken Denemarken, Noorwegen en Zweden en de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Hanoi op 25 september 1997;

- Luchtvervoersovereenkomst tussen de regering van de Slowaakse Republiek en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam, gedaan te Hanoi op 6 november 1997, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en Slowakije" genoemd in bijlage 2;

- Overeenkomst tussen de regering van het Verenigd Koninkrijk van Groot-Brittannië en Noord-Ierland en de regering van de Socialistische Republiek Vietnam met betrekking tot luchtdiensten, gedaan te Londen op 19 augustus 1994, hierna de "overeenkomst tussen Vietnam en het Verenigd Koninkrijk" genoemd in bijlage 2;

    - Laatstelijk gewijzigd bij de uitwisseling van nota's op 8 en 26 september 2000 te Hanoi;

b) Geparafeerde of ondertekende overeenkomsten voor luchtdiensten en andere regelingen tussen de regering van de Socialistische Republiek Vietnam en lidstaten van de Europese Unie die, op de datum van ondertekening van onderhavige overeenkomst, nog niet van kracht zijn geworden en niet voorlopig worden toegepast.

BIJLAGE 2

Lijst van de artikelen van de in bijlage 1 vermelde overeenkomsten waarnaar wordt verwezen in de artikelen 2 tot en met 4 van onderhavige overeenkomst

a) Aanwijzing door een lidstaat:

- Artikel 3, lid 5, van de overeenkomst tussen Vietnam en Oostenrijk;
- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Bulgarije;
- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Denemarken;
- Artikel 4, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Tsjechië;
- Artikel 4, lid 5, van de overeenkomst tussen Vietnam en Finland;
- Artikel 7, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Frankrijk;
- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Duitsland;
- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Hongarije;
- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Luxemburg;
- Artikel 4, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Nederland;

- Artikel 3, lid 2, van de overeenkomst tussen Vietnam en Polen;

- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Portugal;

- Artikel 3 van de overeenkomst tussen Vietnam en Roemenië;

- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Zweden;

- Artikel 3, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en Slowakije;

- Artikel 4, lid 4, van de overeenkomst tussen Vietnam en het Verenigd Koninkrijk;

b) Weigering, intrekking, opschorting of beperking van vergunningen en machtigingen:

- Artikel 4, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Oostenrijk;

- Artikel 5, lid 1, onder d), van de overeenkomst tussen Vietnam en België;

- Artikel 4, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Bulgarije;

- Artikel 5, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Tsjechië;

- Artikel 4, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Denemarken;

- Artikel 5, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Finland;

- Artikel 9, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Frankrijk;

- Artikel 4, lid 1, van de overeenkomst tussen Vietnam en Duitsland;

- Artikel 4, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Hongarije;

- Artikel 4, lid 1, onder c), van de overeenkomst tussen Vietnam en Luxemburg;

- Artikel 5, lid 1, onder c), van de overeenkomst tussen Vietnam en Nederland;

- Artikel 4, lid 1, van de overeenkomst tussen Vietnam en Polen;

- Artikel 4, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Portugal;

- Artikel 4 van de overeenkomst tussen Vietnam en Roemenië;

- Artikel 4, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Zweden;

- Artikel 4, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en Slowakije;

- Artikel 5, lid 1, onder a), van de overeenkomst tussen Vietnam en het Verenigd Koninkrijk;

c) Veiligheid:

- Artikel 6 bis van de overeenkomst tussen Vietnam en Oostenrijk;

- Artikel 7 van de overeenkomst tussen Vietnam en België;

- Artikel 11 van de overeenkomst tussen Vietnam en Tsjechië;

- Artikel 18 van de overeenkomst tussen Vietnam en Finland;

- Artikel 4 van de overeenkomst tussen Vietnam en Frankrijk;

- Artikel 9 van de overeenkomst tussen Vietnam en Hongarije;

- Artikel 6 van de overeenkomst tussen Vietnam en Luxemburg;

- Artikel 14 van de overeenkomst tussen Vietnam en Nederland;

- Artikel 9 van de overeenkomst tussen Vietnam en Roemenië;

- Artikel 7 van de overeenkomst tussen Vietnam en Slowakije;

- Artikel 9 bis van de overeenkomst tussen Vietnam en het Verenigd Koninkrijk;

d) Verenigbaarheid met de mededingingsregels:

- Artikel 13, leden 1 en 7, van de overeenkomst tussen Vietnam en België;

- Artikel 9, leden 3 tot en met 8, van de overeenkomst tussen Vietnam en België;

BIJLAGE 3

Lijst van andere landen waarnaar wordt verwezen
in artikel 2 van deze overeenkomst

a) De Republiek IJsland (in het kader van de overeenkomst inzake de Europese Economische Ruimte);

b) Het Vorstendom Liechtenstein (in het kader van de overeenkomst inzake de Europese Economische Ruimte);

c) Het Koninkrijk Noorwegen (in het kader van de overeenkomst inzake de Europese Economische Ruimte);

d) De Zwitserse Bondsstaat (in het kader van de overeenkomst inzake luchtvervoer tussen de Europese Gemeenschap en de Zwitserse Bondsstaat).

ZAŁĄCZNIK 1

Wykaz umów, o których mowa w art. 1 niniejszej umowy

a) Umowy o komunikacji lotniczej między rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu a państwami członkowskimi Unii Europejskiej, które w dniu podpisania niniejszej umowy były zawarte, podpisane lub tymczasowo stosowane:

- umowa o komunikacji lotniczej między federalnym rządem Austrii a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu sporządzona w Hanoi w dniu 27 marca 1995 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Austria";

  - Ostatnio zmieniona uzgodnionymi protokołami sporządzonymi w Hanoi w dniu 5 kwietnia 2006 r.;

- umowa między rządem Królestwa Belgii a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej, sporządzona w Brukseli w dniu 21 października 1992 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Belgia";

- umowa między rządem Ludowej Republiki Bułgarii a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej pomiędzy i poza ich terytoriami, sporządzona w Sofii w dniu 1 października 1979 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Bułgaria";

- umowa między rządem Republiki Czeskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej, sporządzona w Pradze w dniu 23 maja 1997 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Republika Czeska";

- umowa o komunikacji lotniczej między rządem Królestwa Danii a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, sporządzona w Hanoi w dniu 25 września 1997 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Dania";

  - umowa powinna być odczytywana wraz z protokołem ustaleń pomiędzy Królestwem Danii, Królestwem Norwegii oraz Królestwem Szwecji a Socjalistyczną Republiką Wietnamu, sporządzonym w Hanoi w dniu 25 września 1997 r.;

- umowa o komunikacji lotniczej między rządem Republiki Finlandii a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, podpisana w Hanoi w dniu 26 października 2000 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Finlandia";

- umowa o komunikacji lotniczej między rządem Republiki Francuskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, sporządzona w Paryżu w dniu 14 kwietnia 1977 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Francja";

- umowa o transporcie lotniczym między rządem Republiki Federalnej Niemiec a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, sporządzona w Bonn w dniu 26 sierpnia 1994 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Niemcy";

- umowa między rządem Republiki Węgierskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej, sporządzona w Hanoi w dniu 4 lutego 1998 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Węgry";

– umowa między rządem Wielkiego Księstwa Luksemburga a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej, sporządzona w Luksemburgu w dniu 26 października 1994 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Luksemburg";

– umowa między Królestwem Niderlandów a Socjalistyczną Republiką Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej pomiędzy i poza terytoriami tych państw, sporządzona w Hanoi w dniu 1 października 1993 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Niderlandy";

– umowa między rządem Polskiej Rzeczypospolitej Ludowej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu o cywilnej komunikacji lotniczej, sporządzona w Warszawie dnia 11 września 1976 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Polska";

– umowa o transporcie lotniczym między rządem Republiki Portugalskiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, sporządzona w Lizbonie w dniu 3 lutego 1998 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Portugalia";

– umowa między rządem Socjalistycznej Republiki Rumunii a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca cywilnego transportu lotniczego, sporządzona w Hanoi w dniu 26 czerwca 1979 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Rumunia";

– umowa o komunikacji lotniczej między rządem Królestwa Szwecji a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, sporządzona w Hanoi w dniu 25 września 1997 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Szwecja";

– umowa powinna być odczytywana wraz z protokołem ustaleń pomiędzy Królestwem Danii, Królestwem Norwegii oraz Królestwem Szwecji a Socjalistyczną Republiką Wietnamu, sporządzonym w Hanoi w dniu 25 września 1997 r.;

– umowa o transporcie lotniczym między rządem Republiki Słowackiej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu, sporządzona w Hanoi w dniu 6 listopada 1997 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Słowacja";

– umowa między rządem Zjednoczonego Królestwa Wielkiej Brytanii i Irlandii Północnej a rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu dotycząca komunikacji lotniczej, sporządzona w Londynie w dniu 19 sierpnia 1994 r., zwana dalej w załączniku 2 „umową Wietnam-Zjednoczone Królestwo";

– Ostatnio zmieniona wymianą not w Hanoi w dniach 8 i 26 września 2000 r.;

b) Umowy o komunikacji lotniczej i inne porozumienia parafowane lub podpisane między rządem Socjalistycznej Republiki Wietnamu a państwami członkowskimi Unii Europejskiej, które w dniu podpisania niniejszej umowy nie weszły jeszcze w życie i nie były tymczasowo stosowane.

ZAŁĄCZNIK 2

Wykaz artykułów zawartych w umowach wymienionych w załączniku 1,
o których mowa w art. od 2 do 4 niniejszej umowy

a) Wyznaczenie przez państwo członkowskie:

- art. 3 ust. 5 umowy Wietnam- Austria;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam- Bułgaria;
- art.3 ust. 4 umowy Wietnam- Dania;
- art. 4 ust. 4 umowy Wietnam-Republika Czeska;
- art. 4 ust. 5 umowy Wietnam- Finlandia;
- art. 7 ust. 4 umowy Wietnam- Francja;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam- Niemcy;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam- Węgry;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam-Luksemburg;
- art. 4 ust. 4 umowy Wietnam- Niderlandy;

- art. 3 ust. 2 umowy Wietnam-Polska;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam-Portugalia;
- art. 3 umowy Wietnam-Rumunia;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam-Szwecja;
- art. 3 ust. 4 umowy Wietnam-Slowacja;
- art. 4 ust. 4 umowy Wietnam-Zjednoczone Królestwo;

b) Odmowa, cofnięcie, zawieszenie lub ograniczenie upoważnień lub zezwoleń:

- art. 4 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam- Austria;
- art. 5 ust. 1 lit. d) umowy Wietnam-Belgia;
- art. 4 lit. a) umowy Wietnam-Bulgaria;
- art. 5 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam-Republika Czeska;
- art. 4 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam- Dania;
- art. 5 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam-Finlandia;
- art. 9 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam- Francja;

- art. 4 ust. 1 umowy Wietnam- Niemcy;
- art. 4 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam- Węgry;
- art. 4 ust. 1 lit. c) umowy Wietnam-Luksemburg;
- art. 5 ust. 1 lit. c) umowy Wietnam- Niderlandy;
- art. 4 ust. 1 umowy Wietnam- Polska;
- art. 4 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam-Portugalia;
- art. 4 umowy Wietnam-Rumunia;
- art. 4 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam- Szwecja;
- art. 4 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam-Słowacja;
- art. 5 ust. 1 lit. a) umowy Wietnam-Zjednoczone Królestwo;

c) Bezpieczeństwo:

- art. 6 bis umowy Wietnam- Austria;
- art. 7 umowy Wietnam-Belgia;

- art. 11 umowy Wietnam-Republika Czeska;
- art. 18 umowy Wietnam-Finlandia;
- art. 4 umowy Wietnam-Francja;
- art. 9 umowy Wietnam-Węgry;
- art. 6 umowy Wietnam-Luksemburg;
- art. 14 umowy Wietnam- Niderlandy;
- art. 9 umowy Wietnam-Rumunia;
- art. 7 umowy Wietnam-Slowacja;
- art. 9a umowy Wietnam-Zjednoczone Królestwo;

d) Zgodność z regulami konkurencji:

- art. 13 ust. 1 i 7 umowy Wietnam-Belgia;
- art. 9 ust. 3-8 umowy Wietnam-Bułgaria;

- art. 7 ust. 2 umowy Wietnam-Republika Czeska;
- art. 11 ust. 2 umowy Wietnam-Dania;
- art. 12 ust. 2-7 umowy Wietnam-Francja;
- art. 6 ust. 1 i 4-6 umowy Wietnam-Węgry;
- art. 11 ust. 2-4 umowy Wietnam-Luksemburg;
- art. 6 ust. 2-6 umowy Wietnam-Niderlandy;
- art. 20 ust. 2 i 4 umowy Wietnam-Polska;
- art. 16 ust. 2-6 umowy Wietnam-Portugalia;
- art. 14 ust. 1-6 umowy Wietnam-Rumunia;
- art. 12 ust. 3, 5 i 6 umowy Wietnam-Słowacja;
- art.11 ust. 2 umowy Wietnam-Szwecja;
- art. 7 ust. 3 i 4 umowy Wietnam-Zjednoczone Królestwo.

ZAŁĄCZNIK 3

Wykaz innych państw, o których mowa w art. 2 niniejszej umowy

a) Republika Islandii (na mocy Porozumienia o Europejskim Obszarze Gospodarczym);

b) Księstwo Liechtensteinu (na mocy Porozumienia o Europejskim Obszarze Gospodarczym);

c) Królestwo Norwegii (na mocy Porozumienia o Europejskim Obszarze Gospodarczym);

d) Konfederacja Szwajcarska (na mocy Umowy między Wspólnotą Europejską a Konfederacją Szwajcarską o transporcie lotniczym).

ANEXO 1

Lista dos acordos referidos no artigo 1.º do presente Acordo

a) Acordos de serviço aéreo entre o Governo da República Socialista do Vietname e Estados-Membros da União Europeia que, à data da assinatura do presente Acordo, foram celebrados, assinados e/ou estão a ser aplicados a título provisório

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo Federal da Áustria e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 27 de Março de 1995, designado "Acordo Vietname-Áustria" no Anexo 2,

  - Com a última redacção que lhe foi dada pela Acta lavrada em Hanói em 5 de Abril de 2006;

- Acordo de transporte aéreo entre o Governo do Reino da Bélgica e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Bruxelas em 21 de Outubro de 1992, designado "Acordo Vietname-Bélgica" no Anexo 2;

- Acordo entre o Governo da República Popular da Bulgária e o Governo da República Socialista do Vietname sobre serviços aéreos entre os respectivos territórios e para além destes, celebrado em Sófia em 1 de Outubro de 1979, designado "Acordo Vietname-Bulgária" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo da República Checa e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Praga em 23 de Maio de 1997, designado "Acordo Vietname-República Checa" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo do Reino da Dinamarca e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 25 de Setembro de 1997, designado "Acordo Vietname-Dinamarca" no Anexo 2;

  - Em conjugação com o Memorando de Entendimento entre os Reinos da Dinamarca, da Noruega e da Suécia e a República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 25 de Setembro de 1997;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo da República da Finlândia e o Governo da República Socialista do Vietname, assinado em Hanói em 26 de Outubro de 2000, designado "Acordo Vietname-Finlândia" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo da República Francesa e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Paris em 14 de Abril de 1977, designado "Acordo Vietname-França" no Anexo 2;

- Acordo de transportes aéreos entre o Governo da República Federal da Alemanha e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Bona em 26 de Agosto de 1994, designado "Acordo Vietname-Alemanha" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo da República da Hungria e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 4 de Fevereiro de 1998, designado "Acordo Vietname-Hungria" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo do Grão-Ducado do Luxemburgo e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado no Luxemburgo em 26 de Outubro de 1994, designado "Acordo Vietname-Luxemburgo" no Anexo 2;

- Acordo entre o Reino dos Países Baixos e a República Socialista do Vietname sobre serviços aéreos entre os respectivos territórios e para além destes, celebrado em Hanói em 1 de Outubro de 1993, designado "Acordo Vietname-Países Baixos" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo da República Popular da Polónia e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Varsóvia em 11 de Setembro de 1976, designado "Acordo Vietname-Polónia" no Anexo 2;

- Acordo sobre serviços aéreos entre a República Portuguesa e a República Socialista do Vietname, celebrado em Lisboa em 3 de Fevereiro de 1998, designado "Acordo Vietname-Portugal" no Anexo 2;

- Acordo relativo ao transporte aéreo civil entre o Governo da República Socialista da Roménia e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 26 de Junho de 1979, designado "Acordo Vietname-Roménia" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo do Reino da Suécia e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 25 de Setembro de 1997, designado "Acordo Vietname-Suécia" no Anexo 2;

  - Em conjugação com o Memorando de Entendimento entre os Reinos da Dinamarca, da Noruega e da Suécia e a República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 25 de Setembro de 1997;

- Acordo de transportes aéreos entre o Governo da República Eslovaca e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Hanói em 6 de Novembro de 1997, designado "Acordo Vietname-República Eslovaca" no Anexo 2;

- Acordo de serviços aéreos entre o Governo do Reino Unido da Grã-Bretanha e Irlanda do Norte e o Governo da República Socialista do Vietname, celebrado em Londres em 19 de Agosto de 1994, designado "Acordo Vietname-Reino Unido" no Anexo 2;

  - Com a última redacção que lhe foi dada pela Troca de Notas assinada em Hanói em 8 e 26 de Setembro de 2000;

b) Acordos e outras disposições em matéria de serviços aéreos rubricados ou assinados pelo Governo da República Socialista do Vietname e Estados-Membros da União Europeia que, à data da assinatura do presente Acordo, ainda não estão em vigor nem a ser aplicados a título provisório.

ANEXO 2

Lista dos artigos dos acordos enumerados no Anexo I
referidos nos artigos 2.º a 4.º do presente Acordo

a) Designação por um Estado-Membro:

- n.º 5 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Áustria;
- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Bulgária;
- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Dinamarca;
- n.º 4 do artigo 4.º do Acordo Vietname-República Checa;
- n.º 5 do artigo 4.º do Acordo Vietname-Finlândia;
- n.º 4 do artigo 7.º do Acordo Vietname-França;
- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Alemanha;
- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Hungria;
- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Luxemburgo;
- n.º 4 do artigo 4.º do Acordo Vietname-Países Baixos;

- n.º 2 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Polónia;

- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Portugal;

- artigo 3.º do Acordo Vietname-Roménia;

- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-Suécia;

- n.º 4 do artigo 3.º do Acordo Vietname-República Eslovaca;

- n.º 4 do artigo 4.º do Acordo Vietname-Reino Unido;

b) Recusa, revogação, suspensão ou limitação das licenças ou autorizações:

- n.º 1, alínea a), do artigo 4.º do Acordo Vietname-Áustria;

- n.º 1, alínea d), do artigo 5.º do Acordo Vietname-Bélgica;

- alínea a) do artigo 4.º do Acordo Vietname-Bulgária;

- n.º 1, alínea a), do artigo 5.º do Acordo Vietname-República Checa;

- n.º 1, alínea a), do artigo 4.º do Acordo Vietname-Dinamarca;

- n.º 1, alínea a), do artigo 5.º do Acordo Vietname-Finlândia;

- n.º 1, alínea a), do artigo 9.º do Acordo Vietname-França;

- n.º 1 do artigo 4.º do Acordo Vietname-Alemanha;
- n.º 1, alínea a), do artigo 4.º do Acordo Vietname-Hungria;
- n.º 1, alínea c), do artigo 4.º do Acordo Vietname-Luxemburgo;
- n.º 1, alínea c), do artigo 5.º do Acordo Vietname-Países Baixos;
- n.º 1 do artigo 4.º do Acordo Vietname-Polónia;
- n.º 1, alínea a), do artigo 4.º do Acordo Vietname-Portugal;
- artigo 4.º do Acordo Vietname-Roménia;
- n.º 1, alínea a), do artigo 4.º do Acordo Vietname-Suécia;
- n.º 1, alínea a), do artigo 4.º do Acordo Vietname-República Eslovaca;
- n.º 1, alínea a), do artigo 5.º do Acordo Vietname-Reino Unido;

c) Segurança:

- artigo 6.º-A do Acordo Vietname-Áustria;
- artigo 7.º do Acordo Vietname-Bélgica;

- artigo 11.º do Acordo Vietname-República Checa;
- artigo 18.º do Acordo Vietname-Finlândia;
- artigo 4.º do Acordo Vietname-França;
- artigo 9.º do Acordo Vietname-Hungria;
- artigo 6.º do Acordo Vietname-Luxemburgo;
- artigo 14.º do Acordo Vietname-Países Baixos;
- artigo 9.º do Acordo Vietname-Roménia;
- artigo 7.º do Acordo Vietname-República Eslovaca;
- artigo 9.º-A do Acordo Vietname-Reino Unido;

d) Compatibilidade com as regras da concorrência:

- artigo 13.º, n.ºs 1 e 7 do Acordo Vietname-Bélgica;
- artigo 9.º, n.ºs 3 a 8 do Acordo Vietname-Bulgária;

- artigo 7.°, n.° 2 do Acordo Vietname-República Checa;
- artigo 11.°, n.° 2 do Acordo Vietname-Dinamarca;
- artigo 12.°, n.°s 2 a 7 do Acordo Vietname-França;
- artigo 6.°, n.°s 1 e 4 a 6 do Acordo Vietname-Hungria;
- artigo 11.°, n.°s 2 a 4 do Acordo Vietname-Luxemburgo;
- artigo 6.°, n.°s 2 a 6 do Acordo Vietname-Países Baixos;
- artigo 20.°, n.°s 2 e 4 do Acordo Vietname-Polónia;
- artigo 16.°, n.°s 2 a 6 do Acordo Vietname-Portugal;
- artigo 14.°, n.°s 1 a 6 do Acordo Vietname-Roménia;
- artigo 12.°, n.°s 3, 5 e 6 do Acordo Vietname-República Eslovaca;
- artigo 11.°, n.° 2 do Acordo Vietname-Suécia;
- artigo 7.°,n.°s 3 e 4 do Acordo Vietname-Reino Unido.

ANEXO 3

Lista dos outros Estados referidos no artigo 2.º do presente Acordo

a) República da Islândia (ao abrigo do Acordo sobre o Espaço Económico Europeu);

b) Principado do Liechtenstein (ao abrigo do Acordo sobre o Espaço Económico Europeu);

c) Reino da Noruega (ao abrigo do Acordo sobre o Espaço Económico Europeu);

d) Confederação Suíça (ao abrigo do Acordo entre a Comunidade Europeia e a Confederação Suíça sobre Transporte Aéreo).

ANEXA I

Lista acordurilor menţionate la articolul 1 din prezentul acord

(a) Acorduri privind serviciile aeriene între Guvernul Republicii Socialiste Vietnam şi statele membre ale Uniunii Europene care, la data semnării prezentului acord, au fost încheiate, semnate şi/sau fac obiectul unei aplicări provizorii

– Acordul privind serviciile aeriene dintre Guvernul Federal al Austriei şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Hanoi la 27 martie 1995, denumit în continuare „Acordul Vietnam-Austria" în anexa 2;

– Modificat ultima dată prin procesul verbal de înţelegere încheiat la Hanoi la 5 aprilie 2006.

– Acordul dintre Guvernul Regatului Belgiei şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind transportul aerian, semnat la Bruxelles la 21 octombrie 1992, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Belgia" în anexa 2;

– Acordul dintre Guvernul Republicii Populare Bulgaria şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind serviciile aeriene între teritoriile lor şi dincolo de acestea, încheiat la Sofia la 1 octombrie 1979, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Bulgaria" în anexa 2;

– Acordul dintre Guvernul Republicii Cehia şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind serviciile aeriene, semnat la Praga la 23 mai 1997, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Cehia" în anexa 2;

- Acordul privind serviciile aeriene dintre Guvernul Regatului Danemarcei şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Hanoi la 25 septembrie 1997, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Danemarca" în anexa 2;

  - A se citi împreună cu Memorandumul de înţelegere dintre Regatele Danemarcei, Norvegiei şi Suediei şi Republica Socialistă Vietnam, semnat la Ha Noi la 25 septembrie 1997;

- Acordul privind serviciile aeriene dintre Guvernul Republicii Finlanda şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Ha Noi la 26 octombrie 2000, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Finlanda" în anexa 2;

- Acordul privind serviciile aeriene dintre Guvernul Republicii Franţa şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Paris la 14 aprilie 1977, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Franţa" în anexa 2;

- Acordul privind transportul aerian dintre Guvernul Republicii Federale Germania şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Bonn la 26 august 1994, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Germania" în anexa 2;

- Acordul dintre Guvernul Republicii Ungaria şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind serviciile aeriene, semnat la Ha Noi la 4 februarie 1998, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Ungaria" în anexa 2;

- Acordul dintre Guvernul Marelui Ducat de Luxemburg şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind serviciile aeriene, semnat la Luxemburg la 26 octombrie 1994, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Luxemburg" în anexa 2;

- Acordul dintre Regatul Ţărilor de Jos şi Republica Socialistă Vietnam privind serviciile aeriene între teritoriile lor şi în afara acestora, semnat la Ha Noi la 1 octombrie 1993, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Ţările de Jos" în anexa 2;

- Acordul privind serviciile aeriene dintre Guvernul Republicii Populare Polonia şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Varşovia la 11 septembrie 1976, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Polonia" în anexa 2;

- Acordul privind transportul aerian dintre Guvernul Republicii Portugalia şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Lisabona la 3 februarie 1998, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Portugalia" în anexa 2;

- Acordul dintre Guvernul Republicii Socialiste România şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind transportul aerian civil, semnat la Hanoi la 26 iunie 1979, denumit în continuare „Acordul Vietnam – România" în anexa 2;

– Acordul privind serviciile aeriene dintre Guvernul Regatului Suediei şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Hanoi la 25 septembrie 1997, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Suedia" în anexa 2;

– A se citi împreună cu Memorandumul de înţelegere dintre Regatele Danemarcei, Norvegiei şi Suediei şi Republica Socialistă Vietnam, semnat la Hanoi la 25 septembrie 1997;

– Acordul privind transportul aerian dintre Guvernul Republicii Slovace şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam, semnat la Hanoi la 6 noiembrie 1997, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Slovacia" în anexa 2;

– Acordul dintre Guvernul Regatului Unit al Marii Britanii şi Irlandei de Nord şi Guvernul Republicii Socialiste Vietnam privind serviciile aeriene, semnat la Londra la 19 august 1994, denumit în continuare „Acordul Vietnam – Regatul Unit" în anexa 2;

– Modificat ultima dată prin schimbul de note de la Hanoi din 8 şi 26 septembrie 2000;

(b) Acorduri privind serviciile aeriene şi alte înţelegeri parafate sau semnate între Guvernul Republicii Socialiste Vietnam şi state membre ale Uniunii Europene care, la data semnării prezentului acord, nu au intrat încă în vigoare şi nu fac obiectul unei aplicări provizorii

---

ANEXA 2

Lista articolelor din acordurile enumerate în anexa 1
şi menţionate la articolele 2-4 din prezentul acord

(a) Desemnarea de către un stat membru:

- articolul 3 alineatul (5) din Acordul Vietnam – Austria;
- articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam - Bulgaria;
- articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Danemarca;
- articolul 4 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Cehia;
- articolul 4 alineatul (5) din Acordul Vietnam – Finlanda;
- articolul 7 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Franţa;
- articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Germania;
- articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Ungaria;
- articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Luxemburg;
- articolul 4 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Ţările de Jos;

– articolul 3 alineatul (2) din Acordul Vietnam - Polonia;

– articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Portugalia;

– articolul 3 din Acordul Vietnam – România;

– articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Suedia;

– articolul 3 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Slovacia;

– articolul 4 alineatul (4) din Acordul Vietnam – Regatul Unit;

(b) Refuzul, revocarea, suspendarea sau limitarea autorizațiilor sau a permiselor:

– articolul 4 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Austria;

– articolul 5 alineatul (1) litera (d) din Acordul Vietnam – Belgia;

– articolul 4 litera (a) din Acordul Vietnam - Bulgaria;

– articolul 5 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Cehia;

– articolul 4 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Danemarca;

– articolul 5 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Finlanda;

– articolul 9 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Franța;

- articolul 4 alineatul (1) din Acordul Vietnam – Germania;
- articolul 4 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Ungaria;
- articolul 4 alineatul (1) litera (c) din Acordul Vietnam – Luxemburg;
- articolul 5 alineatul (1) litera (c) din Acordul Vietnam – Țările de Jos;
- articolul 4 alineatul (1) din Acordul Vietnam - Polonia;
- articolul 4 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Portugalia;
- articolul 4 din Acordul Vietnam – România;
- articolul 4 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Suedia;
- articolul 4 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Slovacia;
- articolul 5 alineatul (1) litera (a) din Acordul Vietnam – Regatul Unit;

(c) Siguranță:

- articolul 6a din Acordul Vietnam – Austria;
- articolul 7 din Acordul Vietnam – Belgia;

– articolul 11 din Acordul Vietnam – Cehia;

– articolul 18 din Acordul Vietnam – Finlanda;

– articolul 4 din Acordul Vietnam – Franța;

– articolul 9 din Acordul Vietnam – Ungaria;

– articolul 6 din Acordul Vietnam – Luxemburg;

– articolul 14 din Acordul Vietnam – Țările de Jos;

– articolul 9 din Acordul Vietnam – România;

– articolul 7 din Acordul Vietnam – Slovacia;

– articolul 9a din Acordul Vietnam – Regatul Unit;

(d) Compatibilitatea cu regulile în materie de concurență:

– articolul 13 alineatele (1) și (7) din Acordul Vietnam - Belgia;

– articolul 9 alineatele (3) - (8) din Acordul Vietnam - Bulgaria;

- articolul 7 alineatul (2) din Acordul Vietnam - Republica Cehă;
- articolul 11 alineatul (2) din Acordul Vietnam - Danemarca;
- articolul 12 alineatele (2) - (7) din Acordul Vietnam - Franța;
- articolul 6 alineatele (1) și (4) - (6) din Acordul Vietnam - Ungaria;
- articolul 11 alineatele (2) - (4) din Acordul Vietnam – Luxemburg;
- articolul 6 alineatele (2) - (6) din Acordul Vietnam – Țările de Jos;
- articolul 20 alineatele (2) și (4) din Acordul Vietnam - Polonia;
- articolul 16 alineatele (2) - (6) din Acordul Vietnam – Portugalia;
- articolul 14 alineatele (1) - (6) din Acordul Vietnam – România;
- articolul 12 alineatele (3), (5) și (6) din Acordul Vietnam – Slovacia;
- articolul 11 alineatul (2) din Acordul Vietnam – Suedia;
- articolul 7 alineatele (3) și (4) din Acordul Vietnam – Regatul Unit.

ANEXA 3

Lista celorlalte state menţionate la articolul 2 din prezentul acord

(a) Republica Islanda (în cadrul Acordului privind Spaţiul Economic European);

(b) Principatul Liechtenstein (în cadrul Acordului privind Spaţiul Economic European);

(c) Regatul Norvegiei (în cadrul Acordului privind Spaţiul Economic European);

(d) Confederaţia Elveţiană (în cadrul Acordului între Comunitatea Europeană şi Confederaţia Elveţiană privind transporturile aeriene)

PRÍLOHA 1

Zoznam dohôd uvedených v článku 1 tejto dohody

(a) Dohody medzi vládou Vietnamskej socialistickej republiky a členskými štátmi Európskej únie o leteckých dopravných službách, ktoré boli uzavreté, podpísané a(alebo) predbežne vykonávané v čase podpisu tejto dohody.

- Dohoda medzi rakúskou spolkovou vládou a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách podpísaná v Hanoji 27. marca 1995, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Rakúskom" v prílohe 2;

  - naposledy zmenená a doplnená memorandom o porozumení podpísanom v Hanoji 5. apríla 2006;

- Dohoda medzi vládou Belgického kráľovstva a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckej doprave, podpísaná 21. októbra 1992 v Bruseli, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Belgickom", v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Bulharskej ľudovej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách realizovaných medzi územiami ich štátov a mimo nich, podpísaná v Sofii 1. októbra 1979, ďalej len „dohoda medzi Vietnamom a Bulharskom" v prílohe 2

- Dohoda medzi vládou Českej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky týkajúca sa leteckých dopravných služieb, podpísaná v Prahe 23. mája 1997, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Českou republikou", v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Dánskeho kráľovstva a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách, podpísaná 25. septembra 1997 v Hanoji, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Dánskom“, v prílohe 2;

  - Má sa interpretovať spolu s memorandom o porozumení medzi Dánskym kráľovstvom, Nórskym kráľovstvom a Švédskym kráľovstvom a Vietnamskou socialistickou republikou, podpísaným v Hanoji 25. septembra 1997;

- Dohoda medzi vládou Fínskej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách, podpísaná 26. októbra 2000 v Hanoji, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Fínskom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Francúzskej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách, podpísaná 14. apríla 1977 v Paríži, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Francúzskom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Spolkovej republiky Nemecko a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckej doprave, podpísaná 26. augusta 1994 v Bonne, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Nemeckom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Maďarskej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách, podpísaná 4. februára 1998 v Hanoji, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Maďarskom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Luxemburského veľkovojvodstva a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách, podpísaná 26. októbra 1994 v Luxemburgu, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Luxemburskom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi Holandským kráľovstvom a Vietnamskou socialistickou republikou o leteckých dopravných službách realizovaných medzi územiami ich štátov a mimo nich, podpísaná v Hanoji 1. októbra 1993, ďalej len „dohoda medzi Vietnamom a Holandskom“ v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Poľskej ľudovej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky, podpísaná 11. septembra 1976 vo Varšave, ďalej len „dohoda medzi Vietnamom a Poľskom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Portugalskej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckej doprave, podpísaná 3. februára 1998 v Lisabone, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Portugalskom“, v prílohe 2;

- Dohoda medzi vládou Rumunskej socialistickej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o civilnej leteckej doprave, podpísaná 26. júna 1979 v Hanoji, ďalej len „dohoda medzi Vietnamom a Rumunskom“ v prílohe 2;

– Dohoda medzi vládou Švédskeho kráľovstva a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckých dopravných službách, podpísaná 25. septembra 1997 v Hanoji, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Švédskom“, v prílohe 2;

– Má sa interpretovať spolu s memorandom o porozumení medzi Dánskym kráľovstvom, Nórskym kráľovstvom a Švédskym kráľovstvom a Vietnamom, podpísaným v Hanoji 25. septembra 1997;

– Dohoda medzi vládou Slovenskej republiky a vládou Vietnamskej socialistickej republiky o leteckej doprave, podpísaná 6. novembra 1997 v Hanoji, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Slovenskou republikou“, v prílohe 2;

– Dohoda medzi vládou Spojeného kráľovstva Veľkej Británie a Severného Írska a vládou Vietnamskej socialistickej republiky týkajúca sa leteckých dopravných služieb, podpísaná 19. augusta 1994 v Londýne, ďalej „dohoda medzi Vietnamom a Spojeným kráľovstvom“, v prílohe 2;

– Naposledy zmenená a doplnená formou výmeny nót z 8. júna a 26. septembra 2000 v Hanoji.

(b) Dohody o leteckých dopravných službách a iné dojednania parafované alebo podpísané medzi vládou Vietnamskej socialistickej republiky a členskými štátmi Európskej únie, ktoré ku dňu podpísania tejto dohody ešte nenadobudli platnosť a predbežne sa nevykonávajú.

PRÍLOHA 2

Zoznam článkov dohôd uvedených v prílohe 1
a v článkoch 2 až 4 tejto dohody

a) Určenie členským štátom:

- Článok 3 ods. 5 dohody medzi Vietnamom a Rakúskom;
- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Bulharskom;
- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Dánskom;
- Článok 4 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Českou republikou;
- Článok 4 ods. 5 dohody medzi Vietnamom a Fínskom;
- Článok 7 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Francúzskom;
- Článok 3, ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Nemeckom;
- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Maďarskom;
- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Luxemburskom;
- Článok 4 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Holandskom;

- Článok 3 ods. 2 dohody medzi Vietnamom a Poľskom;

- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Portugalskom;

- Článok 3 dohody medzi Vietnamom a Rumunskom;

- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Švédskom;

- Článok 3 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Slovenskou republikou;

- Článok 4 ods. 4 dohody medzi Vietnamom a Spojeným kráľovstvom;

b) Odmietnutie, zrušenie, dočasné pozastavenie alebo obmedzenie oprávnení alebo povolení:

- Článok 4 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Rakúskom;

- Článok 5 ods. 1 písm. d) dohody medzi Vietnamom a Belgickom;

- Článok 4 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Bulharskom;

- Článok 5 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Českou republikou;

- Článok 4 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Dánskom;

- Článok 5 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Fínskom;

- Článok 9 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Francúzskom;

- Článok 4, ods. 1 dohody medzi Vietnamom a Nemeckom;

- Článok 4 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Maďarskom;

- Článok 4 ods. 1 písm. c) dohody medzi Vietnamom a Luxemburskom;

- Článok 5 ods. 1 písm. c) dohody medzi Vietnamom a Holandskom;

- Článok 4 ods. 1 dohody medzi Vietnamom a Poľskom;

- Článok 4 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Portugalskom;

- Článok 4 dohody medzi Vietnamom a Rumunskom;

- Článok 4 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Švédskom;

- Článok 4 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Slovenskou republikou;

- Článok 5 ods. 1 písm. a) dohody medzi Vietnamom a Spojeným kráľovstvom;

(c) Bezpečnosť:

- Článok 6a dohody medzi Vietnamom a Rakúskom;

- Článok 7 dohody medzi Vietnamom a Belgickom;

- Článok 11 dohody medzi Vietnamom a Českou republikou;

- Článok 18 dohody medzi Vietnamom a Fínskom;

- Článok 4 dohody medzi Vietnamom a Francúzskom;

- Článok 9 dohody medzi Vietnamom a Maďarskom;

- Článok 6 dohody medzi Vietnamom a Luxemburskom;

- Článok 14 dohody medzi Vietnamom a Holandskom;

- Článok 9 dohody medzi Vietnamom a Rumunskom;

- Článok 7 dohody medzi Vietnamom a Slovenskou republikou;

- Článok 9a dohody medzi Vietnamom a Spojeným kráľovstvom;

(d) Zlučiteľnosť s pravidlami hospodárskej súťaže

- Článok 13 ods. 1 a 7 dohody medzi Vietnamom a Belgickom;

- Článok 9 ods. 3 až 8 dohody medzi Vietnamom a Bulharskom;

- Článok 7 ods. 2 dohody medzi Vietnamom a Českou republikou;
- Článok 11 ods. 2 dohody medzi Vietnamom a Dánskom;
- Článok 12 ods. 2 až 7 dohody medzi Vietnamom a Francúzskom;
- Článok 6 ods. 1 a ods. 4 až 6 dohody medzi Vietnamom a Maďarskom;
- Článok 11 ods. 2 až 4 dohody medzi Vietnamom a Luxemburskom;
- Článok 6 ods. 2 až 6 dohody medzi Vietnamom a Holandskom;
- Článok 20 ods. 2 a 4 dohody medzi Vietnamom a Poľskom;
- Článok 16 ods. 2 až 6 dohody medzi Vietnamom a Portugalskom;
- Článok 14 ods. 1 až 6 dohody medzi Vietnamom a Rumunskom;
- Článok 12 ods. 3 a ods. 5 až 6 dohody medzi Vietnamom a Slovenskom republikou;
- Článok 11 ods. 2 dohody medzi Vietnamom a Švédskom;
- Článok 7 ods. 3 až 4 dohody medzi Vietnamom a Spojeným kráľovstvom.

PRÍLOHA 3

Zoznam iných štátov uvedených v článku 2 tejto dohody

(a) Islandská republika (podľa Dohody o Európskom hospodárskom priestore);

(b) Lichtenštajnské kniežatstvo (podľa Dohody o Európskom hospodárskom priestore);

(c) Nórske kráľovstvo (podľa Dohody o Európskom hospodárskom priestore);

(d) Švajčiarska konfederácia (podľa Dohody medzi Európskym spoločenstvom a Švajčiarskou konfederáciou o leteckej doprave).

PRILOGA 1

Seznam sporazumov iz člena 1 tega sporazuma

(a) Sporazumi o zračnem prevozu med vlado Socialistične republike Vietnam in državami članicami Evropske unije, ki so na datum podpisa tega sporazuma sklenjeni, podpisani in/ali v začasni uporabi:

- Sporazum o zračnem prevozu med avstrijsko zvezno vlado in vlado Socialistične republike Vietnam, v Hanoju 27. marca 1995, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Avstrijo" v Prilogi 2;

  - kakor je bil nazadnje spremenjen z Memorandumom o soglasju, v Hanoju 5. aprila 2006;

- Sporazum med vlado Kraljevine Belgije in vlado Socialistične republike Vietnam o zračnem prevozu, v Bruslju 21. oktobra 1992, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Belgijo" v Prilogi 2;

- Sporazum med vlado Ljudske republike Bolgarije in vlado Socialistične republike Vietnam o zračnem prevozu med njunima ozemljema in zunaj njunih, v Sofiji 1. oktobra prevozu med njunima ozemljema in zunaj njunih ozemelj1979, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Bolgarijo" v Prilogi 2;

- Sporazum med vlado Češke republike in vlado Socialistične republike Vietnam o zračnem prevozu, v Pragi 23. maja 1997, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Češko" v Prilogi 2;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Kraljevine Danske in vlado Socialistične republike Vietnam, v Hanoju 25. septembra 1997, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Dansko" v Prilogi 2;

  - upošteva se v povezavi z Memorandumom o soglasju med Kraljevino Dansko, Kraljevino Norveško in Kraljevino Švedsko ter Socialistično republiko Vietnam, v Hanoju 25. septembra 1997;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Republike Finske in vlado Socialistične republike Vietnam, podpisan v Hanoju 26. oktobra 2000, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Finsko" v Prilogi 2;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Republike Francije in vlado Socialistične republike Vietnam, v Parizu 14. aprila 1977, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Francijo" v Prilogi 2;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Zvezne republike Nemčije in vlado Socialistične republike Vietnam, v Bonnu 26. avgusta 1994, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Nemčijo" v Prilogi 2;

- Sporazum med vlado Republike Madžarske in vlado Socialistične republike Vietnam o zračnem prevozu, v Hanoju 4. februarja 1998, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Madžarsko" v Prilogi 2;

- Sporazum med vlado Velikega vojvodstva Luksemburg in vlado Socialistične republike Vietnam o zračnem prevozu, v Luksemburgu 26. oktobra 1994, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Luksemburgom" v Prilogi 2;

- Sporazum med Kraljevino Nizozemsko in Socialistično republiko Vietnam o zračnem prevozu med njunima ozemljema in zunaj njunih ozemelj, v Hanoju 1. oktobra 1993, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Nizozemsko" v Prilogi 2;

- Sporazum o civilnem zračnem prevozu med vlado Ljudske republike Poljske in vlado Socialistične republike Vietnam, v Varšavi 11. septembra 1976, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Poljsko" v Prilogi 2;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Portugalske republike in vlado Socialistične republike Vietnam, v Lizboni 3. februarja 1998, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Portugalsko" v Prilogi 2;

- Sporazum med vlado Socialistične republike Romunije in vlado Socialistične republike Vietnam o civilnem zračnem prevozu, v Hanoju 26. junija 1979, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Romunijo" v Prilogi 2;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Kraljevine Švedske in vlado Socialistične republike Vietnam, v Hanoju 25. septembra 1997, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Švedsko" v Prilogi 2;

  - upošteva se v povezavi z Memorandumom o soglasju med Kraljevino Dansko, Kraljevino Norveško in Kraljevino Švedsko ter Socialistično republiko Vietnam, v Hanoju 25. septembra 1997;

- Sporazum o zračnem prevozu med vlado Slovaške republike in vlado Socialistične republike Vietnam, v Hanoju 6. novembra 1997, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Slovaško" v Prilogi 2;

- Sporazum med vlado Združenega kraljestva Velike Britanije in Severne Irske ter vlado Socialistične republike Vietnam o zračnem prevozu, v Londonu 19. avgusta 1994, v nadaljnjem besedilu "Sporazum med Vietnamom in Združenim kraljestvom" v Prilogi 2;

  - Nazadnje spremenjen z izmenjavo diplomatskih not v Hanoju 8. in 26. septembra 2000.

(b) Sporazumi o zračnem prevozu in drugi dogovori, parafirani ali podpisani med vlado Socialistične republike Vietnam in državami članicami Evropske unije, ki na datum podpisa tega sporazuma še niso začeli veljati in niso v začasni uporabi.

PRILOGA 2

Seznam članov v sporazumih iz Priloge 1,
na katere se sklicujejo členi 2 do 4 tega sporazuma

(a) Določitev s strani države članice:

- člen 3, odstavek 5 Sporazuma med Vietnamom in Avstrijo;
- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Bolgarijo
- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Dansko;
- člen 4, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Češko;
- člen 4, odstavek 5 Sporazuma med Vietnamom in Finsko;
- člen 7, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Francijo;
- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Nemčijo;
- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Madžarsko;
- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Luksemburgom;
- člen 4, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Nizozemsko;

- člen 3, odstavek 2 Sporazuma med Vietnamom in Poljsko;

- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Portugalsko;

- člen 3 Sporazuma med Vietnamom in Romunijo;

- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Švedsko;

- člen 3, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Slovaško;

- člen 4, odstavek 4 Sporazuma med Vietnamom in Združenim kraljestvom;

(b) Zavrnitev, preklic, začasni odvzem ali omejitev pooblastil ali dovoljenj:

- člen 4, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Avstrijo;

- člen 5, odstavek (1)(d) Sporazuma med Vietnamom in Belgijo;

- člen 4(a) Sporazuma med Vietnamom in Bolgarijo;

- člen 5, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Češko;

- člen 4, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Dansko;

- člen 5, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Finsko;

- člen 9, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Francijo;

- člen 4, odstavek 1 Sporazuma med Vietnamom in Nemčijo;

- člen 4, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Madžarsko;

- člen 4, odstavek (1)(c) Sporazuma med Vietnamom in Luksemburgom;

- člen 5, odstavek (1)(c) Sporazuma med Vietnamom in Nizozemsko;

- člen 4, odstavek 1 Sporazuma med Vietnamom in Poljsko;

- člen 4, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Portugalsko;

- člen 4 Sporazuma med Vietnamom in Romunijo;

- člen 4, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Švedsko;

- člen 4, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Slovaško;

- člen 5, odstavek (1)(a) Sporazuma med Vietnamom in Združenim kraljestvom;

(c) Varnost:

- člen 6a Sporazuma med Vietnamom in Avstrijo;

- člen 7 Sporazuma med Vietnamom in Belgijo;

- člen 11 Sporazuma med Vietnamom in Češko;
- člen 18 Sporazuma med Vietnamom in Finsko;
- člen 4 Sporazuma med Vietnamom in Francijo;
- člen 9 Sporazuma med Vietnamom in Madžarsko;
- člen 6 Sporazuma med Vietnamom in Luksemburgom;
- člen 14 Sporazuma med Vietnamom in Nizozemsko;
-
- člen 9 Sporazuma med Vietnamom in Romunijo;
- člen 7 Sporazuma med Vietnamom in Slovaško;
- člen 9a Sporazuma med Vietnamom in Združenim kraljestvom;

(d) Skladnost s pravili o konkurenci:

- člen 13, odstavki 1 in 7 Sporazuma med Vietnamom in Belgijo;
- člen 9, odstavki 3 do 8 Sporazuma med Vietnamom in Bolgarijo;

- člen 7, odstavek 2 Sporazuma med Vietnamom in Češko;
- člen 11, odstavek 2 Sporazuma med Vietnamom in Dansko;
- člen 12, odstavki 2 do 7 Sporazuma med Vietnamom in Francijo;
- člen 6, odstavki 1 in 4 do 6 Sporazuma med Vietnamom in Madžarsko;
- člen 11, odstavki 2 do 4 Sporazuma med Vietnamom in Luksemburgom;
- člen 6, odstavki 2 do 6 Sporazuma med Vietnamom in Nizozemsko;
- člen 20, odstavka 2 in 4 Sporazuma med Vietnamom in Poljsko;
- člen 16, odstavka 2 do 6 Sporazuma med Vietnamom in Portugalsko;
- člen 14, odstavki 1 do 6 Sporazuma med Vietnamom in Romunijo;
- člen 12, odstavki 3, 5 in 6 Sporazuma med Vietnamom in Slovaško;
- člen 11, odstavek 2 Sporazuma med Vietnamom in Švedsko;
- člen 7, odstavka 3 in 4, Sporazuma med Vietnamom in Združenim kraljestvom.

PRILOGA 3

Seznam drugih držav iz člena 2 tega sporazuma

(a) Republika Islandija (v skladu s Sporazumom o Evropskem gospodarskem prostoru);

(b) Kneževina Lihtenštajn (v skladu s Sporazumom o Evropskem gospodarskem prostoru);

(c) Kraljevina Norveška (v skladu s Sporazumom o Evropskem gospodarskem prostoru);

(d) Švicarska konfederacija (v skladu s Sporazumom med Evropsko skupnostjo in Švicarsko konfederacijo o zračnem prometu).

LIITE 1

Luettelo tämän sopimuksen 1 artiklassa tarkoitetuista sopimuksista

a) Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen ja Euroopan unionin jäsenvaltioiden väliset lentoliikennesopimukset, jotka on tehty, allekirjoitettu ja/tai joita sovelletaan väliaikaisesti tämän sopimuksen allekirjoituspäivänä

- Itävallan liittohallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 27 päivänä maaliskuuta 1995, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Itävalta-sopimus';

  - sellaisena kuin se on viimeksi muutettuna Hanoissa 5 päivänä huhtikuuta 2006 tehdyllä yhteisymmärryspöytäkirjalla;

- Belgian kuningaskunnan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Brysselissä 21 päivänä lokakuuta 1992, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Belgia-sopimus';

- Bulgarian kansantasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen sopimus kummankin maan alueiden välisestä ja niiden kautta edelleen tapahtuvasta lentoliikenteestä, tehty Sofiassa 1 päivänä lokakuuta 1979, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Bulgaria-sopimus';

- Tšekin tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Prahassa 23 päivänä toukokuuta 1997, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Tšekki-sopimus';

– Tanskan kuningaskunnan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 25 päivänä syyskuuta 1997, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Tanska-sopimus';

  – luetaan yhdessä Tanskan kuningaskunnan, Norjan kuningaskunnan ja Ruotsin kuningaskunnan sekä Vietnamin sosialistisen tasavallan välillä Hanoissa 25 päivänä syyskuuta 1997 tehdyn yhteisymmärryspöytäkirjan kanssa;

– Suomen tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 26 päivänä lokakuuta 2000, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Suomi-sopimus';

– Ranskan tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Pariisissa 14 päivänä huhtikuuta 1977, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Ranska-sopimus';

– Saksan liittotasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Bonnissa 26 päivänä elokuuta 1994, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam-Saksa-sopimus';

– Unkarin tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 4 päivänä helmikuuta 1998, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Unkari-sopimus';

- Luxemburgin suurherttuakunnan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Luxemburgissa 26 päivänä lokakuuta 1994, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam-Luxemburg-sopimus';

- Alankomaiden kuningaskunnan ja Vietnamin sosialistisen tasavallan välinen sopimus kummankin maan alueiden välisestä ja niiden kautta edelleen tapahtuvasta lentoliikenteestä, tehty Hanoissa 1 päivänä lokakuuta 1993, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Alankomaat-sopimus';

- Puolan kansantasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Varsovassa 11 päivänä syyskuuta 1976, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Puola-sopimus';

- Portugalin tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Lissabonissa 3 päivänä helmikuuta 1998, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Portugali-sopimus';

- Romanian sosialistisen tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen siviililentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 26 päivänä heinäkuuta 1979, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Romania-sopimus';

– Ruotsin kuningaskunnan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 25 päivänä syyskuuta 1997, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Ruotsi-sopimus';

  – luetaan yhdessä Tanskan kuningaskunnan, Norjan kuningaskunnan ja Ruotsin kuningaskunnan sekä Vietnamin sosialistisen tasavallan välillä Hanoissa 25 päivänä syyskuuta 1995 tehdyn yhteisymmärryspöytäkirjan kanssa;

– Slovakian tasavallan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Hanoissa 6 päivänä marraskuuta 1997, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Slovakia-sopimus';

– Ison-Britannian ja Pohjois-Irlannin yhdistyneen kuningaskunnan hallituksen ja Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen välinen lentoliikennesopimus, tehty Lontoossa 19 päivänä elokuuta 1994, jäljempänä liitteessä 2 'Vietnam–Yhdistynyt kuningaskunta -sopimus';

  – sellaisena kuin se on viimeksi muutettuna Hanoissa 8 ja 26 päivänä syyskuuta 2000 tehdyllä noottien vaihdolla;

b) Vietnamin sosialistisen tasavallan hallituksen ja Euroopan unionin jäsenvaltioiden välillä parafoidut tai allekirjoitetut lentoliikennesopimukset ja muut järjestelyt, jotka eivät ole vielä tulleet voimaan ja joita ei sovelleta väliaikaisesti tämän sopimuksen allekirjoituspäivänä.

LIITE 2

Luettelo liitteessä 1 lueteltujen sopimusten artikloista,
joihin viitataan tämän sopimuksen 2–4 artiklassa

a) Jäsenvaltion tekemä nimeäminen:

- Vietnam–Itävalta-sopimuksen 3 artiklan 5 kohta;
- Vietnam–Bulgaria-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;
- Vietnam–Tanska-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta:
- Vietnam–Tšekki-sopimuksen 4 artiklan 4 kohta;
- Vietnam–Suomi-sopimuksen 4 artiklan 5 kohta;
- Vietnam–Ranska-sopimuksen 7 artiklan 4 kohta;
- Vietnam–Saksa-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;
- Vietnam–Unkari-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;
- Vietnam–Luxemburg-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;
- Vietnam–Alankomaat-sopimuksen 4 artiklan 4 kohta;

– Vietnam–Puola-sopimuksen 3 artiklan 2 kohta;

– Vietnam–Portugali-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;

– Vietnam–Romania-sopimuksen 3 artikla;

– Vietnam–Ruotsi-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;

– Vietnam–Slovakia-sopimuksen 3 artiklan 4 kohta;

– Vietnam–Yhdistynyt kuningaskunta -sopimuksen 4 artiklan 4 kohta;

b) Liikennöintilupien tai muiden lupien epääminen, peruuttaminen kokonaan tai tilapäisesti tai rajoittaminen:

– Vietnam–Itävalta-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan a alakohta;

– Vietnam–Belgia-sopimuksen 5 artiklan 1 kohdan d alakohta;

– Vietnam–Bulgaria-sopimuksen 4 artiklan a alakohta;

– Vietnam–Tšekki-sopimuksen 5 artiklan 1 kohdan a alakohta;

– Vietnam–Tanska-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan a alakohta;

– Vietnam–Suomi-sopimuksen 5 artiklan 1 kohdan a alakohta;

– Vietnam–Ranska-sopimuksen 9 artiklan 1 kohdan a alakohta;

- Vietnam–Saksa-sopimuksen 4 artiklan 1 kohta;
- Vietnam–Unkari-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan a alakohta;
- Vietnam–Luxemburg-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan c alakohta;
- Vietnam–Alankomaat-sopimuksen 5 artiklan 1 kohdan c alakohta;
- Vietnam–Puola-sopimuksen 4 artiklan 1 kohta;
- Vietnam–Portugali-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan a alakohta;
- Vietnam–Romania-sopimuksen 4 artikla;
- Vietnam–Ruotsi-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan a alakohta;
- Vietnam–Slovakia-sopimuksen 4 artiklan 1 kohdan a alakohta;
- Vietnam–Yhdistynyt kuningaskunta -sopimuksen 5 artiklan 1 kohdan a alakohta;

c) Turvallisuus:

- Vietnam–Itävalta-sopimuksen 6 a artikla;
- Vietnam–Belgia-sopimuksen 7 artikla;

– Vietnam–Tšekki-sopimuksen 11 artikla;

– Vietnam–Suomi-sopimuksen 18 artikla;

– Vietnam–Ranska-sopimuksen 4 artikla;

– Vietnam–Unkari-sopimuksen 9 artikla;

– Vietnam–Luxemburg-sopimuksen 6 artikla;

– Vietnam–Alankomaat-sopimuksen 14 artikla;

– Vietnam–Romania-sopimuksen 9 artikla,

– Vietnam–Slovakia-sopimuksen 7 artikla;

– Vietnam–Yhdistynyt kuningaskunta -sopimuksen 9 a artikla;

d) Yhteensopivuus kilpailusääntöjen kanssa

– Vietnam–Belgia-sopimuksen 13 artiklan 1 ja 7 kohta;

– Vietnam–Bulgaria-sopimuksen 9 artiklan 3–8 kohta;

- Vietnam–Tšekki-sopimuksen 7 artiklan 2 kohta;
- Vietnam–Tanska-sopimuksen 11 artiklan 2 kohta;
- Vietnam–Ranska-sopimuksen 12 artiklan 2–7 kohta;
- Vietnam–Unkari-sopimuksen 6 artiklan 1 ja 4–6 kohta;
- Vietnam–Luxemburg-sopimuksen 11 artiklan 2–4 kohta;
- Vietnam–Alankomaat-sopimuksen 6 artiklan 2–6 kohta;
- Vietnam–Puola-sopimuksen 20 artiklan 2 ja 4 kohta;
- Vietnam–Portugali-sopimuksen 16 artiklan 2–6 kohta;
- Vietnam–Romania-sopimuksen 14 artiklan 1–6 kohta;
- Vietnam–Slovakia-sopimuksen 12 artiklan 3, 5 ja 6 kohta;
- Vietnam–Ruotsi-sopimuksen 11 artiklan 2 kohta;
- Vietnam–Yhdistynyt kuningaskunta-sopimuksen 7 artiklan 3 ja 4 kohta.

LIITE 3

Luettelo tämän sopimuksen 2 artiklassa tarkoitetuista muista valtioista

a) Islannin tasavalta (Euroopan talousalueesta tehdyn sopimuksen nojalla);

b) Liechtensteinin ruhtinaskunta (Euroopan talousalueesta tehdyn sopimuksen nojalla);

c) Norjan kuningaskunta (Euroopan talousalueesta tehdyn sopimuksen nojalla)

d) Sveitsin valaliitto (Euroopan yhteisön ja Sveitsin valaliiton välisen lentoliikennesopimuksen nojalla).

BILAGA 1

Förteckning över avtal som det hänvisas till i artikel 1 i detta avtal

a) Luftfartsavtal mellan Socialistiska republiken Vietnams regering och medlemsstater i Europeiska unionen som har ingåtts, undertecknats eller tillämpas provisoriskt den dag det här avtalet undertecknas:

- Luftfartsavtal mellan Österrikes federala regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Hanoi den 27 mars 1995, nedan kallat *Vietnam–Österrikeavtalet* i bilaga 2.

  - Senast ändrat genom det samförståndsprotokoll som upprättades i Hanoi den 5 april 2006.

- Avtal mellan Konungariket Belgiens regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om luftfart, upprättat i Bryssel den 21 oktober 1992, nedan kallat *Vietnam–Belgienavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Republiken Bulgariens regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om luftfart mellan och utanför deras respektive territorier, upprättat i Sofia den 1 oktober 1979, nedan kallat *Vietnam–Bulgarienavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Republiken Tjeckiens regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om luftfart, upprättat i Prag den 23 maj 1997, nedan kallat *Vietnam–Tjeckienavtalet* i bilaga 2.

- Luftfartsavtal mellan Konungariket Danmarks regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Hanoi den 25 september 1997, nedan kallat *Vietnam–Danmarkavtalet* i bilaga 2.

  - Jämfört med det samförståndsavtal mellan Konungariket Danmark, Konungariket Norge och Konungariket Sverige och Socialistiska republiken Vietnam som upprättades i Hanoi den 25 september 1997.

- Luftfartsavtal mellan Republiken Finlands regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, undertecknat i Hanoi den 26 oktober 2000, nedan kallat *Vietnam–Finlandavtalet* i bilaga 2.

- Luftfartsavtal mellan Republiken Frankrikes regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Paris den 14 april 1977, nedan kallat *Vietnam–Frankrikeavtalet* i bilaga 2.

- Luftfartsavtal mellan Förbundsrepubliken Tysklands regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Bonn den 26 augusti 1994, nedan kallat *Vietnam-Tysklandavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Republiken Ungerns regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om luftfart, upprättat i Hanoi den 4 februari 1998, nedan kallat *Vietnam–Ungernavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Storhertigdömet Luxemburgs regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om luftfart, upprättat i Luxemburg den 26 oktober 1994, nedan kallat *Vietnam–Luxemburgavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Konungariket Nederländerna och Socialistiska republiken Vietnam om luftfart mellan och utanför deras respektive territorier, upprättat i Hanoi den 1 oktober 1993, nedan kallat *Vietnam–Nederländernaavtalet* i bilaga 2.

- Luftfartsavtal mellan Folkrepubliken Polens regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Warszawa den 11 september 1976, nedan kallat *Vietnam–Polenavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Republiken Portugals regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om civil luftfart, upprättat i Lissabon den 3 februari 1998, nedan kallat *Vietnam–Portugalavtalet* i bilaga 2.

- Avtal mellan Socialistiska republiken Rumäniens regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om civil lufttransport, upprättat i Hanoi den 26 juni 1979, nedan kallat *Vietnam–Rumänienavtalet* i bilaga 2.

– Luftfartsavtal mellan Konungariket Sveriges regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Hanoi den 25 september 1997, nedan kallat *Vietnam–Sverigeavtalet* i bilaga 2.

– Jämfört med det samförståndsavtal mellan Konungariket Danmark, Konungariket Norge och Konungariket Sverige och Socialistiska republiken Vietnam som upprättades i Hanoi den 25 september 1997.

– Luftfartsavtal mellan Republiken Slovakiens regering och Socialistiska republiken Vietnams regering, upprättat i Hanoi den 6 november 1997, nedan kallat *Vietnam–Slovakienavtalet* i bilaga 2.

– Avtal mellan Förenade konungariket Storbritannien och Nordirlands regering och Socialistiska republiken Vietnams regering om luftfart, upprättat i London den 19 augusti 1994, nedan kallat *Vietnam–Förenade kungariketavtalet* i bilaga 2.

– Senast ändrat genom notväxling i Hanoi den 8 och 26 september 2000.

b) Luftfartsavtal och andra överenskommelser som har paraferats eller undertecknats mellan Socialistiska republiken Vietnams regering och medlemsstater i Europeiska unionen och som den dag det här avtalet undertecknas ännu inte har trätt i kraft eller ännu inte tillämpas provisoriskt:

BILAGA 2

Förteckning över artiklar i de avtal som förtecknas i bilaga 1
och som det hänvisas till i artiklarna 2–4 i detta avtal

a) Lufttrafikföretag utsedda av en medlemsstat:

- Artikel 3.5 i Vietnam–Österrikeavtalet.
- Artikel 3.4 i Vietnam–Bulgarienavtalet
- Artikel 3.4 i Vietnam–Danmarkavtalet.
- Artikel 4.4 i Vietnam–Tjeckienavtalet.
- Artikel 4.5 i Vietnam–Finlandavtalet.
- Artikel 7.4 i Vietnam–Frankrikeavtalet.
- Artikel 3.4 i Vietnam–Tysklandavtalet.
- Artikel 3.4 i Vietnam–Ungernavtalet.
- Artikel 3.4 i Vietnam–Luxemburgavtalet.
- Artikel 4.4 i Vietnam–Nederländernaavtalet.

- Artikel 3.2 i Vietnam–Polenavtalet
- Artikel 3.4 i Vietnam–Portugalavtalet.
- Artikel 3 i Vietnam–Rumänienavtalet.
- Artikel 3.4 i Vietnam–Sverigeavtalet.
- Artikel 3.4 i Vietnam–Slovakienavtalet.
- Artikel 4.4 i Vietnam– Förenade kungariketavtalet.

b) Vägran, återkallande, tillfälligt upphävande eller begränsning av godkännanden eller tillstånd:

- Artikel 4.1 a i Vietnam–Österrikeavtalet.
- Artikel 5.1 d i Vietnam–Belgienavtalet.
- Artikel 4 a i Vietnam–Bulgarienavtalet
- Artikel 5.1 a i Vietnam–Tjeckienavtalet.
- Artikel 4.1 a i Vietnam–Danmarkavtalet.
- Artikel 5.1 a i Vietnam–Finlandavtalet.
- Artikel 9.1 a i Vietnam–Frankrikeavtalet.

- Artikel 4.1 i Vietnam–Tysklandavtalet.

- Artikel 4.1 a i Vietnam–Ungernavtalet.

- Artikel 4.1 c i Vietnam–Luxemburgavtalet.

- Artikel 5.1 c i Vietnam–Nederländernaavtalet.

- Artikel 4.1 i Vietnam–Polenavtalet

- Artikel 4.1 a i Vietnam–Portugalavtalet.

- Artikel 4 i Vietnam–Rumänienavtalet.

- Artikel 4.1 a i Vietnam–Sverigeavtalet.

- Artikel 4.1 a i Vietnam–Slovakienavtalet.

- Artikel 5.1 a i Vietnam– Förenade kungarikctavtalet.

c) Flygsäkerhet:

- Artikel 6a i Vietnam–Österrikeavtalet.

- Artikel 7 i Vietnam–Belgienavtalet.

- Artikel 11 i Vietnam–Tjeckienavtalet.

- Artikel 18 i Vietnam–Finlandavtalet.

- Artikel 4 i Vietnam–Frankrikeavtalet.

- Artikel 9 i Vietnam–Ungernavtalet.

- Artikel 6 i Vietnam–Luxemburgavtalet.

- Artikel 14 i Vietnam–Nederländernaavtalet.

- Artikel 9 i Vietnam–Rumänienavtalet.

- Artikel 7 i Vietnam–Slovakienavtalet.

- Artikel 9a i Vietnam– Förenade kungariketavtalet.

d) Förenlighet med konkurrensreglerna

- Artikel 13.1 och 13.7 av Vietnam–Belgienavtalet

- Artikel 9.3–9.8 av Vietnam–Bulgarienavtalet

- Artikel 7.2 av Vietnam–Tjeckienavtalet
- Artikel 11.2 av Vietnam–Danmarkavtalet
- Artikel 12.2–12.7 av Vietnam–Frankrikeavtalet
- Artikel 6.1 och 6.4–6.6 av Vietnam–Ungernavtalet
- Artikel 11.2–11.4 av Vietnam–Luxemburgavtalet
- Artikel 6.2–6.6 i Vietnam–Nederländernaavtalet
- Artikel 20.2 och 20.4 i Vietnam–Polenavtalet.
- Artikel 16.2–16.6 i Vietnam–Portugalavtalet.
- Artikel 14.1–14.6 i Vietnam–Rumänienavtalet.
- Artikel 12.3, 12.5 och 12.6 i Vietnam–Slovakienavtalet.
- Artikel 11.2 i Vietnam–Sverigeavtalet.
- Artikel 7.3 och 7.4 i Vietnam– Förenade kungariketavtalet.

BILAGA 3

Förteckning över andra stater som det hänvisas till i artikel 2 i detta avtal

a) Republiken Island (enligt avtalet om Europeiska ekonomiska samarbetsområdet).

b) Furstendömet Liechtenstein (enligt avtalet om Europeiska ekonomiska samarbetsområdet).

c) Konungariket Norge (enligt avtalet om Europeiska ekonomiska samarbetsområdet).

d) Schweiziska edsförbundet (enligt luftfartsavtalet mellan Europeiska gemenskapen och Schweiziska edsförbundet).

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 40/2011/SY-LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2011

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Phòng Công báo, VPCP (để đăng Công báo);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Bỉ;
- Vụ Châu Âu, BNG;
- Lưu: LPQT (2).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

BỘ NGOẠI GIAO

Lê Thị Tuyết Mai